ISSN 1859 – 1000

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

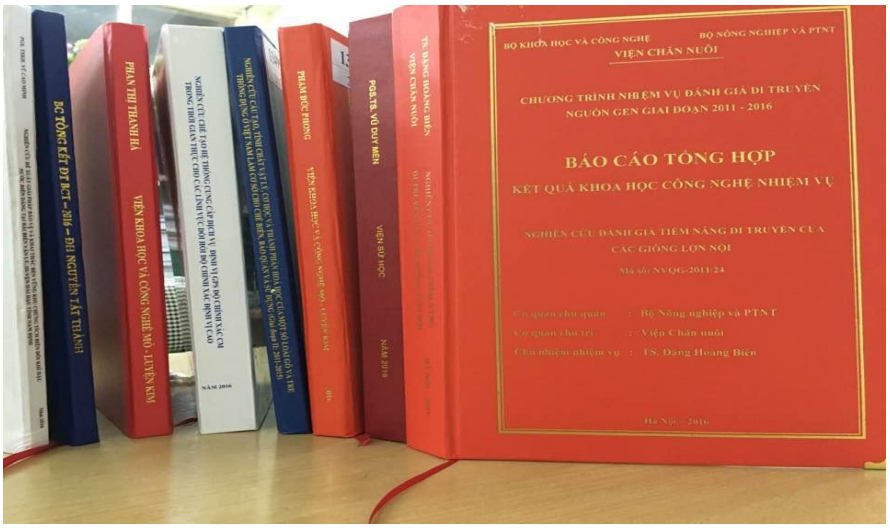

SỐ 01

2022

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
National Agency for Science and Technology Information

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Định kỳ 1số/tháng)

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban:	THS. VŨ ANH TUẤN
Phó Trưởng ban:	ThS. Võ Thị Thu Hà ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh
Uỷ viên thư ký:	ThS. Nguyễn Thị Thưa CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu CN. Nguyễn Thu Hà

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu	ii
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	8
Phụ lục: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	132

LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ".***

Xuất bản phẩm ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ"***được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: **http://sti.vista.gov.vn**. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 1 số/tháng nhằm thông báo kịp thờithông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 39349116- Fax: (024) 39349127- E-mail: *quanly@vista.gov.vn*

Website: http://www.vista.gov.vn/

GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

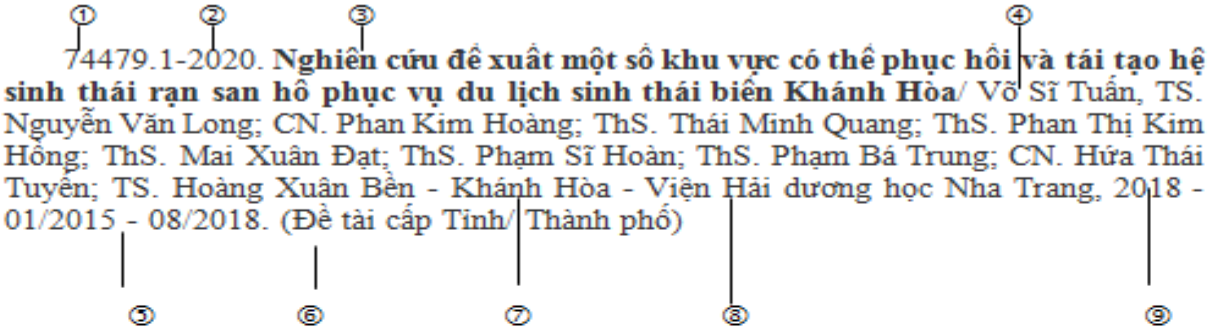

①	Mã tra cứu
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU

1. Khoa học tự nhiên 8

10102. Toán học ứng dụng 12

10199. Toán học và thống kê khác 13

10201. Khoa học máy tính 13

10299. Khoa học máy tính và khoa học thông tin khác. 13

10302. Vật lý các chất cô đặc 16

10403. Hoá lý 16

10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân) 17

10508. Trắc địa học và bản đồ học 17

10509. Các khoa học môi trường 19

10511. Khí hậu học 19

10602. Tế bào học, mô - phôi học 20

10605. Hoá sinh; phương pháp nghiên cứu hoá sinh 21

10616. Công nghệ sinh học 22

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ 22

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải 28

20105. Kỹ thuật thuỷ lợi 29

20201. Kỹ thuật điện và điện tử 31

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),.. 31

20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông 34

20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng 35

20399. Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy khác 35

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm) 36

20406. Kỹ thuật hoá dầu 37

20499. Kỹ thuật hóa học khác 38

20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen 40

20510. Gốm 40

20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...) 40

20513. Gỗ, giấy, bột giấy 41

20604. Kỹ thuận chẩn đoán bệnh 41

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật 42

20703. Kỹ thuật năng lượng và nhiên liệu không phải dầu khí 43

20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất 44

20799. Kỹ thuật môi trường khác 45

20899. Công nghệ sinh học môi trường khác 46

20999. Công nghệ sinh học công nghiệp khác 46

21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất) 46

21101. Kỹ thuật thực phẩm 47

21102. Kỹ thuật đồ uống 48

299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác 48

3. Khoa học y, dược 49

30206. Huyết học và truyền máu 51

30314. Lạm dụng thuốc; Nghiện và cai nghiện. 52

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc 52

30499. Dược học khác 53

30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế 54

399. Khoa học y, dược khác 55

4. Khoa học nông nghiệp 56

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm 66
40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả 71
40105. Cây công nghiệp và cây thuốc 75
40106. Bảo vệ thực vật 76
40107. Bảo quản và chế biến nông sản 77
40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác 77
40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi 79
40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi 81
40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi 81
40206. Sinh trưởng và phát triển của động vật nuôi 82
40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác 82
40404. Sinh thái và môi trường rừng 83
40504. Nuôi trồng thuỷ sản 84
40505. Hệ sinh thái và đánh giá nguồn lợi thuỷ sản 87
40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi; 88
499. Khoa học nông nghiệp khác 89
5. Khoa học xã hội 89
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh 97
50202. Kinh doanh và quản lý 99
50299. Kinh tế học và kinh doanh khác 102
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.. 103
50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác 106
50401. Xã hội học nói chung 106
50404. Dân tộc học 108

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội 108

50501. Luật học 111

50601. Khoa học chính trị 111

50602. Hành chính công và quản lý hành chính 114

50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị 115

50699. Khoa học chính trị khác 117

50702. Địa lý kinh tế và văn hoá 117

50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị 118

50803. Khoa học thư viện 119

50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội 119

6. Khoa học nhân văn 120

60101. Lịch sử Việt Nam 121

60201. Nghiên cứu chung về ngôn ngữ 121

60202. Nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam 122

60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam 122

60305. Nghiên cứu tôn giáo 123

699. Khoa học nhân văn khác 123

THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

1. Khoa học tự nhiên

75390.01-2022 **Lịch sử Ngành Kiểm tra Đảng của Đảng bộ tỉnh Tây Ninh (1970 - 2018)**/ Võ Văn Sớm, Phan Huỳnh Quốc Vinh, Võ Thị Lệ Hằng, Nguyễn Thị Dung, Trương Văn Dễ, Nguyễn Thái Bình, Trần Thanh Phong - Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Tây Ninh, 2018 - 04/2017 - 08/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu về lịch sử Ngành Kiểm tra Đảng nói chung và lịch sử Ngành Kiểm tra Đảng của đảng bộ các địa phương nói riêng. Ở Trung ương, đã có công trình nghiên cứu 65 năm truyền thống Ngành Kiểm tra Đảng (1948 - 2013): Nghiên cứu về một số hoạt động công tác kiểm tra trước khi thành lập Ban Kiểm tra Trung ương - cơ quan kiểm tra chuyên trách của Đảng và 65 năm tổ chức và hoạt động của ngành Kiểm tra Đảng từ khi thành lập đến năm 2013. Ở các đảng bộ địa phương đã có các công trình nghiên cứu như: Lịch sử Ngành kiểm tra của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (năm 2008), 55 truyền thống ngành Kiểm tra Đảng bộ tỉnh Hà Giang (năm 2005), Lịch sử truyền thống ngành Kiểm tra của UBKT tỉnh Kiên Giang (năm 2012), Lịch sử công tác Kiểm tra của Đảng bộ tỉnh Hà Tây (năm 2005). Các công trình nghiên cứu trên đã khái quát quá trình hình thành và phát triển của ngành Kiểm tra Đảng của các địa phương qua các thời kỳ cách mạng.

Số hồ sơ lưu: K07

79805.01-2022 **Rượu Tân Lộc ngâm với các cây dược liệu có sẵn tại tỉnh Cà Mau**/ ThS.Nguyễn Thị Nhuần, ThS.Nguyễn Thị Nhuần; Ks. Trần Thị Hải Lâm; Ks. Phạm Thanh Phong; Ks. Trần Hoàng Em. - Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Cà Mau, 2020 - 11/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sản xuất rượu Tân Lộc ngâm với rễ Đinh lăng và trái Nhàu có sẵn tại tỉnh Cà Mau nhằm đa dạng hóa sản phẩm, tạo thêm sản phẩm đặc sản địa phương, phát triển thương hiệu rượu Tân Lộc, nâng cao vị thế, uy tín của sản phẩm rượu Tân Lộc trên thị trường và cung cấp cho thị trường những loại rượu đảm bảo chất lượng, hạn chế tối đa ngộ độc cho người sử dụng.

Số hồ sơ lưu: CMU-2021-001

79806.01-2022 **Nuôi tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei) thâm canh theo công nghệ Semi - biofloc tại xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau.**/ Ks. Mai Thái Trạng, Ks. Mai Thái Trạng; Ks. Trần Thanh Dương; Ks. Đàm Vũ Linh; Ks. Tô Thanh Phong - Hợp tác xã nuôi tôm công nghiệp Tắc Vân, 2020 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng cho đơn vị kinh tế tập thể *(Hợp tác xã nuôi tôm công nghiệp Tắc Vân)* có được quy trình nuôi hiệu quả và đạt năng suất cao

để bà con xã viên an tâm sản xuất, phát triển kinh tế, đồng thời nhân rộng mô hình trên địa bàn thành phố, góp phần phát triển mô hình kinh tế tập thể và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của địa phương. Ứng dụng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh theo quy trình công nghệ Semi-biofloc nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường, hạn chế dịch bệnh, giảm chi phí sản xuất nhằm đạt mục tiêu phát triển nghề nuôi tôm theo hướng nâng cao năng suất , chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường , an toàn sinh học. Hoàn thiện tài liệu kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei) thâm canh theo công nghệ Semi - biofloc tại xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau để phổ biến và nhân rộng.

Số hồ sơ lưu: CMU-2021-002

80029.01-2022 **Nuôi sò huyết (Anadara granosa) kết hợp tôm sú trong vuông nuôi quảng canh tại xã Đất Mới, Hiệp Tùng và Hàng vịnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.**/ Ks. Trương Quốc Duẩn, Ks. Trương Quốc Duẩn; Ks. Võ Cẩm Nhi; Ks. Trương Minh Quân; Ks. Lưu Anh Pháp; Ks. Mai Thanh Phong; Ks. Lê Văn Tính - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Năm Căn, 2020 - 10/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng Dự án nuôi sò huyết kết hợp tôm sú trong vuông nuôi quảng canh nhằm phát triển sản xuất tạo thêm thu nhập, phát triển kinh tế của hộ gia đình. Góp phần đa dạng hóa các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế, sử dụng đất có hiệu quả và nâng cao thu nhập cho người dân nói riêng và địa phương nói chung. Dự án thực hiện nhằm tạo điều kiện cho người dân học tập kinh nghiệm trong sản xuất nuôi trồng thủy sản, giúp bà con có điều kiện để tiếp cận các ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật mới vào sản xuất. Đồng thời tận dụng có hiệu quả tài nguyên đất đai, để nuôi ghép nhiều đối tượng đồng thời đây cũng là đối tượng nuôi góp phần bảo vệ môi trường một cách có hiệu quả nhất.

Số hồ sơ lưu: CMU-2021-003

80030.01-2022 **Nuôi tôm sú (Penaeus monodon) quảng canh cải tiến 3 giai đoạn trên vùng đất lúa - tôm tại xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.**/ ThS. Nguyễn An Khánh, ThS. Nguyễn An Khánh; ThS. Nguyễn Kiều Diễm; ThS. Phạm Thanh Tùng; Ks. Lê Nhứt Lĩnh; Ks. Lê Hồng Thoại - Trung tâm Khuyến nông tỉnh Cà Mau, 2020 - 06/2019 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nâng cao hiệu quả sản xuất tôm trên vùng đất lúa tôm, phát triển nuôi tôm bền vững ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm thiểu tác động dịch bệnh, nâng cao giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích. Hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất theo hướng kinh tế tập thể, liên kết cộng đồng.

Số hồ sơ lưu: CMU-2021-004

80033.01-2022 **Xây dựng mô hình nuôi tôm sú (Penaeus monodon) quảng canh cải tiến hai giai đoạn kết hợp cá đối mục (Mugil cephalus) tại xã Hiệp Tùng và Hàng Vịnh huyện Năm Căn,**

tỉnh Cà Mau./ ThS. Nguyễn Nghi Lễ, ThS. Nguyễn Nghi Lễ; Ks. Trần Bích Tú; Ks. Nguyễn Đức Trung; Ks. Lê Văn Tính - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Năm Căn, 2020 - 10/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình nuôi tôm sú quảng canh cải tiến hai giai đoạn kết hợp cá đối mục nhằm hoàn thiện tài liệu thuật nuôi phù hợp theo điều kiện sản xuất thực tế của địa phương, để phổ biến và nhân rộng, góp phần đa dạng hóa các đối tượng và hình thức nuôi thủy sản, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, nâng cao thu nhập, ổn định kinh tế cho người dân.

Số hồ sơ lưu: CMU-2021-007

80242.01-2022 **Ứng dụng khoa học và công nghệ trong nuôi trồng thủy sản góp phần phát triển kinh tế, xã hội tại xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.**/ ThS. Tiêu Hoàng Pho, ThS. Tiêu Hoàng Pho; ThS. Đoàn Hữu Nghị; ThS. Trần Hoàng Vũ; Ks. Ngô Minh Kỉnh; Ks. Nguyễn Quốc Thới; Ks. Trần Văn Sang; Cn. Hồ Hới - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ Cà Mau, 2020 - 07/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mô hình nuôi Tôm sú quảng canh cải tiến ít thay nước sử dụng chế phẩm sinh học đạt năng suất tôm nuôi bình quân là 384,81 ± 40,58 kg/ha/vụ, lợi nhuận trung bình mỗi hộ tham gia dự án là 59.005.923 đồng/ha/vụ. Mô hình nuôi tôm sú QCCT kết hợp nuôi cua biển năng suất tôm nuôi bình quân đạt 207,58 ± 13,85 kg/ha/vụ; năng suất cua biển đạt 155,31 ± 17,55 kg/ha/vụ, lợi nhuận bình quân khoảng 52,4 triệu/ha/vụ. Mô hình nuôi cua biển bán thâm canh 02 giai đoạn năng suất bình quân cua nuôi đạt 1.160 ± 156,67 kg/ha/vụ, lợi nhuận bình quân của hộ nuôi là 150.667.000 đồng/ha/vụ. Kết quả thực hiện dự án góp phần tăng thu nhập cho các hộ dân, định hướng cho người dân nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm trên cùng diện tích đất sản xuất, qua đó tạo thêm việc làm, giữ và thu hút nguồn lao động của địa phương ở lại quê nhà làm ăn sinh sống, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cộng đồng dân cư trong công cuộc xây dựng nông thôn mới ở cơ sở.

Số hồ sơ lưu: CMU-2021-008

80254.01-2022 **Nghiên cứu đặc điểm của các loài bướm ở tỉnh Thừa Thiên Huế và xây dựng quy trình nhân nuôi**/ PGS.TS. Vũ Văn Liên, ThS. Lê Quỳnh Trang; TS. Nguyễn Quốc Bình; TS. Phạm Hồng Thái; TS. Đỗ Văn Trường; ThS. Hoàng Anh Tuấn; KS. Lê Phương Thảo; KTS. Mai Nguyên Thành; ThS. Lê Nguyễn Thới Trung; ThS. Trần Thị Miến; ThS. Võ Đình Ba; KS. Tạ Thị Hà Thủy; ThS. Vũ Thị Soi Ngần; CN. Phan Thị Kim Chung; CN. Trần Thị Thúy Nhuần; CN. Nguyễn Văn Miên; CN. Ngô Thị Nghĩa Minh; TS. Phan Quốc Toản; ThS. Tống Phước Bình; KS. Tô Vũ Hoàng; CN. Hồ Thị Cẩm Giàng; CN. Nguyễn Thị Khánh Quỳnh; ThS. Bùi Đình Đức - Thừa Thiên Huế - Bảo tàng Thiên nhiên

Việt Nam, 2019 - 08/2017 - 01/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định được thành phần loài, đặc điểm sinh học và sinh thái của một số loài bướm ở Thừa Thiên Huế. Xây dựng được quy trình nhân nuôi một số loài bướm có giá trị. Mô tả một số dẫn liệu sinh học, sinh thái của 19 loài bướm được nhân nuôi ở Thừa Thiên Huế, trong đó dẫn liệu đầy đủ của 10 loài thuộc 3 họ là Bướm Phượng Papilionidae, Bướm Cải Pieridae và bướm Giáp Nymphalidae. Ghi nhận được 42 loài cây có thể làm thức ăn để nhân nuôi 21 loài bướm ở Thừa Thiên Huế, trong đó cây hoang dại có 26 loài chiếm 63,41%, số cây làm cảnh có 7 loài cũng là loài phổ biến. Nhân nuôi hoàn chỉnh (từ trứng đến pha trưởng thành) của 10 loài bướm và xây dựng quy trình nhân nuôi các loài bướm ở Thừa Thiên Huế.

Số hồ sơ lưu: 157

80417.01-2022 **Ứng dụng mạng xã hội trong việc hỗ trợ, nâng cao hiệu quả giảng dạy tại các trường THPT tỉnh Tây Ninh**/ Bành Thu Thảo, 1. Thạc sĩ Bành Thu Thảo 2. Thạc sĩ Nguyễn Hữu Quốc 3. Thạc sĩ Nguyễn Quốc Toàn 4. Thạc sĩ Kiều Anh Tuấn - Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha tỉnh Tây Ninh, 2020 - 03/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng sử dụng mạng xã hội của giáo viên, học sinh tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy tại các trường THPT bằng cách khai thác các tiện ích của mạng xã hội như là một công cụ hỗ trợ. Tiếp cận về mặt lý thuyết, nghiên cứu những vấn đề lý luận liên quan đến đề tài, từ đó xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài. Tiếp cận từ thực tiễn nghiên cứu thực trạng sử dụng MXH của học sinh trong trường học, từ các công trình nghiên cứu liên quan, từ việc thu thập ý kiến, nguyện vọng, đề xuất của giáo viên, phụ huynh về ảnh hưởng của MXH đối với công tác giáo dục và giảng dạy học sinh trong trường học.

Số hồ sơ lưu: K21

80542.01-2022 **Xây dựng mô hình nuôi cua biển (Scylla paramamosain) quảng canh cải tiến hai giai đoạn tại xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.**/ Ks. Lê Hoàng Hợp, Ks. Lê Hoàng Hợp; Ks. Nguyễn Quốc Thới; Ks. Nguyễn Văn Lưu; Ks. Nguyễn Văn Phúc; Ks. Nguyễn Duy Thanh - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Thới Bình, 2020 - 04/2019 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình nuôi cua biển quảng canh cải tiến hai giai đoạn nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và chất lượng sản phẩm để góp phần phát triển ngành hàng cua của tỉnh. Góp phần đa dạng hóa các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế, sử dụng đất có hiệu quả và nâng cao thu nhập cho người dân. Tạo thêm sự đa đạng các hình thức nuôi để giúp cho bà con nông dân có điều kiện tiếp cận và ứng dụng những tiến bộ khoa học

kỹ thuật mới vào sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao.

Số hồ sơ lưu: CMU-2021-009

80645.01-2022 **Giải pháp phát triển hợp tác xã kiểu mới hoạt động có hiệu quả và bền vững gắn với nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới tỉnh Cà Mau giai đoạn 2020 - 2025.**/ Ts. Nguyễn Phương Bắc, Ts. Nguyễn Phương Bắc; ThS. Phạm Kim Hưng; ThS. Lê Hoàng Giang; ThS. Nguyễn Việt Sỹ; ThS. Lê Minh Chiếc; ThS. Đoàn Vũ Trình; ThS. Hữu Kim Ly; ThS. Quách Bé Xiếu; ThS. Nguyễn Văn Bé; Cn. Đỗ Văn Sơ - Sở Nội vụ tỉnh Cà Mau, 2021 - 12/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát, đánh giá phương thức và kết quả hoạt động của các HTX kể cả kiểu cũ và kiểu mới trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2013-2018. Đề xuất giải pháp hỗ trợ việc thành lập, chuyển đổi sang mô hình mới và hỗ trợ hoạt động của các HTX ở các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới và các xã đang trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Đề xuất mô hình mẫu của hợp tác kiểu mới phù hợp với sự phát triển KT-XH của tỉnh Cà Mau.

Số hồ sơ lưu: CMU-2021-010

10102. Toán học ứng dụng

79832.01-2022 **Ổn định và điều khiển các hệ động lực hai pha**/ PGS.TS. Lê Văn Hiện, TS. Nguyễn Trung Dũng; TS. Chu Trọng Kính - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích tính ổn định và thiết kế điều khiển dựa trên tín hiệu quan sát đối với các hệ 2D tuyến tính với nhiễu ngẫu nhiên dạng nhân tính. Nghiên cứu bài toán điều khiển L1 đối với lớp hệ dương 2D tuyến tính có trễ và tính giải được theo nghĩa tồn tại điều khiển phản hồi ổn định hóa với hiệu suất mức L1. Đồng thời nghiên cứu tính ổn định thông qua nguyên lý bất biến kiểu LaSalle và ứng dụng trong điều khiển đảm bảo giá trị tối ưu đối với hệ 2D ngẫu nhiên phi tuyến và tìm hiểu tính ổn định và ổn định hóa một số lớp hệ 2D với thời gian liên tục bậc nguyên và bậc phân số.

Số hồ sơ lưu: 18829

80152.01-2022 **Về chỉ số Nevalinna cho đường cong chỉnh hình và một số ứng dụng**/ PGS.TSKH. Tạ Thị Hoài An, PGS.TS. Hà Trần Phương; TS. Nguyễn Văn Thìn; TS. Ngô Quốc Hoàn; ThS. Nguyễn Việt Phương; TS. Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Hà Nội - Viện Toán học, 2020 - 03/2020 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cúu các vấn đề thời sự của lý thuyêt Nevalinna, chẳng hạn như nghiên cúu các dạng của Định lý cơ bản thứ hai Nevanlinna-Cartan cho các đuong cong chỉnh hình cắt các siêu mặt, có tính đêdn yêu tố chặn cua các không điểm. Từ đó xây dựng các định lý xác định duy nhất cho các đường cong chỉnh hình thông qua ành ngược của các siêu mặt. Giải quyết một số bài toán và phương trình vi phân dạng đa thức có nghiệm là các hàm phân hình,

chỉnh hình trên trường các số phức cũng như trên trường hàm.

Số hồ sơ lưu: 18967

10199. Toán học và thống kê khác

80159.01-2022 **Phát triển các phương pháp hiệu quả khai thác và dự đoán dữ liệu có cấu trúc**/ TS. Nguyễn Việt Anh, ThS. Trần Huy Dương; PGS.TS. Nguyễn Long Giang; GS.TS. Vũ Đức Thi; TS. Bùi Quang Hưng; ThS. Nguyễn Thị Lê Thu; TS. Nguyễn Huy Đức - Hà Nội - Viện Công nghệ Thông tin, 2019 - 03/2014 - 03/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tập trung vào một số phương pháp khai thác và phân tích dữ liệu có cấu trúc, bao gồm dữ liệu dạng cây, dữ liệu đồ thị, dữ liệu dạng bảng quyết định, dữ liệu chuỗi thời gian và dữ liệu tuần hoàn theo thời gian. Nghiên cứu phát triển các phương pháp hiệu quả khai thác và phân tích các dữ liệu có cấu trúc, trên cơ sở đó định hướng xây dựng các ứng dụng dựa theo nhu cầu và tình hình thực tế ở Việt Nam. Góp phần nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học cũng như khả năng nắm bắt công nghệ mới cho cán bộ nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 18963

10201. Khoa học máy tính

79817.01-2022 **Kỹ thuật giấu tin và ứng dụng trong bảo vệ an toàn cho dữ liệu số**/ PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn, TS. Nguyễn Thiện Nghĩa; TS. Võ Phước Hưng; ThS. Huỳnh Văn Thanh; ThS. Trần Song Toàn - Trà Vinh - Trường Đại học Trà Vinh, 2020 - 04/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định điểm đặc trưng của dữ liệu số (ảnh xám, ảnh stereo, video) trên miền không gian và miền tần số. Từ đó phân tích, đánh giá ưu nhược điểm của các đặc trưng, các nội dung lý thuyết này rất quan trọng trong việc định hướng cho giải pháp giấu tin trên các loại dữ liệu số khác nhau. Nghiên cứu các giải pháp giấu tin trên ảnh mức xám và ảnh stereo, đồng thời, tiến hành xây dựng thuật toán giấu tin trên video theo chuẩn H264 AVC. Tiếp theo, nghiên cứu các giải pháp biến đổi giữa các miền của dữ liệu số, cách thức lưu trữ của dữ liệu số. Dựa vào thông tin phân tích đề xuất giải pháp xác nhận dữ liệu số trên miền thích hợp.

Số hồ sơ lưu: 18821

10299. Khoa học máy tính và khoa học thông tin khác.

79788.01-2022 **Sóng mặt trong các môi trường không nén được**/ TS. Nguyễn Thị Khánh Linh , TS. Bùi Thanh Tú ; TS. Trịnh Thị Thanh Huệ; ThS. Lương Thế Thắng - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu dùng phương pháp véc tơ phân cực và phương pháp giới hạn không nén được , phương pháp điều kiện biên hiệu dụng , Từ đó tìm các phương trình tán sắc dạng hiệu của sóng mặt trong các môi trường không nén được . Trong nhiều phương pháp đánh giá thì phương pháp sóng mặt được sử dụng hiệu quả nhất vì nó không gây phá hủy

vật liệu, cho ta kết quả nhanh và ít tốn kém . Công cụ quan trọng của phương pháp sóng mặt là phương trình tán sắc dạng hiện vì phương trình tán sắc dạng hiện là cơ sở để lý thuyết để từ đó rút ra các tính chất cơ học của vật liệu từ các số liệu thực nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 18810

79799.01-2022 **Thiết kế và đánh giá kỹ thuật đa truy cập phi trực giao (NOMA) cho mạng 5G/** TS. Hà Đắc Bình, TS. Dương Quang Trung; TS. Võ Nguyên Sơn; TS. Nguyễn Quang Sang; TS. Lê Ngọc Phúc; ThS. Trần Đức Dũng - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2021 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề xuất các mô hình mạng chuyển tiếp NOMA, mạng vô tuyến nhận thức NOMA và thiết kế các giao thức truyền thông cho các mô hình mạng này. Phân tích và đánh giá hiệu năng của các hệ thống NOMA thông qua các biểu thức toán học dạng tường minh hoặc dạng xấp xỉ. Hình thành các bài toán tối ưu hiệu năng trong các hệ thống NOMA, đề xuất các phương pháp giải, từ đó đề xuất các giao thức tối ưu cho hệ thống. Thiết kế các giao thức liên lạc ở lớp vật lý có hiệu năng tốt hơn về năng lực cũng như khả năng bảo mật của hệ thống NOMA dựa trên việc giải các bài toán tối ưu về bảo mật.

Số hồ sơ lưu: 18811

80562.01-2022 **Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao năng lực quản lý và phát huy giá trị các hiện vật tại Bảo tàng tỉnh Nam Định**/ Nguyễn Văn Thư, - Nam Định - Bảo tàng Nam Định, 2019 - 03/2018 - 11/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng và cài đặt phần mềm quản lý và phát huy giá trị hiện vật áp dụng công nghệ mới 3D. Xây dựng trang thông tin điện tử của Bảo tàng tỉnh Nam Định. Đào tạo biên soạn và quản lý dữ liệu 3D trên môi trường mạng. Đào tạo hướng dẫn sử dụng phần mềm cho cán bộ trực tiếp quản lý các hiện vật tại bảo tàng tỉnh. Tạo bộ dữ liệu số hóa các hiện vật hiện có tại Bảo tàng tỉnh Nam Định, tích hợp multi media.

Số hồ sơ lưu: NDH-011-2020

80563.01-2022 **Nâng cao ứng dụng CNTT trong quản lý và giảng dạy tại trường THCS Lộc Hạ**/ Phạm Văn Nam, - Nam Định - THCS Lộc Hạ, 2018 - 03/2018 - 11/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng hệ thống mạng LAN và trang bị thêm một số thiết bị , nâng cao năng lực ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý và giảng dạy. Ứng dụng phần mềm quản lý trường học và ngân hàng đề thi từng bước quy trình hóa để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác quản lý hồ sơ giáo viên, học sinh và ngân hàng đề thi. Đào tạo tin học nâng cao hiệu quả khai thác mạng LAN, mạng Internet và các phần mềm, đặc biệt các phần mềm ứng dụng trong công tác giảng dạy của giáo viên.

Số hồ sơ lưu: NDH-010--2020

80565.01-2022 **Ứng dụng CNTT vào công tác giảng dạy và học tập tại trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định**/ Bùi Văn Lương, Vũ Hải Triều - Nam Định - Trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh, 2018 - 06/2018 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nâng cấp xây dựng hệ thống mạng Lan của nhà trường đáp ứng yêu cầu quản lý, giảng dạy và học tập. Đầu tư nâng cấp các thiết bị, máy móc CNTT phục vụ công tác giảng dạy và học tập tại nhà trường. Ứng dụng phần mềm quản lý trường học và ngân hàng đề thi giúp lãnh đạo nhà trường trong công tác quản lý và phần mềm VIOLET 1.9 giúp giáo viên có thêm công cụ trong việc soạn giáo án điện tử, nâng cao chất lượng bài soạn qua đó nâng cao hiệu quả bài giảng. Đào tạo nâng cao trình độ CNTT cho cán bộ quản lý và giáo viên trong công tác quản lý và giảng dạy.

Số hồ sơ lưu: NDH-009-2020

80570.01-2022 **Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao năng lực quản lý và điều hành tại UBND thành phố Nam Định**/ ThS. Phạm Duy Hưng, Nguyễn Thị Thùy An; Phạm Xuân Thụ; Phan Thị Tú Anh; Nguyễn Quốc Phương - Nam Định - UBND Thành phố Nam Định, 2019 - 03/2018 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nâng cấp hệ thống mạng LAN tại trụ sở UBND Thành phố đáp ứng nhu cầu đồng bộ, logic với tính ổn định vào bảo mật cao, an toàn dữ liệu tại UBND TP Nam Định đáp ứng được yêu cầu về cơ sở hạ tầng cho việc áp dụng CNTT vào công tác quản lý và điều hành. Bổ sung các trang thiết bị, máy móc CNTT phục vụ công tác quản lý và điều hành của UBND thành phố. Đào tạo nâng cao trình độ về CNTT cho cán bộ, công chức. Ứng dụng Phần mềm Quản lý, theo dõi, đôn đốc văn bản giao nhiệm vụ của UBND TP Nam Định.

Số hồ sơ lưu: NDH-006-2020

80572.01-2022 **Ứng dụng CNTT vào công tác quản lý và giảng dạy tại trường THCS Phùng Chí Kiên, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định**/ Trần Thị Hương, Mai Thị Thu phong - Nam Định - Ttrường THCS Phùng Chí Kiên, 2018 - 03/2018 - 11/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mới hệ thống mạng LAN, Wifi và trang bị thêm một số thiết bị, nâng cao năng lực ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý và giảng dạy. Ứng dụng phần mềm quản lý trường học và ngân hàng đề thi từng bước quy trình hóa để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác quản lý hồ sơ giáo viên, học sinh và ngân hàng đề thi. Đào tạo tin học nâng cao hiệu quả khai thác mạng LAN, mạng Internet và các phần mềm, đặc biệt các phần mềm ứng dụng trong công tác giảng dạy của giáo viên.

Số hồ sơ lưu: NDH-004-2020

80573.01-2022 **Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và giảng dạy tại trường THCS**

Trực Hưng, xã Trực Hưng, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định/ Nguyễn Hùng Vũ, - Nam Định - Trường THCS Trực Hưng, 2018 - 04/2018 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng, nâng cấp hệ thống mạng LAN của nhà trường đáp ứng yêu cầu quản lí và giảng dạy, Trang bị các thiết bị, máy móc CNTT phục vụ công tác quản lý và giảng dạy tại nhà trường. Đào tạo nâng cao trình độ về CNTT cho cán bộ, giáo viên đáp ứng yêu cầu quản lý và giảng dạy. Ứng dụng phần mềm quản lý trường học để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động chỉ đạo, thực hiện công tác quản lý và điều hành tại nhà trường. Ứng dụng phần mềm Violet 1.9 để giúp giáo viên có thêm công cụ trong việc soạn giáo án điện tử, nâng cao chất lượng bài soạn qua đó nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Số hồ sơ lưu: NDH-003-2020

10302. Vật lý các chất cô đặc

79119.01-2022 **Nghiên cứu công nghệ chế tạo nam châm thiêu kết (nd,Dy)-Fe-B có lực kháng từ cao, qui mô bán công nghiệp, ứng dụng trong môtơ và máy phát điện**/ GS. TS. Nguyễn Huy Dân, TS. Phạm Thị Thanh; TS. Nguyễn Hải Yến; PGS. TS. Trần Đăng Thành; ThS. Tạ Ngọc Bách; ThS. Nguyễn Văn Luân; ThS. Đỗ Khánh Tùng; ThS. Lê Danh Chung; TS. Nguyễn Trọng Hùng; KS. Trịnh Xuân Trường; KS. Mai Kim Cương; PGS. TS. Lê Bá Thuận; ThS. Nguyễn Văn Tùng; ThS. Nguyễn Thanh Thủy; TS. Nguyễn Hữu Đức; ThS. Lê Thị Hồng Phong; ThS. Nguyễn Mẫu Lâm; ThS. Nguyễn Văn Dương; CN. Nguyễn Quang Huân; KS. Nguyễn Anh Đức; KTV. Ngô Quang Hiển - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2020 - 01/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ công nghệ chế tạo kim loại đất hiếm từ sản phẩm ôxit đất hiếm đã được nghiên cứu ở trong nước, thử nghiệm chế tạo nam châm thiêu kết (Nd,Dy)-Fe-B từ nguồn nguyên liệu Việt Nam, nhằm đảm bảo an ninh về nguyên vật liệu thiết yếu. Xây dựng được qui trình công nghệ qui mô bán công nghiệp (15 - 40 kg/mẻ), để chế tạo nam châm thiêu kết (Nd,Dy)-Fe-B có lực kháng từ cao. Sản xuất được nam châm thiêu kết (Nd,Dy)-Fe-B đáp ứng được yêu cầu ứng dụng trong các động cơ, máy phát điện và thử nghiệm ứng dụng trong thực tế .

Số hồ sơ lưu: 18314

10403. Hoá lý

79150.01-2022 **Nghiên cứu tổng hợp vật liệu đa nhóm chức Polyvinyl Alcohol -g- Acrylic acid -co- Cacboxymethyl Cellulose bằng kỹ thuật bức xạ - đánh giá khả năng hấp thụ Zn2+, Co2+, Cs+ và ứng dụng để tẩy xạ bề mặt**/ ThS. Nguyễn Trọng Hoành Phong, ThS. Lê Xuân Cường; KTV. Lê Văn Toàn; TS. Nguyễn Minh Hiệp; CN. Phạm Bảo Ngọc; CN. Vũ Ngọc Bích Đào; CN. Trân Thị Tấm - Lâm Đồng - Viện Nghiên cứu Hạt Nhân, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Áp dụng kỹ thuật bức xạ để tổng hợp ra gel copolyme có khả năng thu gom các đồng vị phóng xạ trên bề mặt. Sản phẩm tạo thành có độ tinh sạch cao, dễ sử dụng, giá thành rẻ, bóc tách dễ dàng để ứng dụng làm chất tẩy xạ các đồng vị phóng xạ ở những vị trí không mong muốn nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động, cho cộng đồng và cho môi trường hiện tại cũng như tương lai.

Số hồ sơ lưu: 18340

10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân)

79138.01-2022 **Nghiên cứu công nghệ điều chế mực xúc tác trên cơ sở kim loại quí/graphen, ứng dụng trong chế tạo điện cực màng (anot) cho pin nhiên liệu sử dụng alcohol trực tiếp**/ GS. TS. Vũ Thị Thu Hà, KS. Nguyễn Minh Đăng; PGS. TS. Nguyễn Đình Lâm; CN. Lâm Thị Tho; ThS. Trần Thị Liên; KS. Nguyễn Quang Minh; TS. Nguyễn Thị Phương Hòa; ThS. Nguyễn Thị Thảo; ThS. Vũ Tuấn Anh; ThS. Mai Ngọc Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Bích Ngọc; Nguyễn Tiến Hoàng; CN. Lê Ngọc Trang; CN. Lê Yến Anh - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ lọc, hóa dầu, 2020 - 01/1919 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng các qui trình công nghệ ổn định, có độ lặp lại trên 98%, nhằm chế tạo vật liệu graphen. Xây dựng được cụm qui trình công nghệ chế tạo mực xúc tác trên cơ sở kim loại quí/vật liệu graphen. Qui trình vận hành ổn định, có độ lặp lại cao, trên 98%. Đánh giá tính năng của điện cực màng trong pin nhiên liệu DAFC. Nghiên cứu đề xuất hướng phát triển một số ứng dụng công nghiệp của vật liệu FLG và GO.

Số hồ sơ lưu: 18329

79830.01-2022 **Nghiên cứu chế tạo và hoạt tính xúc tác của các cấu trúc nano lõi/vỏ (core/shell) và trang trí (decorated) dạng hạt và sợi của Ag/Pd vàNi/Pd đối với phản ứng oxi hóa methanol và ethanol trong pin nhiên liệu kiềm cồn trực tiếp**/ TS. Nguyễn Trường Sơn, PGS.TS. Huỳnh Kỳ Phương Hạ; ThS. Lâm Hoa Hùng; KS. Nguyễn Phúc Thanh Duy; KS. Đỗ Thị An Sa - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa, 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu làm giảm lượng Pd sử dụng trong xúc tác anot cho phản ứng oxy hóa methanol và ethanol trong pin nhiên liệu kiềm cồn trực tiếp bằng cách điều chế hạt và sợi nano có cấu trúc lõi-vỏ/trang trí Ag@Pd, Ni@Pd. Tiến hành, khảo sát ảnh hưởng của hình dạng khối cầu và sợi của cấu trúc lõi-vỏ/trang trí đến hoạt tính xúc tác cho phản ứng oxy hóa methanol và ethanol trong môi trường kiềm.

Số hồ sơ lưu: 18841

10508. Trắc địa học và bản đồ học

79406.01-2022 **Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS phục vụ công tác nghiên cứu khảo cổ học ở**

miền Tây Nam Bộ (trọng điểm là nhóm các di tích văn hóa Óc Eo)"/ PGS.TS.Nguyễn Quang Miên, ThS. Lê Cảnh Lam; PGS.TS. Trình Năng Chung; PGS.TS. Nguyễn Giang Hải; KS. Võ Hồng Sơn; ThS. Lê Minh Sơn; TSKH.Nguyễn Quang Bắc; KS. Nguyễn Hữu Tuân; ThS. Nguyễn Thái Học; TS. Lê Ngọc Thanh - Hà Nội - Viện Khảo cổ học, 2020 - 11/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cung cấp những dữ liệu (văn bản, số liệu, phim ảnh, bản đồ, bản vẽ) theo không gian và thời gian về các di tích, di chỉ, hiện vật khảo cổ di sản văn hóa Óc Eo ở miền Tây Nam Bộ. Xác định vị trí, định vị các di tích, di chỉ khảo cổ, đặc biệt là hệ thống các kênh mương cổ, thời văn hóa Óc Eo ở miền Tây Nam Bộ. Xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS) và cơ sở dữ liệu (CSDL) khảo cổ học ở miền Tây Nam Bộ (trọng điểm là nhóm các di tích văn hóa Óc Eo) phục vụ công tác khảo cổ học, góp phần đánh giá, bảo tồn, phát huy và quảng bá các giá trị văn hóa - lịch sử của di tích, di vật. Cung cấp các luận cứ khoa học khách quan, chính xác phục vụ công tác đấu tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia và xây dựng hồ sơ di tích đề nghị UNESCO công nhận di sản văn hóa thế giới.

Số hồ sơ lưu: 18553

79417.01-2022 **Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) và bản đồ nghiên cứu vấn đề dân cư tỉnh Thái Nguyên và Lạng Sơn**/ TS. Nguyễn Xuân Hòa, ThS. Lê Thu Quỳnh; ThS. Đặng Thành Trung; CN. Nghiêm Văn Khoa; ThS. Lê Hồng Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Huyên Thu; CN. Trần Ngọc Ánh - Hà Nội - Viện Địa lí nhân văn, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các vấn đề về dân cư tỉnh Thái Nguyên và Lạng Sơn phục vụ lập quy hoạch, kế hoạch, hoạch định chính sách và định hướng phát triển của tỉnh. Thiết lập được một hệ thống chỉ tiêu về dân cư cho việc xác lập hệ cơ sở dữ liệu về dân cư; Xây dựng một số bản đồ minh họa có kèm theo các biểu đồ, đồ thị và liên kết chặt chẽ với cơ sở dữ liệu thông qua việc áp dụng công nghệ GIS và bản đồ; Đề xuất một số giải pháp về dân cư nhằm mục tiêu lập quy hoạch, kế hoạch, hoạch định chính sách và định hướng phát triển của tỉnh;

Số hồ sơ lưu: 18540

79871.01-2022 **Nghiên cứu về ước lượng tham số rừng từ ảnh ra đa tổng hợp mặt mở giao thoa phân cực**/ TS. Phạm Minh Nghĩa, TS. Nguyễn Hùng An; TS. Lê Văn Nhu; TS. Nguyễn Trung Thành; TS. Nguyễn Tiến Phát; TS. Lê Minh Hằng - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2020 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến độ chính xác trong ước lượng các tham số của các khu vực rừng nằm trên địa hình đồi núi, tính toán tối ưu các tham số của mô hình tán xạ trong môi trường tự nhiên. Đề xuất mô hình tán xạ ba lớp cho ước lượng tham số rừng nằm trên địa

hình đồi núi sử dụng PoIInSAR. Đồng thời, đề xuất mô hình và các phương pháp nâng cao độ chính xác cho ước lượng tham số rừng sử dụng ảnh ra đa vệ tinh viễn thám.

Số hồ sơ lưu: 18848

10509. Các khoa học môi trường

79159.01-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học phân cấp cấp độ rủi ro cho các loại hình thiên tai ở Việt Nam.**/ TS. Nguyễn Xuân Hiển, ThS. Nguyễn Thị Thanh; ThS. Trần Thanh Thủy; TS. Lê Quốc Huy; ThS. Phạm Văn Tiến; ThS. Lê Văn Đức; TS. Nguyễn Văn Viết; ThS. Nguyễn Thị Bình Minh; TS. Phạm Tiên Đạt; ThS. Dương Ngọc Tiến; ThS. Nguyễn Thị Lan; KS. Nguyễn Hồng Hạnh; ThS. Lê Đức Quyên; ThS. Đặng Linh Chi - Hà Nội - Viện khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, 2020 - 06/2017 - 01/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xác định, phân cấp cấp độ rủi ro cho các loại hình thiên tai ở Việt Nam ; Xây dựng bộ chỉ thị phân cấp cấp độ rủi ro cho các loại hình thiên tai phục vụ điều chỉnh Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ . Xây dựng bộ chỉ thị cho các tiêu chí xác định mức độ hiểm họa, mức độ phơi bày và mức độ dễ bị tổn thương nói riêng và bộ chỉ thị tổng hợp phân cấp cấp độ rủi ro thiên tai nói chung dựa trên cơ sở tổ hợp nhiều chỉ thị cả về mặt tự nhiên và kinh tế xã hội.

Số hồ sơ lưu: 18336

79823.01-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm đề xuất các giải pháp bảo tồn tại chỗ, chuyển chỗ một số loài nguy cấp, quý, hiếm, đặc hữu ở Việt Nam ứng phó biến đổi khí hậu**/ TS. Nguyễn Đắc Mạnh, PGS.TS. Vũ Tiến Thịnh; GS.TS. Vương Văn Quỳnh; TS. Hoàng Thị Thanh Nhàn; TS. Vũ Văn Thăng; PGS.TS. Trần Ngọc Hải; PGS.TS. Vũ Quang Nam; ThS. Phùng Nam Thắng; ThS. Trần Trọng Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Vân Anh - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2020 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở khoa học, thực tiễn, cơ sở dữ liệu và đánh giá thực trạng về hiệu quả hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học, thực thi Luật Đa dạng sinh học thông qua việc tăng cường công tác bảo tồn tại chỗ và chuyển chỗ các loài nguy cấp, quý, hiếm và đặc hữu tại Việt Nam. Từ đó, đưa ra các giải pháp về chính sách phù hợp cho bảo tồn tại chỗ, chuyển chỗ một số loài nguy cấp, quý, hiếm, đặc hữu ở Việt Nam ứng phó biến đổi khí hậu, đồng thời xây dựng mô hình áp dụng thí điểm hoạt động lồng ghép trong công tác bảo tồn chuyển chỗ và bảo tồn tại chỗ đối với một số loài nguy cấp, quý, hiếm, đặc hữu được ưu tiên bảo vệ, ứng phó biến đổi khí hậu tại một số cở sở thực hiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học.

Số hồ sơ lưu: 18843

10511. Khí hậu học

79152.01-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả các mô hình**

kinh tế cấp huyện thích ứng với biến đổi khí hậu vùng đồng bằng Sông Cửu Long thí điểm tại một huyện điển hình/ ThS. Đặng Ngọc Điệp, TS. Lê Ngọc Cầu ThS. Trần Thị Diệu Hằng; ThS. Lê Văn Quy; KS. Đỗ Thị Thanh Bình; ThS. Phạm Thị Quỳnh; ThS. Lê Văn Linh; CN. Trần Thị Thu Huyên; ThS. Nguyễn Thanh Tường; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hoài - Hà Nội - Viện khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, 2020 - 07/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả các mô hình kinh tế cấp huyện thích ứng với biến đổi khí hậu cho vùng đồng bằng sông Cửu Long. Áp dụng thử nghiệm bộ tiêu chí đánh giá mô hình kinh tế thích ứng với biến đổi khí hậu cho huyện điển hình ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Số hồ sơ lưu: 18342

79387.01-2022 **Ứng phó với biến đổi khí hậu của người Hmông và người Thái ở tỉnh Sơn La**/ TS. Nguyễn Thẩm Thu Hà, TS. Phạm Thị Cẩm Vân Cử nhân.Tạ Hữu Dực; TS.Nguyễn Công Thảo; ThS.Lý Cẩm Tú - Hà Nội - Viện Dân tộc học, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, phân tích những biểu hiện của biến đổi khí hậu, sự ảnh hưởng và phương thức ứng phó của người Hmông và người Thái ở địa bàn nghiên cứu với biến đổi khí hậu. Trên cơ sở đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả ứng phó với biến đổi khí hậu. Phân tích những biểu hiện của biến đổi khí hậu và ảnh hưởng của nó đến người dân tại địa bàn nghiên cứu; Nghiên cứu, phân tích cách thức ứng phó với biến đổi khí hậu của người Hmông và người Thái trong hoạt động sinh kế; Phân tích cách thức ứng phó với biến đổi khí hậu của người Hmông và người Thái trong đời sống sinh hoạt; Đánh giá kết quả và những khó khăn, thách thức và đồng thời đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả ứng phó với biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: 18536

10602. Tế bào học, mô - phôi học

79921.01-2022 **Nghiên cứu vai trò điều hòa của gen mã hóa cho protein A20 với bệnh bạch cầu cấp tính và các cơ chế phân tử tham gia kiểm soát quá trình sinh lý tế bào**/ TS. Nguyễn Thị Xuân, PGS.TS. Nguyễn Huy Hoàng; PGS.TS. Lương Thị Lan Anh; ThS. Phí Thị Thu Trang; CN. Nguyễn Hoàng Giang; CN. Bùi Kiều Trang - Hà Nội - Viện Nghiên cứu hệ gen, 2020 - 12/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích vai trò của gen A20 và gen otubain 1 có mặt trong tế bào đơn nhân máu ngoại vi (PBMC) và tế bào tua (DC) điều hòa chức năng sinh học của tế bào bao gồm sự thuần thục, sự di cư, khả năng thực bào, sự biệt hóa và apoptosis và các cơ chế phân tử liên quan, khi các tế bào này được xử lý cùng LPS hoặc các phối tử TLR khác khác hoặc các cytokine gây viêm như TNF-a. Qua đó xác định vai trò của gen A20 và gen otubain 1 có mặt trong tế bào

hình sao (TBFIS) điều hòa các quá trình sinh lý tế bào bao gồm sự di cư và apoptosis và các tín hiệu phân tử liên quan khi các tế bào này được xử lý cùng các cytokine gây viêm như TNF-a and IFN-y.

Số hồ sơ lưu: 18844

10605. Hoá sinh; phương pháp nghiên cứu hoá sinh

79400.01-2022 **Nghiên cứu quy trình tạo cao chiết từ cây mần tưới (Eupatorium fortunei) ứng dụng làm chế phẩm bảo vệ thực vật phòng chống nấm gây bệnh**/ PGS. TS. Lê Đăng Quang, TS. Nguyễn Trung Hiếu; ThS. Hoàng Phương Lan; ThS. Đoàn Thị Xuân Liễu; CN. Nguyễn Thanh Hương; ThS. Phạm Quang Dương; ThS. Nguyễn Thị Vân; ThS. Lê Thị Phương Lan - Hà Nội - Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chiết tách cao chiết có hoạt tính (nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng như nhiệt độ, dung môi, tỉ lệ dung môi/nguyên liệu, thời gian chiết, sốlần chiết). Phân lập chất có hoạt tính làm chất định chuẩn; phân tích sắc ký định lượng cho chất định chuẩn. Thử nghiệm hoạt tính in vitro kháng nấm trong phòng thí nghiệm của cao chiết và chất phân lập được với nấmgây bệnh cây trồng. Nghiên cứu quy trình bào chế cao định chuẩn và nghiên cứu tối ưu quy trình chiết cao. Sản xuất 1,5 kg cao chiết có hoạt tính. Phối trộn thử nghiệm, xác lập đơn chế tạo dạng chế phẩm phù hợp với điều kiện sử dụng. Sản xuất chế phẩm bảo vệ thực vật và xây dựng TCCS cho chế phẩm. Đánh giá in vivo đối với hiệu quả phòng trừ bệnh do nấm gây ra trên cây trồng ở quy mô nhà lưới và diện hẹp.

Số hồ sơ lưu: 18548

79822.01-2022 **Nghiên cứu tác dụng chống tiểu đường và ung thư của các hợp chất phân lập từ một số loài thuộc chi Quyển bá (Selaginella) ở Việt Nam**/ TS. Nguyễn Phi Hùng, TS. Tô Đạo Cường; TS. Đỗ Hữu Nghị; TS. Đỗ Tiến Lâm; ThS. Vũ Đình Giáp; ThS. Trần Thị Tuyến; ThS. Đinh Thị Hà - Hà Nội - Viện hóa học các hợp chất thiên nhiên, 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiến hành thu thập mẫu nghiên cứu, phân tích xử lý mẫu, tạo các mẫu tiêu bản, mẫu lưu trữ và xác định tên khoa học các mẫu thu thập. Tiếp tới tiến hành xử lý mẫu, phân lập và tinh chế để thu được các hợp chất sạch và xác định cấu trúc hóa học của các hợp chất phân lập được từ các loài nghiên cứu bằng các phương pháp phổ NMR 1 chiều, 2 chiều, phổ khối lượng MS.... Nghiên cứu tác dụng sinh học của các hợp chất phân lập được từ các loài nghiên cứu và cuối cùng là tiến hành tập hợp và xử lý các kết quả thu được.

Số hồ sơ lưu: 18832

79876.01-2022 **Nghiên cứu lý thuyết về hoạt tính chống oxy hóa của các hợp chất nano sinh học lai hóa từ nanocarbon và polyphenol**/ TS. Nguyễn Minh Thông, TS. Nguyễn Nho Dũng; TS. Võ Văn

Quân; TS. Phan Tứ Quý; ThS. Mai Văn Bảy; ThS. Đinh Quý Hương - Kon Tum - Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum, 2021 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích cơ chế tương tác giữa phân tử polyphenol và bề mặt của vật liệu nanocarbon dựa vào cấu trúc hình học, vị trí hấp thụ, năng lượng liên kết và cấu trúc electron. Nghiên cứu cơ chế phản ứng và xây dựng bề mặt thế năng của phản ứng giữa polyphenol và vật liệu nanocarbon thông qua phản ứng Bingel - Hirsch. Đánh giá khả năng chống oxy hóa của các hợp chất nano sinh học lai hóa từ polyphenol và vật liệu nanocarbon thông qua các thông số nhiệt động. Thiết lập bề mặt thế năng và tính toán động học của phản ứng giữa gốc tự do ROO* và các hợp chất nano sinh học. Từ đó xác định cơ chế và hiệu quả dập tắt gốc tự do của từng chất chống oxy hóa.

Số hồ sơ lưu: 18836

10616. Công nghệ sinh học

79111.01-2022 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất sản phẩm lên men từ quả đu đủ có hoạt tính chống oxi hóa, tăng cường miễn dịch và hỗ trợ giảm đường huyết/** TS. Nguyễn Thị Trang, ThS. Phạm Thu Trang; TS. Nguyễn Thị Minh Khanh; ThS. Lê Thị Thắm; ThS. Lê Hồng Quang; ThS. Trịnh Thanh Hà - Hà Nội - Viện Công nghiệp thực phẩm, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm lên men có hoạt tính chống ôxy hóa, tăng cường miễn dịch, hỗ trợ giảm đường huyết từ quả đu đủ Việt Nam. Góp phần gia tăng hiệu quả kinh tế trong việc chế biến đu đủ thành các sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Bằng việc sử dụng các phương pháp trong nghiên cứu vi sinh, các phương pháp công nghệ, phương pháp phân tích thương quy trong phòng thí nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 18310

79398.01-2022 **Ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất thức ăn nuôi cá diêu hồng và phân bón sinh học trồng rau từ phế phụ phẩm chế biến thực phẩm/** PGS. TS. Đặng Minh Nhật, TS. Bùi Xuân Đông; TS. Bùi Thị Thu Hiền; TS. Lê Lý Thuỳ Trâm; TS. Mạc Thị Hà Thanh; TS. Trần Nam Trung; ThS. Đặng Minh Dũng; ThS. Võ Công Tuấn; ThS. Trần Thị Ánh Tuyết; ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Đà Nẵng - Trường Đại học Bách khoa, 2020 - 02/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện được quy trình công nghệ, thiết bị và sản xuất thức ăn nuôi thuỷ sản từ phụ phẩm chế biến gà và phân bón sinh học từ nội tạng hải sâm. Xây dựng được mô hình thử nghiệm thức ăn nuôi cá diêu hồng và phân bón sinh học trên cây rau.

Số hồ sơ lưu: 18544

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

75748.01-2022 **Xây dựng hệ thống phần mềm phục vụ quản lý chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định/** CN. Phan Thanh Giản, ThS. Phan Thị Thủy - Bình Định - Văn phòng Điều phối

Xây dựng NTM, 2018 - 10/2017 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thành triển khai điều tra, đánh giá hiện trạng xây dựng nông thôn mới và mức độ sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin trong Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định. Xây dựng được hệ thống thông tin tương đối đầy đủ trong giai đoạn đầu và đưa lên hoạt động chính thức trên Internet. Thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin với các chức năng quản trị cao. Hệ thống xây dựng với công nghệ, hệ quản trị cơ sở dữ liệu và hệ thống kết nối tiên tiến sẽ giúp đảm bảo ở mức cao nhất. Hoàn thành phần mềm phục vụ quản lý Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định.

Số hồ sơ lưu: BDH-2019-001

75752.01-2022 **Xây dựng hệ thống công cụ hỗ trợ đào tạo trực tuyến các môn Toán, Lý, Hóa cho các khối trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định**/ ThS. Nguyễn Đình Hùng, - Bình Định - Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định, 2018 - 11/2016 - 11/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hỗ trợ giáo viên trong quá trình giảng dạy bằng cách cung cấp thêm nguồn tài liệu tham khảo , hỗ trợ quá trình đánh giá học sinh ; kích thích khả năng tự học , tự tìm tòi nghiên cứu của các em học sinh; sử dụng kỹ thuật game hóa để lôi kéo, thu hút các em học sinh tham gia là nhu cầu cần thiết và có tính ứng dụng cao. Đối với với giáo viên , đó là khả năng tạo các khóa học , tổ chức hệ thống bài giảng, bài kiểm tra, bổ sung và sử dụng ngân hàng câu hỏi của hệ thống để cùng chia sẻ và sử dụng có hiệu quả phục vụ cho công tác giảng dạy . Đối với học sinh , đó là môi trường để các em có thể tham gia các khóa học , tham gia các bài kiểm tra đánh giá năng lực để có thể tự đánh gia năng lực bản thân.

Số hồ sơ lưu: BDH-2019-002

75760.01-2022 **Sản xuất thử nghiệm nước uống Linh chi đóng chai theo quy mô công nghiệp**/ KS. Phan Anh Triết, - Bình Định - Công ty cổ phần nước khoáng Quy Nhơn, 2018 - 03/2017 - 01/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất nước uống linh chi và thảo mộc tự nhiên ; quy trình công nghệ sản xuất nước uống linh chi đóng chai. Xây dựng một phân xưởng sản xuất và dây chuyền sản xuất nước linh chi công suất 400.000 lít/năm. Chất lượng sản phẩm nước linh chi phù hợp với QCVN 6-2:2010/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn).

Số hồ sơ lưu: BDH-2019-005

75775.01-2022 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị phân tích một số chỉ tiêu an toàn thực phẩm bằng phương pháp điện di mao quản.**/ PGS-TS. Cao Văn Hoàng, TS. Lê Công Nhường - Bình Định - Trung tâm Phân tích và Đo lường Chất lượng, 2019 - 02/2017 - 02/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Chế tạo hệ thống thiết bị phân tích tại hiện trường trên cơ sở nguyên lý của phương pháp điện di mao quản sử dụng detector độ dẫn không tiếp xúc nhằm ứng dụng trong phân tích một số chỉ tiêu an toàn thực phẩm (chất tạo nạc, chất tạo ngọt, polyphosphate) ở Bình Định. Xây dựng quy trình phân tích một số chất tạo nạc; Xây dựng quy trình phân tích một số chất tạo ngọt; Xây dựng quy trình phân tích một số poliphotphat

Số hồ sơ lưu: BDH-2019-011

78296.01-2022 **Cập nhật, nâng cấp, hoàn thiện chức năng Hệ thống phần mềm quản lý thông tin lưu trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**/ Nguyễn Tri Huy, CN Lê Thị Hoàng Yến Nhi, CN Nguyễn Minh Đức, CN Nguyễn Xuân Thiệp, CN Tô Hồng Nhung, CN Cung Quỳnh Anh, CN Lê Thị Quỳnh Giao, CN Mai Vinh Quang, CN Vũ Bách Hải, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nguồn lực công nghệ thông tin, 2020 - 09/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Kết quả nổi bật của đề tài là giải pháp kết nối và hợp nhất các hệ thống quản lý và phần mềm tác nghiệp (Phần mềm quản lý khách sạn – Hệ thống quản lý lưu trú – Trang khai báo tạm trú cho người nước ngoài). Bằng việc kết nối và hợp nhất này, người dùng chỉ nhật liệu một lần nhưng dữ liệu được truyền tải và lưu trữ ở nhiều hệ thống khác nhau. Công nghệ lập trình và kết nối liên hệ thống theo các chuẩn giao thức và chuẩn truyền tải dữ liệu đã được phát triển tốt, đảm bảo tính trọn vẹn, bảo mật cũng như tốc độ truyền tải của dữ liệu liên thông. Cụ thể với API web service dữ liệu sẽ được truyền tải trên đường truyền bảo mật (HTTPS), được mã hóa theo chuẩn 2048 bits kèm theo cơ chế xác thực thông tin tài khoản truy cập API trước khi kết nối và truyền nhận dữ liệu. Xét về mặt an toàn thông tin thì giao thức API web service có tính tối ưu hơn so với giao diện web form thông thường.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/296

78841.01-2022 **Quản lý, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ tỉnh Khánh Hòa.**/ Đoàn Hồng Lê, - ThS. Trương Tiến Vũ - ThS. Lê Thị Hoàng Mỹ - TS. Hà Đắc Bình - ThS. Đoàn Quỳnh Giang - Đà Nẵng, 2020 - 03/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trên cơ sở tổng quan lý luận và kinh nghiệm về quản lý, sử dụng, phát triển nguồn nhân lực KH&CN trong nước và quốc tế; phân tích, đánh giá về thực trạng nguồn nhân lực KH&CN tỉnh Khánh Hòa, Đề tài xây dựng Đề án, bao gồm hệ thống công cụ chính sách, giải pháp quản lý, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực KH&CN. Đồng thời, qua điều tra khảo sát và dựa trên nền tảng công nghệ thông tin tiên tiến, Đề tài sẽ xây dựng CSDL và phần mềm quản lý nhân lực KH&CN của tỉnh Khánh Hòa hiện đại, thuân lợi, khoa học.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/298

79947.01-2022 **Phát triển nông sản hàng hóa trên địa bàn tỉnh Cao Bằng gắn với thị trường**

trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế/ Nguyễn Thị Thanh Tâm, : Nguyễn Thị Thanh Tâm; Nguyễn Đức Chính; Hoàng Văn Hoan ; Tạ Thị Đoàn; Đỗ Đức Quân; Trương Bảo Thanh; Trần Thanh Tùng; Nguyễn Cúc; Nguyễn Minh Đức; Trần Gia Long - Học viện chính trị khu vực I, 2020 - 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hệ thống hóa được lý luận cơ bản và kinh nghiệm thực tiễn về phát triển sản xuất nông sản trong hội nhập kinh tế quốc tế. Đánh giá đúng thực trạng sản xuất nông sản ở tỉnh Cao Bằng, tìm ra những nguyên nhân ảnh hưởng đến việc phát triển phát triển sản xuất nông sản ở địa phương. Phân tích cơ hội và thách thức trong việc phát triển sản xuất nông sản ở tỉnh Cao Bằng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế với điều kiện một tỉnh biên giới là cầu nối thường xuyên với các vùng kinh tế năng động của Tây và Tây Nam Trung Quốc và đang hướng tới vị trí trung tâm Logictics hàng nông sản. Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm phát triển sản xuất nông sản tại tỉnh Cao Bằng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 4

80214.01-2022 **Nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật sấy thuốc lá sử dụng hồi lưu khí thải nhằm tiết kiệm nhiên liệu sấy và tăng hiệu quả kinh tế cho người sản xuất thuốc lá tại tỉnh Lạng Sơn**/ TS. Nguyễn Văn Biếu, TS. Nguyễn Văn Biếu; TS. Nguyễn Tiến Mạnh; ThS. Nguyễn Văn Hiếu; TS. Dương Đường Bệ; TS. Nguyễn Quang Anh; ThS. Ngô Thị Mai; CN. Ngô Thị Thơm; ThS. Nguyễn Mạnh Khải - Hà Nội - Trung tâm tư vấn, Đào tạo và Chuyển giao tiến bộ Khoa học Nông nghiệp, 2018 - 05/2015 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện thiết kế, hướng dẫn lắp đặt và tập huấn và thử nghiệm sấy theo phương pháp có hồi lưu khí thải. Áp dụng hồi lưu khí thải đã đem lại nhiều lợi ích rõ rệt. Kết quả thử nghiệm cho thấy: Lượng than tiêu hao trung bình giảm 1,51 kg than/kg nguyên liệu khô (giảm tương đương trên 30%) so với phương pháp sấy để khí nóng đối lưu tự nhiên như trước đây. Nếu cách sấy hồi lưu được áp dụng cho toàn tỉnh sẽ giúp giảm mỗi vụ thuốc lá hàng chục ngàn tấn than,. Ngoài góp phần giảm chi phí (mua và vận chuyển than), còn góp phần giảm phát thải khí than gây ô nhiễm môi trường. Chất lượng nguyên liệu, cả về màu sắc cảm quan, tỷ lệ cấp loại, thành phần hóa học và bình hút hầu như không thay đổi theo hướng xấu hơn mà còn có xu hướng cao hơn nhờ chủ động hơn trong quá trình sấy. Việc không thay đổi quy trình sấy, sử dụng nhiệt ẩm kế đã giúp người sản xuất dễ dàng tiếp cận với phương pháp mới, giảm nhẹ công lao động sấy.

Số hồ sơ lưu: LSN-2019-002

80311.01-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ bơm nhiệt để thiết kế, chế tạo máy sấy Hồi tại Lạng Sơn**/ TS. Đoàn Văn Bình, KSC. Đỗ Bình Yên TS. Đoàn Văn Bình; TSC. Đỗ Bình Yên; TS. Ngô

Tuấn Kiệt; KS. Nguyễn Khắc Minh; ThS. Nguyễn Thị Dung; ThS. Phạm Thị Hạnh; ThS. Nguyễn Viết Hương; ThS. Nguyễn Tường Ân; KS. Nguyễn Thị Đăng Hương KS. Nguyễn Xuân Sanh - Hà Nội - Viện Khoa học Năng lượng, 2018 - 02/2017 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đây là hệ thống thiết bị sấy hồi đầu tiên trong nước ứng dụng công nghệ sấy bơm nhiệt kết hợp sấy biomass thành công. Kết quả nghiên cứu ứng dụng này đã khẳng định tỉnh Lạng Sơn có thiết bị sấy hồi sạch, chi phí năng lượng thấp, chất lượng đảm bảo, có thể cạnh tranh được với sản phẩm hồi sạch trên thế giới. Kết quả trên đã góp phần đưa các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến vào bảo quản và chế biến nông lâm sản, giúp đồng bào các dân tộc vùng trồng hồi của Lạng Sơn giảm giá thành sản phẩm, giảm cường độ lao động, nâng cao giá trị sản phẩm hoa hồi, tăng thu nhập; góp phần duy trì và phát triển bền vững sản phẩm "Hoa hồi Lạng Sơn".

Số hồ sơ lưu: LSN-2019-003

80335.01-2022 **Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong xây dựng chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi bò quy mô hộ gia đình tại bốn huyện vùng cao núi đá tỉnh Hà Giang**/ TS. Mai Anh Khoa, TS. Hồ Tuyên; - PGS.TS. Đặng Xuân Bình; - PGS.TS. Trần Thanh Vân; - PGS.TS.Trần Thị Thu Hà; - KS. Lương Triệu Vững; - KS. Bùi Thu Thủy; - KS. Đồng Anh Đài; - KS. Mai Thị Nhung; - KS. Đinh Thị Hiền. - Vị Xuyên - Chi nhánh Công ty CP PT NLN và MT Việt Nam, 2020 - 04/2018 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thiết kế và xây dựng được mô hình hệ thống chuồng nuôi bò khoa học, sử dụng một số công nghệ xử lý chất thải phù hợp với điều kiện vùng cao, góp phần phát triển chăn nuôi bò, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tận dụng nguồn phân bón hữu cơ và xây dựng cảnh quan phục vụ du lịch tại tỉnh Hà Giang.

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKHCN-2020

80342.01-2022 **Nghiên cứu sử dụng tro xỉ của Nhà máy Nhiệt điện Na Dương làm mặt đường giao thông nông thôn**/ KS. Trịnh Tuấn Đông, KS. Lương Xuân Trường KS. Trịnh Tuấn Đông; KS. Lương Xuân Trường; KS. Lăng Thanh Tùng; KS. Bùi Thị Phương; KS. Lý Ngọc Dung; KS. Nguyễn Đình Trung; ThS. Trần Tiến Nguyên; ThS. Mai Thanh Tuyền; CN. Hoàng Thị Hải KS. Lưu Trung Đức; KS. Đỗ Viết Tâm; ThS. Hoàng Đức Thuận; KS. Lê Phi Long - Lạng Sơn - Hội Khoa học kỹ thuật cầu đường tỉnh Lạng Sơn, 2020 - 06/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Kết quả nghiên cứu đảm bảo đạt yêu cầu và chất lượng theo nhiệm vụ và nội dung nghiên cứu trong hợp đồng đã ký kết. Đặc biệt là đã hoàn thiện 02 mục tiêu cơ bản của nội dung nghiên cứu đề tài là hoàn thành 01 Km mặt đường tại tuyến

đường Khe Cảy – Khe Chòi, xã Bắc Lãng, huyện Đình Lập đạt cường độ chịu nén ≥75daN/cm^2 và hoàn thành việc xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật thi công của công nghệ, đảm bảo được yêu cầu hướng dẫn cho các đơn vị khi triển khai ứng dụng theo kết quả nghiên cứu của đề tài. Tận dụng tro xỉ của Nhà máy nhiệt điện Na Dương để làm vật liệu thi công đường giao thông nông thôn sẽ mang lại nhiều hiệu quả thiết thực, vừa không mất diện tích đất chứa thải, vừa giải quyết được vấn đề về ô nhiễm môi trường, lại vừa góp phần cứng hóa được hệ thống đường giao thông nông thôn với chi phí đầu tư thấp, thúc đẩy quá trình thực hiện mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Số hồ sơ lưu: LSN-2020-023

80346.01-2022 **Nghiên cứu, ứng dụng sản xuất gạch không nung sử dụng cho xỉ của Nhà máy Nhiệt điện na Dương**/ Ths. Nguyễn Văn Hoan, ThS. Nguyễn Văn Hoan; TS. Nguyễn Dương Định; ThS. Lê Việt Hùng; ThS. Tạ Văn Luân; KS. Vũ Văn Linh; CN. Vy Thị Tuyến; CN. Mai Văn Hướng; CN. Hoàng Thị Thơm - Lạng Sơn - Công ty Cổ phần Non Nước tỉnh Lạng Sơn, 2020 - 12/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình công nghệ xử lý tro xỉ nhiệt điện Na Dương và sản xuất gạch không nung với hàm lượng tro, xỉ lên đến khoảng 70%, gạch không nung đáp ứng yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn TCVN 6477:2016. Cụ thể:Có thể sản xuất gạch bê tông đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn TCVN 6477:2016 sử dụng hàm lượng tro, xỉ nhiệt điện Na Dương từ 50 đến 70%. Các cấp phối sản xuất gạch không nung đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 6477:2016. Xây dựng phương án công nghệ cho cơ sở sản xuất gạch không nung sử dụng tro xỉ nhiệt điện Na Dương. Sản xuất thử nghiệm 10.000 viên gạch tiêu chuẩn sử dụng tro xỉ nhiệt điện Na Dương đã xử lý trên dây chuyền công nghiệp, các kết quả thí nghiệm cho thấy gạch sản xuất thử nghiệm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật trong tiêu chuẩn TCVN 6477:2016.

Số hồ sơ lưu: LSN-2020-019

80370.01-2022 **Nghiên cứu ứng dụng và hoàn thiện mô hình nhà tiêu sinh học phục vụ các điểm dân cư tập trung tại vùng khan hiếm nước tỉnh Hà Giang**/ Th.S. Tô Đức Hiện, Th.S. Cao Hồng Kỳ - Thành viên - Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Hà Giang; - TS. Nguyễn Kiều Cương - Thành viên - Viện Dân số, Sức khỏe và Phát triển; - BS CKII. Nguyễn Trung Chiến - Thành viên - Viện Dân số, Sức khỏe và Phát triển; - KS. Nguyễn Ngọc Anh - Thành viên - Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Hà Giang - Hà Giang, 2020 - 11/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thiết kế, chế tạo mô hình NTSH sử dụng điện năng và cơ năng đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan phục vụ du lịch, giá thành phù hợp với điều kiện của Hà Giang. Nâng cao ý thức, kỹ năng vận hành NTSH công cộng. Xây dựng được tài liệu kỹ thuật sản xuất nhà tiêu

phù hợp với vùng khan hiếm của tỉnh

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKHCN-2021

80433.01-2022 **Ứng dụng thử nghiệm công nghệ SCADA Internet/3G để điều tiết, phân phối nước một tuyến kênh điển hình thuộc hệ thống kênh TN17 từ cống đầu kênh cấp 1 đến cống lấy nước của hộ và nhóm hộ dùng nước**/ Võ Khắc Trí, PGS.TS Nguyễn Nghĩa Hùng, Th.S Nguyễn Minh Trung, Th.S Đinh Quốc Phong, Th.S Nguyễn Thanh Phong, Th.S Mai Việt Bảo, KS. Phan Việt Dũng, KS. Hồ Trọng Bằng, KS. Lê Quản Quân, KS. Lê Thị Cúc - Viện Khoa học Thủy lợi miền nam, 2020 - 12/2016 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra thu thập dữ liệu hệ thống thông tin quản lý cơ sở dữ liệu thủy lợi phục vụ công tác điều hành tưới, tiêu hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng. Phân tích, đánh giá các mặt được, chưa được, những thuận lợi, khó khăn trong mô hình quản lý hiện có; kết quả các đề tài, dự án thử nghiệm về công nghệ SCADA, qua đó kế thừa và đề xuất những nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài. Nghiên cứu đề xuất ứng dụng các giải pháp công nghệ hợp lý phục vụ công tác quản lý điều hành tưới tiêu. Thiết kế lắp đặt và xây dựng mô hình thử nghiệm công nghệ phục vụ quản lý vận hành cho một tuyến kênh thuộc hệ thống kênh chính TN17 - tỉnh Tây Ninh từ cống đầu kênh cấp 1 đến cống lấy nước của hộ dùng nước (chọn tuyến kênh TN17 - 5). Tổ chức hội thảo, đào tạo và chuyển giao cho cơ quan quản lý vận hành hệ thống kênh tưới hồ Dầu Tiếng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Báo cáo tổng kết và bàn giao sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: K26

80510.01-2022 **Xây dựng quy trình sản xuất sản phẩm mỹ phẩm từ dịch chiết Yến sào Khánh Hòa**/ Bùi Thị Hạnh, CN. Lê Thị Hồng Vân - ThS. Trịnh Thị Hồng Vân - ThS. Nguyễn Thị Thanh Nguyệt - ThS. Võ Thị Mỹ Lộc - TS. Võ Mai Như Hiếu - KS. Đoàn Thị Hiệp - ThS. Ngô Đức Duy - KS. Nguyễn Thị Mỹ Oanh - BS. CKI. Nguyễn Thị Hồng Sinh - Khánh Hòa - Công ty CP NGK Sanest Khánh Hòa, 2021 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng được 03 quy trình sản xuất sản phẩm mỹ phẩm Yến sào Khánh Hòa: Quy trình sản xuất serum chống lão hóa Yến sào Khánh Hòa; Quy trình sản xuất kem dưỡng da Yến sào Khánh Hòa; Quy trình sản xuất mặt nạ dưỡng da Yến sào Khánh Hòa. Xây dựng được TCCS cho 03 sản phẩm mỹ phẩm Yến sào Khánh Hòa nêu trên.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/310

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải

80166.01-2022 **Nghiên cứu xây dựng thử nghiệm bản đồ dòng chảy phục vụ công tác dẫn tàu an toàn trên tuyến luồng hàng hải - Thực hiện thí điểm trên tuyến luồng Hải Phòng**/ PGS.TS. Phạm Kỳ Quang, TS. Vũ Văn Duy; ThS. Nguyễn Văn Cang; TS. Nguyễn Thị

Liên; ThS. Đinh Thị Hải Yến; ThS. Nguyễn Tuyết Minh; ThS. Hoàng Ngọc Mỹ; Phạm Ngọc Ánh; ThS. Nguyễn Trung Kiên; ThS.Nguyễn Chí Công - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan tuyến luồng Hải Phòng: Phân tích đặc điểm tuyến luồng; đặc điểm khí tượng thủy văn; đặc điểm thủy triều; đặc điểm hoạt động và quản lý hàng hải; khảo sát, phân tích các nơi có nguy cơ mất an toàn hàng hải cao trên tuyến luồng; phân tích, đánh giá tình hình tai nạn hàng hải tại Việt Nam và khu vực khảo sát; Nghiên cứu cơ sở lý thuyết, tính toán mô phỏng, nghiên cứu thực nghiệm kết hợp với khảo sát đo đạc, nghiên cứu thực địa những vấn đề liên quan đến thuỷ triều, áp dụng cho khu vực nghiên cứu Hải Phòng. Xây dựng thử nghiệm bản đồ dòng chảy, hiển thị tường minh, chính xác và cụ thể hướng dòng chảy, tốc độ dòng chảy tại các thời điểm khác nhau trong mỗi ngày và các ngày trong năm.

Số hồ sơ lưu: 18969

20105. Kỹ thuật thuỷ lợi

79378.01-2022 **Nghiên cứu đề xuất hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm giảm thiểu rủi ro lũ quét và sạt lở đất, đá ở các tỉnh miền núi phía Bắc**/ TS. Trần Văn Đạt, ThS. Phạm Thị Diệp; PGS.TS. Đoàn ThếLợi; TS. Cao Thị Lụa; PGS.TS. Huỳnh Thị Lan Hương; TS. Vũ Bá Thao; TS. Ngô Thị Thanh Hương; PGS.TS. Lê Thị Nguyên; PGS.TS. Trần Thị Thu Hà; ThS. Lương Ngọc Chung; PGS.TS. Đỗ Minh Đức; TS. Phạm Thị Anh Đào; PGS.TS. Đinh Vũ Thanh; PGS.TS. Nguyên Bỉnh Thìn; TS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Trương Công Tuân; CN. Đỗ Khắc Hải; ThS. Nguyễn Mạnh Ngọc; ThS. Bùi Thị Quỳnh Nga - Hà Nội - Viện kinh tế và quản lý thủy lợi, 2020 - 06/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được thực trạng thể chế, chính sách về giảm thiểu rủi ro lũ quét và sạt lở đất ở các tỉnh miền núi phía Bắc; Đề xuất được các giải pháp hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm giảm thiểu rủi ro lũ quét và sạt lở đất ở các tỉnh miền núi phía Bắc. xây dựng được mô hình thực nghiệm (dựa trên tương quan giữa thực trạng các hoạt động phòng chống lũ quét và sạt lở đất, đá ở các địa phương với hiệu quả giảm thiểu tổn thất và thiệt hại) để phân tích đề xuất giải pháp hoàn thiện thể chế, chính sách).

Số hồ sơ lưu: 18528

79390.01-2022 **Luận cứ khoa học cho việc thiết lập và giải pháp quản lý hành lang bảo vệ bờ biển Việt Nam**/ PGS.TS.Đặng Văn Bào, TS. Trần Văn Trường; PGS.TS. Phạm Quang Tuấn; GS.TS. Đỗ Thị Minh Đức; PGS.TS. Nguyễn Minh Huấn; PGS.TS. Nguyễn Xuân Huấn; TS. Lê Đình Mau; TS. Mai Thành Tân; TS. Ngô Văn Liêm; TS. Nguyễn Thị Hà Thành; TS. Đặng Kinh Bắc - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 09/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng luận cứ khoa học tin cậy cho thiết lập hành lang bảo vệ bờ

biển; Xác định hành lang bảo vệ bờ biển, mức độ giới hạn các hoạt động phát triển tại hành lang vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và đề xuất các giải pháp tổng thể quản lý hành lang bảo vệ bờ biển của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Số hồ sơ lưu: 18529

79409.01-2022 **Nghiên cứu đề xuất quy trình công nghệ tích nước ngọt trong các tầng chứa nước mặn vùng Đồng bằng Sông Hồng. Thử nghiệm ở tỉnh Hưng Yên**/ ThS.Đào Văn Dũng, ThS. Hoàng Đại Phúc; ThS. Phạm Bá Quyền; ThS. Đoàn Duy Danh; ThS. Tống Thanh Tùng; ThS. Đỗ Hùng Sơn; ThS. Đặng Trần Trung; ThS. Nguyễn Thế Chuyên; ThS. Đinh Thị Hải Yến; ThS. Đặng Ngọc Thùy - Hà Nội - Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia, 2020 - 06/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan các mô hình lưu trữ nước ngọt trong tầng chứa nước mặn trên thế giới, xác định các ưu - nhược điểm của từng phương pháp và lựa chọn phương pháp phù hợp với vùng đồng bằng sông Hồng, đồng thời xây dựng bản đồ các khu vực có khả năng lưu trữ nước ngọt trong tầng chứa nước mặn vùng đồng bằng sông Hồng. Xác định được điều kiện và cấu trúc các tầng chứa nước mặn, tích trữ được nước ngọt phục vụ khai thác sử dụng vùng Đồng bằng sông Hồng. Xây dựng được công trình thử nghiệm lưu trữ nước ngọt trong tầng chứa nước bị mặn ở tỉnh Hưng Yên.

Số hồ sơ lưu: 18554

80150.01-2022 **Nghiên cứu đề xuất khung và kế hoạch quản lý hạn cho các tỉnh khu vực Nam Trung Bộ**/ PGS.TS. Võ Khắc Trí, TS. Nguyễn Đình Vượng; GS.TS.Lê Sâm; ThS. Huỳnh Ngọc Tuyên; PGS.TS. Đỗ Tiến Lanh; ThS. Trần Minh Tuấn; ThS. Ninh Văn Bình; ThS. Nguyễn Lê Huấn; TS. Hà Hải Dương; ThS. Nguyễn Bá Tiến; KS. Nguyễn Sĩ Thoại; ThS. Nguyễn Văn Bính, ThS.Nguyễn Duy Quang, ThS.Nguyễn Văn Lân, ThS.Võ Văn Thanh, ThS.Phạm Ngọc Hải, KS.Nguyễn Trung Ninh, KS.Hồ Trọng Bằng, PGS.TS.Nguyễn Nghĩa Hùng, CN.Nguyễn Hoàng Mỹ Linh, CN.Đỗ Thị Liên, ThS.Mai Việt Bảo, KS.Nguyễn Văn Thu, ThS.Lê Văn Thịnh, KS.Nguyễn Xuân Hòa, TS.Trần Thái Hùng, ThS.Lê Văn Kiệm, ThS.Đặng Thanh Bình, ThS.Bùi Văn Cường, KS.Nguyễn Văn Tưởng, ThS.Phan Trọng Hiếu, ThS.Lương Quốc Chính, ThS.Vũ Anh Đức, KS.Trần Thị Huyền Trang - Hồ Chí Minh - Viện khoa học thủy lợi miền nam, 2020 - 01/2016 - 08/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng tài nguyên nước và kiểm kê nguồn nước trong hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn 04 tỉnh vùng Nam Trung bộ (Phú Yên, Khánh Hòa, iv Ninh Thuận, Bình Thuận); Đánh giá thực trạng hạn hán, công tác phòng, chống hạn hán, thiếu nước ở các cấp, ngành, địa phương.., đề tài đã đi điều tra thực địa và thu thập các tài liệu ở các cơ quan ban ngành địa phương để đánh giá, phân tích những bất cập, khó khăn đang phải đối mặt;

Xây dựng Khung quản lý hạn tổng hợp cho vùng Nam Trung Bộ (Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên); Xây dựng Khung kế hoạch hành động phòng, chống hạn hán, bảo đảm quản lý hạn hán chủ động trong các cấp độ hạn xảy ra cho 02 tỉnh điển hình Ninh Thuận và Phú Yên (đã được sự đồng ý chấp thuận bằng văn bản áp dụng vào thực tế phục vụ sản xuất nông nghiệp của 2 tỉnh); Đề xuất Kế hoạch sử dụng nước theo từng cấp độ đảm bảo quản lý hạn hán chủ động trong các kịch bản cho 02 tỉnh điển hình Ninh Thuận và Phú Yên (đã được sự đồng ý chấp thuận bằng văn bản áp dụng vào thực tế phục vụ sản xuất nông nghiệp của 2 tỉnh; Đề xuất các giải pháp nhằm bổ sung, hoàn thiện chế chế, chính sách để thực hiện quản lý hạn hán hiệu quả cho vùng Nam Trung Bộ; - Biên soạn sổ tay hướng dẫn xây dựng khung và kế hoạch hành động phòng chống hạn chủ động cho các tỉnh vùng Nam Trung Bộ.

Số hồ sơ lưu: 18960

20201. Kỹ thuật điện và điện tử

79818.01-2022 **Nâng cao hiệu năng mạng vô tuyến chuyển tiếp sử dụng các giao thức truyền đa chặng cộng tác dưới sự tác động của giao thoa đồng kênh và suy giảm phần cứng**/ TS. Trần Trung Duy, TS. Trần Thanh Phương; TS. Tân Hạnh; TS. Lê Nguyên Khoa; ThS. Phạm Minh Nam; TS. Phù Trần Tín; ThS. Đặng Thế Hùng - Hồ Chí Minh - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cơ sở tại Tp. Hồ Chí Minh, 2021 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề tài nghiên cứu mạng chuyển tiếp và khảo sát sự tác động của nhiễu đồng kênh và phân cứng không hoàn hảo lên hiệu năng của hệ thống. Đề xuất các kỹ thuật chuyển tiếp đa chặng cộng tác nâng cao hiệu năng cho mô hình chuyển tiếp đa chặng trong mạng thông tin vô tuyến thông thường (không phải mạng vô tuyến nhận thức, mạng thu thập năng lượng sóng vô tuyến và mạng bảo mật lớp vật lý). Nghiên cứu đề xuất và đánh giá hiệu năng cho các giao thức chuyển tiếp đa chặng cộng tác trong mạng vô tuyến nhận thức dưới sự tác động chung của giao thoa đồng kênh và suy hao phần cứng. Nghiên cứu, đề xuất và đánh giá hiệu năng cho các giao thức chuyển tiếp đa chặng cộng tác trong mạng thu thập năng lượng sóng vô tuyến dưới sự tác động chung của giao thoa đồng kênh và suy hao phần cứng. Nghiên cứu, đề xuất và đánh giá hiệu năng cho các giao thứcchuyển tiếp đa chặng cộng tác trong mạng bảo mật lớp vật lý dưới sự tác động chung của giao thoa đồng kênh và suy hao phần cứng.

Số hồ sơ lưu: 18798

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..

79136.01-2022 **Nâng cao chất lượng quản trị, nội dung thông tin trên hệ thống cổng thông tin điện tử Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam**/ TS. Nguyễn Xuân Khoát, KS. Vũ Đình Hưng; ThS. Nguyễn

Minh Hồng; CN. Nguyễn Thu Trang; CN. Vũ Hồng Quân; CN. Quang Huyền Ngọc; ThS. Ngô Huy Biên; KS. Nguyễn Xuân Thuyên - Hà Nội - Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, tổng hợp những luận cứ khoa học, thực tiễn cho việc nâng cao chất lượng quản trị, nội dung thông tin trên hệ thống cổng thông tin điện tử Viện Hàn lâm. Phân tích đánh giá thực trạng hệ thống cổng thông tin điện tử tại Viện Hàn lâm; Xây dựng quy trình thống nhất quản trị, quản lý, cung cấp thông tin, tiếp nhận, biên tập, kiểm duyệt và đăng tải tin bài, xuất bản thông tin trên hệ thống cổng thông tinphù hợp với đặc thù của Viện Hàn lâm; Chỉnh sửa, xây dựng bổ sung mới một số modul, giao diện để hoàn thiện hệ thống thông tin trên cổng thông tin điện tử Viện Hàn lâm và một số cổng thành viên; thiết kế giao diện, thiết kế chức năng trong hệ thống cổng thông tin và một số cổng thành viên đảm bảo thân thiện hơn với người sử dụng. Đề xuất các giải pháp khả thi nhằm nâng cao chất lượng quản trị, nội dung thông tin trên hệ thống cổng thông tin điện tử Viện Hàn lâm; Nâng cao nghiệp vụ (quản trị, biên tập tin bài, nghiệp vụ báo chí cơ bản, ...) cho các đối tượng có liên quan.

Số hồ sơ lưu: 18325

79139.01-2022 **Nghiên cứu giải pháp mạng định nghĩa bằng phần mềm ứng dụng cho hệ thống VNIX**/ ThS. Nguyễn Trường Giang, KS. Nguyễn Tiến Dũng; KS. Phan Xuân Dũng - Hà Nội - Trung tâm Internet Việt Nam, 2020 - 01/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu giải pháp mạng định nghĩa bằng phần mềm (Software Define Network); đề xuất mô hình giải pháp áp dụng cho hệ thống trạm trung chuyển lưu lượng Internet quốc gia (VNIX). Đề xuất giải pháp mạng định nghĩa bằng phần mềm áp dụng cho hệ thống VNIX.

Số hồ sơ lưu: 18333

79140.01-2022 **Nghiên cứu, triển khai hệ thống phát hiện, cảnh báo bất thường về truy vấn, sử dụng tên miền .VN trên hệ thống DNS Quốc gia.**/ ThS. Trần Cảnh Toàn, TS. Trần Minh Tân; ThS. Nguyễn Trường Thành; KS. Tạ Bắc Hà - Hà Nội - Trung tâm Internet Việt Nam, 2020 - 01/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng nền tảng lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn, hiệu năng cao để áp dụng vào thu thập, phân tích, lưu trữ và xử lý dữ liệu truy vấn DNS phân tán trên các máy chủ DNS quốc gia Việt Nam. Xây dựng cơ chế và module phát hiện các bất thường về truy vấn DNS tới hệ thống DNS quốc gia Việt Nam và các tên miền .VN. Xây dựng phần mềm giám sát truy vấn DNS tới hệ thống DNS quốc gia Việt Nam và phát hiện cảnh báo bất thường về truy vấn DNS tới hệ thống DNS quốc gia Việt Nam và tên miền .VN. Tiến hành thử nghiệm và đánh giá hệ thống để đề xuất lộ trình triển khai thực tế và kiến nghị hướng phát triển tiếp theo của đề tài.

Số hồ sơ lưu: 18332

79968.01-2022 **Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ liên kết sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị tỉnh Cao Bằng**/ Phạm Việt Cường, ThS. Phạm Việt Cường; KS. Vũ Tiến Thành; KS. Kiều Quang Toàn; KS. Vũ Văn Hạnh; KS.Phan Thu Quyên; KS. Lưu Tuấn Anh; KS.Nông Văn Thịnh; KS. Nguyễn Thành Trung; Nguyễn Trung Kiên; KS.Đàm Xuân Sơn - Công ty cổ phần công nghệ Bình Minh, 2019 - 10/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đầu tư xây dựng Hệ thống cổng thông tin điện tử giao dịch đa chiều về kết nối "4 nhà": Hệ thống được xây dựng trên nền tảng PHP phiên bản mới nhất (7.0), Cấu trúc theo chuẩn của Laravel 5.2, sử dụng ngôn ngữ lập trình hiện đại, CSDL mySQL. Thông qua hệ thống người nông dân và chính quyền cấp xã có thể đăng tải các thông tin liên quan đến quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp, cụ thể các diện tích canh tác có thể tham gia liên kết sản xuất nông nghiệp, các điều kiện về khí hậu, thổ nhưỡng trình độ canh tác, kỹ thuật sản xuất ... Thông qua hệ thống các doanh nghiệp có nhu cầu sản xuất nông nghiệp có thể dựa vào các thông tin của người dân, chính quyền cấp xã cung cấp để liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

Số hồ sơ lưu: 9

80260.01-2022 **Nghiên cứu xây dựng nền tảng công nghệ thông tin hỗ trợ công tác tổ chức quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia**/ PGS.TS. Hà Quốc Trung, Vũ Văn Phán; Huỳnh Thị Thanh Bình; Trịnh Văn Hùng; Nguyễn Văn Quyết; Phạm Hải Sơn; Nguyễn Bình Minh; Vũ Văn Thiệu; Nguyễn Thị Hồng; Tống Việt Hùng; Mai Thanh Huyền; Nguyễn Quốc Việt; Nguyễn Khánh Linh; Nguyễn Thanh Hưng; Nguyễn Thị Minh; Nguyễn Thị Việt Nga; Nguyễn Xuân Long; Cù Kim Long; Nguyễn Hữu Việt; Nguyễn Quang Tiệp; Nguyễn Việt Thắng; Đỗ Mạnh Long; Lê Văn Thanh; Hoàng Thế Minh; Nguyễn Xuân Thường; Vũ Thị Huyền Trang; Ngô Thị Ánh ; Phạm Thị Én Thoa ; Nguyễn Đức Tùng; Lê Văn Nam ; Nguyễn Đức Hà; Lê Thị Hường; Nguyễn Thị Thu Hương; Nguyễn Hùng Thanh ; Nguyễn Hoài Nam; Lưu Tân Thịnh; Đỗ Ninh Tất Điệp; Đỗ Quốc Thái; Đỗ Ngọc Quang; Phạm Khánh Duy; Trần Vĩnh Đức; Trần Hoàng Hải; Nguyễn Văn Phong; Ngô Văn Thành - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ thông tin, 2020 - 06/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tin học hoá quy trình nghiệp vụ tổ chức quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia. Xây dựng nền tảng công nghệ thông tin hỗ trợ tổ chức quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia. Sử dụng phương pháp khảo sát thực tế hiện quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia tại Bộ khoa học và công nghệ và khảo sát các hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ trên thế giới và tại Việt Nam. Từ kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu của hiện trạng quản lý để tiếp thu, đề xuất xây dựng quy trình

tin học hóa phù hợp với thực tế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia tại Bộ khoa học và công nghệ. Nghiên cứu khảo sát, xây dựng các giải pháp và công nghệ triển khai hệ thống. Đề xuất mô hình tin học hóa nghiệp vụ quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

Số hồ sơ lưu: 18543

20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông

79807.01-2022 **Nghiên cứu xây dựng Cẩm nang truyền thông khoa học và công nghệ**/ TS. Trần Quang Tuấn, TS. Trần Quang Tuấn; ThS. Ngũ Văn Hiệp; ThS. Nguyễn Văn Khải; ThS. Đinh Thị Hoàn; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; CN. Đoàn Thị Thanh; KS. Trịnh Văn Nguyên; PGS.TS. Đặng Thị Thu Hương; Lương Thanh Nghị; TS. Lê Huy Tùng - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Truyền thông Khoa học và Công nghệ, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp và làm rõ cơ sở lý luận thực tiễn về vai trò Cẩm nang Khoa học và Công Nghệ cho các đối tượng là nhà quản lý , nhà khoa học, nhà báo, doanh nghiệp; Phân tích và làm rõ sự cần thiết trong việc xây dựng Cẩm nang truyền thông Khoa học và Công nghệ; kinh nghiệm xây dựng Cẩm nang truyền thông Khoa học và Công nghệ tại Việt Nam và một số nước trên thế giới; Bổ sung vào hệ thống tài liệu phục vụ nghiên cứu và giảng dạy cho ngành báo chí và các đơn vị làm công tác truyền thông về KH&CN.

Số hồ sơ lưu: 18818

79810.01-2022 **Các giải pháp phát triển khu công nghệ cao trong điều kiện cách mạng công nghiệp 4.0**/ PGS.TS. Đặng Thị Phương Hoa, CN. Nguyễn Thu Phương; PGS.TS. Nguyễn Hữu Đạt; PGS.TS. Lê Bộ Lĩnh - Hà Nội - Viện kinh tế Việt Nam, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Trong số các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển khu công nghệ cao (KCNC), chính sách phát triển KCNC là yếu tố quan trọng nhất bởi tính kiến tạo của nó. Trong khuôn khổ cho phép, đề tài lựa chọn nghiên cứu các giải pháp chính sách tạo lập hệ sinh thái vận hành 1 KCNC (trường – công nghiệp – chính phủ) trên cơ sở kinh nghiệm chính sách phát triển KCNC từ Hàn Quốc và Trung Quốc cũng như tổng kết thực trạng chính sách phát triển 3 KCNC Việt Nam. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng phát triển các KCNC ở Việt Nam, tham khảo kinh nghiệm phát triển KCNC quốc gia của Trung Quốc và Hàn Quốc, đề tài đề xuất một số giải pháp chính sách phát triển KCNC trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0.

Số hồ sơ lưu: 18819

79820.01-2022 **Phát triển ăng-ten băng rộng nhiều búp sóng cho trạm gốc di động 5G**/ PGS.TS. Nguyễn Quốc Định, TS. Nguyễn Tuấn Hưng; PGS.TS. Trương Vũ Bằng Giang; TS. Hoàng Đình Thuyên; TS. Lê Minh Thùy; TS. Lê Trọng Trung; ThS. Nguyễn Thanh Bình; ThS. Phan Văn Hưng - Hà Nội

- Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu lý thuyết, lựa chọn thuật toán thiết kế mảng ăng-ten có mức cánh sóng bên thấp với hệ số kích thích (pha và biên độ) đến tất cả các phần tử trong mảng là đồng nhất. Lựa chọn cấu trúc của các phần tử hợp thành mảng ăng-ten, đánh giá sự ảnh hưởng của cấu trúc các phần tử đến đặc tính điện của mảng ăng-ten. Nghiên cứu lựa chọn kỹ thuật tạo nhiều búp sóng trong mảng ăng-ten dải rộng. Đánh giá tính hiệu quả về khả năng hoạt động trong dải tần số rộng, nhiều búp sóng, khả năng nén grating lobe giữa các cấu trúc ăng-ten mảng, ăng-ten mảng phản xạ và ăng-ten thấu kính; qua đó phân tích khả năng ứng dụng của các cấu trúc này tại trạm gốc trong thông tin di động 5G.

Số hồ sơ lưu: 18812

20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng

79967.01-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ nấu luyện sten chất lượng cao từ nguồn quặng sunfua đa kim niken-đồng Cao Bằng**/ Phạm Đức Thắng, Phạm Đức Thắng; Nguyễn Trung Kiên; Ngô Huy Khoa; Hồ Ngọc Hùng; Đỗ Nguyễn Huy Tuấn; Đỗ Thị Duyên; Lê Hồng Duyên; Nguyễn Bá Phương - Viện Khoa học Vật liệu - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2020 - 03/2017 - 02/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ nấu luyện sten từ quặng sunfua đa kim Cao Bằng. Áp dụng thử nghiệm mẻ lớn công nghệ nấu luyện đã hoàn thiện nhằm chế tạo ra sten chất lượng cao từ quặng sunfua đa kim Cao Bằng

Số hồ sơ lưu: 8

20399. Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy khác

80408.01-2022 **Mô hình máy phay CNC**/ Khuất Anh Vũ, CN. Nguyễn Xuân Hưng; KS. Hồ Văn Nguyên; KS. Phạm Thành Tây; KS. Cử nhân Huỳnh Văn Sảnh; ThS Nguyễn Đại Lợi - Bộ môn cắt gọt kim loại, 2019 - 05/2018 - 05/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Vẽ thiết kế tổng quan và chi tiết kết cấu phần khung mô hình máy phay CNC. Tiến hành gia công và lắp đặt các bộ phận chi tiết của phần khung mô hình máy phay CNC. Lắp đặt hệ thống điện và cái đặt chương trình điều khiển để điều khiển mô hình máy phay CNC. Tiến hành chạy kiểm nghiệm và hoàn thiện mô hình máy phay CNC.

Số hồ sơ lưu: K20

79798.01-2022 **Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất hợp kim đồng thay thế hợp kim Cu-Cr,Cu-Be trong sản xuất các chi tiết hàn, điện cực hàn phục vụ trong ngành cơ khí**/ ThS. Hoàng Văn Quân, ThS. Lê Việt Dũng; ThS. Nguyễn Minh Đạt; KS. Hà Mạnh Thành; KS. Ngô Văn Quyền; CN. Đào Thị Huệ; CN. Nguyễn Huy Long; CN. Nguyễn Huy Dũng; KS. Đỗ Minh Thắng; ThS. Nguyễn Xuân Minh - Hà Nội - Viện khoa học và

công nghệ mỏ - luyện kim, 2021 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lựa chọn mác hợp kim thay thế hợp kim Cu-Cr, Cu-Be. Nghiên cứu nấu luyện tạo mác hợp kim đồng thay thế đã lựa chọn. Nghiên cứu lựa chọn chế độ nhiệt luyện hợp lý đối với hợp kim đồng thay thế đã lựa chọn. Sản xuất một số chi tiết điện cực hàn, bánh xe hàn từ hợp kim đồng thay thế đã lựa chọn.

Số hồ sơ lưu: 18801

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)

79965.01-2022 **Nghiên cứu đa dạng hóa các sản phẩm chăm sóc cá nhân từ nguồn nguyên liệu dầu dừa tỉnh Bến Tre**/ Phó Giáo sư-Tiến sĩ Bạch Long Giang, PGS.TS. Bạch Long Giang; ThS. Trần Thiện Hiền; PGS.TS. Lê Thị Hồng Nhan; TS. Lê Xuân Tiến; KS. Phạm Trí Nhựt; KS. Trần Thị Kim Ngân; ThS. Nguyễn Phú Thương Nhân; TS. Phan Nguyễn Quỳnh Anh; DS. Nguyễn Ngọc Quý; TS. Mai Huỳnh Cang; KS. Đoàn Văn Đảnh; CN Cao Thị Kim Thoa; KS Ngô Thị Cẩm Quyên; TS Nguyễn Duy Trinh - TP Hồ Chí Minh - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, 2021 - 09/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu quy trình sản xuất và phát triển sản phẩm từ nguồn nguyên liệu dầu dừa tự nhiên sẵn có tại tỉnh Bến Tre để đa dạng hóa các sản phẩm chăm sóc cá nhân nhằm nâng cao giá trị sử dụng, tăng thu nhập cho người nông dân, góp phần phát triển kinh tế bền vững của địa phương.

Số hồ sơ lưu: BTE-155-2021

79116.01-2022 **Nghiên cứu ứng dụng vật liệu composite nhiệt dẻo gia cường CFRTP/PEEK vào chế tạo cấu trúc vệ tinh nhỏ ở Việt Nam**/ ThS. Trương Xuân Hùng, ThS. Bùi Nam Dương; ThS. Nguyễn Đình Châu Minh; ThS. Trịnh Thăng Long; ThS. Nguyễn Đức Minh; ThS. Nguyễn Tiến Sự - Hà Nội - Trung tâm Vũ trụ Việt Nam, 2019 - 05/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng vật liệu composite CFRTP/PEEK vào vệ tinh nhỏ. Tạo nền tảng cơ sở để ứng dụng vật liệu composite CFRTP/PEEK vào nhiều ngành công nghệ khác (ngoài chế tạo vệ tinh) ở Việt Nam. Kết quả đầu ra bao gồm: Các chuyên gia (nghiên cứu viên, kỹ sư) thành thạo kĩ năng, có chứng nhận đã tham gia quá trình chuyển giao tri thức về phương pháp gia công nhiệt và ứng dụng vào cấu trúc vệ tinh nhỏ của vật liệu CFRTP/PEEK. Hai mô hình nhiệt cấu trúc (STM) của vệ tinh nhỏ lớp Nano, một mô hình chế tạo tại Nhật Bản và một mô hình chế tạo tại Việt Nam. Các mô hình này đều đã thông qua các loại thử nghiệm về tính năng và khả năng đáp ứng các chức năng cơ bản của cấu trúc vệ tinh nhỏ.

Số hồ sơ lưu: 18312

79141.01-2022 **Hoàn thiện công nghệ sản xuất bóng đá đạt**

tiêu chuẩn FIFA từ vật liệu da nhân tạo/ KS. Nguyễn Trọng Thấu, CN. Nguyễn Tiến Đức; CN. Lê Thị Vân; CN. Vũ Văn Kiên; KS. Hoàng Quốc Việt; CN. Bùi Ngọc Tuấn; CN. Lê Đình Khôi; CN. Đồng Sĩ Mạnh; CN. Lê Ngọc Giáp; CN. Lê Thị Lý; CN. Nguyễn Trọng Tín; KS. Nguyễn Văn Hùng; ThS. Lê Kim Cương; KS. Lê Tế Tâm; CN. Trần Văn Thắng; CN. Nguyễn Bá Trung; ThS. Hoàng Quốc Cường; KS. Nghiêm Quý Tuấn; CN. Nguyễn Mạnh Hợp - Thanh Hóa - Công ty Cổ phần dụng cụ thể thao Delta, 2020 - 09/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện và làm chủ hoàn toàn công nghệ sản xuất bóng đá đạt các tiêu FIFA từ vật liệu da nhân tạo. Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn và chuyển giao toàn bộ Quy trình công nghệ sản xuất cho các đơn vị sản xuất bóng thể thao. Chất lượng sản phẩm bóng đá đạt tiêu chuẩn FIFA. Năng suất sản xuất tối thiểu tăng gấp 2 lần so với hiện tại. Sản phẩm ngày một thân thiện với môi trường. Giá thành sản phẩm giảm tối thiểu 30%. Kết quả nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm được tập hợp thành các bộ hồ sơ chuẩn về Công nghệ, quy trình sản xuất, quy trình kiểm soát chất lượng để áp dụng cho việc sản xuất bóng đá thể thao từvật liệu da nhân tạo hoặc chuyển giao công nghệ cho các đơn vị có nhu cầu.

Số hồ sơ lưu: 18323

79160.01-2022 **Nghiên cứu chế tạo phân bón nano nhả chậm thân thiện với môi trường và ứng dụng trong canh tác cây ngắn ngày**/ TS. Nguyễn Minh Việt; TS.Trần Đình Trinh; GS.TS.NTS. Trần Đình Trinh; GS.TS. Nguyễn Văn Nội; TS. Hà Minh Ngọc; TS. Phạm Thanh Đông; PGS.TS. Nguyễn Minh Phương; TS. Nguyễn Ngân Hà; TS. Trần Thị Việt Hà; ThS. Hoàng Thu Trang; Nguyễn Văn Nội; TS.Hà Minh Ngọc; TS.Phạm Thanh Đông; PGS.TS.Nguyễn Minh Phương; TS.Nguyễn Ngân Hà; TS.Trần Thị Việt Hà; ThS.Hoàng Thu Trang - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Chế tạo phân bón nhả chậm, phân bón bọc polymer chứa các nguyên tố đa lượng và vi lượng cung cấp cho cây trồng. Tổng hợp thành công vật liệu than sinh học từ cơ sở vỏ trấu và lõi ngô ban đầu. Vật liệu than sinh học và phân bón nhả chậm có bề mặt xốp và diện tích bề mặt riêng tương đối lớn (khoảng 40-68m2/g). Sau đó, vật liệu than sinh học được sử dụng để tổng hợp các loại phân bón nhả chậm và phân bón nhả chậm bọc polymer.

Số hồ sơ lưu: 18338

20406. Kỹ thuật hoá dầu

79814.01-2022 **Nghiên cứu khả năng hấp thu platin lên chất mang rắn tẩm chất lỏng ion định hướng thu hồi kim loại quí từ xúc tác lọc dầu đã qua sử dụng**/ PGS.TS. Bùi Thị Lệ Thủy, PGS.TS. Nguyễn Anh Dũng; TS. Nguyễn Đình Độ; TS. Nguyễn Thị Linh; ThS. Uông Thị Ngọc Hà; ThS. Hồ Văn Sơn; TS. Công Ngọc Thắng -

Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 2020 - 04/2017 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp và lựa chọn chất lỏng ion, tẩm lên chất mang rắn để chế tạo được một số hệ vật liệu hấp thu an toàn môi trường. Xác định khả năng hấp thu platin lên các hệ vật liệu đó và khả năng thu hồi vật liệu hấp thu từ đó lựa chọn được hệ vật liệu cho quá trình thu hồi Pt. Xây dựng qui trình thu hồi Pt trong xúc tác thải của nhà máy lọc dầu.

Số hồ sơ lưu: 18809

20499. Kỹ thuật hóa học khác

79773.01-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý chấ t lượng đối với axit clohydric công nghiệp** / ThS. Bùi Thế Cường , KS. Nguyễn Đắc Khánh; TS. Trần Kim Liên; KS. Nguyễn Hưng Thuận; ThS. Trần Nguyên Hanh; Cử nhân. Nguyễn Tiến Thành; CN. Nguyễn Thị Thanh Nga; KS. Nguyễn Văn Sáng; ThS. Nguyễn Văn Kiên; ThS. Nguyễn Thị Khánh Hằng - Hà Nội - Cục Hóa chất, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, thu thập tài liệu về hiện trạng sản xuất, kinh doanh, sử dụng axit clohydric công nghiệp. Đánh giá hiện trạng và xây dựng mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý đối với axit clohydric công nghiệp. Xây dựng dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về axit clohydric công nghiệp. Đề xuất biện pháp và yêu cầu quản chất lượng thông qua việc quản lý chất lượng bằng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về axit clohydric công nghiệp. Xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 18795

79774.01-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật, yêu cầu quản lý chất lượng đối với axit sunfuri c công nghiệp** / ThS. Lê Phương Thùy, Kỹ sư. Đặng Văn Thực; ThS. Nguyễn Thị Thêu; Kỹ sư. Phạm Lê Hoàng; ThS. Văn Huy Vương; ThS. Lê Việt Thắng; ThS. Nguyễn Văn Kiên; ThS. Phạm Huy Nam Sơn; ThS. Nguyễn Văn Đĩnh; ThS. Đoàn Thị Xuân Liễu; ThS. Hoàng Phương Lan - Hà Nội - Cục Hóa chất, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan mức giới hạn về đặc tính kỹ thuật về yêu cầu quản lý chất lượng đối với axit sunfuric công nghiệp trong nước và ngoài nước. Khảo sát hiện trạng sản xuất, kinh doanh, sử dụng axit sunfuric công nghiệp tại Việt Nam. Nghiên cứu xây dựng mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật về yêu cầu quản lý đối với axit sunfuric công nghiệp. Đề xuất dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với axit sunfuric công nghiệp. Xây dựng báo cáo tổng hợp.

Số hồ sơ lưu: 18794

79775.01-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý chất lượng đối với axit nitric cho sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ**

và các sản phẩm công nghiệp/ ThS. Trần Nguyên Hanh , ThS. Bùi Thế Cường; TS. Nguyễn Chí Thanh; ThS. Văn Huy Vương; ThS. Nguyễn Tiến Thành; CN. Nguyễn Thị Thanh Nga; ThS. Vũ Thị Hương; KS. Nguyễn Văn Sáng; TS. Nguyễn Mai Cương; ThS. Đinh Thị Tâm; ThS. Nguyễn Thị Lan Anh - Hà Nội - Cục Hóa chất, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát hiện trạng sản suất, kinh doanh, sử dụng đối với các axit nitric dùng cho sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ và các sản phẩm công nghiệp. Nghiên cứu xây dựng mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý đối với axit nitric dùng cho sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ và các sản phẩm công nghiệp. Đề xuất dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với axit nitric dùng cho sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ và các sản phẩm công nghiệp. Xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 18792

79776.01-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý chất lượng đối với axit phosphoric kỹ thuật và axit phosphoric thực phẩm** / ThS. Nguyễn Thanh Loan , ThS. Nguyễn Kim Liên; KS. Nguyễn Hưng Thuận; ThS. Vũ Thị Hương; ThS. Phạm Huy Nam Sơn; ThS. Nguyễn Thị Thương Giang; ThS. Nguyễn Thị Thúy Hường; CN. Nguyễn Thị Ninh; ThS. Nguyễn Văn Đĩnh; ThS. Đoàn Thị Xuân Liễu; ThS. Hoàng Phương Lan - Hà Nội - Cục Hóa chất, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan mức giới hạn và đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý chất lượng đố i với axit photphoric kỹ thuật và axit photphoric thực phẩm trong nước và ngoài nước. Khảo sát hiện trạng sản xuất, kinh doanh, sử dụng axit photphoric kỹ thuật và axit photphoric thực phẩm. Nghiên cứu xây dựng mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý đối với axit photphoric kỹ thuật và axit photphoric thực phẩm. Đề xuất dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với axit photphoric kỹ thuật và axit photphoric thực phẩm. Xây dựng báo cáo tổng hợp.

Số hồ sơ lưu: 18793

79777.01-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật, yêu cầu quản lý trong sản xuất hóa chất phốt pho vàng công nghiệp**/ KS. Đặng Văn Thực , ThS. Bùi Thế Cường ; TS. Nguyễn Chí Thanh; ThS. Trần Nguyên Hanh ; ThS. Nguyễn Thị Thêu; KS. Nguyễn Hưng Thuận; CN. Nguyễn Thị Ninh; ThS. Nguyễn Thanh Loan ; KS. Nguyễn Đắc Khánh ; CN. Phạm Lê Hoàng - Hà Nội - Cục Hóa chất, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan mức giới hạn về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý trong sản xuất hóa chất phốt pho vàng công nghiệp trong nước và ngoài nước. Khảo sát hiện trạng sản xuất, kinh doanh, sử dụng phốt pho

vàng công nghiệp tại Việt Nam. Nghiên cứu xây dựng mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý trong sản xuất hóa chất phốt pho vàng công nghiệp. Đề xuất dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với phốt pho vàng công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 18791

20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen

79125.01-2022 **Nghiên cứu chế tạo cánh bắn bi chịu mài mòn cao trong máy phun bi**/ TS. Hoàng Anh Tuấn, KS. Phan Khắc Hùng; KS. Mai Văn Cương; KS. Nguyễn Vinh Ngọc; KS. Ngô Bảo Trung; KS. Cao Văn Quang; KS. Nguyễn Quốc Toản; KS. Trương Văn Doan; ThS. Nguyễn Đức Giáp; KS. Đỗ Xuân Ngôi - Hà Nội - Viện công nghệ, 2020 - 01/2020 - 01/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu điều kiện làm việc và các dạng sai hỏng của sản phẩm cánh bắn bi với vật liệu cũ là gang trắng Crom cao hợp kim hóa 1,5-2%Mo sau đúc, từ yêu cầu cơ tính để nghiên cứu lựa chọn vật liệu. Nghiên cứu mác gang và quy trình công nghệ chế tạo sản phẩm để đáp ứng được yêu cầu tăng tuổi thọ. Lựa chọn phải phù hợp với thực tế sản xuất đúc của Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh. Tiến hành đúc, nhiệt luyện mẫu để nghiên cứu một số tính chất của mác gang đã lựa chọn để từ đó định hướng lựa chọn mác gang và chế độ công nghệ phù hợp để tiến hành sản xuất sản phẩm. thực nghiệm đúc sản phẩm tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh với mác gang được lựa chọn. Sản phẩm được kiểm tra độ cứng và kích thước trước khi nhiệt luyện.

Số hồ sơ lưu: 18319

20510. Gốm

79156.01-2022 **Nghiên cứu, chế tạo tích hợp hệ thiết bị khắc 3D trong thủy tinh sử dụng laser bước sóng 532 nm**/ ThS. Đỗ Xuân Tiến, TS. Trần Thị Vân Anh; ThS. Giang Mạnh Khôi; KS. Phạm Chí Hiếu; ThS. Vũ Văn Liệu; KS. Nguyễn Phương Đông; KS. Trương Đức Toàn; CN. Phạm Trung Kiên; ThS. Phan Đình Thắng; KS. Đinh Văn Giang - Hà Nội - Trung Tâm Công Nghệ Laser, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Chế tạo tích hợp một hệ thiết bị khắc laser 3D bên trong khối thủy tinh dựa trên các module và linh kiện bán thành phần trên thị trường. Điều này giúp đảm bảo chất lượng và độ ổn định của thiết bị trong quá trình sử dụng. Cùng với đó tiến hành thử nghiệm khắc laser 3D bên trong một số loại vật liệu trong suốt phổ biến như thủy tinh, pha lê, acrylic..., từ đó xây dựng quy trình đầy đủ về quá trình khắc laser 3D nhằm thu được các sản phẩm có chất lượng tốt nhất.

Số hồ sơ lưu: 18344

20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)

79829.01-2022 **Nghiên cứu tổng hợp màng trên cơ sở vật liệu graphen và graphen biến tính ứng dụng để lọc nước biển và xử lý môi**

trường/ PGS.TS. Nguyễn Thị Vương Hoàn, ThS. Nguyễn Ngọc Minh; PGS.TS. Vũ Anh Tuấn; TS. Nguyễn Ngọc Tuệ; TS. Nguyễn Văn Thắng; TS. Trương Thanh Tâm; ThS. Lê Hà Giang - Bình Định - Trường Đại học Quy Nhơn, 2020 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp graphen oxit (GO), graphen oxit dạng khử (rGO) và tổng hợp vật liệu coposit (Fe_3O_4/GO, rGO; TiO_2/GO và GO biến tính; Ag-TiO_2/rGO; Ti0$_2$/Dia-GO và A12O3-GO) để từ đó chế tạo vật liệu màng trên cơ sở GO và GO biến tính trên nền polysulfon (PSf). Nghiên cứu khả năng tách lọc muối của các màng trước và sau biến tính, thực hiện ở áp suất không cao. Đồng thời, nghiên cứu khả năng hấp phụ chọn lọc asen và một số kim loại nặng trong dung dịch nước, đánh giá khả năng phục hồi năng suất lọc màng, độ bền của màng và nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tách lọc qua màng. Tiến hành khảo sát tính chất xúc tác qua màng của các vật liêu composit TiO_2/GO và rGO; Ag-TiO_2/GO, rGO và TiO_2/Dia-GO dựa vào mức độ chuyển hóa các hợp chất hữu cơ.

Số hồ sơ lưu: 18840

20513. Gỗ, giấy, bột giấy

80154.01-2022 **Nghiên cứu quy trình công nghệ tái chế rác thải rắn của nhà máy sản xuất giấy bao bì công nghiệp tại Việt Nam**/ CN. Vương Phan Linh, KS. Lương Thị Hồng; KS. Đinh Ngọc Ninh; KS. Nguyễn Việt; TS. Đặng Văn Sơn; TS. Nguyễn Thị Thu Hiền; KS. Nguyễn Thị Phương Thanh; KS. Ngô Văn Năm; ThS. Lê Mạnh Anh; TS. Lê Thị Mỹ Hạnh - Hà Nội - Công ty cổ phần công nghệ Xen_lu_lo, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu phân loại rác thải nhựa trong chất thải rắn của quá trình sản xuất giấy bao bì công nghiệp; Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ tái chế rác thải nhựa và thu hồi xơ sợi bột giấy; Nghiên cứu thiết kế dây chuyền thiết bị tái chế rác thải nhựa quy mô công suất 10 tấn/ngày; Chế tạo và lắp đặt dây chuyền thiết bị tái chế rác thải nhựa quy mô công suất 10 tấn ngày; sản xuất thử; Đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, môi trường và tính khả thi nhân rộng;

Số hồ sơ lưu: 18961

20604. Kỹ thuận chẩn đoán bệnh

79795.01-2022 **Nghiên cứu tổng hợp hệ đa chức năng nano lai Fe3O4@silica xốp biến tính Pluronic ứng dụng trong phát hiện và trị ung thư**/ PGS.TS. Nguyễn Đại Hải, GS.TS. Nguyễn Cửu Khoa; PGS.TS. Trần Ngọc Quyển; TS. Nguyễn Hoàng Duy; Nguyễn Thị Ngọc Trăm; ThS. Phạm Nguyên Đông Yên; CN. Trần Nguyễn Diễm Hương - Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Vật liệu ứng dụng, 2021 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu điều chế và đánh giá tính chất nano sắt từ - Nghiên cứu phủ silica cấu trúc xốp lên bề mặt hạt nano sắt từ (Fe_3O_4@SiO_2). Nghiên cứu biến tính pluronic lên

trên bề mặt của Fe_3O_4@SiO_2 (Fe_3O_4@SiO_2-SSPluronic) thông qua cầu nối disulfide (SS). Đánh giá khả năng mang thuốc doxorubicin (DOX) và paclitaxel (PTX) của hệ Fe_3O_4@SiO_2-SS-Pluronic. Đánh giá khả phóng thích thuốc DOX và PTX của hệ Fe_3O_4@SiO_2-SS-Pluronic ở các điều kiện khác nhau (nhiệt độ, môi trường oxy hóa khử, pH…). Nghiên cứu biến tính bề mặt của Fe_3O_4@SiO_2-SS-Pluronic với tác nhân hướng đích folic acid (FA) và đánh giá khả năng hướng đích dưới tác dụng từ trường ngoài. Đánh giá khả năng ngăn chặn và tiêu diệt khối tế bào ung thư của hệ nano mang thuốc kép. Đánh giá khả năng diệt tế bào ung thư bằng phương pháp nhiệt hóa trị và hiệu ứng hiệp đồng với thuốc ung thư. Đánh giá khả năng tăng cường tín hiệu hình ảnh khối u.

Số hồ sơ lưu: 18805

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật

79392.01-2022 **Khảo sát, đánh giá vai trò của văn hóa cộng đồng trong bảo vệ môi trường ở làng nghề hiện nay và đề xuất giải pháp**/ TS. Trần Ngọc Ngoạn, ThS.Nguyễn Thị Huyền Thu; ThS.Mai Hải Linh; TS.Nguyễn Thị Bích Nguyệt; ThS.Cao Thị Thanh Nga; ThS.Bùi Thị Cẩm Tú; ThS.Nguyễn Thị Hòa; ThS.Đặng Thành Trung; ThS.Nguyễn Thị Thu Hà; CN.Nguyễn Thị Hằng - Hà Nội - Viện Địa lí nhân văn, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ được cơ sở lý thuyết về vai trò của văn hóa cộng đồng trong bảo vệ môi trường làng nghề; Đánh giá được thực trạng vai trò của văn hóa cộng đồng trong bảo vệ môi trường làng nghề hiện nay; Đề xuất được các giải pháp cho việc tăng cường vai trò và giá trị của văn hóa cộng đồng trong bảo vệ môi trường ở các làng nghề nước ta.

Số hồ sơ lưu: 18533

79403.01-2022 **Lựa chon, phát triển và ứng dụng hệ thống mô hình tích hợp dự báo môi trường biển quy mô khu vực**/ GS. TS. Đinh Văn Ưu, TS. Hà Thanh Hương; TS. Nguyễn Xuân Hiên; PGS.TS. Nguyễn Bá Thủy; PGS.TS. Nguyễn Thọ Sáo, PGS.TS. Đinh Văn Mạnh; PGS.TS. Trần Ngọc Anh; TS. Nguyễn Kim Cương; GS.TS. Nguyễn Trung Việt; TS. Vũ Công Hữu - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021 - 09/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Việc phát triển các mô hình quá trình cũng cần được xem xét trong từng bài toán cụ thể đi đôi với sự phát triển của các phương pháp số và những kỹ thuật kết nối giữa các mô hình không còn bị giới hạn bởi kỹ thuật và dung lượng của máy tính. Nhu cầu khai thác các cơ sở dữ liệu môi trường biển cũng được mở ra đồng thời với sự phát triển vượt bậc của các thiết bị giám sát cũng như kỹ thuật đồng hóa số liệu. Lựa chọn và phát triển được hệ thống mô hình tích hợp giám sát, cảnh báo và dự báo môi trường biển quy mô khu vực có tính linh động cao, được kiểm chứng. Có được kết quả ứng dụng hệ thống mô hình tích hợp giám sát, cảnh báo và dự báo môi trường biển đáp ứng các yêu cầu cảnh báo và dự

báo môi trường biển quy mô khu vực.

Số hồ sơ lưu: 18545

80165.01-2022 **Ứng dụng ảnh vệ tinh VNRedsat-1 (và tương đương) trong nghiên cứu đánh giá tổng hợp hiện trạng và biến động môi trường khu vực quần đảo Trường Sa phục vụ bảo vệ môi trường và quốc phòng an ninh**/ TS. Đỗ Huy Cường , PGS.TS. Nguyễn Khắc Khôi; TS. Lại Vĩnh Cẩm; TS. Nguyễn Tiến Hải; ThS. Bùi Thị Bảo Anh; TS. Đàm Đức Tiến ; ThS. Lê Đình Nam; ThS. Nguyễn Thị Nhân; ThS. Phạm Việt Hồng; TS. Nguyễn Ngọc Tiến - Hà Nội - Viện Địa chất và Địa vật lý biển, 2021 - 11/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đánh giá hiện trạng môi trường và tài nguyên san hô và cỏ biển khu vực nghiên cứu: (7 đảo đại diện cho 8 cụm đảo). Nghiên cứu về phương pháp xử lý và phân tích đơn phổ và đa phổ tư liệu VNREDSat-1 (và Ảnh vệ tinh QuickBird; SPOT) trong nghiên cứu và đánh giá hiện trạng và biến động lớp phủ khu vực nghiên cứu. Thành lập bộ bản đồ phân bố hiện trạng và biến động san hô, cỏ biển khu vực bãi ngập triều 7 đảo lớn (Trường Sa, Nam Yết , Sơn Ca , Song Tử Tây , Sinh Tồn, An Bang và Phan Vinh) thuộc khu vực quần đảo Trường Sa (tỷ lệ 1:10.000). Thành lập bộ bản đồ hiện trạng và dự báo xói lở các đảo nổi lớn thuộc khu vực quần đảo Trường Sa (tỷ lệ 1:10.000). Nghiên cứu biến động môi trường khu vực 8 cụm đảo theo số liệu ảnh vệ tinh VNRedsat-1 và Spot. Nghiên cứu xây dựng bộ cơ sở dữ liệu WEB-GIS cho các đối tượng nghiên cứu tại khu vực quần đảo Trường Sa. Nghiên cứu đề xuất định hướng kiểm soát và bảo vệ các bãi nổi tiềm ẩn và khu vực alton có vị trí địa chiến lược quan trọng.

Số hồ sơ lưu: 18964

20703. Kỹ thuật năng lượng và nhiên liệu không phải dầu khí

79794.01-2022 **Nghiên cứu phát triển công nghệ sấy gỗ rừng trồng sử dụng năng lượng mặt trời và công nghệ bơm nhiệt**/ TS. Bùi Duy Ngọc, ThS. Lê Thị Hưng; ThS. Hà Tiến Mạnh; ThS. Nguyễn Văn Giáp; TS. Nguyễn Quang Trung; TS. Phạm Anh Tuấn; TS. Trần Hồng Thao; TS. Phan Ngọc Hồng; PGS. TS.Hứa Thị Huần; Kỹ sư. Nguyễn Văn Thu; TS. Lương Như Hải; ThS. Trần Bằng Sơn - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2020 - 03/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình công nghệ tạo vật liệu hấp thụ năng lượng mặt trời làm mái cho Hệ thống thiết bị sấy sơ bộ gỗ xẻ rừng trồng . Xây dựng quy trình công nghệ sấy sơ bộ gỗ xẻ rừng trồng bằng năng lượng mặt trời. Xây dựng quy trình sấy gỗ xẻ rừng trồng bằng công nghệ bơm nhiệt chân không. Nâng cao hiệu quả quá trình sấy gỗ xẻ rừng trồng bằng giải pháp công nghệ thân thiện môi trường.

Số hồ sơ lưu: 18800

80158.01-2022 **Nghiên cứu nguyên nhân gây xói lở hạ lưu và**

đề xuất lựa chọn phương pháp tính toán phù hợp trong thiết kế, quản lý khai thác của một số công trình thủy điện lớn/ ThS. Hoàng Đức Thuật, ThS. Nguyễn Thế Hùng; ThS. Nguyễn Huy Thắng; ThS. Bùi Tiến Dũng; ThS. Nguyễn Như Tú; ThS. Phạm Minh Hiếu; KS. Dương Đức Tùng; ThS. Phạm Ngọc Rư; KS. Nguyễn Thị Quỳnh Phương; ThS. Phạm Minh Hòa; PGS.TS. Vũ Hoàng Hưng; ThS. Nguyễn Xuân Quang - Hà Nội - Viện năng lượng, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng xói lở hạ lưu; Phân tích nguyên nhân gây xói lở hạ lưu; Nghiên cứu đề xuất một số phương pháp phù hợp trong tính toán thiết kế và quản lý khai thác. Đối tượng nghiên cứu tập trung nghiên cứu 4 công trình thuộc khu vực miền Bắc và Bắc Trung bộ là các nhà máy thủy điện Lai Châu, Bản Chát, Tuyên Quang và Trung Sơn. Các nhà máy này đã sảy ra sạt lở hạ lưu trong thời gian vận hành. Phạm vi hạ lưu nghiên cứu là vùng sạt lở có thể gây tác hại cho công trình chính hoặc ảnh hưởng đến vận hành nhà máy, giới hạn chiều dài đoạn hạ lưu công trình nghiên cứu từ (10 ÷ 20)H (trong đó H là chênh cao giữa mực nước thượng lưu và hạ lưu công trình).

Số hồ sơ lưu: 18962

20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất

79117.01-2022 **Xác lập cơ sở khoa học để đánh giá triển vọng rubi, saphir trong các thành tạo đá hoa pegmatit khu vực bờ trái Sông Chảy**/ ThS. Nguyễn Thị Huyền, TS. Nguyễn Văn Nam; ThS. Nguyễn Tâm; ThS. Nguyễn Viết Tuân; KS. Trần Văn Trọng; CN. Nguyễn Đức Nam; ThS. Công Thị Diệp; ThS. Nguyễn Văn Hải; PGS. TS. Nguyễn Ngọc Khôi - Hà Nội - Viện khoa học địa chất và khoáng sản, 2020 - 06/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng mô hình thành tạo mỏ đá quý rubi, saphir kiểu liên quan với đá hoa và pegmatit ở khu vực bờ trái Sông Chảy, phục vụ cho công tác nghiên cứu, dự báo, đánh giá tiềm năng triển vọng khoáng sản đá quý ở Việt Nam. Xác định được các biến đổi quặng hóa chứa rubi, saphir (spinel) trong khu vực nghiên cứu thường có dạng ổ, dạng mạch và thấu kính, chiều dày từ vài cm đến vài mét phát triển trùng với các khe nứt, đứt gãy, đới phân phiến trong đá hoa của hệ tầng An Phú, tạo thành dải kéo dài theo phương Tây Bắc Đông Nam, song song với đứt gãy Sông Chảy.

Số hồ sơ lưu: 18318

79874.01-2022 **Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ thu hồi kim loại có ích trong bụi lò cao luyện xỉ giàu mangan**/ ThS. Nguyễn Hồng Quân, KS. Ngô Văn Quyền; KS. Nguyễn Hòa An; ThS. Quản Văn Dũng; KS. Kiều Quang Phúc; CN. Bùi Thị Thu Hà; CN. Nguyễn Thị Hồng Phượng; CN. Trần Tiến Thọ - Hà Nội - Viện khoa học và công nghệ mỏ - luyện kim, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xác lập các điều kiện, chế độ công nghệ thu hồi kẽm sunfat từ bụi lò cao luyện xỉ giàu mangan và xác lập các điều kiện, chế độ công nghệ thu hồi mangan oxyt từ bụi lò cao luyện xỉ giàu mangan. Tiến hành thử nghiệm thu hồi 5kg mangan oxyt hàm lượng MnO2: 98,00 % và 5kg kẽm sulfat đạt tiêu chuẩn mác kẽm sulfat 98,00 % trên thị trường. Từ đó, đề xuất xây dựng quy trình công nghệ thu hồi kẽm sulfat, mangan oxyt trong bụi lò cao luyện xỉ giàu mangan.

Số hồ sơ lưu: 18842

20799. Kỹ thuật môi trường khác

79797.01-2022 **Nghiên cứu xây dựng hệ số phát thải từ hoạt động đốt rơm rạ để ứng dụng vào kiểm kê phát thải và đánh giá tác động lên chất lượng không khí tại thành phố Hà Nội**/ TS. Phạm Châu Thuỳ, TS. Nguyễn Thị Nhật Thanh; PGS.TS. Nghiêm Trung Dũng; TS. Lê Hữu Tuyến; TS. Bùi Quang Hưng; PGS.TS. Nguyễn Thị Minh; TS. Đỗ Thuỷ Nguyên; ThS. Trần Tuấn Vinh - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định bộ hệ số phát các chất ô nhiễm không khí từ quá trình đốt rơm rạ sau thu hoạch (PM, CO, CO2, NO2, SO2, PAHs, NPAHs) trên các hình thứcc đốt khác nhau. Kiểm kê phát thải từ quá trình đốt rơm rạ trên các khu vực lân cận thành phố Hà nội và mở rộng cho vùng đồng bằng sông Hồng sử dụng hệ số phát thải, ảnh vệ tinh có độ phân giải không gian cao và số liệu thống kê, điều tra thực địa. Đánh giá tác động của việc đốt rơm rạ lên chất lượng không khí tại thành phố Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: 18813

79831.01-2022 **Đánh giá khí hậu Đông Nam Á hiện tại và tương lai bằng công cụ mô hình khu vực**/ PGS.TS. Ngô Đức Thành, TS. Ngô Thị Thanh Hương; CN. Phạm Thanh Hà; ThS. Nguyễn Thị Tuyết - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội, 2021 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thực hiện các thí nghiệm mô phỏng và dự tính khí hậu Đông Nam Á theo các kịch bản nồng độ khí nhà kính RCPs sử dụng mô hình khí hậu khu vực RegCM. Thu thập, tổ chức số liệu, đồng thời kế thừa các kết quả số liệu mô hình từ các nhóm nghiên cứu khác thuộc dự án CORDEX-SEA. Các nguồn số liệu dự kiến sử dụng bao gồm số liệu khí tượng quan trắc tại trạm trên khu vực nghiên cứu, các nguồn số liệu phân tích hoặc tái phân tích trên lưới, các số liệu mô phỏng và dự tính từ mô hình. Phân tích đánh giá khí hậu khu vực Đông Nam Á thời kỳ cơ sở và tương lai theo các kịch bản RCPs. Phân tích khí hậu tương tự (climate analogue) cho một số thành phố hoặc khu vực điển hình tại Đông Nam Á. Tính toán phân tích thời điểm khởi phát Biến đổi khí hậu cho một số yếu tố khí hậu trên khu vực Việt Nam và Đông Nam Á. Tổng hợp và phân tích các kết quả dưới dạng các bài báo khoa học gửi đăng ở các tạp chí quốc tế và trong nước.

Số hồ sơ lưu: 18803

20899. Công nghệ sinh học môi trường khác

79816.01-2022 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống đệm sinh học xử lý hóa chất bảo vệ thực vật tại vùng canh tác nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội**/ PGS.TS. Lê Văn Thiện, PGS.TS. Ngô Thị Tường Châu; TS. Nguyễn Thị Hạnh; TS. Phạm Thị Hà Nhung; Vũ Thị Thu; Lê Thị Thắm Hồng - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 01/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phát triển công thức tạo biomix có hoạt tính sinh học cao cho hệ thống đệm sinh học từ các nguyên liệu và giống vi sinh vật bản địa với các điều kiện (độ ẩm, pH và nhiệt độ) tối ưu được xác định cho hoạt động phân hủy HCBVTV của biomix. Xây dựng mô hình trình diễn hệ thống biobed hiệu quả cao, phù hợp với tình hình sử dụng HCBVTV và điều kiện khí hậu địa phương tại vùng canh tác nông nghiệp ở Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: 18816

20999. Công nghệ sinh học công nghiệp khác

79808.01-2022 **Xây dựng dây chuyền công nghệ sản xuất phân bón vi lượng đất hiếm công suất 50 tấn/năm**/ TS. Nguyễn Bá Tiến, KS. Nguyễn Thị Phương Nam; KS.Nguyễn Thị Minh Phượng; KS. Nguyễn Minh Thư; KS. Phạm Thị Hồng Hà; KTV. Lý Thành Vũ; KS. Hoàng Văn Đức - Hà Nội - Viện công nghệ xạ hiếm, 2007 - 08/2004 - 08/2006. (Đề tài cấp Bộ)

Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ Khoa học và công nghệ năm 2004-2005 "Xây dựng dây chuyền công nghệ sản xuất phân bón vi lượng đất hiếm công suất 50 tấn/năm" được xây dựng nhằm hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất phân bón vi lượng đất hiếm đồng thời thiết kế -chế tạo dây chuyền thiết bị công suất 50 tấn/năm, Tiếp tục tiến hành khảo nghiệm nhằm khẳng định tính an toàn của sản phẩm sau khi sử dụng phân bón đất hiếm.

Số hồ sơ lưu: 18814

21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)

79785.01-2022 **Tổng hợp, đặc trưng và hoạt tính xúc tác quang của vật liệu ống nano TiO2 với oxit graphen và bạc nano trong điều kiện chiếu xạ bằng tia gamma**/ TS. Võ Nguyễn Đăng Khoa, PGS.TS. Nguyễn Quốc Hiến; TS. Vũ Anh Quang; TS. Nguyễn Ngọc Duy; TS. Nguyễn Thị Thu Trang - Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Vật liệu ứng dụng, 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề tài hướng đến mục tiêu chính là nghiên cứu điều chế vật liệu tổ hợp nano bạc (AgNPs) – graphen oxit (GO) – ống nano TiO2 (TNTs) bằng phương pháp chiếu xạ γ-60Co. Bên cạnh đó, đề tài cũng so sánh kết quả đạt được về các thông số đặc trưng của vật liệu khi sử dụng các yếu tố chất bắt gốc tự

do (isopropanol), bắt eaq (N2O), từ đó phác hoạ về cơ chế khử bức xạ của vật liệu tổ hợp nano bạc (AgNPs) – graphen oxit (GO) – ống nano TiO2 (TNTs). Sau khi đã tổng hợp, vật liệu tổ hợp nano bạc (AgNPs) – graphen oxit (GO) – ống nano TiO2 (TNTs) được khảo sát khả năng ứng dụng trong xúc tác quang đối với khả năng diệt khuẩn, phân hủy ethylene trong bảo quản sau thu hoạch,…ở điều kiện ánh sáng bình thường.

Số hồ sơ lưu: 18796

79813.01-2022 **Nghiên cứu chế tạo vật liệu hấp thụ sóng điện từ trên cơ sở cao su tự nhiên biến tính**/ TS. Nguyễn Thu Hà, TS. Cao Hồng Hà; TS. Trần Vân Anh; ThS. Trương Công Vinh; ThS. Vương Thị Bích Hiên - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hóa học, 2020 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp loại vật liệu hấp thụ sóng điện từ có cấu trúc nanomatrix trên cơ sở cao su tự nhiên biến tính. Vật liệu này có khả năng hấp thụ trên 90% sóng điện từ ở cả dải tần số thấp và tần số cao. Vật liệu có cơ tính tốt, có khả năng bám dính tốt trên các bề mặt khác nhau, có khả năng chống chịu điều kiện làm việc khắc nghiệt. Trên cơ sở tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có trong nước là cao su tự nhiên, vật liệu sản phẩm được chế tạo dựa trên quy trình "xanh", hoàn toàn thân thiện môi trường.

Số hồ sơ lưu: 18822

21101. Kỹ thuật thực phẩm

79137.01-2022 **Nghiên cứu chế biến quặng diatomite Phú Yên thành sản phẩm bột trợ lọc sử dụng trong ngành công nghiệp thực phẩm**/ KS. Nguyễn Minh Đăng, KS. Nguyễn Minh Đăng; ThS. Nguyễn Quang Minh; TS. Đỗ Thanh Hải; GS. TS. Vũ Thị Thu Hà; TS. Hoàng Thân Hoài Thu; TS. Phạm Minh Tứ; TS. Nguyễn Thị Phương Hoà; ThS.Trần Thị Hiến; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; CN. Nguyễn Thị Hoài An; TS. Đinh Thị Thu Hiên; ThS. Trần Ngọc Anh; ThS. Phạm Đức Phong; KS. Nguyễn Hữu Đức; TS. Phạm Đỗ Thanh Thuỳ; Đào Duy Hiệp; CN. Trần Nhật Đức; KS. Phạm Chí Công; ThS. Đinh Sơn Dương; ThS. Nguyễn Bảo Linh; ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang; KS. Nguyễn Thị Bảy; ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc; Phan Văn Song; KS. Dương Quang Thắng; CN. Nguyễn Thị Thu Hà; CN. Lê Ngọc Trang - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ lọc, hóa dầu, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo được 1530 kg bột trợ lọc đạt tiêu chuẩn, tương đương với sản phẩm bột trợ lọc thương mại của Mỹ. Thiết kế, xây dựng và chế tạo hệ thiết bị chế biến quặng diatomite thành sản phẩm bột trợ lọc, đáp ứng yêu cầu sử dụng trong ngành công nghiệp thực phẩm (sản xuất bia, nước giải khát và dầu ăn). Hệ thống thiết bị hoàn chỉnh, đảm bảo các yếu tố an toàn và môi trường trong quá trình vận hành, đảm bảo không phát sinh chất thải thứ cấp. Xây dựng được bộ qui trình chế biến diatomite

Phú Yên thành sản phẩm bột trợ lọc đáp ứng yêu cầu sử dụng trong ngành công nghiệp thực phẩm, với hiệu suất thu sản phẩm khoảng 44,27%.

Số hồ sơ lưu: 18330

21102. Kỹ thuật đồ uống

79120.01-2022 **Ứng dụng công nghệ tiên tiến sản xuất bột trà xanh dạng Matcha và nước giải khát đóng hộp từ chè**/ KS. Đoàn Anh Tuân, KS. Đoàn Anh Tuân; KS. Đặng Hoàng Cường; KS. Nguyễn Quang Vinh; KS. Hà Kim Toàn; KS. Bùi Thị Huyền; KS. Đoàn Việt Bách; CN. Lê Thị Khánh Hòa; KS. Phạm Thị Huyền - Phú Thọ - Công ty TNHH Một Thành Viên Thế Hệ Mới Phú Thọ, 2020 - 01/2018 - 01/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình sản xuất, làm chủ dây chuyền, công nghệ sản xuất nước trà đóng hộp với công suất 33.000.000 lít/năm. Tối ưu hóa lợi thế công ty về: Nguồn nguyên liệu, hạ tầng, thương hiệu quốc gia (Cozy), hệ thống phân phối sản phẩm trà rộng khắp cả nước. Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty bằng các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có hàm lượng công nghệ cao. Qua đó góp phần nâng cao được giá trị cây chè, cải thiện đời sống người nông dân trồng chè ở Việt Nam. Mở rộng thị trường xuất khẩu thông qua các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và qua đó nâng tầm thương hiệu của doanh nghiệp nói riêng và của thương hiệu Quốc gia Việt Nam về chè nói chung.

Số hồ sơ lưu: 18313

299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác

80174.01-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ biến tinh gỗ bằng vật liệu nano SiO2 trong gia công thanh gỗ cơ sở để sản xuất ván sàn từ gỗ thông Mã Vĩ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**/ TS. Vũ Văn Thu, TS. Vũ Văn Thu; ThS. Nguyễn Thị Hằng; TS. Nguyễn Văn Đức; ThS. Hoàng Thị Tám; KS. Lưu Quốc Thành; ThS. Hoàng Văn Phong; TS. Bùi Thị Thủy; KS. Nguyễn Trọng Nghĩa; ThS. Nguyễn Thị Trịnh; CN. Nguyễn Chí Hiếu - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Công nghiệp Rừng, 2020 - 11/2017 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá tiềm năng cung cấp nguyên liệu gỗ thông mã vĩ của tỉnh Lạng Sơn. Xác định chủng loại thuốc và nồng độ thuốc bảo quản LN5 có hiệu lực đối với nấm mốc theo phương pháp phun đối với gỗ tròn và phương pháp nhúng gỗ ván xẻ. Nghiên cứu xác định thông số công nghệ biến tính gỗ thông bằng vật liệu nano SiO2 trên nền nhựa ABS 10. Sản xuất thử nghiệm 1m3 gỗ ván sàn (chất lượng ván sau sản xuất thử nghiệm đã kiểm tra tại phòng Vilas của Viện NC Công nghiệp rừng). Xây dựng 02 quy trình công nghệ sản xuất ván sàn và cũng sơ bộ đánh giá hiệu quả kinh tế của việc áp dụng biến tính gỗ bằng vật liệu nano. Đánh giá hiệu quả kinh tế khi áp dụng công nghệ biến tính cho gỗ thông mã tại tỉnh Lạng Sơn làm nguyên liệu sản xuất ván giảm, ván

sàn sau biến tính có giá thấp hơn so với ván Óc Chó cùng nhóm 20%.

Số hồ sơ lưu: LSN-2020-007

3. Khoa học y, dược

75777.01-2022 **Sưu tầm, nghiên cứu tác dụng các bài thuốc dùng trong võ cổ truyền, và đề xuất hướng bảo tồn, phát huy giá trị của võ y Bình Định**/ BSCKII. Nguyễn Thị Thanh Bình, Bình Định - Liên hiệp các hội KHKT Bình Định, 2019 - 02/2017 - 02/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sưu tầm được 300 bài thuốc võ cổ truyền trong đó có 80 bài thuốc tâm đắc từ 25 vị võ sư hành nghề y võ cổ truyền trong và ngoài tỉnh. Bên cạnh đó nghiên cứu tổng quan về võ y trong võ cổ truyền Bình Định và khái quát chân dung các võ sư hành nghề võ y trong và ngoài tỉnh. Tiến hành phân tích giá trị cụ thể 80 bài thuốc trên các khía cạnh: sự phù hợp của cách phối ngũ, vai trò từng vị, sự phù hợp của liều lượng, đường dùng, các khuyến cáo, chống chỉ định khác và 4 phương pháp trị liệu độc đáo trong võ y. Đề xuất các giải pháp để bảo tồn và phát huy các bài thuốc và phương pháp trị bệnh trong võ thuật.

Số hồ sơ lưu: BDH-2019-012

80133.01-2022 **Thực trạng và các yếu tố liên quan đến tuân thủ điều trị ARV của bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS tại 10 phòng khám ngoại trú tỉnh Điện Biên năm 2017 và hiệu quả một số giải pháp can thiệp**/ ThS.BS. Triệu Đình Thành, ThS.BS. Phạm Xuân Sáng BSCKI. Trần Thị Phương Hoa; ThSBS. Nguyễn Ngọc Tân; TSBS. Phạm Thế Xuyên; BSCKI. Nguyễn Châu Sơn; BSCKII. Hoàng Xuân Chiến; BSCKII. Vũ Hải Hùng; BSCKI. Lò Thị Tố Khuyên; CN. Phạm Thị Quyến - Điện Biên - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Điện Biên, 2020 - 10/2018 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tình hình dịch HIV và chương trình điều trị ARV; Hiệu quả can thiệp tăng cường tuân thủ điều trị ARV; Giải pháp tăng cường chất lượng điều trị ARV; Thực trạng và một số yếu tố liên quan tới tuân thủ điều trị ; Giải pháp tăng cường tư vấn xét nghiệm HIV

Số hồ sơ lưu: DBN-2020-006

80230.01-2022 **Nghiên cứu đặc điểm dịch tế gen bệnh thalassemia của người dân tộc Tày, Nùng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**/ BSCKII. Phan Thanh Huy, BSCKI. Phạm Thế Vinh BSCKII. Phan Thanh Huy; BSCKI. Phạm Thế Vinh; CN. Lục Thị Ngọc Hoài; BSCKII. Nguyễn Thế Toàn; GS. Nguyễn Anh Trí; ThS. Ngô Huy Minh; CN. Đỗ Khải Hoàn; BSCKI. Hoàng Mạnh Cương; CN. Nguyễn Hồng Đăng; BS. Nông Thị Nòm - Lạng Sơn - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lạng Sơn, 2019 - 12/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng người mang và đột biến gen Thal của dân tộc Tày, Nùng tỉnh Lạng Sơn. Đề xuất một số giải pháp khả thi phòng ngừa, hạn chế tác hại và phát tán bệnh Thal trên địa bàn tỉnh Lạng

Sơn. Tỷ lệ mang gen Thal chung của người dân tộc Tày, Nùng ở Lạng Sơn là 27,5%, cao hơn tỷ lệ mang gen chung của các dân tộc ít người sống chủ yếu ở Trung du và miền núi phía Bắc là 16,89%. Sự khác biệt về tỷ lệ mang gen bệnh giữa 2 dân tộc không có ý nghĩa thống kê. Trong khi đó căn bệnh này còn hầu như chưa được quan tâm tại Lạng Sơn. Ở người dân tộc Tày và Nùng tại Lạng Sơn, kết quả nghiên cứu cho thấy ngoài sự tương đồng về các kiểu gen bệnh, tỷ lệ các thể gen bệnh cũng tương đồng với các dân tộc ít người Trung du và miền núi phía Bắc, Nam Trung Quốc và có sự khác biệt rõ rệt với các dân tộc ở miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ. Ở người Tày, Nùng của Lạng Sơn, tỷ lệ và các thể đột biến gen α và β Thal có sự tương đồng với đột biến của các dân tộc ít người ở Trung du, miền núi phía Bắc và khác biệt rõ rệt với Miền Trung – Tây Nguyên và Miền Nam. Các đột biến Thái và Fil không gặp ở dân tộc Nùng, dân tộc Tày có gặp đột biến Thái nhưng tỷ lệ rất thấp.

Số hồ sơ lưu: LSN-2019-007

80315.01-2022 **Nghiên cứu kháng thể kháng GAD ở bệnh nhân đái tháo đường không thừa cân, béo phì tại tỉnh Thừa Thiên Huế**/ TS.BS. Trần Thừa Nguyên, ThS.BSCKII. Hoàng Thị Lan Hương; TS.BS. Ngô Đình Châu; ThS.BSCKII. Nguyễn Thị Bạch Oanh; ThS.BS. Phan Thị Phương; ThS.BSCKII. Lê Thị Thu Hà; ThS.BS. Trần Đức Minh; ThS.BS. Huỳnh An Thiên; BS. Bùi Đức An Vinh; CN. Hồ Khả Chương - Thừa Thiên Huế - Bệnh viện Trung ương Huế, 2019 - 02/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định nồng độ kháng thể kháng GAD và tỉ lệ có kháng thể kháng GAD dương tính ở bệnh nhân ĐTĐ không thừa cân béo phì . So sánh đặc điểm lâm sàng , cận lâm sàng, kết quả điều trị giữa hai nhóm bệnh nhân ĐTĐ có kháng thể kháng GAD dương tính và âm tính , và đề xuất biện pháp điều trị . Nồng độ KT kháng GAD và tỷ lệ có KT kháng GAD dương tính ở BN ĐTĐ không thừa cân béo phì . So sánh đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, kết quả điều trị giữa hai nhóm BN ĐTĐ có KT kháng GAD dương tính và âm tính, và đề xuất biện pháp điều trị.

Số hồ sơ lưu: 167

80401.01-2022 **Mô hình bệnh tật ở các bệnh viện đa khoa tỉnh Tây Ninh**/ Đỗ Hồng Sơn, ThS.BS. Nguyễn Trường Chinh; BS.CKI. Vũ Gia Phương; BS.CKI. Võ Thị Song Thu; BS.CKII. Nguyễn Ngọc Mun; CN. Nguyễn Thị Vân - Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh, 2019 - 12/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định tỷ lệ các bệnh tật ở các bệnh viện đa khoa, các trung tâm y tế huyện, thành phố tại Tây Ninh. Tìm ra mô hình bệnh tật quan trọng ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng: Xác định tỷ lệ 10 bệnh thường gặp nhất theo ICD 10; Xác định tỷ lệ 10 bệnh tử vong cao nhất; So sánh tỷ lệ bệnh thường gặp và tỷ lệ bệnh tử vong theo thời gian và địa điểm. Đề xuất giải pháp phòng chống các bệnh

tật quan trọng phục vụ quản lý của ngành y tế.

Số hồ sơ lưu: K18

80589.01-2022 **Đánh giá kết quả phẫu thuật cắt thùy tuyết giáp trong điều trị phình giáp hạt tại Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu**/ Lê Thanh Châu, - Bạc Liêu - Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu, 2013 - 04/2012 - 04/2013. (Đề tài cấp Cơ sở)

Phình giáp hạt là bệnh lý chiếm phần lớn trong các hạt giáp, là một bệnh lý phổ biến ở Việt Nam cũng như nhiều nước trên thế giới. Theo Schwartz de MAY, hạt giáp chiếm 4-7% ở người lớn. Tỉ lệ ung thư tuyến giáp trong bệnh lý phình giáp đa hạt cũng rất cao, theo Trần Thị Kim Thảo tại Bệnh viện Ung bướu Thành phố Hồ Chí Minh trong nghiên cứu "Khảo sát đặc điểm ung thư tuyến giáp trên bệnh nhân phình giáp hạt" có kết quả: tỉ lệ ung thư tuyến giáp/phình giáp đa hạt là 25,9%. Khoảng tuổi thường gặp là trên 45. Điều trị phình giáp hạt hiện tại vẫn còn nhiều bàn cãi: Phẫu thuật, điều trị nội tiết, liệu pháp iod phóng xạ, liệu pháp tiêm Ethanol qua da…. Phẫu thuật là phương pháp được sử dụng nhiều nhất trong điều trị phình giáp hạt. Hiện nay vài cơ sở y tế trong Thành phố Hồ Chí Minh và một số bệnh viện tuyến tỉnh vẫn còn áp dụng phương pháp này. Lý do để các phẫu thuật viên áp dụng phẫu thuật này là: đa phần hạt giáp là lành tính, phẫu thuật đơn giản, phương pháp vô cảm là gây tê tại chỗ, thời gian nằm viện ngắn. Nhưng thường cho tỷ lệ tái phát cao, vì có những nhân nhỏ đi kèm mà phẫu thuật viên không phát hiện được. Khi mổ lại lần 2 làm tăng tỷ lệ tổn thương thần kinh hồi thanh quản, suy tuyến cận giáp, và trường hợp nhân giáp là tế bào ung thư thì phẫu thuật này sẽ gieo rắc tế bào ung thư. Hiện nay tại Khoa Ngoại Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu đã triển khai điều trị phẫu thuật phình giáp hạt bằng phẫu thuật cắt toàn phần một thùy tuyến giáp hoặc cắt giáp gần toàn phần, nên chúng tôi thực hiện nghiên cứu này để đánh giá kết quả phẫu thuật cắt thùy tuyến giáp về mặt kỹ thuật và các biến chứng trong phẫu thuật.

Số hồ sơ lưu: BLU-2019-001

30206. Huyết học và truyền máu

79404.01-2022 **Nghiên cứu một số giải pháp công nghệ để dự phòng bệnh do vi rút Zika và bệnh sốt xuất huyết Dengue**/ PGS. TS. Nguyễn Khắc Lực, ThS. Lê Quốc Tuấn; PGS.TS. Trần Thanh Dương; TS. Nguyễn Văn Dũng; ThS. Nguyễn Thị Vân; TS. Phạm Văn Minh; TS. Vũ Đức Chính; ThS. Lê Trung Kiên; CN. Phan Quốc Việt - Hà Nội - Học viện Quân y, 2021 - 08/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định mật độ muỗi Aedes truyền virus Zika và virus sốt xuất huyết dengue ở Việt Nam. Xây dựng được quy trình điều chế chế phẩm xua diệt muỗi truyền virus Zika và virus sốt xuất huyết dengue có nguồn gốc từ thực vật. Xây dựng được quy trình điều chế chế phẩm dẫn dụ để diệt muỗi, bọ gậy. Chế tạo được thiết bị sử dụng chế phẩm dẫn dụ và quy

trình vận hành thiết bị sử dụng chế phẩm dẫn dụ để diệt muỗi và bọ gậy.

Số hồ sơ lưu: 18552

30314. Lạm dụng thuốc; Nghiện và cai nghiện.

80419.01-2022 **Triển khai mô hình điểm kiểm soát kê đơn/bán thuốc kê đơn để sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**/ DSCKII. Phan Lạc Hoài Thanh, DSCKII. Phan Lạc Hoài Thanh; ThS. Bùi Thị Mẫn; DSCKI. Hoàng Thanh Thúy; DSCKI. Trương Thị Hằng; ThS. Hoàng Thị Kim Đào; BSCKII. Nguyễn Thế Độ; DSCKII. Phạm Thị Thông; BSCKII. Đinh Thị Hoa; DS. Bùi Thị Sao Mi; BSCKI. Ma Thị Thơm; DS. Hà Thanh Tùng; ThS. Nông Thị Nga; DS. Lộc Bích Thảo - Lạng Sơn - Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn, 2020 - 08/2018 - 01/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành về hoạt động kê đơn và bán thuốc kê đơn sau can thiệp trên địa bàn nghiên cứu cho kết quả như sau; Người kê đơn tỷ lệ kiến thức đạt 93,33%; Thái độ đạt: 86,7%; Người bán thuốc kiến thức đạt: 90%; Thái độ đạt: 77,5%; Hành vi đạt 100%; Người mua thuốc kiến thức đạt: 93,33%; Thái độ đạt: 70%; Hành vi đạt có 73,33%. Sau can thiệp các tỷ lệ đạt về kiến thức, thái độ, hành vi đều cao hơn so với trước can thiệp; Phân tích tình hình kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú tại các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Lạng Sơn và huyện Hữu Lũng năm 2018 – 2019; Nghiên cứu khảo sát tại địa bàn nghiên cứu chia 2 giai đoạn trước và sau can thiệp. Tổ chức đào tạo, tập huấn 4 lớp cho bác sỹ, 02 lớp cho người bán lẻ thông tin, kiến thức về hoạt động kê đơn và bán thuốc kê đơn; Thông tin, truyền thông trên Đài phát thanh và truyền hình tỉnh: 3 phóng sự, 18 tin bài; Đăng trên trang thông tin điện tử Sở Y tế 6 tin; 05 bài; 10 ảnh; 6 tin, 5 bài, 11 ảnh; Đăng trên Bản tin Y tế Lạng Sơn: 07 tin, 07 bài; 6 ảnh; Sản xuất 12000 tờ rơi, 1 biên tập 01 bộ tài liệu truyền thông 6 bài, xây dựng 01 đĩa CD gồm 4 bài 40 phút; Truyền thông trực tiếp cho khoảng 2000 lượt người.

Số hồ sơ lưu: LSN-2020-020

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc

79793.01-2022 **Nghiên cứu thành phần hóa học và tác dụng hạ đường huyết in vitro của 3 loài Gymnema: G. sylvestre, G. inodorum và G. latifolium ở Việt Nam**/ PGS.TS. Phan Văn Kiệm, TS. Nguyễn Xuân Nhiệm; TS. Trần Hồng Quang; TS. Vũ Hương Giang; TS. Nguyễn Thị Cúc; ThS. Dương Thị Hải Yến; ThS. Đan Thị Thúy Hằng - Hà Nội - Viện Hoá sinh biển, 2020 - 12/2017 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định tên khoa học , tạo tiêu bản và xây dựng cơ sở dữ liệu chi Gymnema (G. sylvestre, G. inodorum và G . latifolium). Đánh giá sàng lọc hoạt tính sinh học theo ức chế enzyme α-glucosidase và α-amylase. Nghiên cứu phân lập các chất có hoạt tính sinh học từ những

phân đoạn có hoạt tính học dựa trên cơ sở sàng lọc ở trên bằng các phương pháp sắc ký . Xác định cấu trúc hóa học của các hợp chất phân lập được bằng các phương pháp phổ hiện đại. Đánh giá hoạt tính ức chế enzyme α-glucosidase và α-amylase của các hợp chất phân lập được.

Số hồ sơ lưu: 18807

80418.01-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học phục vụ xây dựng vùng bảo tồn gen cây dược liệu và Quy hoạch phát triển dược liệu đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**/ BSCKII. Nguyễn Khánh Toàn, TSKH. Nguyễn Minh Khởi BSCKII. Nguyễn Thế Toàn; TSKH. Nguyễn Minh Khởi; ThS. Bùi Thị Mẫn; TS. Phạm Thanh Huyền; BSCKI. Phạm Đức Cơ; ThS. Nguyễn Quỳnh Nga; ThS. Phan Văn Trưởng; DSĐH. Hà Thanh Tùng; ThS. Lê Thị Thanh Nga; ThS. Nguyễn Văn Hiếu; CN. Phạm Thị Ngọc; CN. Lại Việt Hưng; CN. Đặng Minh Tú; DS. Bùi Thị Sao Mi; YS. Nguyễn Duy Khánh - Lạng Sơn - Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn, 2019 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra nghiên cứu từ năm 2017-2019 tại 48 xã thuộc 4 huyện và thành phố Lạng Sơn đã phát hiện và ghi nhận được 176 loài cây thuốc (trong đó thu thập mới 145 loài, thu thập bổ sung tiêu bản 31 loài) thuộc 134 chi, 73 họ thực vật. Tổng hợp 2 giai đoạn 2012-2104 và 2017-2019 đã ghi nhận 933 loài, 564 chi,186 họ thuộc 6 ngành thực vật và nấm có trí trị làm thuốc. Từ những kết quả điều tra nghiên cứu, đã cụ thể hóa một số sản phẩm khoa học của đề tài. Đó là: Bộ tiêu bản 500 cái thuộc 176 loài mang 176 số hiệu khác nhau. Bộ tiêu bản được xây dựng đạt tiêu chuẩn của tiêu bản thực vật – cây thuốc, phục vụ tốt cho yêu cầu đào tạo và quảng bá; Xây dựng được bộ ảnh màu các cây thuốc Lạng Sơn, gồm 500 ảnh, được xếp theo thứ tự tên phổ thông, phía dưới ảnh là thông tin về tên phổ thông ở bên trên và tên khoa học ở bên dưới. Dựa trên các kết quả điều tra nghiên cứu, đã đề xuất nhóm giải pháp có tính khả thi về: Nhóm giải pháp về bảo tồn gen dược liệu; Nhóm giải pháp về phát triển trồng cây thuốc tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; Nhóm giải pháp về khai thác bền vững tài nguyên dược liệu thiên nhiên theo GACP-WHO; Nhóm giải pháp sử dụng hiệu quả dược liệu tỉnh; Đề xuất các giải pháp tổng thể về bảo tồn, khai thác và phát triển dược liệu của tỉnh Lạng Sơn.

Số hồ sơ lưu: LSN-2020-011

30499. Dược học khác

79792.01-2022 **Nghiên cứu tác dụng hạ đường huyết và kháng viêm của các saponin phân lập từ loài Aralia armata, Aralia chinensis và Trevesia palmata họ Nhân sâm (Araliaceae) ở Việt Nam**/ TS. Phạm Hải Yến, TS. Bùi Hữu Tài; TS. Nguyễn Xuân Nhiệm; TS. Nguyễn Thị Cúc; Dương Thị Dung; CN. Đỗ Thị Trang - Hà Nội - Viện Hóa Sinh Biển, 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu mẫu 03 loài *A. armata*, *A. chinensis* và *T. palmata*. Xác định

tên khoa học, tạo tiêu bản 03 loài *A. armata, A. chinensis* và *T. palmata*. Sàng lọc hoạt tính sinh học theo hướng hạ đường huyết và kháng viêm. Nghiên cứu phân lập các saponin từ 03 loài *A. armata, A. chinensis* và *T. palmata* thông qua sàng lọc các hoạt tính nêu trên bằng các phương pháp sắc ký . Xác định cấu trúc hóa học của các hợp chất sạch bằng các phương pháp phổ . Đánh giá hoạt tính sinh học các chất sạch theo hướng hạ đường huyết và kháng viêm

Số hồ sơ lưu: 18806

79796.01-2022 **Thiết kế, tổng hợp, nghiên cứu tính chất phát quang, khả năng xúc tác và hoạt tính chống ung thư của phức chất platin với một số phối tử carbene dị vòng nitơ**/ TS. Nguyễn Văn Hà, TS. Đặng Thanh Tuấn; TS. Phạm Anh Sơn; TS. Đinh Thị Hiền; PGS.TS. Đỗ Thị Thảo - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp một dãy phức chất Pt(II) và phức chất Pt(IV) mới chứa các phối tử carbene một càng và hai càng. Xác định cấu trúc của các phức chất mới này bằng các phương pháp vật lý và hóa lý hiện đại. Nghiên cứu ảnh hưởng của cấu trúc điện tử của các phối tử đến đặc trưng quang hóa như khả năng hấp thụ và phát quang. Lý giải các tính chất quang lý đó dựa trên kết quả tính toán lý thuyết. Nghiên cứu tìm phức chất có hoạt tính xúc tác cao, có khả năng thu hồi tái sử dụng sau phản ứng, điều chỉnh thiết kế phân tử phức chất để có thể xúc tác tạo sản phẩm theo hướng mong muốn. Nghiên cứu thăm dò hoạt tính chống ung thư, nhằm tìm các hợp chất có hoạt tính chống ung thư cao và tìm hiểu mối quan hệ giữa cấu trúc và hoạt tính.

Số hồ sơ lưu: 18808

30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế

79121.01-2022 **Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất vắc xin phối hợp 5 trong 1 (bạch hầu, uốn ván, ho gà toàn tế bào, viêm gan B và Hib cộng hợp) hấp phụ, dạng dung dịch ở quy mô 40.000 liều/lô**/ PGS. TS. Lê Văn Bé, TS. Dương Hữu Thái; ThS. Vũ Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Văn Được; ThS. Nguyễn Thị Thu Hoa; PGS. TS. Nguyễn Thị Lan Phương; CN. Trần Ngọc Nhơn; ThS. Phạm Thị Lan Anh; CN. Tạ Nguyễn Tường Vân; ThS. Nguyễn Sỹ Tuấn; TS. Viên Chinh Chiến; CN. Nguyễn Xuân Khánh Hà; CN. Tôn Nữ Quỳnh Châu; ThS. Bùi Quang Vượng; CN. Hà Thị Hoa; KS. Ngô Tú Anh - Khánh Hòa - Viện Vắc xin và Sinh phẩm y tế, 2020 - 05/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình sản xuất vắc xin phối hợp 5 trong 1 (DTwP-HepB-Hib), dạng dung dịch, hấp phụ tá chất, sản xuất 3 lô liên tiếp vắc xin DTwP-HepB-Hib ở quy mô 40.000 liều/lô2. Hoàn thiện các phương pháp kiểm định vắc xin phối hợp 5 trong 1 (DTwP -HepB -Hib). Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng cơ sở cho thành phần kháng nguyên và vắc xin phối hợp 5 trong 1 (DTwP –

HepB –Hib) bán thành phẩm và thành phẩm. Nghiên cứu tiền lâm sàng vắc xin phối hợp 5 trong 1 (DTwP-HepB-Hib) trên động vật thí nghiệm. Nghiên cứu tính ổn định của vắc xin phối hợp 5 trong 1 (DTwP-HepB-Hib).

Số hồ sơ lưu: 18317

79809.01-2022 **Xây dựng ngân hàng mẫu chuẩn quốc gia để kiểm định chất lượng sinh phẩm chẩn đoán HBsAg**/ TS. Đoàn Hữu Thiển, TS. Vũ Thị Thu Hường; TS. Phạm Văn Hùng; ThS. Nguyễn Hoàng Tùng; BSCKII. Ngô Phi Phương; ThS. Hoàng Thị Tâm; ThS. Trần Thị Trang Huyền; ThS. Nguyễn Thị Tường An; ThS. Phùng Thị Ngọc; BS. Định Thị Phương Thảo; CN. Phạm Thị Hồng Thủy; KTV. Cao Thị Vân; KTV. Vũ Thị Phượng; KTV. Phạm Thị Minh; TS. Nguyễn Văn Hùng; ThS. Dương Thị Diệu Thúy; ThS. Nguyễn Thị Khánh Linh; ThS. Lưu Thị Dung; TS. Hoàng Xuân Sử; TS. Vi Quỳnh Hoa - Hà Nội - Viện kiểm định quốc gia vắc xin và sinh phẩm y tế, 2020 - 06/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng qui trình sản xuất mẫu chuẩn quốc gia để kiểm định chất lượng sinh phẩm HBsAg. Thiết lập ngân hàng mẫu chuẩn Quốc gia HBsAg và đánh giá chất lượng ngân hàng mẫu chuẩn Quốc gia HBsAg. Đánh giá tính ổn định ngân hàng mẫu chuẩn Quốc gia HBsAg tại các thời điểm sau sản xuất 3 - 6 - 9 - 12 tháng sau sản xuất. Tiến hành xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và hướng dẫn sử dụng ngân hàng mẫu chuẩn Quốc gia HBsAg.

Số hồ sơ lưu: 18828

399. Khoa học y, dược khác

80229.01-2022 **Nghiên cứu tình hình đột quỵ và xây dựng mô hình can thiệp dự phòng dựa vào cộng đồng tại tỉnh Thừa Thiên Huế**/ PGS.TS.BS. Đoàn Phước Thuộc, ThS.BS. Nguyễn Thị Hường; GS.TS.BS. Huỳnh Văn Minh; PGS.TS.BS. Nguyễn Minh Tâm; PGS.TS.BS. Hoàng Anh Tiến; PGS.TS.BS. Lê Chuyển; PGS.TS.BS. Nguyễn Đình Toàn; BS. Đoàn Phạm Phước Long; ThS. Trần Thị Thanh Nhàn; BS. Nguyễn Thị Phương Thảo; KS. Nguyễn Minh Huy; CN. Nguyễn Thị Thúy Hằng; ThS. Dương Thị Hồng Liên; BS. Lê Đức Huy; BS. Nguyễn Thị Hồng Nhi; BS. Phan Thị Thùy Linh; ThS. Nguyễn Mậu Lợi; CN. Hoàng Thị Hồng Nhung; ThS. Nguyễn Ninh Giang; CN. Hoàng Thị Kim Ngọc; CN. Lê Quang; BSCKI. Trần Phước Nguyên; YS. Phùng Thị Vân; BS. Trần Công Hữu; BS. Võ Truyền; BS. Dương Huyên; BSCKI. Mai Hữu Thiện Bổn; BS. Nguyễn Thị Nga; BS. Nguyễn Thị Ánh Nhỡn. - Thừa Thiên Huế - Bệnh viện Trường Đại học Y Dược, 2020 - 05/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Dự báo mức độ nguy cơ đột quỵ trong 10 năm tới tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Xác định một số yếu tố liên quan với mức độ nguy cơ đột quỵ. Xây dựng mô hình can thiệp giảm mức độ nguy cơ dựa vào cộng đồng. Triển khai áp dụng mô hình can thiệp tại các cơ sở y tế thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Tổ chức cung cấp

dịch vụ thăm khám, xét nghiệm, điều trị, quản lý các bệnh lý không lây nhiễm nguy cơ đột quỵ tại Trạm Y tế xã/phường theo khuyến cáo của Bộ Y tế; Tập huấn liên tục, cập nhật kiến thức cho cán bộ Trạm Y tế xã/phường, xây dựng danh mục thuốc đầy đủ để điều trị các bệnh không lây nhiễm cho tuyến xã theo hướng dẫn của Bộ Y tế để đáp ứng điều trị. Cung cấp gói xét nghiệm thường quy và danh mục khám tại các cơ sở y tế để kiểm soát mức độ nguy cơ đột quỵ. Tổ chức ngày đo huyết áp/tháng và ngày thử glucose máu nhanh/3-6 tháng kết hợp tư vấn cho người dân tại các cộng đồng; Khuyến cáo người dân chủ động kiểm tra huyết áp, thử glucose máu tại TYT xã/phường, y tế thôn tổ và xét nghiệm lipide máu, thăm khám điều trị các bệnh lý nguy cơ định kỳ. Định kỳ tổ chức truyền thông phòng chống đột quỵ, thay đổi hành vi lối sống, chế độ ăn uống, hành vi tự chăm sóc và chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn khám điều trị bệnh lý nguy cơ đột quỵ thuận lợi nhất.

Số hồ sơ lưu: 171

80283.01-2022 **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật xạ trị điều biến liều (IMRT) trong điều trị các ung thư đầu-cổ tại Bệnh viện Trung ương Huế**/ TS.BS. Phạm Nguyên Tường, BS. Trần Khoa; GS.TS. Phạm Như Hiệp; TS.BS. Mai Đình Điều; TS.BS. Nguyễn Hồng Lợi; TS.BS. Phạm Nguyên Cường; TS.BS. Phan Cảnh Duy; KS. Lê Trọng Hùng; ThS.BS. Hoàng Nguyễn Hoài An; BSCK2. Nguyễn Thanh Ái - Thừa Thiên Huế - Bệnh viện Trung ương Huế, 2019 - 05/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Áp dụng và hoàn thiện quy trình kỹ thuật xạ trị điều biến liều trong điều trị các ung thư đầu- cổ tại Bệnh viện Trung ương Huế. Đánh giá chất lượng và hiệu quả của kỹ thuật xạ trị điều biến liều trong điều trị các ung thư đầu- cổ tại Bệnh viện Trung ương Huế. Áp dụng và hoàn thiện quy trình kỹ thuật xạ trị điều biến liều trong điều trị các ung thư đầu- cổ tại Bệnh viện Trung ương Huế. Đánh giá chất lượng và hiệu quả của kỹ thuật xạ trị điều biến liều trong điều trị các ung thư đầu- cổ tại Bệnh viện Trung ương Huế.

Số hồ sơ lưu: 163

4. Khoa học nông nghiệp

75388.01-2022 **Xây dựng mô hình sản xuất giống, nuôi trồng và sơ chế nấm bào ngư, nấm mọc nhĩ và nấm linh chi tại trại thực nghiệm công nghệ sinh học tỉnh Tây Ninh**/ Đoàn Minh Tuyết, KS. Nguyễn Thị Hồng Diễm; KS. Huỳnh Thị Thu Hà; KS. Dương Đăng Thanh; ThS. Phạm Thế Anh; ThS. Trịnh Văn Nhì - Trung tâm Thông tin, Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ Tây Ninh - Trung tâm Thông tin, Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ Tây Ninh, 2018 - 01/2017 - 06/2018. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hoàn thiện quy trình nhân giống cấp 1, 2, 3 đối với nấm bào ngư, nấm mộc nhĩ và nấm linh chi. Hoàn thiện quy trình nuôi trồng và chăm sóc nấm bào ngư, nấm mộc nhĩ và nấm linh chi. Hoàn thiện quy

trình sơ chế và bảo quản nấm bào ngư, nấm mộc nhĩ và nấm linh chi Quy mô và địa điểm thực hiện. Toàn bộ quá trình triển khai dự án được thực hiện chính tại Trung tâm Thông tin–Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Tây Ninh. Dự án đã tổ chức 01 cuộc hội thảo, với số lượng đại biểu tham dự là 30 người. Phối hợp tổ chức 4 lớp tập huấn chuyển giao mô hình trồng nấm tại: xã Long Khánh thuộc huyện Bến Cầu, xã An Cơ thuộc huyện Châu Thành, xã Tân Bình và phường Ninh Sơn thuộc thành phố Tây Ninh.

Số hồ sơ lưu: K06

75757.01-2022 **Nghiên cứu các điều kiện tối ưu để sản xuất sinh khối một số chủng Bacillus và thử nghiệm sản xuất chế phẩm vi sinh phục vụ cho chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản tại Bình Định**/ ThS. Lê Hồng Linh, - Bình Định - Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ, 2018 - 02/2017 - 11/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra thực trạng dịch bệnh trong chăn nuôi, NTTS và việc ứng dụng chế phẩm vi sinh vào trong chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản tại Bình Định. Hoàn thiện quy trình sản xuất sinh khối và chế phẩm vi sinh từ sinh khối các chủng Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis, Lactobacillus acidophilus phù hợp với điều kiện tỉnh Bình Định. Xây dựng 02 mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học vào chăn nuôi và nuôi trồng thuỷ sản.

Số hồ sơ lưu: BDH-2019-003

75768.01-2022 **Nghiên cứu thực nghiệm sinh sản nhân tạo, ương và nuôi thương phẩm cá rô đầu vuông (Anabas testudineus, Bloch 1792) tại Bình Định**/ KS. Lê Trung Vinh, - Bình Định - Trung tâm Giống nông nghiệp, 2019 - 09/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình sinh sản nhân tạo cá rô đầu vuông (Anabas testudineus) phù hợp với điều kiện tự nhiên tại Bình Định; Xây dựng quy trình ương cá rô đầu vuông (Anabas testudineus) từ giai đoạn cá bột đến cá giống 60 ngày tuổi tại Bình Định, tỷ lệ sống đạt 10%, khối lượng trung bình đạt 4 gam/con; Xây dựng quy trình nuôi cá rô đầu vuông (Anabas testudineus) thương phẩm trong ao đất phù hợp với điều kiện tự nhiên tại Bình Định, đạt tỷ lệ sống 85% và khối lượng trung bình đạt 150 gam/con.

Số hồ sơ lưu: BDH-2019-009

75774.01-2022 **Nghiên cứu thực nghiệm sinh sản nhân tạo, ương và nuôi thương phẩm cá dìa bông (Singanus guttatus, Bloch 1787) tại Bình Định**/ KS. Phan Thanh Việt, - Bình Định - Trung tâm Giống nông nghiệp, 2019 - 12/2016 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình kỹ thuật sinh sản nhân tạo cá Dìa bông (Siganus guttatus, Bloch 1787) 60 ngày tuổi tại Bình Định, đạt tỷ lệ sống 2,5%, kích cỡ 2 - 3cm; Xây dựng quy trình kỹ thuật ương cá Dìa bông (Siganus guttatus, Bloch 1787)

từ giai đoạn cá hương 61 ngày tuổi đến giai đoạn cá giống 120 ngày tuổi tại Bình Định, đạt tỷ lệ sống 50%, kích cỡ 4 - 6cm; Xây dựng quy trình kỹ thuật nuôi cá Dìa bông (Siganus guttatus, Bloch 1787) thương phẩm theo hình thức nuôi đơn, nuôi ghép với tôm trong ao đất tại Bình Định, đạt tỷ lệ sống 85%, khối lượng trung bình 150g/con.

Số hồ sơ lưu: BDH-2019-010

78843.01-2022 **Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây măng tây (Asparagus officinalis L.) tại tỉnh Khánh Hòa.**/ Nguyễn Minh Hà, CN. Lê Ngọc Thạch - Khánh Hòa - Sở Nông nghiệp và PTNT Khánh Hòa, 2020 - 06/2018 - 02/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hạt măng tây Atticus F1 xuất xứ Hà Lan được đánh giá tốt hơn hạt măng tây UC-157 F1 xuất xứ từ Mỹ tại hầu hết các chỉ tiêu thí nghiệm. Hạt măng tây giống Atticus có tỷ lệ nảy mầm cao hơn 11% so với hạt giống UC-157. Tại các chỉ têu về độ cao hay đường kính gốc, giống Atticus đều cao hơn từ 5-22%. Các chỉ tiêu về sản lượng và đường kính gốc măng cho thấy, tại cùng một chế độ chăm sóc, tỷ lệ măng loại 1 của giống Atticus cao hơn 10-15%, sản lượng cao hơn 20-25% so với giống UC-157. Kết quả đề tài khuyến cáo, khi chọn giống măng tây để triển khai Khánh Hòa nên ưu tiên chọn giống Atticus vì các ưu điểm nêu trên. Các giống Atticus và giống UC-157 khi được chăm sóc theo quy trình kỹ thuật đề xuất đều đạt sản lượng trên 10 tấn/ha/năm tại tháng thứ 13 sau trồng, lần lượt 14.580kg/ha/năm và 10.980kg/ha/năm.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/299

79365.01-2022 **Nghiên cứu quy trình sản xuất cá mú lai giữa cá mú cọp cái và cá mú nghệ đực (♀ Epinephelus fuscoguttatus x ♂ E. lanceolatus) tại Khánh Hòa.**/ Trương Quốc Thái; TS. Lê Văn Chí; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; CN. Nguyễn Khắc Đạt; ThS. Nguyễn Văn Dũng; ThS. Lương Trọng Bích; ThS. Võ Đức Duy - Khánh Hòa - Viện Nuôi trồng thủy sản III, 2020 - 10/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng được quy trình nuôi vỗ, cho đẻ và ấp nở trứng cá mú lai: Kết quả nghiên cứu các chỉ tiêu kỹ thuật khi ương cá mú lai giai đoạn cá bột lên cá hương: Thức ăn tươi sống khi ương cá bột lên cá hương là luân trùng (rotifer) với mật độ 10 con/mL trong 16 - 17 ngày đầu; Mật độ ấu trùng là 12 con/L; chế phẩm probiotic sử dụng khi ương là men BZTrPRO hoặc men Bacillus licheniformis. Kết quả nghiên cứu xây dựng kỹ thuật ương cá mú lai giai đoạn ương cá hương lên cá giống cỡ 4 - 5cm: Mật độ ấp trứng là 800 con/m^3; chế độ cho ăn là 4 lần/ngày; chế phẩm probiotic sử dụng khi ương là men Bacillus licheniformis. Kết quả tập huấn chuyển giao công nghệ, nhân rộng mô hình: 23 người dân tại Ninh Hoà, Cam Lâm, Cam Ranh.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/303

79366.01-2022 **Xây dựng mô hình chăn nuôi vịt siêu nạc Grimaud thương phẩm trên sàn theo hướng an toàn sinh học/** Nguyễn Quốc Huy, KS. Nguyễn Thị Nhặn; CN. Lê Đình Cường; CN. Nguyễn Thị Thu Hiền, - Cam Lam - Khánh Hòa - Trạm Khuyến Công – Nông – Lâm – Ngư huyện Cam Lâm, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá khả năng sản xuất thịt của vịt siêu nạc Grimaud thương phẩm nuôi trên sàn bằng thức ăn công nghiệp và thức ăn phối trộn Việc triển khai thực hiện mô hình chăn nuôi vịt siêu nạc giống Grimaud giúp làm phong phú thêm bộ giống hướng thịt cho địa phương, góp phần đa dạng hóa thủy cầm trong địa bàn huyện Cam Lâm nói riêng và tỉnh Khánh Hòa nói chung. Góp phần thúc đẩy việc ứng dụng các tiến bộ khoa học vào thực tiễn sản xuất nhằm nâng cao năng suất, lợi nhuận cho người chăn nuôi. Kết quả của đề tài là cơ sở để tiến hành chuyển giao mô hình chăn nuôi mới, đa dạng các đối tượng nuôi; góp phần nâng cao nhận thức cho người chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, tăng năng suất và thu nhập cho người nông dân. Tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn trong quá trình hoạt động thực tiễn và hoạt động nghiên cứu. Bổ sung nguồn thịt cho thị trường trong giai đoạn dịch tả lợn Châu phi đang gây thiệt hại nặng.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/304

79368.01-2022 **Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cải tạo, nâng cao năng suất vườn điều trên địa bàn huyện Cam Lâm/** Nguyễn Thị Nhặn, KS. Nguyễn Quốc Huy; CN. Lê Đình Cường; CN. Nguyễn Thị Thu Hiền, Cam Lam - Khánh Hòa - Trạm Khuyến Công – Nông – Lâm – Ngư huyện Cam Lâm, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình ghép cải tạo vườn điều. Diện tích: 02ha. Xây dựng mô hình thâm canh tăng năng suất vườn điều. Diện tích 02 ha. Tổ chức tập huấn kỹ thuật ghép cải tạo và thâm canh vườn điều. Số lượng 2 lớp, 30 nông dân/lớp. Hoàn thiện báo cáo, tổng kết đánh giá và đề xuất ý kiến để phát triển mô hình trên địa bàn huyện Cam Lâm.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/305

79623.01-2022 **Nghiên cứu bảo tồn nguyên vị chi lan hài (Paphiopedilum) tại Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà, tỉnh Khánh Hòa/** Nguyễn Quốc Cường, KS. Ngô Công Châu; KS. Đỗ Ngọc Thạch; KS. Nguyễn Xuân Lợi; ThS. Trương Bá Vương; KS. Lưu Văn Nông; KS. Hồ Ngọc Quỳnh; KTV. Mang Văn Lâm; Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà, tỉnh Khánh Hòa - Sở Nông nghiệp và PTNT Khánh Hòa, 2021 - 05/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Điều tra, xác định khu vực phân bố; ghi nhận, mô tả đặc điểm hình thái và sinh thái của các loài thuộc chi lan hài tại Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà. Xây dựng bản đồ

phân bố các loài của chi lan hài bằng phần mềm GIS. Thu thập mẫu ảnh (lá, thân, rễ, hoa, quả) để xác định các loài thuộc chi lan hài Paphiopedilum đã điều tra, khảo sát được. Trên cơ sở nghiên cứu đặc điểm sinh học và hoàn cảnh sinh thái của từng loài , từ đó xác định các biện pháp kỹ thuật lâm sinh phù hợp để phát triển và bảo tồn nguyên vị các loài lan hài tại Khu bảo tồn.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/306

79996.01-2022 **Nghiên cứu sản xuất phân trùn quế từ phế phẩm trồng nấm rơm**/ Trần Thượng Hào, - Khánh Hòa - Sở Nông nghiệp và PTNT, 2021 - 08/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá về sinh trưởng, phát triển của trùn quế và chất lượng phân trùn quế từ phế phẩm nấm rơm. Hiệu quả kinh tế và xã hội, môi trường của việc sử dụng phế phẩm nấm rơm làm thức ăn trùn quế: Nghiệm thức M1(25% Phế phẩm trồng nấm rơm) cho hiệu quả kinh tế cao nhất đạt lợi nhuận 3,994 triệu/10m^2/vụ. Ngoài ra còn giải quyết tốt vấn đề về ô nhiễm môi trường, tạo ra nguồn phân hữu cơ cho nền nông nghiệp sạch. Nhất là hiện nguồn rơm rạ và phế phẩm sau trồng nấm đang có nhiều ở các vùng nông thôn Khánh Hòa. Chuyển giao thành công cho 04 mô hình nuôi thử nghiệm tại Nha Trang, Diên Khánh, Cam Lâm. Các mô hình được đánh giá đều sinh trưởng và phát triển tốt. Sản lượng phân trùn quế thu được tại 04 mô hình chuyển giao là: 7,4 tấn phân trùn quế so với 4 tấn yêu cầu. Sản lượng phân trùn quế đạt và vượt 7,4/4 =185% so với yêu cầu.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/307

80138.01-2022 **Tuyển chọn và phát triển một số loài lan rừng quý hiếm phù hợp tại Khu du lịch suối Hoa Lan**/ Trần Giỏi, KS. Nguyễn Văn Hiếu; KS. Nguyễn Văn Hưởng; CN. Lê Hồng Sơn; TS. Đinh Quang Diệp; ThS. Trần Hữu Đăng; ThS. Nguyễn Thị Xuân Phương, Khánh Hòa - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Long Phú, 2021 - 11/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra và lập danh mục 86 loài lan rừng, trong đó bổ sung 52 loài mới ghi nhận ở Khánh Hòa, 1 loài mới ghi nhận cho Việt Nam (*Pennilabium struthio*). Đề xuất đưa vào đề án khung quỹ gen của Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021-2025, đối với 2 loài lan Bạch môi (*Christensonia vietnamica*) và Vani lông sậm (*Vanilla atropogon*). Thực nghiệm nhân giống *in vitro* từ hạt đối với lan Ngọc điểm và Dã hạc, cây con sau giai đoạn huấn luyện sinh trưởng tốt. Kết quả này mở ra triển vọng nhân giống *in vitro* nhằm bảo tồn nguồn gen đối với các loài lan rừng nguy cấp, quý hiếm.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/308

80219.01-2022 **Nghiên cứu đề xuất các biện pháp quản lý bệnh gây rụng lá và sâu đục ngọn lá hồi theo hướng bền vững tại tỉnh Lạng Sơn**/ KS. Hoàng Thị Ái, KS. Hoàng Thị Ái; KS. Phan Văn Sáu; KS. Sầm Ngọc Thanh; TS. Bùi Văn Dũng; KS. Nguyễn Thị Huế; ThS. Bùi

Công Anh; KS. Hoàng Văn Lợi; KS. Hoàng Như Quỳnh; KS. Đặng Nhật Quý; KS. Hoàng Xuân Huyền - Lạng Sơn - Chi Cục Bảo Vệ Thực Vật Tỉnh Lạng Sơn, 2019 - 10/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định tên khoa học loài sâu đục ngọn hại hồi là loài: *Lixus* sp., họ Curculionidae (họ vòi voi), bộ Coleoptera (bộ cánh cứng). Vòng đời loài *Lixus* sp. từ 74 - 111 ngày, pha trứng kéo dài từ 7-11 ngày; sâu non có 5 tuổi thời gian từ 45-62 ngày; nhộng 10-20 ngày; thời gian sống trưởng thành từ 20-120 ngày. Sâu đục ngọn thường xuất hiện vào đầu tháng 2 đến đầu tháng 3, hại mạnh nhất từ cuối tháng 3 đến đầu tháng 5 tỉ lệ búp hồi bị hại trên 30%, Các vị trí trồng khác nhau đỉnh đồi, sườn đồi và chân đồi ảnh hưởng đến sự phân bố của loài. Đỉnh đồi tỷ lệ hại cao nhất so với các vị trí khác, đỉnh cao vào đầu tháng 5 tỉ lệ búp hại 34%; sườn đồi là 15% và chân đồi 21%. Rừng thuần tỉ lệ hại do sâu đục ngọn (25%) cao hơn rừng hỗn giao (9%). Biện pháp thủ công như: Phát quang bờ bụi, cây dại, tỉa cành vô hiệu, những vết hại cũ thu gom tiêu hủy mang lại hiệu quả phòng chống sâu đục ngọn đã làm giảm tỉ lệ búp hại từ 13,5% xuống 10,2%. Xây dựng thành công 01 mô hình (2ha) về sâu đục ngọn hồi tại xã Tân Đoàn, huyện Văn Quan đạt kết quả cao trên 85%.

Số hồ sơ lưu: LSN-2019-010

80232.01-2022 **Nghiên cứu ứng dụng hệ thống sưởi ấm bằng khí bioga cho chăn nuôi lợn nái sinh sản**/ CN. Lý Bích Linh, ThS. Phạm Thị Hạnh CN. Lý Bích Linh; ThS. Phạm Thị Hạnh; CN. Phạm Tiến Thành; KS. Giang Văn Lùng; KS. Tạ Đức Trung; KS. Hà Thị Nguyệt; KS. Nguyễn Khắc Minh - Cao Lộc - Lạng Sơn - Hợp tác xã Hợp Thịnh, 2019 - 02/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Chế tạo hệ thống sưởi ấm trang trại chăn nuôi lợn sử dụng nguồn năng lượng bioga và bơm nhiệt đảm bảo hệ thống vận hành ổn định, tạo ra môi trường vi khí hậu, ít ồn, không phát sáng, an toàn với người và vật nuôi, đảm bảo với yêu cầu công nghệ chăn nuôi lợn CP, tiết kiệm năng lượng. Kết quả vận hành thử nghiệm cho thấy hệ thống hoạt động tốt, ổn định, đáp ứng các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đề ra. Hệ thống vận hành ổn định, đảm bảo nhiệt độ trong không gian chuồng nuôi chênh lệch so với nhiệt độ môi trường từ 10- 15 ^{0}C; hệ thống hoạt động an toàn với người và vật nuôi; thời gian thu hồi vốn giản đơn ngắn. Hệ thống hoàn toàn phù hợp với mong muốn của HTX Hợp Thịnh, đồng thời có khả năng nhân rộng đối với các cơ sở, doanh nghiệp chăn nuôi công nghệ cao.

Số hồ sơ lưu: LSN-2019-006

80324.01-2022 **Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận "Thảo quả Hoàng Su Phì" cho sản phẩm Thảo quả của huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang**/ CN. Lý Văn Hoài, KS. Lò Văn Chinh; ThS. Hoàng Hữu Nội; ThS. Bùi Kim Đồng; KS. Nguyễn Thị Hiền; KS

Nông nghiệp; KS. Hoàng Thị Thu Huyền; KS Nông nghiệp; KS. Đặng Đình Thể; Hoàng Su Phì - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hoàng Su Phì, 2020 - 11/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng bộ hồ sơ đủ cơ sở khoa học và thực tiễn đăng ký Nhãn hiệu chứng nhận (NHCN) "Thảo quả Hoàng Su Phì" dùng cho các sản phẩm thảo quả tươi và thảo quả khô của huyện Hoàng Su Phì; Xây dựng mô hình tổ chức quản lý và khai thác NHCN "Thảo quả Hoàng Su Phì" dùng cho các sản phẩm thảo quả tươi và thảo quả khô của huyện Hoàng Su Phì; Xây dựng hệ thống công cụ quản lý chất lượng sản phẩm, quản lý và khai thác NHCN "Thảo quả Hoàng Su Phì".

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKHCN-2020

80326.01-2022 **Nghiên cứu giá trị dinh dưỡng, dược học của mật ong hoa ngũ gia bì tại huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn**/ TS. Hoàng Lâm, TS. Bùi Minh Quý; PGS.TS. Phạm Thế Chính; ThS. Hoàng Thị Thanh; TS. Vương Trường Xuân; ThS. Nguyễn Thị Thu Thúy; TS. Khiếu Thị Tâm; TS. Đào Thị Nhung; PGS.TS. Phạm Thị Thắm; TS. Nguyễn Đình Vinh - Thái Nguyên - Trường Đại học khoa học, 2020 - 09/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xác định các chỉ tiêu chất lượng của mật ong Ngũ gia bì về độ PH, hàm lượng nước, chất rắn không tan, hàm lượng HMF, độ axit tự do, hàm lượng đường, hàm lượng vitamin, khoáng chất... Nghiên cứu xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, xác định các chỉ tiêu vi sinh vật có trong mật ong Ngũ gia bì. Nghiên cứu giá trị dược học của mật ong Ngũ gia bì, phân tích thử nghiệm hoạt tính chống oxy hóa,hoạt tính chống khuẩn, chống nấm, hoạt tính gây độc tế bào của mật ong.

Số hồ sơ lưu: LSN-2021-005

80333.01-2022 **Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật thâm canh, xử lý giảm hạt nâng cao năng suất và chất lượng Quýt Bắc Sơn, tại huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn**/ TS. Nguyễn Quốc Hiếu, TS. Nguyễn Quốc Hiếu; TS. Lê Thị Mỹ Hà; ThS. Nguyễn Duy Hưng; ThS. Đào Thị liên; ThS. Hoàng Thị Hoài; ThS. Vi Đình Thiện; KS. Hoàng Thị Thoan; KS. Dương Đức Quang - Hà Nội - Viện nghiên cứu rau quả, 2020 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sử dụng lượng phân bón vô cơ riêng rẽ với lượng 30 kg phân HC hoai mục + 5 kg phân HCVS + 500 g N + 300 g P_2O_5 + 500 g K_2O/cây cho quýt Bắc Sơn đã làm tăng số quả thu hoạch, khối lượng quả, tăng năng suất thực thu và chất lượng quả được cải thiện; năng suất đạt 34,5 - 35,8 kg/cây, độ brix 10,9 - 11,4%. Sử dụng vật liệu giữ ẩm AMS-1 với liều lượng 100 gam/cây/năm đã giúp giữ độ ẩm đất trong thời kỳ khô hạn, đặc biệt vào thời kỳ phát triển quả và nuôi quả, làm tăng tỷ lệ đậu quả, số quả thu hoạch và năng suất thực thu của quýt Bắc Sơn. Xây dựng 1,6 ha mô hình thâm canh phun GA_3 (100 ppm) xử lý giảm hạt kết hợp áp dụng

đồng bộ các biện pháp kỹ thuật cho cây quýt Bắc Sơn. Xây dựng 1,4 ha mô hình thâm canh phun $CuSO_4.5H_2O$ (100 ppm) xử lý giảm hạt kết hợp áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật cho cây quýt Bắc Sơn. Xây dựng 01 bộ tài liệu và đã tổ chức tập huấn 2 lớp về *"Kỹ thuật thâm canh và xử lý giảm hạt quýt Bắc Sơn"* cho 60 học viên tại xã Bắc Quỳnh và xã Chiến Thắng huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Số hồ sơ lưu: LSN-2021-002

80375.01-2022 **Xây dựng Nhãn hiệu chứng nhận "Thịt lợn đen thành phố Hà Giang" cho sản phẩm thịt lợn đen của thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang**/ CN. Nguyễn Thị Út, KS. Phan Thanh Hiếu; ThS. Hoàng Hữu Nội; ThS. Bùi Kim Đồng; - KS. Nguyễn Thị Hiền; - KS. Dương Văn Kỳ; - KS. Nguyễn Ngọc Hưởng. - Hà Giang - Phòng Kinh tế thành phố Hà Giang, 2020 - 11/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng bộ hồ sơ đủ cơ sở khoa học và thực tiễn đăng ký NHCN "Thịt lợn đen thành phố Hà Giang" dùng cho các sản phẩm thịt lợn đen của TP Hà Giang; Xây dựng mô hình tổ chức quản lý và khai thác NHCN "Thịt lợn đen thành phố Hà Giang" dùng cho các sản phẩm thịt lợn đen của TP Hà Giang; Xây dựng hệ thống công cụ quản lý chất lượng sản phẩm, quản lý và khai thác NHCN "Thịt lợn đen thành phố Hà Giang": Mẫu nhãn hiệu và nhãn mác; Quy chế quản lý sử dụng NHCN, Quy trình cấp và thu hồi quyền sử dụng NHCN; Quy định kỹ thuật sản xuất thịt lợn đen (chăn nuôi, giết mổ, đóng gói); Các phương tiện quảng bá sản phẩm (bao bì, tờ rơi, poster, biển hiệu, ...); Hệ thống truy xuất sản phẩm Qr-code. Hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi lợn đen và quy trình giết mổ, đóng gói thịt lợn đen. Xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị lợn đen thành phố Hà Giang (người chăn nuôi - cơ sở giết mổ - cửa hàng thực phẩm sạch). Góp phần duy trì và nâng cao danh tiếng sản phẩm thịt lợn đen, xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKHCN-2021

80385.01-2022 **Nhân nuôi, sản xuất hàng loạt ong mắt đỏ phòng trừ sâu đục thân hại mía trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**/ Nguyễn Văn Hoa, KS. Phạm Tấn Hùng; KS. Đinh Thị Ngọc Dung; GS.TS. Võ Tòng Xuân; KS. Nguyễn Thị Tú Trinh; CN. Dương Thị Ly Kha; CN. Nguyễn Thị Lan Hương; TS. Cao Anh Đương - Công ty Cổ phần Nghiên cứu, ứng dụng mía đường Thành Thành Công - Công ty Cổ phần Nghiên cứu, ứng dụng mía đường Thành Thành Công, 2020 - 09/2015 - 08/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nhận chuyển giao quy trình kỹ thuật nhân nuôi, sản xuất và thả hàng loạt ong mắt đỏ phòng trừ sâu đục thân mía từ Viện Nghiên cứu Mía đường. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân nuôi, sản xuất và thả hàng loạt ong mắt đỏ cho việc phòng trừ

sâu đục thân mía. Nhân nuôi, sản xuất thử nghiệm ong mắt đỏ, áp dụng thả thử nghiệm trên diện rộng phòng trừ sâu đục thân mía. Đào tạo, tập huấn: Đào tạo cơ bản về kỹ thuật nhân nuôi, sản xuất hàng loạt Ong mắt đỏ.

Số hồ sơ lưu: K17

80387.01-2022 **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phát triển trồng Lan kim tuyến trên hốc đá trên địa bàn tỉnh Hà Giang**/ ThS. Hoàng Thanh Phúc, KS. Nguyễn Văn Quý; KS. Nguyễn Thị Lụa; PGS.TS. Trần Thị Thu Hà; - GS.TS. Trần Ngọc Ngoạn; PGS.TS. Nguyễn Viết Hưng; GS.TS. Phạm Văn Điển; KS. Đồng Anh Đài; KS. Nguyễn Quang Tuyên. - Vị Xuyên - Chi nhánh Công ty Cổ phần phát triển Nông Lâm nghiệp và Môi trường Việt Nam., 2021 - 06/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình công nghệ trồng thâm canh Lan kim tuyến chất lượng ổn định, năng suất cao phù hợp với điều kiện khu vực các hốc đá trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Xây dựng được 02 mô hình trồng Lan kim tuyến (mỗi mô hình 10.000 khóm, tương đương với 30.000 cây) trên hốc đá và dưới tán rừng trên địa bàn xã Đông Hà - huyện Quản Bạ và khu bảo tồn thiên nhiên chí sản - huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang. Đào tạo10 cán bộ kỹ thuật viên làm chủ được công nghệ chuyển giao; tập huấn cho 100 lượt hộ nông dân nắm chắc các quy trình kỹ thuật trong trồng thâm canh cây Lan kim tuyến tại khu vực các hốc đá và dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Đề xuất được các giải pháp phát triển trồng Lan kim tuyến và thị trường tiêu thụ sản phẩm Lan kim tuyến trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKHCN-2021

80395.01-2022 **Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận "Giảo cổ lam Quản Bạ" cho sản phẩm Giảo cổ lam của huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang**/ KS. La Thế Thanh, KS. Nguyễn Thiện Trí; KS. Hà Thị Chuyên; KS. Nguyễn Thu Hiền; ThS. Hoàng Hữu Nội; ThS. Bùi Kim Đồng; KS. Đặng Đình Thể; Quản Bạ - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Quản Bạ, 2020 - 11/2018 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng bộ hồ sơ đủ cơ sở khoa học và thực tiễn đăng ký NHCN "Giảo cổ lam Quản Bạ" dùng cho các sản phẩm giảo cổ lam của huyện Quản Bạ; Xây dựng mô hình tổ chức quản lý và khai thác NHCN "Giảo cổ lam Quản Bạ" dùng cho các sản phẩm giảo cổ lam của huyện Quản Bạ; Xây dựng hệ thống quản lý nhãn hiệu và quản lý chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu "Giảo cổ lam Quản Bạ": Mẫu nhãn hiệu và nhãn mác; Quy chế quản lý sử dụng NHCN, Quy trình cấp và thu hồi quyền sử dụng NHCN; Quy định kỹ thuật sản xuất giảo cổ lam (thu hái, chế biến, đóng gói); Các phương tiện quảng bá sản phẩm (bao bì, tờ rơi, poster, biển hiệu,...); Hệ thống truy xuất sản phẩm Qr-code. Xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị Giảo cổ lam Quản Bạ (hộ nông dân – HTX - cửa hàng phân phối). Góp

phần duy trì và nâng cao danh tiếng sản phẩm Giảo cổ lam Quản Bạ, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống cho người dân các đồng bào dân tộc ít người của huyện Quản Bạ, phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKHCN-2021

80400.01-2022 **Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận "Đậu tương Hoàng Su Phì" cho sản phẩm Đậu tương của huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang/** KS. Lò Văn Chinh, CN. Lý Văn Hoài; KS. Phùng Văn Khanh; KS. Trần Trung Sơn; CN. Hà Xuân Mai; ThS. Hoàng Hữu Nội; ThS. Bùi Kim Đồng; KS. Đặng Đình Thể; KS. Nguyễn Thị Hiền; KS. Hoàng Thị Thu Huyền. - Hoàng Su Phì - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hoàng Su Phì, 2021 - 11/2018 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sản phẩm đậu tương của huyện Hoàng Su Phì được bảo hộ NHCN "Đậu tương Hoàng Su Phì" cho 03 dòng sản phẩm: Đậu tương nguyên hạt, đậu tương rang nguyên hạt và bột đậu tương rang xay; Đưa NHCN "Đậu tương Hoàng Su Phì" sau khi được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ vào sử dụng trong thực tiễn sản xuất và thương mại hóa; Xây dựng hệ thống tổ chức và công cụ quản lý chất lượng sản phẩm và quản lý sử dụng NHCN "Đậu tương Hoàng Su Phì": Mẫu nhãn hiệu và nhãn mác; Quy chế quản lý sử dụng NHCN, Quy trình cấp và thu hồi quyền sử dụng NHCN; Quy định kỹ thuật sản xuất đậu tương (canh tác, chế biến, đóng gói); Các phương tiện quảng bá sản phẩm (bao bì, tờ rơi, poster, biển hiệu,...); Hệ thống truy xuất sản phẩm Qr-code. Quảng bá và giới thiệu sản phẩm sử dụng NHCN "Đậu tương Hoàng Su Phì" nhằm tăng khả năng tiếp cận và cạnh tranh tại thị trường trong nước, tăng thu nhập cho người nông dân.

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKHCN-2021

80430.01-2022 **Ứng dụng công nghệ tạo viên không nhiệt để sản xuất phân bón NPK kết hợp silica từ tro trấu**/ Nguyễn Văn Lai, PGS. TS. Huỳnh Kỳ Phương Hạ; Ths. Phạm Thế Anh; Ths. Dương Quốc Duyệt; TS. Nguyễn Tuấn Anh; Ths. Nguyễn Thị Minh Hiếu - Trung tâm Khoa học và Công nghệ Tây Ninh - Trung tâm Khoa học và Công nghệ Tây Ninh, 2020 - 03/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu quy trình sản xuất phân bón NPK-10% silica từ nguồn tro trấu ở Tây Ninh ứng dụng công nghệ ép hạt không nhiệt bằng công nghệ sản xuất đơn giản, hiệu quả, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường. Khảo sát một số nguồn tro trấu từ các công nghệ đốt tại các lò đốt ở Tây Ninh, từ đó tìm ra nguồn cung cấp nguyên liệu thích hợp nhất cho việc sản xuất phân NPK-10% silica. Khảo sát chế độ xử lý tro trấu để xử lý các nguồn cung cấp chưa đạt yêu cầu. Xây dựng quy trình sản xuất phân bón NPK theo công nghệ nén ép tạo hạt. Khảo sát thành phần nguyên liệu ép và chế độ ép ảnh hưởng đến tính chất và khả

năng bảo quản của phân bón NPK 10% silica. Khảo nghiệm sản phẩm trong quy mô phòng thí nghiệm và đánh giá khả năng ứng dụng của sản phẩm: trên cây lúa nước và cây cải xanh baby. Khảo sát khả năng sử dụng silica trên cây lúa. Chế tạo thiết bị nén ép hạt sản xuất phân bón với năng suất 1 -1.5 tấn/giờ, nghiên cứu kết hợp với Công ty TNHH cơ khí chế tạo Đại Vũ – TP. HCM. Tiến hành thử nghiệm trên đồng lúa: Kết hợp với Trung tâm Khuyến nông Châu Thành – Tây Ninh.

Số hồ sơ lưu: K25

80435.01-2022 **Xây dựng quy trình sản xuất và ứng dụng chế phẩm *Trichoderma* trong canh tác ớt tại Tây Ninh**/ Ham Mát, Ths. Trịnh Văn Nhì Ths. Huỳnh Thị Thu Hà; KS. Đoàn Minh Tuyết; Ths. Phạm Thế Anh; KS. Dương Đăng Thanh; KS.Phan Văn Xất - Trung tâm Khoa học và Công nghệ Tây Ninh - Trung tâm Khoa học và Công nghệ Tây Ninh, 2020 - 10/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tuyển chọn các chủng và xác định hiệu quả phòng trừ bệnh của các chủng *Trichoderma*. Xây dựng quy trình sản xuất *Trichoderma*. Xây dựng quy trình ủ phân hữu cơ vi sinh *Trichoderma* quy mô pilot. Xây dựng và triển khai thực hiện mô hình ủ và sử dụng phân hữu cơ vi sinh *Trichoderma* phòng trừ thán thư, tuyến trùng, nấm bệnh và tăng năng suất cây ớt tại huyện Bến Cầu.

Số hồ sơ lưu: K27

80502.01-2022 **Thực hành sinh sản nhân tạo và ương giống cá sặc rằn (*Trichogaster pectoralis* Regan, 1910) tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu**/ Trần Trung Hiếu, Trần Tấn Pháp; Nguyễn Hoàng Ngoan. - Bạc Liêu - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp huyện Hồng Dân, 2019 - 05/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Dự án này phù hợp với điều kiện sản xuất, tập quán thâm canh tại huyện Hồng Dân, đồng thời thúc đẩy nghề nuôi cá sặc rằn của địa phương phát triển theo hướng bền vững. Dự án đáp ứng nhu cầu kỹ thuật và con giống của người nuôi cá trong và ngoài huyện. Tỷ lệ nở của trứng lên cá bột đạt yêu cầu dự án 74%-78% (70%); tỷ lệ sống từ cá bột lên cá giống đạt yêu cầu 15,3% (15%).

Số hồ sơ lưu: BLU-2019-001

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm

73572.01-2022 **Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng vùng chè Yên Thế năng suất, chất lượng phục vụ xuất khẩu**/ PGS.TS Lê Tất Khương, ThS Chu Huy Tưởng; ThS Đặng Ngọc Vượng; ThS Nguyễn Trọng Phương; CN Nguyễn Thị Hồng Vân; ThS Nguyễn Xuân Cường; CN Thân Dỹ Ngữ; KS Nguyễn Thị Thanh Xuân - Hà Nội - viện nghiên cứu và phát triển vùng, 2018 - 05/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của nương chè trồng mới cho thấy: Giống chè Kim Tuyên và

giống LDP_1 là cho năng suất cao. Để đánh giá chất lượng các sản phẩm chè xanh chế biến từ nguyên liệu các giống chè trồng trong dự án theo Tiêu chuẩn ngành số 10TCN121:1989 về việc quy định yêu cầu kỹ thuật đối với sản phẩm chè xanh xuất khẩu cho thấy, giống chè Kim Tuyên có chất lượng tốt nhất trong các giống chè tham gia dự án. Việc áp dụng tưới nước kết hợp với dinh dưỡng bằng công nghệ nhỏ giọt của Israel cho nương chè trồng mới giai đoạn kiến thiết cơ bản giúp cho tỷ lệ sống sau trồng cao hơn, các chỉ tiêu sinh trưởng chính như chiều cao cây, độ rộng tán, đường kính gốc đều đạt cao hơn hẳn so với nương chè không tưới nước. Tuy nhiên, chi phí đầu tư cho hệ thống tưới nước kết hợp với dinh dưỡng bằng công nghệ nhỏ giọt của Israel tương đối lớn. Do vậy, chỉ nên áp dụng phương pháp này ở những vùng sản xuất chè chất lượng cao, giá bán chè thành phẩm cao, có điều kiện thâm canh tốt, và hạn chế về nguồn nước.

Số hồ sơ lưu: BGG-0212-2018

80127.01-2022 **Nghiên cứu các giải pháp phát triển sản xuất rau an toàn bền vững trên địa bàn huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên**/ ThS. Lê Ngọc Minh, ThS. Đức Minh Nhuệ; KS. Nguyễn Thị Nhật; KS. Đào Thị Khuyên; KS. Nguyễn Thị Mai Hương; KS. Nguyễn Thái Ngọc; KS. Lò Thị Chăn; Trần Thanh Hưng - Điện Biên - Trung tâm Khuyến nông - Giống cây trồng, vật nuôi tỉnh Điện Biên, 2020 - 07/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thực trạng sản xuất rau trên địa bản tỉnh Điện Biên; Xây dựng quy trình sản xuất rau an toàn theo VietGAp cho cải ăn lá, cải bẹ, bắp cải ... Khó khăn, thách thức phát triển rau an toàn; Giải pháp phát triển rau an toàn trên địa bản tỉnh Điện Biên

Số hồ sơ lưu: DBN-2020-004

80227.01-2022 **Xây dựng mô hình sản xuất giống hành lá (hành hoa) đạt tiêu chuẩn giống phục vụ sản xuất hành an toàn tại thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế**/ KS. Phan Khâm, KS. Lê Thành Phước; KS. Phạm Bá Phú; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; KS. Trương Quang Trợ; KS. Nguyễn Quang Vạn; TS. Trần Đăng Hoà; ThS. Lê Khắc Phúc; TS. Lê Như Cương; Hồ Phước Đoàn; KS. Hà Thúc Diệu - Thừa Thiên Huế - Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thị xã Hương Trà, 2021 - 04/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất hành giống nhằm khai thác tiềm năng lợi thế của thị xã Hương Trà trong sản xuất cây hành lá. góp phần phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Xây dựng được quy trình kỹ thuật sản xuất giống hành lá (hành hoa) đạt tiêu chuẩn; Có được mô hình sản xuất giống hành lá (hành hoa) phù hợp và dễ nhân rộng;

Số hồ sơ lưu: 173

80259.01-2022 **Xác định nguyên nhân gây bệnh lem lép hạt**

lúa và biện pháp phòng trừ tại tỉnh Thừa Thiên Huế/ ThS. Huỳnh Thị Tâm Thúy, ThS. Cái Văn Thám; ThS. Hồ Đắc Thọ; ThS. Lê Quý Thảo; ThS. Lê Minh Trí; ThS. Lê Hoàng Ngọc Hải; KS. Phạm Minh Tư; KS. Trần Hữu Danh; KS. Nguyễn Lợi; TS. Hà Minh Thanh - Thừa Thiên Huế - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, 2020 - 02/2017 - 02/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định được nguyên nhân gây lem lép hạt lúa tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát sinh, phát triển của lem lép hạt và khả năng lây lan. Xác định các biện pháp phòng, trừ lem lép hạt có hiệu quả. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát sinh, phát triển của bệnh lem lép hạt và khả năng lây lan. Xác định nguyên nhân gây bệnh lem lép hạt lúa tại 02 vùng sinh thái (vùng đồng bằng và vùng ven đầm phá). Thử nghiệm các biện pháp phòng, trừ bệnh lem lép hạt có hiệu quả

Số hồ sơ lưu: 159

80278.01-2022 **Thực nghiệm trồng cây dược liệu trên đất vườn tạp ở huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu**/ Võ Đăng Ký, Trần Hoàng Lên; Phạm Văn Dứt; Đặng Văn Xuyên. - Bạc Liêu - Hợp tác xã dược liệu Bồ Nông, 2019 - 09/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển từ đó xác định khả năng thích ứng của cây Đinh lăng, Chi tử và Nghệ đen và đề xuất phương pháp nhân rộng hiệu quả cho từng loại cây dược liệu. Trồng mới thành công 100 cây Chi tử; 200 cây Đinh lăng và 100 kg củ cây Nghệ đen; nhằm phục vụ công tác bảo tồn các giống cây dược liệu và phát triển cây dược liệu quý hiếm, góp phần thay đổi cơ cấu cây trồng ở địa phương; Xây dựng mô hình trồng cây dược liệu tập trung tại huyện Hồng Dân với quy mô 2.000 m^2. Đề xuất phương pháp nhân rộng hiệu quả cho từng loại dược liệu.

Số hồ sơ lưu: BLU-2019-001

80378.01-2022 **Khảo sát khả năng thích nghi của các giống lúa, nếp triển vọng có năng suất và chất lượng cao trên địa bàn huyện Gò Dầu**/ Nguyễn Thị Kim Nhung, CN. Nguyễn Thanh Bình;KS. Nguyễn Đình Khoa - Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Gò Dầu - Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Gò Dầu, 2017 - 09/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tuyển chọn đánh giá khả năng thích nghi từng giống lúa và giống nếp để chọn giống phù hợp từng vùng và xác định những giống theo hướng năng suất cao, những giống theo hướng chất lượng cao để khuyến khích nông dân mạnh dạn áp dụng vào sản xuất nhằm đáp ứng theo nhu cầu tiêu thụ của Doanh nghiệp và Đảm bảo đầu ra cho sản xuất được ổn định. Khảo nghiệm 6 giống lúa, giống nếp có năng suất, chất lượng cao để tiến hành thực hiện, chọn giống đối chứng là giống đang sản xuất phổ biến tại địa phương . Khảo nghiệm sản xuất: Áp

dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống lúa QCVN 01-55 : 2011/BNNPTNT, Quy trình canh tác áp dụng theo tiêu chuẩn ngành, quy phạm khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng của giống lúa; 10 TCN 558-2002 (Ban hành kèm theo Quyết định số 143/2002/BNN-KHCN, ngày 6 tháng 12 năm 2002).

Số hồ sơ lưu: K16

77719.01-2022 **Xây dựng mô hình trồng lúa nước 2 (Oryza sativa L) trên vùng đất nhiễm mặn tại thị xã Ba Đồn**/ ThS. Bùi Thị Thục Anh, Bùi Thị Thục Anh; Nguyễn Thanh Hương; Lê Thị Hương Giang; Nguyễn Thị Ái - Hợp tác xã sản xuất và chế biến nông sản sạch Quảng Hào - Hợp tác xã sản xuất và chế biến Nông sản sạch Quảng Hòa, 2020 - 10/2019 - 08/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá khả năng thích nghi của giống Lúa nước với điều kiện đất đai, khí hậu. Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, tính chống chịu sâu bệnh và đổ ngã của giống. Đánh giá chất lượng gạo. Góp phần phát triển vùng nguyên liệu cho các làng nghề làm bánh, bún tại địa phương đồng thời bảo tồn nguồn gen giống lúa bản địa.Thực hiện nhiệm vụ KH&CN liên kết. Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, thích nghi của giống lúa nước 2(Oryza sati va L) trên vùng đất nhiễm mặn tại xã Quảng Hòa.

Số hồ sơ lưu: 08/2020-QLKHCN-CS

80000.01-2022 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển giống và hình thành vùng sản xuất lúa Nếp Tan Co Giàng hàng hóa tại huyện Tân Uyên Lai Châu**/ PGS.TS Nguyễn Văn Cương, PGS.TS Nguyễn Văn Cương; ThS Hồ Minh Việt; TS Vũ Ngọc Thắng; TS Nguyễn Văn Giang; PGS.TS Nguyễn Văn Viên; PGS.TS Nguyễn Thế Hùng; KS Hoàng Thị Luyến - Lai Châu - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2018 - 04/2016 - 09/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phục tráng giống lúa Khẩu Ký, Nếp Tan co giàng đang bị lẫn tạp chất và bước đầu xây dựng kỹ thuật canh tác phù hợp cho giống lúa ngon của địa phương là nhu cầu cấp thiết. Thông qua kỹ thuật phục tráng, tổ chức các lớp tập huấn và hội thảo đầu bờ nhằm nâng cao trình độ quản lý của cán bộ địa phương, nâng cao kiến thức về khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, góp phần phát triển bền vững cây lúa đặc sản địa phương.

Để đáp ứng được các yêu cầu trên, và tạo ra bước chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa, dự án: "Phục tráng giống lúa Khẩu Ký, Nếp Tan co giàng địa phương của huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu" là cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-010

80085.01-2022 **Nghiên cứu phát triển sản xuất sản phẩm gạo (lúa) Điện Biên theo chuỗi giá trị**/ ThS. Tạ Quang Tưởng, - Hà Nội - viện nghiên cứu và phát triển vùng,

2000 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hiện nay quy mô sản xuất lúa tại cánh đồng Mường Thanh vẫn ổn định, nằm trong khoảng 3500 ha - 4000 ha, một số vùng sản xuất lớn như: Thanh Yên, Thanh Hưng, Thanh An và Thanh Xương. Các giống lúa cho năng suất khá cao, trung bình từ 60 - 64 tạ/ha, trong đó giống đòn gánh cho năng suất cao nhất với 66,67 tạ/ha, thấp nhất là 61,02 tạ/ha đối với BT7. Tổ chức đào tạo được 10 cán bộ kỹ thuật viên cơ sở và thực hiện được 06 lớp tập huấn với 180 lượt người dân tham dự. Đưa ra khuyến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao chuỗi giá trị lúa gạo tại cánh đồng Mường Thanh nói riêng và gạo Điện Biên nói chung.

Số hồ sơ lưu: DBN-2020-001

80087.01-2022 **Nghiên cứu phát triển giống nếp cẩm ĐH6 ngắn ngày, chất lượng cao thích ứng được 2 vụ trong năm cho tỉnh Điện Biên**/ ThS. Nguyễn Xuân Toán, ThS. Trần Bá Uẩn; KS. Trần Văn Tiếp; ThS. Lưu Quang Vũ; ThS. Nguyễn Đức Tuấn; ThS. Hoàng Thị Hưng; ThS. Phạm Thị Hà; ThS. Quàng Thị Dương; ThS. Phan Thị Nga; CN. Đào Thị Thanh Xuyến. - Điện Biên - Trường Cao đẳng kinh tế - kỹ thuật Điện Biên, 2020 - 06/2018 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thực trạng sản xuất lúa nếp vùng lòng chảo Điện Biên; Quy trình thâm canh giống lúa nếp cẩm ĐH6; Biện pháp kỹ thuật thâm canh lúa đạt năng suất cao; Xây dựng mô hình; Tập huấn chuyển giao quy trình kỹ thuật cho nông đân; Hội thảo khoa học vfa hội nghị đàu bờ về kết thử nghiệm sản xuất giống lúa nếp cẩm ĐH6.

Số hồ sơ lưu: DBN-2020-002

80105.01-2022 **Nghiên cứu phát triển sản xuất sản phẩm gạo (lúa) Điện Biên theo chuỗi giá trị**/ ThS. Tạ Quang Tưởng, ThS. Ngô Văn Dương; TS. Nguyễn Văn Tiễn; TS. Nguyễn Đắc Bình Minh; ThS. Nguyễn Phương Tùng; ThS. Trần Xuân Thuận; ThS. Đặng Ngọc Vượng; TS. Nguyễn Văn An; CN. Bạc Cầm Khuyên; ThS. Hà Quang Trung - Hà Nội - viện nghiên cứu và phát triển vùng, 2020 - 06/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thực trạng sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lúa (gạo) Điện Biên. Đánh giá chuỗi giá trị sản phẩm lúa (gạo) Điện Biên; Ảnh hưởng của mức độ sạ đến năng suất giống lúa mang chỉ dẫn địa lý "Điện Biên"; Xây dựng mô hình nhân giống lúa; Mô hình thâm canh lúa; Giải pháp phát triển chuỗi giá trị lúa (gạo) Điện Biên.

Số hồ sơ lưu: DBN-2020-001

80153.01-2022 **Nghiên cứu chọn tạo giống ngô có năng suất chất xanh và chất lượng cao làm thức ăn gia súc**/ TS. Ngô Thị Minh Tâm, ThS. Nguyễn Văn Trường; ThS. Ngụy Thị Hương Lan; KS. Nguyễn Thị Kim Lệ; TS. Đào Ngọc Ánh; ThS. Nguyễn Thị Thanh; ThS. Dương Thị Thu Anh; ThS. Bùi Xuân Mạnh; CN. Nguyễn Thị Ánh Thu; ThS. Tạ Thị Thùy Dung; ThS.

Nguyễn Phúc Quyết; KS. Nguyễn Như Tiền; Kỹ sư. Đào Thị Tại; KS. Nguyễn Thị Mỹ Duyên, KS.Nguyễn Ngọc Diệp, KTV.Hoàng Anh Tuấn, KTV.Nguyễn Thị Mai - Hà Nội - Viện Nghiên cứu ngô, 2021 - 01/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Chọn tạo 02 giống ngô, ít nhất được công nhận sản xuất thử (01 giống cho phía Bắc, 01 giống cho phía Nam) cho năng suất chất xanh 50 – 60 tấn/ha, chất lượng cao (giai đoạn chín sáp hàm lượng chất khô 18-20%; protein thô 8-9% trong vật chất khô; xơ thô 28-30% trong vật chất khô) làm thức ăn gia súc; Xây dựng qui trình kỹ thuật canh tác giống ngô mới đạt năng suất chất xanh cao (50 - 60 tấn/ha); Xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm giống ngô lai mới đạt năng suất chất xanh 50 – 60 tấn/ha cho vùng phía Bắc và phía Nam.

Số hồ sơ lưu: 18966

80567.01-2022 **Xây dựng hệ thống sản xuất giống khoai tây sạch bệnh cấp giống gốc trong nhà khí canh**/ Vũ Xuân Trung, - Nam Định - Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN Nam Định, 2019 - 01/2015 - 09/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị để sản xuất giống gốc bằng công nghệ khí canh quy mô 1.600m2 nhà khí canh. Bổ sung thiết bị kiểm tra chất lượng giống và sản xuất cây in vitro trong phòng nuôi cấy mô tế bào. Sản xuất giống gốc khoai tây sạch bệnh đạt 1.500.000 củ và cây giống gốc khí canh/3 năm (trong đó có 80.000 củ giống gốc thuộc dự án NTMN). Điều chỉnh giảm theo quyết định số 2203/QĐ-UBND ký ngày 29 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Nam Định và Phụ lục hợp đồng ký ngày 02 tháng 10 năm 2017, quy mô dự án là 300.000 củ/năm tổng dự án là 900.000 củ.

Số hồ sơ lưu: NDH-008-2020

80568.01-2022 **Phục tráng để phát triển giống lúa Tám Ấp bẹ cổ truyền**/ Nguyễn Xuân Trường, Nguyễn Cảnh Toàn - Nam Định - Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Xuân Trường, 2019 - 01/2015 - 01/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phục tráng để phát triển được giống lúa đặc sản bản địa Tám Ấp bẹ tại huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Phục tráng và sản xuất được 200 kg hạt giống lúa Tám Ấp bẹ đạt cấp tương đương siêu nguyên chủng, 03 tấn hạt giống lúa Tám Ấp bẹ đạt cấp tương đương nguyên chủng cung cấp cho sản xuất đại trà; Xây dựng được bảng mô tả các tính trạng giống lúa Tám Ấp bẹ. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất hạt giống lúa Tám Ấp bẹ. Đào tạo năng lực cho 200 hộ nông dân về kỹ thuật duy trì, sản xuất giống và quản lý nguồn hạt giống lúa Tám Ấp bẹ.

Số hồ sơ lưu: NDH-007-2020

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả

77510.01-2022 **Trồng thử nghiệm giống cây Măng Tây xanh trên vùng gò đồi huyện Quảng Ninh**/ ThS. Trần Văn Trung, Trần

Văn Trung; Phan Văn Thành; Nguyễn Xuân Thủy; Trần Thanh Hải; Nguyễn Phương Thảo; Ngô Đình Văn; Lê Thị Khánh - Thôn Tây, xã Vạn Ninh, Huyện Quảng Ninh - Ngô Đình Văn; Thôn Tây xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, 2020 - 04/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình trồng Măng tây xanh nhằm nghiên cứu, đánh giá các đặc điểm sinh trưởng, phát triển, tính thích nghi, hiệu quả kinh tế, từ đó hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng cây măng tây trên vùng gò đồi phù hợp với điều kiện địa phương. b. Mục tiêu cụ thể; Xây dựng mô hình trồng cây Măng Tây xanh với diện tích 3.000 m2 , năng suất đạt 12 tấn/ha/năm. Tỉ lệ sống ≥ 90% ; Nghiên cứu hoàn thiện các quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc cây măng tây xanh; quy trình kỹ thuật thu hoạch, sơ chế, bảo quản chồi măng tây xanh.

Số hồ sơ lưu: 05/2020-QLKHCN-CS

77694.01-2022 **Trồng thử nghiệm dừa xiêm lấy nước tại vùng cát ven biển tỉnh Quảng Bình**/ KS. Trần Thị THanh, Trần Thị Thanh; Nguyễn Văn Tuân; Trần Thị Thu Hiền; Võ Xuân Thiết; Huỳnh Thị Tâm - Công ty cổ phần Thanh Hương - Công ty Cổ phần Thanh Hương, 2020 - 08/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Trồng thử nghiệm dừa xiêm lấy nước tại vùng cát ven biển tỉnh Quảng Bình, đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của cây dừa xiêm thích nghi với điều kiện thổ nhưỡng địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đời sống cho người dân trên vùng đất trồng lúa nước chuyển đổi
Xây dựng thành công mô hình trồng cây dừa xiêm trên đất cát ven biển Quảng Bình; Hướng đến xây dựng thương hiệu dừa Xiêm Quảng Bình đạt tiêu chuẩn VietGAP. Đánh giá khả năng sinh trưởng của cây dừa xiêm trên đất cát ven biển Quảng Bình.

Số hồ sơ lưu: 07/2020-KHCN-CS

79128.01-2022 **Hoàn thiện quy trình công nghệ nhân giống, trồng thâm canh và chế biến chè xanh thơm, chè Kim Ngân cho giống chè VN15, PH10, PH12**/ TS. Nguyễn Ngọc Bình, TS. Trần Xuân Hoàng; TS. Đặng Văn Thư; ThS. Nguyễn Mạnh Hà; ThS. Phùng Lệ Quyên; ThS. Đỗ Thị Việt Hà; ThS. Nguyễn Thị Kiều Ngọc; ThS. Đào Thị Thanh Hằng, ThS.Phạm Thị Như Trang; KS. Phùng Thị Hồng Vân; KS. Nguyễn Thị Ngọc Bích; KS. Đỗ Thị Ngân; KS. Đào Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Phương Liên; KS. Trần Thị Thúy Hồng - Phú Thọ - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, 2020 - 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình công nghệ nhân giống, trồng thâm canh và chế biến chè xanh thơm, chè Kim Ngân cho giống chè VN15, PH10, PH12 góp phần nâng cao hiệu quả và phát triển sản xuất chè bền vững. Xây dựng mô hình trồng mới

các giống chè mới 30 ha (VN15, PH10, PH12) để sản xuất nguyên liệu chế biến chè xanh chất lượng cao, tỷ lệ sống năm thứ hai đạt trên 90%. Xây dựng mô hình thâm canh 80 –100 ha, áp dụng đồng bộ các biện pháp canh tác tiên tiến phù hợp, hiệu quả kinh tế tăng từ15 –20% so với sản xuất đại trà, năng suất bình quân đạt 10 tấn/ha, sản lượng đạt 800 –1.000 tấn búp tươi, nguyên liệu đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: 18321

79388.01-2022 **Nghiên cứu các giải pháp khoa học và công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng và phát triển sản xuất nhãn bền vững tại Sơn La và một số tỉnh phía Bắc**/ PGS. TS. Nguyễn Quốc Hùng, ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; PGS.TS. Hoàng Thị Lệ Hằng; ThS. Nguyễn Thị Bích Hồng; TS. Vũ Việt Hưng; ThS. Ngô Xuân Phong; ThS. Nguyễn Duy Hưng; ThS. Kiều Văn Quang; TS. Vũ Quang Giảng; ThS. Lê Thị Hà; KS. Đặng Văn Long; KS. Đào Huy Danh - Hà Nội - Viện nghiên cứu rau quả, 2021 - 10/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định bộ giống nhãn (3-5 giống) phù hợp cho mỗi vùng đảm bảo năng suất cao, phẩm chất tốt, thời gian cho sản phẩm 60 ngày trở lên. Xác định biện pháp kỹ thuật khắc phục hiện tượng ra hoa cách năm cho bộ giống nhãn đã được xác định trồng phù hợp ở Sơn La. Xây dựng được quy trình kỹ thuật thâm canh tiên tiến nâng cao năng suất 15 -20%, chất lượng quả đảm bảo an toàn thực phẩm. Xây dựng quy trình kỹ thuật xử lý ở giai đoạn cận và sau thu hoạch, giảm tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch cho một số giống nhãn trồng chủ lực ở Sơn La. Xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thâm canh cho bộ giống được chọn cho hiệu quả sản xuất tăng 15 -20% tại Sơn La và Hưng Yên.

Số hồ sơ lưu: 18531

79800.01-2022 **Khai thác và phát triển nguồn gen cây Bời lời đỏ (Machilus Odoratissima Nees) ở miền Trung và Tây Nguyên**/ PGS.TS. Đặng Thái Dương, TS. Hoàng Huy Tuấn; TS. Trần Nam Thắng; PGS.TS. Trương Thị Bích Phượng; TS. Hoàng Văn Thắng; ThS. Đặng Thị Thanh Hà; ThS. Võ Văn Hưng; TS. Nguyễn Văn Minh; ThS. Phạm Cường; ThS. Hoàng Dương Xô Việt - Thừa Thiên - Huế - Trường Đại học Nông Lâm, 2021 - 09/2016 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng, giá trị nguồn gen Bời lời đỏ ở miền Trung và Tây Nguyên. Nghiên cứu tuyển chọn cây trội và xây dựng vườn giống khảo nghiệm hậu thế, xuất xứ bời lời đỏ ở miền Trung và Tây Nguyên. Nghiên cứu kĩ thuật nhân giống Bời lời đỏ ở miền Trung và Tây Ngyuyên. Nghiên cứu bổ sung kỹ thuật trồng rừng Bời lời đỏ các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. Xây dựng mô hình rừng trồng thâm canh bời lời đỏ ở miền Trung và Tây Nguyên.

Số hồ sơ lưu: 18799

79964.01-2022 **Xây dựng mô hình trồng nho Cự Phong và Tảo Hồng tại Cao Bằng.**/ Triệu Hoàng

Thành, Triệu Hoàng Thành ; : Đoàn Văn Hướng; Đàm Thị Lâm ; Lê Thị Phương; Lương Thị Hiền; Hoàng Đức Quy - Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN Cao Bằng - Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN Cao Bằng, 2019 - 03/2016 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình trồng khảo nghiệm giống nho Cự Phong và tảo Hồng tại Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Sở KH&CN tỉnh Cao Bằng. Đánh giá khả năng thích ứng của giống nho Cự Phong và Tảo Hồng với điều kiện tự nhiên tại Cao Bằng, làm cơ sở để xây dựng mở rộng diện tích trồng cây nho trên địa bàn

Số hồ sơ lưu: 6

80088.01-2022 **Phát triển một số giống cam, bưởi chất lượng cao tại huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn**/ PGS.TS Lê Tất Khương, ThS. Nguyễn Phương Tùng; ThS. Nguyễn Văn Lam; KS. Phạm Văn Ngân; KS. Nguyễn Tiến Duy; ThS. Tạ Phương Thúy - Hà Nội - viện nghiên cứu và phát triển vùng, 2021 - 08/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng sản xuất cây có múi (cam, bưởi) tai huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn; Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển một số giống cam, bưởi chất lượng cao tại huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Nghiên cứu một số biện pháp thâm canh để hoàn thiện quy trình sản xuất cam, bưởi tại huyện Bắc Sơn, tỉnh lạng Sơn. Kết quả xây dựng mô hình vườn tập đoàn giống gốc cam, bưởi tại huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Kết quả nghiên cứu một số giải pháp phát triển vùng sản xuất cây có múi (cam, bưởi) hàng hóa chất lượng cao trên địa bàn huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Số hồ sơ lưu: LSN-2021-001

80422.01-2022 **Phục tráng giống đào ăn quả Mẫu Sơn và phát triển một số giống đào mới tại khu du lịch Mẫu Sơn, tỉnh Lạng Sơn**/ TS. Nguyễn Thị Tuyết, TS. Lê Thị Mỹ Hà; TS. Nguyễn Quốc Hiếu; TS. Vũ Việt Hưng; ThS. Đào Thị Liên; ThS. Hoàng Thị Hoài; ThS. Hoàng Văn Đảy; ThS. Trần Thị Hồng Vân; KS. Lăng Công Trình - Hà Nội - Viện nghiên cứu rau quả, 2020 - 08/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra thực trạng sản xuất đào ăn quả tại xã Mẫu Sơn (Lộc Bình) và xã Công Sơn (Cao Lộc). Nghiên cứu hoàn thiện Quy trình trồng, chăm sóc và phục tráng giống đào Mẫu Sơn tại khu vực Mẫu Sơn, Lạng Sơn. Áp dụng biện pháp phòng trừ sâu bệnh tổng hợp đã làm giảm mức độ gây hại của các đối tượng sâu bệnh hại chính trên đào Mẫu Sơn. Xây dựng 0,5 ha (250 cây) mô hình canh tác tổng hợp ứng dụng các biện pháp kỹ thuật trên cây đào Mẫu Sơn. Xây dựng mô hình trồng mới giống đào Mẫu Sơn và thử nghiệm các giống đào nhập nội (Nectarin, A2-2-29, B115). Các giống đào nhập nội đều có khả năng thích ứng với điều kiện sinh thái tại khu vực Mẫu Sơn, tỉnh Lạng Sơn, sinh trưởng khỏe, có khả năng ra hoa đậu quả sau 2 năm

trồng, tỷ lệ đậu quả đạt 3,17 - 3,6% cao hơn so với giống đào Mẫu Sơn.

Số hồ sơ lưu: LSN-2020-021

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc

79371.01-2022 **Nghiên cứu phát triển sản xuất các giống mía với quy mô công nghiệp đạt hiệu quả kinh tế cao cho vùng mía nguyên liệu Thanh Hóa**/ CN. Lê Văn Tam, ThS. Nguyễn Duy Khái; KS. Lê Bá Chiêu; CN. Đỗ Xuân Trường; KS. Le Huy Khiem; KS. Lê Thị Tuyết; KS. Lâm Hô Trung; KS. Hoàng Văn Dương; KS. Nguyễn Văn Tuân; KS. Nguyễn Tất Hoàng; KS. Nguyễn Minh Tuấn; GS.TS. Đỗ Năng Vịnh; TS. Hà Thị Thúy; TS. Lê Như Kiểu; PGS.TS. Phạm Thị Vượng - Thanh Hóa - Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn, 2020 - 07/2015 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tuyển chọn và phục tráng các giống mía sạch bệnh, có năng suất chất lượng cao phục vụ vùng mía nguyên liệu Thanh Hóa. Phát triển và ứng dụng công nghệ cao trong nhân, sản xuất giống và trồng mía nguyên liệu. Xây dựng vùng nguyên liệu mía ổn định, bền vững và đạt hiệu quả kinh tế cao. Hỗ trợ nâng cao tiềm lực trong nghiên cứu, chọn tạo và sản xuất mía. Xây dựng 3 mô hình với tổng quy mô diện tích 500 ha sản xuất mía nguyên liệu ởvùng có tưới; 02 mô hình với tổng quy mô diện tích 200 ha ở vùng không tưới (nhờ nước trời) đạt tiêu chuẩn năng suất và chất lượng.

Số hồ sơ lưu: 18526

79389.01-2022 **Nghiên cứu trồng xen cây bông trong vườn cây ăn quả ở thời kỳ kiến thiết cơ bản tại Bắc Giang**/ KS. Phan Quốc Hiển, KS. Nguyễn Khắc Hùng; KS. Nguyễn Ngọc Dương; KS. Vũ Văn Bộ - Sơn La - Công ty Cổ phần Bông và phát triển nông nghiệp Công nghệ cao, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định giải pháp kỹ thuật trồng cây bông xen trong vườn cây ăn quả (vườn cây bưởi) trong thời kỳ kiến thiết cơ bản tại Bắc Giang. Theo đó xây dựng được mô hình thực nghiệm trồng bông xen trong vườn cây bưởi 1 - 4 năm tuổi đạt năng suất và hiệu quả cao. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật trồng bông xen trong vườn cây bưởi ở thời kỳ kiến thiết cơ bản để chuyển giao cho nông dân vùng Bắc Giang và các vùng có điều kiện sản xuất tương tự.

Số hồ sơ lưu: 18532

80231.01-2022 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nhân giống và trồng thử nghiệm cây cỏ ngọt (Stevia rebaudiana) trên địa bàn thị xã Nghĩa Lộ và huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái**/ KS. Quản Thị Tuyết Nhung, KS. Quản Thị Tuyết Nhung; KS.Phương Thị Dung; KS.Nguyễn Thị Hoài Thu; KS.Sa Đình Từ; CN. Phạm Thị Đông; TC. Đồng Thị Phương; KS.Phùng Mạnh Tiến - Yên Bái - Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật nông lâm thủy sản TNĐ, 2020 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Chọn địa điểm , chọn hộ triển khai thực hiện dự án ; Tập huấn , chuyển giao kỹ thuật ; Xây dựng vườn ươm và sản xuất gi ống cỏ ngọt; Trồng thử nghiệm 5,0 ha; Hội nghị tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện dự án.

Số hồ sơ lưu: YBI-006-2021

40106. Bảo vệ thực vật

79163.01-2022 **Nghiên cứu ứng dụng các biện pháp sinh học phòng trừ một số loại sâu bệnh hại chính vùng rễ trên cam, quýt tại tỉnh Hòa Bình**/ TS. Lê Xuân Vị, TS. Bùi Văn Dũng; ThS. Kim Thị Hiên; ThS. Nguyễn Thị Chúc Quỳnh; ThS. Nguyễn Hông Tuyên; TS. Đào Thị Hằng; TS. Trịnh Xuân Hoạt; TS. Lê Thị Tuyết Nhung; TS. Nguyễn Hông Yên; ThS. Vũ Thị Thanh Huyên; ThS. Trần Quang Minh; TS. Trần Thị Huê; TS. Nguyễn Thị Bích Ngọci Hằng, TS.Trịnh Xuân Hoạt, TS.Lê Thị Tuyết Nhung, TS.Nguyễn Hồng Yến, ThS.Vũ Thị Thanh Huyền, ThS.Trần Quang Minh, TS.Trần Thị Huế, TS.Nguyễn Thị Bích Ngọc - Hà Nội - Viện Bảo vệ thực vật, 2020 - 10/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định tối thiểu 3 chế phẩm sẵn có ứng dụng có hiệu quả trong phòng trừ trong số các loại sâu bệnh hại chính (vàng lá thối rễ, chảy gôm, rệp sáp giả) và hoàn thiện qui trình sử dụng trên cây cam, quýt tại Hòa Bình. Tạo được ít nhất 01 chế phẩm mới và qui trình sản xuất, sử dụng chế phẩm trên đồng ruộng đạt hiệu quả phòng trừ trên 70%. Qui trình quản lý cây trồng tổng hợp (ICM) cho cây cam, quýt có ứng dụng các chế phẩm sinh học, đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường (qui trình được tỉnh công nhận). 02 mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học phòng trừ sâu bệnh hại chính vùng rễ trên cam, quýt ở giai đoạn kinh doanh đạt hiệu quả phòng trừ > 60%, hiệu quả kinh tế tăng 15%.

Số hồ sơ lưu: 18334

79873.01-2022 **Nghiên cứu sản xuất KIT chẩn đoán bệnh vàng lá Greening và bệnh tàn lụi (CTV) trên cây có múi**/ TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc , ThS. Phạm Thị Dung ; ThS. Nguyễn Nam Dương; KS. Ngô Thị Thanh Hường; ThS. Đỗ Duy Hưng; Hà Viết Cường; Nguyễn Ngọc Lan ; Trần Thị Như Hoa; Lê Văn Sơn ; Đỗ Phương Thảo; KS. Vũ Duy Minh - Hà Nội - Viện Bảo vệ thực vật , 2020 - 07/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu phát triển protein kháng nguyên đặc hiệu bệnh vàng lá greening và bệnh tàn lụi (CTV), nghiên cứu phát triển kháng thể đặc hiệu kháng nguyên của bệnh vàng lá greening và bệnh tàn lụi (CTV). Từ đó, sản xuất và sử dụng KIT ELISA để chẩn đoán bệnh vàng lá greening và bệnh tàn lụi (CTV) và sản xuất và sử dụng que thử để xác định nhanh bệnh vàng lá greening và bệnh tàn lụi CTV. Tiến hành ứng dụng KIT ELISA và que thử để chẩn đoán bệnh vàng lá greening và bệnh tàn lụi CTV.

Số hồ sơ lưu: 18839

40107. Bảo quản và chế biến nông sản

80220.01-2022 **Ứng dụng màng sinh học chitosan-nano bạc nhằm kéo dài thời gian bảo quản quả Quýt của tỉnh Lạng Sơn**/ PGS, TS. Phạm Thế Chính, TS. Khiếu Thị Tâm; PGS.TS. Dưỡng Nghĩa Bang; ThS. Lưu Tuấn Dương; TS. Hoàng Lâm; TS. Vương Trường Xuân; ThS. Hoàng Thị Thanh; ThS. Vũ Tuấn Kiên; PGS.TS. Phạm Thị Thắm; TS. Đoàn Duy Tiên; ThS. Vi Đức Thiện - Thái Nguyên - Trường Đại học khoa học, 2020 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát vùng trồng quýt và lựa chọn địa điểm thực hiện; Nghiên cứu hoàn thiện quy trình pha chế dung dịch tạo màng sinh học chitosan quy mô 10 lít/mẻ; Nghiên cứu hoàn thiện quy trình tạo màng sinh học chitosan-nano bạc trên quả quýt; Nghiên cứu hoàn thiện quy trình bảo quản quả quýt bằng màng sinh học chitosan-nano bạc; Xây dựng mô hình bảo quản quýt bằng màng sinh học chitosan - nano bạc quy mô 5 tấn quýt; Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho màng bảo quản chitosan - nano bạc.

Số hồ sơ lưu: LSN-2021-004

80528.01-2022 **Xây dựng mô hình hợp tác xã kiểu mới trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ một số sản phẩm hàng hóa trong sản xuất nông nghiệp tại Bắc Kạn.**/ TS. Nguyễn Thị Lan Anh, ThS. Đào Thị Hương; TS.Phạm Thị Lý; TS. Đỗ Xuân Luận; TS. Hà Quang Trung; ThS. Phạm Quốc Toán; TS. Nguyễn Viết Hưng; TS. Đỗ Thùy Ninh; ThS. Nguyễn Thị Hương; TS. Nguyễn Văn Thông. - Đại học Thái Nguyên - Đại học Thái Nguyên, 2019 - 09/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng 01 mô hình HTX kiểu mới để tổ chức sản xuất, chế biến, tiêu thụ một số sản phẩm hàng hóa trong sản xuất nông nghiệp, xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm miến dong tại tỉnh Bắc Kạn. Nâng cao năng lực quản trị điều hành và tổ chức quản lý sản xuất cho HTX và các thành viên để tạo ra các sản phẩm an toàn gắn với chuỗi giá trị. Hỗ trợ các HTX xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc nông sản và phát triển thương hiệu HTX. Kết nối và mở rộng được thị trường tiêu thụ nông sản cho HTX, tăng cường vai trò của HTX trong chuỗi giá trị bền vững.

Số hồ sơ lưu: 01/2020 Quyển 01-STD-QLCNCN

40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác

78833.01-2022 **Trồng giống lúa chịu mặn kết hợp nuôi rươi trên ruộng trũng nhiễm mặn tại huyện Quảng Ninh**/ KS. Trương Vĩnh Quân, TRương Vĩnh Quân; Trần Văn Trung; Hoàng Thị Xuân Hồng; Đặng Ngọc Chốn; Nguyễn Thị Chẻn - Hợp tác xã sản xuất kinh doanh và dịch vụ nông nghiệp Thế Lộc, 2020 - 09/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Cải tạo vùng đất ruộng trũng nhiễm mặn, canh tác kém hiệu quả ở

huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình theo phương pháp trồng lúa theo hướng hữu cơ tạo môi trường tự nhiên cho rươi sinh trưởng và phát triển nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản, môi trường tự nhiên đồng thời nâng cao thu nhập cho người nông dân thông qua việc bán sản phẩm sạch có giá trị kinh tế cao hơn. Tỉ lệ sống rươi: ≥ 30%. Sản lượng thu hoạch rươi đạt ≥ 500 kg; Sản lượng thu hoạch lúa đạt ≥ 4 tấn/ha. Hoàn thiện quy trình trồng lúa theo phương pháp hữu cơ kết hợp nuôi rươi phù hợp với điều kiện địa phương để áp dụng vào sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 12/2020

80258.01-2022 **Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen giống sen Huế tại Thừa Thiên Huế**/ TS. Hoàng Thị Kim Hồng, ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy; PGS.TS. Võ Thị Mai Hương; PGS.TS. Tôn Thất Pháp; PGS.TS. Trương Thị Bích Phượng; PGS. TS. Trần Thị Thu Hà; ThS. Đặng Thanh Long; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang; ThS. Ngô Thị Minh Thu; ThS. Ngô Thị Bảo Châu - Thừa Thiên Huế - Trường Đại học Khoa học Huế, 2020 - 09/2017 - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định đặc điểm di truyền và xây dựng sơ đồ mối quan hệ phát sinh các giống sen Huế bằng kỹ thuật chỉ thị phân tử. Tuyển chọn và xây dựng quy trình nhân giống 2-3 giống sen Huế có giá trị. Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm các giống sen Huế được tuyển chọn. Điều tra, thu mẫu xây dựng bản đồ phân bố và xác định sự đa dạng di truyền về kiểu hình của các giống sen Huế. Nghiên cứu đa dạng di truyền các mẫu giống sen Huế bằng kỹ thuật DNA mã vạch (DNA barcode) và xây dựng được sơ đồ mối quan hệ phát sinh loài của các giống sen ở Thừa Thiên Huế. Nghiên cứu quy trình nhân giống sen Huế từ ngó giống. Xây dựng mô hình trồng 3 giống sen Huế triển vọng, kỹ thuật trồng trọt, chăm sóc, quản lý sâu bệnh hại.

Số hồ sơ lưu: 158

80371.01-2022 **Xây dựng mô hình sản xuất giống lan cắt cành (Dendrobium "Sonia Earsakul"; "White 5N) và chuối tiêu Cavendish sp. bằng phương pháp nuôi cấy mô**/ Phạm Thế Anh, KS. Đoàn Minh Tuyết; KS. Dương Đăng Thanh; KS. Thạc sĩ Trịnh Văn Nhì; KS. Kỹ sư Nguyễn Thị Hồng Diễm; KS. Nguyễn Văn Vinh - Trung tâm Khoa học và Công nghệ Tây Ninh, 2019 - 01/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Lan *Dendrobium* gồm hơn 1600 loài, phân bố trên các vùng thuộc Châu Á nhiệt đới, tập trung nhiều nhất ở Đông Nam Á. *Dendrobium* Sonia arsakul**:** Dòng cây chủ lực cho hoa lan cắt tại Việt Nam và trên thế giới. Cây cho hoa to, màu sắc đậm đà, rất lâu tàn, trồng lâu dài cây siêng hoa, vòi hoa dài. *Dendrobium* White 5N: Dòng cây chủ lực cho hoa lan cắt cành tại Việt Nam và trên thế giới. Cây cho vòi hoa dài, trồng đạt gần khoảng 20 hoa/1 vòi. Hoa Cây chuối tiêu *Cavendish* sp.: chuối là loài cây dễ trồng và trồng tập trung quanh núi

Bà Đen thuộc thành phố Tây Ninh. Chuối tiêu có năng suất cao, phẩm chất tốt (Hàm lượng đường và axit, vitamin đều cao), vì vậy nó là giống được trồng phổ biến trong nhân dân ta. Năng suất trung bình 30 – 40 tấn/ha tùy vào từng vùng, trên thế giới năng suất chuối có thể lên tới 100 tấn/ha.

Số hồ sơ lưu: K15

80426.01-2022 **Xây dựng mô hình trồng các loại cây lấy tinh dầu (bạc hà, hương nhu tía, sả java) tại tỉnh Tây Ninh**/ Trịnh Văn Nhì, ThS. Huỳnh Thị Thu Hà; KS. Đoàn Minh Tuyết; ThS. Nguyễn Thị Kim Quyên; ThS. Phạm Thế Anh; KS. Dương Đăng Thanh - Trung tâm Khoa học và Công nghệ Tây Ninh, 2020 - 12/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng quy trình trồng và chăm sóc các loại cây lấy tinh dầu (bạc hà, hương nhu tía, sả java) phù hợp và có hiệu quả kinh tế với địa hình, thổ nhưỡng của tỉnh Tây Ninh. Triển khai thực hiện mô hình trồng các loại cây lấy tinh dầu (bạc hà, hương nhu tía, sả java) tại trại Thực nghiệm Công nghệ Sinh học tỉnh Tây Ninh. Đánh giá kết quả thực hiện mô hình đối với từng loại cây thực hiện mô hình (bạc hà, hương nhu tía, sả java). Hoàn thiện quy trình trồng, chăm sóc và thu hoạch cho ba loại cây lấy tinh dầu (bạc hà, hương nhu tía, sả java).

Số hồ sơ lưu: K24

40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi

77577.01-2022 **Nuôi giống lợn bản địa bằng phương pháp bán chăn thả tại xã Lâm Thủy huyện Lệ Thủy**/ KS. Phạm Xuân Ninh, Phạm Xuân Ninh; Phạm Duy Bảo; Hồ Văn Dương; Nguyễn Văn Tổng - Đồn Biên phòng Làng Ho, 2020 - 07/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nuôi giống Lợn bản địa bằng phương pháp bán chăn thả đạt chất lượng tốt, phù hợp tiêu chuẩn vệ sinh an toàn, thực phẩm. Cung cấp con giống có chọn lọc, có năng suất cung ứng trên địa bàn.Từ hiệu quả của nhiệm vụ khuyến cáo cho các hộ dân chuyển phương thức chăn nuôi truyền thống sang phương thức chăn nuôi bán chăn thả. Nội dung thực hiện nhiệm vụ sự nghiệp KH&CN Nuôi giống Lợn bản địa bằng phương pháp bán chăn thả với quy mô 40 con tại 10 hộ gia đình, mỗi hộ 04 con (02 đực, 02 cái). Đối tượng nghiên cứu Giống Lợn bản địa 2,5 tháng tuổi được mua từ các hộ dân trong xã và các xã lân cận, Lợn giống được cán bộ Chi cục Thú y tỉnh test kiểm tra dịch tả lợn Châu Phi và các loại vacxin đầy đủ tại xã Lâm Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Số hồ sơ lưu: 06/2020-QLKHCN-CS

80122.01-2022 **Xây dựng mô hình nuôi gà J-DABACO trên đệm lót sinh học tại Trại Thí nghiệm Thực hành trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên**/ ThS. Trần Bá Uẩn, ThS. Nguyễn Thị Vân Anh

KS. Trần Văn Tiếp; ThS. Lưu Quang Vũ; ThS. Nguyễn Thế Vương; CN. Nguyễn văn Tuyên; ThS. Phan Thị Nga; CN. Lường văn Dũng; CN.Cà Văn Liên - Điện Biên - Trường Cao đẳng kinh tế - kỹ thuật Điện Biên, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tình hình phát triển chăn nuôi gia cầm của tỉnh Điên Biên; Tình hình chăn nuôi gà J-DABACO tại Việt Nam; Vai trò của đệm lót sinh học; Thực trạng chăn nuôi gà trong khu vực lòng chảo Điện Biên; Xây dựng mô hình nuôi gà J-DABACO trên đệm lót sinh học; khả năng sản xuất thịt của gà J-DABACO; Hoàn thiện quy trình chăn nuôi gà J-DABACO

Số hồ sơ lưu: DBN-2020-009

80261.01-2022 **Nuôi tôm quảng canh cải tiến kết hợp trong điều kiện cấp nước không chủ động ở vùng Bắc quốc lộ 1A của huyện Giá Rai.**/ Nguyễn Hoàng Xuân, Lê Văn Chí; Lê Kim Búp; Cao Quốc Luận; Huỳnh Ngọc Trâm; Tống Xuân Mậu; Lê Long Phụng. - Bạc Liêu - Chi cục Nuôi trồng Thủy sản Bạc Liêu, 2013 - 09/2012 - 08/2013. (Đề tài cấp Cơ sở)

Điều tra hiện trạng nghề nuôi tôm quảng canh cải tiến kết hợp huyện Giá Rai từ năm 2010 đến năm 2012 và nuôi thực nghiệm mô hình kết hợp tôm sú, cua, cá rô phi. Trên cơ sở đó, đề xuất xây dựng quy trình nuôi hợp lý với điều kiện cấp nước không chủ động tại huyện Giá Rai làm cơ sở nhân rộng cho vùng Bắc Quốc Lộ 1A.

Số hồ sơ lưu: BLU-2019-001

80272.01-2022 **Mô hình nuôi rắn ri cá thương phẩm tại Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Bạc Liêu.**/ Lê Thị Thu Hiền, Hồ Minh Đương; Trần Chí Phương - Bạc Liêu - Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Bạc Liêu, 2019 - 06/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

"Mô hình nuôi cua rắn Ri cá thương phẩm" thành công là cơ sở cho công tác tuyên truyền, nhân rộng mô hình, nhằm giúp cho người dân phát triển mô hình nuôi trồng thủy sản theo quy mô nông hộ, tận dụng ao đìa bỏ trống, góp phần tạo thêm việc làm ổn định và cải thiện điều kiện thu nhập cho người dân vùng nông thôn thành phố Bạc Liêu và đạt được quy trình kỹ thuật ứng dụng "Mô hình nuôi rắn Ri cá thương phẩm". Đánh giá khả năng nhân rộng mô hình nuôi rắn Ri cá thương phẩm trên địa bàn thành phố Bạc Liêu. Nâng cao trình độ kỹ thuật cho các hộ tham gia "Mô hình nuôi rắn Ri cá thương phẩm", sản xuất ra các sản phẩm vừa thu được lợi nhuận về kinh tế, giúp giảm thiểu gây ô nhiễm môi trường. Đề xuất định hướng và các giải pháp nhằm phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế "Mô hình nuôi rắn Ri cá thương phẩm" trên địa bàn thành phố Bạc Liêu thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: BLU-2019-001

79828.01-2022 **Sản xuất thử nghiệm 03 tổ hợp lai gà bố mẹ từ ba dòng gà lông màu VCN/TP-**

TN1, VCN/TP-TN2 và VCN/TP-TN3/ ThS. Phạm Thuỳ Linh, ThS. Đặng Đình Tứ; TS. Nguyễn Quý Khiêm; ThS. Nguyễn Trọng Thiện; ThS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Lê Ngọc Tân; ThS. Đào Thị Bích Loan; ThS. Lê Xuân Sơn; ThS. Phạm Thị Lụa; ThS. Lê Văn Hùng - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2020 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chọn lọc ổn định năng suất thịt và trứng của 3 dòng gà lông màu VCN/TP-TN1, VCN/TP-TN2 và VCN/TP-TN3. Từ đó, tiến hành sản xuất thử nghiệm 03 tổ hợp lai gà bố mẹ từ ba dòng gà lông màu VCN/TP-TN1, VCN/TP-TN2 và VCN/TP-TN3. Đồng thời nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ chăn nuôi gà lông màu VCN/TP-TN và xây dựng mô hình nuôi gà lông màu bố mẹ (số lượng 1500 con) và gà lông màu thương phẩm với số lượng 3000 con.

Số hồ sơ lưu: 18831

40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi

79118.01-2022 **Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN trong sản xuất bắp và chế biến thức ăn gia súc bằng phương pháp ủ chua cung cấp cho chăn nuôi bò trong các nông hộ và trang trại**/ ThS. Trương Hùng Mỹ, KS. Nguyễn Vân Anh; ThS. Lê Huy Hoàng - Phú Yên - Trung tâm Ứng dụng và chuyển giao công nghệ tỉnh Phú Yên, 2021 - 09/2017 - 02/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong thâm canh cây bắp và chế biến thức ăn thô cho gia súc từ thân cây bắp bằng phương pháp ủ chua cung cấp cho chăn nuôi bò trong các nông hộ và trang trại . Tiếp nhận và làm chủ được quy trình sản xuất cây bắp lấy thân còn nguyên bắp (thu hoạch 80-85 ngày) đạt năng suất cao, chế biến thân bắp (cây còn nguyên bắp non) ủ chua làm thức ăn thô cho gia súc . Tiếp nhận quy trình vỗ béo bò sử dụng cây bắp ủ chua.

Số hồ sơ lưu: 18311

40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi

79379.01-2022 **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao tại tỉnh Lâm Đồng**/ Kỹ sư.Võ Thị Qùynh, ThS. Nguyễn Như Chương; CN. Nguyễn Văn Quang; CN. Nguyễn Thanh Phong; TS. Trương La; ThS. Ngô Văn Bình; CN. Dương Trường Chinh; CN. Lê Thị Minh Châu; CN. Nguyễn Thị Thúy; KS. Phan Nguyễn Ngọc Trinh - Lâm Đồng - Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng, 2020 - 12/2016 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao và tiếp nhận được các quy trình: Quy trình kỹ thuật chăn nuôi, lai tạo bò lai hướng thịt chất lượng cao; Kỹ thuật trồng và sử dụng các giống cỏ chăn nuôi cao sản; Kỹ thuật chế biến thức ăn xanh và phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho bò; Kỹ thuật vỗ béo bò thịt; Kỹ thuật vệ sinh chuồng trại, xử lý môi trường chăn nuôi. Xây dựng 2 mô hình (với 18 hộ tham gia) chăn nuôi bò lai hướng thịt chất lượng cao quy mô nông hộ tại các huyện: Đức

Trọng, Lâm Hà, Đơn Dương và Cát Tiên tỉnh Lâm Đồng.

Số hồ sơ lưu: 18527

79391.01-2022 **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao ở tỉnh Bến Tre**/ ThS. Nguyễn Quốc Trung, ThS. Võ Hoài Chân; TS. Bùi Trường Thọ; ThS. Ngô Hoàng Khanh; TS. Đoàn Đức Vũ; KS. Ngô Chí Thành; CN. Mai Trúc Chi; CN. Nguyễn Thị Mộng Thắm - Bến Tre - Trung tâm Nông nghiệp Ứng dụng công nghệ cao, 2020 - 12/2016 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng thành công tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò hướng thịt chất lượng cao ở tỉnh Bến Tre. Chuyển giao và tiếp nhận thành công 8 quy trình công nghệ bao gồm 4 quy trình chăn nuôi và vỗ béo cho bò hướng thịt nhập nội và bò lai; 04 quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch và chế biến, bảo quản cỏ cho bò.

Số hồ sơ lưu: 18530

40206. Sinh trưởng và phát triển của động vật nuôi

78730.01-2022 **Nuôi giống ngan đen theo phương thức bán chăn thả tại xã Sơn Hóa, huyện Minh Hóa**/ ThS. Trương Tấn Huệ, Trương Tấn Huệ; Phạm Xuân Ninh; Nguyễn Đức Anh; Hoàng Thị Hương Giang - Đồn Biên phòng Cà Xèng, 2020 - 05/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình nuôi ngan đen thương phẩm và sinh sản bằng phương pháp bán chăn thả chất lượng tốt, đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Cung cấp con giống có chọn lọc , có năng suất cung ứng trên địa bàn . Hoàn thiện quy trình chăm sóc nuôi dưỡng , quy trình thú y, phòng bệnh trong chăn nuôi ngan đen. Khuyến cáo các hộ dân học tập, đồng thời chuyển phương thức chăn nuôi truyền thống sang phương thức chăn nuôi bán chăn thả. Mô hình nuôi ngan thương phẩm và sinh sản với giống ngan đen với quy mô 900 con. Trong đó, tuyển chọn ngan sinh sản 100 con, còn lại ngan thương phẩm.

Số hồ sơ lưu: 11/2020-QLKHCN-CS

40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác

80025.01-2022 **Xây dựng chỉ dẫn địa lý "Mật ong Mù Cang Chải" cho sản phẩm mật ong của huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái**/ TS. Trịnh Văn Tuấn, ThS. Bùi Quang Duẩn; ThS. Phạm Thị Hạnh Thơ; ThS. Nguyễn Tiến Đà; CN. Nguyễn Thanh Nga; ThS. Lê Đức Công; CN. Nguyễn Hà Thanh; KS. Dư Văn Châu; KS. Hoàng Văn Hân; ThS. Phạm Tiến Lâm - Trưởng phòng NN&PTNT huyện Mù Cang Chải - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp, 2021 - 07/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mẫu chỉ dẫn địa lý "Mật ong Mù Cang Chải" và mẫu nhãn hiệu này đã được sử dụng để xây dựng thương hiệu cho sản phẩm; Xây dựng Bản mô tả về danh tiếng, tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm mật ong mang CDĐL

"Mật ong Mù Cang Chải" (danh tiếng của sản phẩm; các chỉ tiêu chất lượng đặc thù về cảm quan, lý hóa; Xây dựng hệ thống các văn bản quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý (Quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý; Quy trình cấp và thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý; Quy chế kiểm soát chất lượng sản phẩm...); Xây dựng Hệ thống nhận diện cho sản phẩm mật ong mang CDĐL (tem nhãn, tờ rơi, poster); Xây dựng Bộ công cụ quảng bá, giới thiệu sản phẩm gồm: website, phóng sự, bài viết; Xây dựng Hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử mã QR code; Nâng cao năng lực về kiến thức quản lý và khai thác sử dụng chỉ dẫn địa lý cho các cán bộ, người sản xuất và kinh doanh sản phẩm mật ong.

Số hồ sơ lưu: YBI-018-2021

80273.01-2022 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để cải tạo nâng cao chất lượng đàn bò lai bằng giống bò mới BBB (Blanc Blue Belge) tại tỉnh Thừa Thiên Huế**/ KS. Phạm Tài, ThS. Lê Văn Bình; KS. Lê Văn Thụy; KS. Phan Thị Kim Liên; KS. Hồ Thị Vi; ThS. Lê Hoài Nam; BSTY. Lê Văn Minh - Thừa Thiên Huế - Trung tâm Khuyến nông Thừa Thiên Huế, 2020 - 10/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả chăn nuôi bò thịt trong nông hộ ở tỉnh Thừa Thiên Huế thông qua cải thiện chất lượng con giống bằng cách lai tạo bò BBB với bò cái lai Zê bu và cải thiện chăm sóc nuôi dưỡng, từ đó tạo được đàn bò lai F1(BBB x lai Zebu) nuôi khảo nghiệm trong nông hộ, xác định các chỉ tiêu kỹ thuật của bò lai F1 (BBB x lai Zebu) khảo nghiệm theo quy trình nuôi ở nông hộ, xác định hiệu quả kinh tế của chăn nuôi bò lai F1 (BBB x lai Zebu) nuôi tại nông hộ. Cải tạo giống bò, tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng, góp phần chuyển đổi nhận thức của nông dân từ chăn nuôi bò theo hướng chăn thả sang nuôi bò bán chăn thả, đầu tư thâm canh cỏ trồng và chế biến thức ăn dự trữ để nuôi bò trong mùa đông nâng cao hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi bò.

Số hồ sơ lưu: 162

40404. Sinh thái và môi trường rừng

80363.01-2022 **Đánh giá hiện trạng quản lý và xây dựng các giải pháp bảo tồn thú ăn thịt nhỏ ở Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát, tỉnh Tây Ninh**/ Châu Văn Văn, KS. Hồ Đắc Long; TS. Hoàng Minh Đức; ThS. Trần Văn Bằng; CN. Nguyễn Thành Trung; KS. Tô Văn Quang; KS. Lê Duy; CN. Trương Thị Bích Quân; KS. Nguyễn Minh Tần - Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát, 2019 - 03/2017 - 02/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu các loài thú ăn thit nhỏ là những loài thú thuộc các Họ *Herpestidae, Mustelidae, Prionodinidae,* và *Viverridae* thuộc Bộ thú ăn thịt *Carnivora*. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu bổ sung thêm các loài mèo có kích thước nhỏ, thường dưới 15kg, thuộc Họ Mèo

Felidae gồm có: Mèo rừng *Prionailurus bengalensis* (2-5kg), Mèo ri *Felis chaus* (3-10kg), Mèo cá *Prionailurus viverrinus* (2-10kg), Mèo gấm *Padofelis marmorata* (2-5kg). Phạm vi khảo sát trong khuôn khổ của Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát với tổng diện tích là 19.204 ha. Điều tra phân bố và hiện trạng thú ăn thịt nhỏ ở Vườn Quốc gia Lò Gò – Xa Mát tỉnh Tây Ninh. Xây dựng bản đồ phân bố sinh cảnh phù hợp cho thú ăn thịt nhỏ. Đề xuất các giải pháp bảo tồn các loài thú ăn thịt nhỏ ở Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát tỉnh Tây Ninh.

Số hồ sơ lưu: K14

80404.01-2022 **Khảo sát hiện trạng và đề xuất giải pháp bảo tồn loài quý hiếm Gà lôi hông tía (Lophura diardi) ở Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát, tỉnh Tây Ninh**/ Huỳnh Hữu Phương, KS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung; TS. Nguyễn Trần Vỹ; ThS. Trương Bá Vương KS. Trương Quang Tâm; TS. Đặng Văn Sơn; KS. Hồ Đắc Long; KS. Lê Văn Nam; KS. Mai Duy Tuân; KS. Nguyễn Minh Tần - Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát, 2020 - 12/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, đánh giá hiện trạng và vùng phân bố của loài Gà lôi hông tía (*Lophura diardi*) ở Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát; Xây dựng các giải pháp hiệu quả để bảo tồn loài quý hiếm này ở Vườn quốc gia. Điều tra khảo sát hiện trạng phân bố của loài Gà lôi hông tía ở VQG-LGXM. Nghiên cứu đặc điểm sinh thái và sinh học của loài Gà lôi hông tía ở VQG-LGXM. Đánh giá các nguy cơ đe dọa gây suy thoái loài Gà lôi hông tía ở VQG-LGXM. Xây dựng các giải pháp quản lý và kế hoạch bảo tồn Gà lôi hông tía ở VQG-LGXM.

Số hồ sơ lưu: K19

40504. Nuôi trồng thuỷ sản

80130.01-2022 **Ứng dụng công nghệ nuôi cá Hồi vân (Oncorhynchusmykiss) trong bể xi măng tại xã Tênh Phông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên**/ KS. Nguyễn Thế Truyền, KS. Trần Trung Kiên; KS. Thái Tuấn Anh; KS. Bùi Thị Ngọc Tú; Nguyễn Xuân Thủy; Tô Văn Dương - Điện Biên - Trung tâm Khuyến nông - Giống cây trồng, vật nuôi tỉnh Điện Biên, 2020 - 08/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát thực trạng; Hoàn thiện mô hình ương nuôi cá Hồi vân trong bể xi măng; Hoàn thiện mô hình nuôi thương phẩm cá Hồi vân trong bể xi măng; Đào tạo, tập huấn; Thông tin tuyên truyền và biện pháp khuyến khích nhân rộng mô hình

Số hồ sơ lưu: DBN -2020-005

80228.01-2022 **Nghiên cứu quy trình kỹ thuật sản xuất giống cá nâu (Scatophagus argus Linnaeus, 1766) ở khu vực đầm phá Tam Giang, tỉnh Thừa Thiên Huế**/ TS. Nguyễn Văn Huy, ThS. Nguyễn Tử Minh; TS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Khoa Huy Sơn; PGS.TS. Nguyễn Duy Quỳnh Trâm; ThS. Lê Minh Tuệ; ThS. Phạm Thị Phương Lan; ThS. Trần Vinh

Phương; ThS. Trần Thị Thu Sương; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thừa Thiên Huế - Trường Đại học Nông Lâm Huế, 2021 - 07/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Có được quy trình kỹ thuật, mô hình sản xuất giống cá Nâu (*S. argus* Linaeus, 1766) phù hợp với điều kiện ở tỉnh Thừa Thiên Huế. Xây dựng được quy trình kỹ thuật nuôi vỗ thành thục đàn cá nâu bố mẹ phù hợp với điều kiện Thừa Thiên Huế đạt tỷ lệ thành thục cá bố mẹ ≥ 60%; tỷ lệ cá đẻ ≥ 45%; tỷ lệ trứng thụ tinh ≥ 85%; tỷ lệ trứng nở ≥ 70%. Nuôi vỗ thành thục 50 cặp cá nâu bố mẹ đạt chất lượng để đưa vào cho đẻ. Xây dựng được quy trình ương cá con sau giai đoạn bắt đầu sử dụng thức ăn ngoài thành cá giống đạt kích cỡ từ 01 - 2,5 cm; đạt tỷ lệ sống từ 3 - 6%.

Số hồ sơ lưu: 172

80269.01-2022 **Phát triển nghề nuôi cá lồng hợp lý trên đầm Cầu Hai, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế**/ KS. Nguyễn Văn Thông, TS. Hồ Thắng; TS. Nguyễn Ngọc Châu; ThS. Mai Chiếm Tuyến; Mai Văn Xỉ; Lê Thị Thanh Bình - Thừa Thiên Huế - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thông, 2020 - 08/2018 - 08/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển nghề nuôi cá lồng; Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm đầu ra của các hộ nuôi cá lồng ở đầm Cầu Hai tại huyện Phú Lộc. Đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển hợp lý nghề nuôi cá lồng trên đầm Cầu Hai ở huyện Phú Lộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Số lượng nghiên cứu về nuôi cá lồng ở huyện Phú Lộc còn ít; Hoạt động nuôi cá lồng hiện nay trên đầm Cầu Hai, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế diễn ra khá đa dạng với nhiều đối tượng nuôi, kiểu nuôi, hình thức nuôi và địa bàn nuôi khác nhau; Các hộ điều tra đã lựa chọn và kết hợp đa dạng các đối tượng nuôi lại với nhau nhằm đạt được kết quả và hiệu quả kinh tế cao nhất. Lượng thức ăn mang lại hiệu quả nuôi cao nhất là ở mức dưới 188 kg/Lồng/Vụ/1m^3; Kích thước lồng nuôi có tác động tiêu cực đến năng suất nuôi cá lồng, kích thướng càng tăng thì năng suất càng giảm.

Số hồ sơ lưu: 161

80538.01-2022 **Nghiên cứu nâng cao hiệu quả thu giống và nuôi hàu thương phẩm tại tỉnh Bến Tre**/ Thạc sĩ Cao Văn Nguyện, ThS. Cao Văn Nguyện; TS. Đỗ Hữu Hoàng; TS. Huỳnh Minh Sang; ThS. Hoàng Trung Du; ThS. Võ Thị Hải Thi; ThS. Nguyễn Trung Kiên; KS. Huỳnh Văn Cung; KS. Huỳnh Văn Dư; ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Huệ; KS. Hồ Thị Hoa; KS. Hứa Thái An; KS. Võ Văn Hoàng Em - Khánh Hòa - Viện Hải Dương học, 2020 - 10/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng Quy trình thu giống hàu đơn từ các vật liệu và cấu trúc giá thể khác nhau: Đạt 100.000 con hàu giống dạng rời; Xây dựng Quy trình nuôi thương phẩm hàu bản địa (Crassostrea belcheri) tại tỉnh Bến

Tre: Đạt 60.000 con, hàu thương phẩm. Đào tạo 05 kỹ thuật viên có thể chủ động trong qui trình nuôi thương phẩm hàu bản địa. Tập huấn cho 50 nông dân trong tỉnh Bến Tre về qui trình thu giống, nuôi phương phẩm hàu bản địa theo phương pháp mới đạt hiệu quả cao.

Số hồ sơ lưu: BTE-156-2021

75393.01-2022 **Cải tiến quy trình ủ phân hữu cơ vi sinh tại Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường Tây Ninh**/ ĐOÀN THỊ LAN ANH, TS. Hoàng Anh Hoàng; TS. Trần Ngọc Minh Quyên; ThS. Nguyễn Văn Lai; ThS Trịnh Văn Nhì; ThS Phạm Thế Anh; KS. Nguyễn Minh Nhựt; CN. Đặng Trúc Lan; KS. Huỳnh Hữu Phước; KS. Phan Thị Xuân Hằng - Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường Tây Ninh, 2018 - 02/2017 - 05/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tình hình nghiên cứu và sự cần thiết triển khai của đề tài. Tiềm năng nuôi tôm càng xanh toàn đực thương phẩm. Áp dụng tiến bộ khoa học vào thực tiễn sản xuất, nhằm cải thiện chất lượng tôm thương phẩm bằng con giống toàn đực. Từ đó, thúc đẩy nghề nuôi tôm càng xanh phát triển ở tỉnh Tây Ninh. Khảo sát và đánh giá thực địa về điều kiện môi trường và hiện trạng ao nuôi. Xây dựng các mô hình nuôi tcx tại các điểm với các vùng sinh thái khác nhau. Tập huấn và hội thảo quy trình công nghệ cho các cán bộ chuyên môn và hộ nuôi thủy sản tại tỉnh Tây Ninh.

Số hồ sơ lưu: K01 KSDNSNN

78900.01-2022 **Thử nghiệm quy trình ương nuôi giống cá cở lớn cá Chẽm (Lates calcarifer) phục vụ nhu cầu nuôi các mặn lợ tại tỉnh Quảng Bình**/ KS. Nguyễn Thế Anh, Nguyễn Thế Anh; Lê Minh Tứ; Trương Thị Hiệp; Đinh Như Hợi; Nguyễn Thị Tú - Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Thủy Sản Thế Anh, 2020 - 08/2020 - 01/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng, cải tạo vệ sinh hệ thống ương cá, hệ thống cấp thoát nước; Tuyển chọn đàn cá giống đủ số lượng để ương với kích cở giống đạt chỉ tiêu đạt tỷ lệ sống. Chủ động tạo ra con giống cá Chẽm cỡ lớn để cung cấp cho người nuôi tại tỉnh Quảng Bình và các vùng lân cận. Từ đó làm chủ công nghệ ương dưỡng cỡ lớn giống cá Chẽm và nhân rộng trên địa bàn tỉnh. Áp dụng kỹ thuật ương dưỡng cỡ lớn để sản xuất thử nghiệm giống cá Chẽm.Xây dựng được quy trình kỹ thuật ương dưỡng giống cỡ lớn cá Chẽmphù hợp với điều kiện tại Quảng Bình.Tỷ lệ sống: đạt ≥ 95%.Số lượng giống cá Chẽm cỡ lớn ương dưỡng: ≥ 38.000 con.

Số hồ sơ lưu: 14/2020

79384.01-2022 **Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nuôi thủy sản bằng lồng trên hồ Thác Bà**/ KS. Phùng Đức Chiến, CN. Phạm Thị Đông; KTV. Trần Văn Bình; ThS. Bùi Ngọc Thanh; KS, Phạm Tuấn Anh; KS. Cao Phần Thưởng; KS. Nguyễn Thạc Hải; ThS. Nguyễn Hải Sơn; KTV. Nguyễn Bá Thảo; ThS. Ngô Sỹ Vân; KTV Đào Văn Minh; KTV. Nguyễn Văn Hòa; KTV. Hà Văn Thương;

CN. Bùi Thị Dịu - Yên Bái - Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nông - Lâm - Thủy sản TNĐ, 2020 - 12/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nuôi cá chép lai V1, cá rô phi đơn tính và trắm đen trong lồng HDPE trên hồ Thác Bà tỉnh Yên Bái để góp phần sản xuất lượng hàng hóa lớn có chất lượng và đồng bộ từ ương nuôi giống tại chỗ đến sản phẩm cá thương phẩm đa dạng về chủng loài qua đó dần hình thành vùng nguyên liệu cung cấp nguồn cá sạch cho thị trường nội địa và hướng đến xuất khẩu góp phần phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh Yên Bái.

Số hồ sơ lưu: 18538

79875.01-2022 **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình ương nuôi cá Chình hoa (Anguilla marmorata) giống và thương phẩm đạt năng suất và hiệu quả cao tại Thanh Hóa**/ KS. Nguyễn Thị Ánh, KS. Đinh Việt Cường; CN. Nguyễn Thị Huyền; KS. Nguyễn Ngọc Huy; KS. Trịnh Văn Châm; KS. Trần Văn Dũng; KS. Hoàng Đăng Long; KS. Trương Tiến Hải; CN. Trịnh Quốc Huy; CN. Đinh Minh Thành; CN. Nguyễn Ngọc Tuấn - Thanh Hóa - Công Ty Cổ phần Khoáng Sản Thanh Hóa, 2020 - 01/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chuyển giao và tiếp nhận quy trình kỹ thuật ương giống và nuôi thương phẩm cá chình trong ao và trong bể. Tiến hành xây dựng mô hình ương giống cá Chình hoa từ giai đoạn giống cấp I (5g/ con) lên giống cấp II (50 g/con) với tỷ lệ sống đạt > 80%. Đồng thời, xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Chình hoa trong ao và trong bể và tiến hành đào tạo tập huấn cho kỹ thuật viên và nông dân.

Số hồ sơ lưu: 18825

40505. Hệ sinh thái và đánh giá nguồn lợi thuỷ sản

79954.01-2022 **Nghiên cứu giải pháp phát triển nuôi trồng thuỷ sản ven biển thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) vùng duyên hải Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ**/ PGS.TS. Hoàng Ngọc Khắc, ThS. Trần Thị Thanh Hải; PGS.TS. Lương Tuấn Anh; PGS.TS. Nguyễn Thế Hưng; PGS.TS. Nguyễn Đăng Quế; PGS.TS. Ngô Trọng Thuận; TS. Cao Lệ Quyên; ThS. Lê Ngọc Quân; ThS. Nguyễn Mạnh Thắng; ThS. Trịnh Quang Tú - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Biến đổi toàn cầu và Phát triển bền vững, 2020 - 09/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở koa học về nuôi trồng thủy sản thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá các hệ thống nuôi trồng thủy sản ven biển thông minh với biến đổi khí hậu, làm cơ sở cho việc đánh giá, quản lý và nhân rộng các hệ thống nuôi trồng thủy sản ven biển. Lựa chọn một số hệ thống nuôi trồng thủy sản ven biển thông minh với biến đổi khí hậu cho vùng duyên hải Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, đồng thời xây dựng Bộ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật và

triển khai mô hình nuôi trồng thủy sản trên. Từ đó, đề xuất các giải pháp thúc đẩy phát triển nuôi trồng thủy sản ven biển thông minh với biến đổi khí hậu cho vùng duyên hải Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

Số hồ sơ lưu: 18833

40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;

79359.01-2022 **Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình từ sản xuất giống đến chế biến lúa gạo chất lượng, an toàn thực phẩm tiêu thụ trong nước và xuất khẩu của tỉnh Ninh Bình./** KS. Phạm Thị Hải Hà, CN. Phạm Văn Quang; KS. Hoàng Thị Kim Linh; KS. Bùi Đức Thiện; KS. Ngô Thị Thu; KS. Trần Thị Thu; KS. Nguyễn Văn An; CN. Nguyễn Anh Đào; CN. Đào Mạnh Quyền - Ninh Bình - Công ty Cổ phần Tổng công ty Giống cây trồng con nuôi Ninh Bình, 2020 - 11/2016 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất lúa và chế biến gạo chất lượng theo quy trình khép kín từ nhân giống phục vụ sản xuất, tạo vùng chuyên canh sản xuất lúa hàng hóa chất lượng theo tiêu chuẩn VietGAP, nhằm phát triển sản phẩm gạo mang thương hiệu gạo sạch AIQ trên thị trường trong nước và xuất khẩu. Chuyển giao và tiếp nhận các quy trình công nghệ sản xuất giống lúa, trồng lúa theo VietGAP, bảo quản và chế biến gạo. Xây dựng mô hình sản xuất lúa giống, trồng lúa thương phẩm và chế biến gạo chất lượng cao với quy mô cụ thể: 25 tấn hạt giống nguyên chủng; 75 tấn hạt giống xác nhận giống lúa GL105; 3.000 tấn lúa GL105 thương phẩm chất lượng, tương đương với 2.000 tấn gạo sạch mang thương hiệu AIQ sẽ được đưa ra thị trường trong nước và xúc tiến thương mại tại thị trường nước ngoài.

Số hồ sơ lưu: 18525

79824.01-2022 **Thu thập, đánh giá nguồn gen cây nguyên liệu dầu**/ ThS. Thái Nguyễn Quỳnh Thư, KS. Phạm Phú Thịnh; KS. Nguyễn Đoàn Hữu Trí; ThS. Trần Thị Phương Nhung; ThS. Nguyễn Thị Út; KS. Trần Ngọc Thông - Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu dầu và cây có dầu, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, tiến hành thu thập nguồn gen (03 mẫu giống) góp phần làm đa dạng nguồn gen, bổ sung nguồn vật liệu khởi đầu cho công tác chọn tạo giống các cây nguyên liệu dầu phục vụ cho sản xuất. Đánh giá và tư liệu hóa 09 nguồn gen nhằm thu thập các thông tin của mỗi nguồn gen, tư liệu hóa nhằm phục vụ cho bảo tồn nguồn gen cũng như cung cấp các thông tin về các nguồn gen để phục vụ cho các mục tiêu nghiên cứu khoa học.

Số hồ sơ lưu: 18835

79825.01-2022 **Lưu giữ và bảo quản nguồn gen cây nguyên liệu dầu và cây tinh dầu**/ TS. Lê Công Nông, ThS. Thái Nguyễn Quỳnh Thư; ThS. Trần Thị Phương Nhung; ThS. Nguyễn Thị Út; KS. Trần Ngọc Thông; ThS. Nguyễn Thái Thúy

Duy; KS. Nguyễn Thị Thủy; KS. Ngô Thị Thanh Trúc; KS. Phạm Phú Thịnh; KTV. Lại Văn Sấm - Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu dầu và cây có dầu, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tiến hành lưu giữ và bảo quản an toàn trên đồng ruộng 51 mẫu giống dừa; 3 mẫu giống phi long; 86 mẫu giống Jatropha; 21 mẫu giống cây tinh dầu (tràm trà, sả chanh, hương nhu,…). Đồng thời lưu giữ nguồn gen bằng phương pháp bảo quản hạt trung hạn 176 mẫu giống lạc; 90 mẫu giống vừng; 109 mẫu giống đậu tương: 1 lần/năm lấy mẫu và kiểm tra thời gian nảy mầm của hạt giống lạc, vừng, đậu tương giúp trẻ hóa 09 mẫu hạt nguồn gen.

Số hồ sơ lưu: 18834

499. Khoa học nông nghiệp khác

80313.01-2022 **Xác lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm vải Dèng A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế**/ ThS. Trần Văn mẫn, ThS. Nguyễn Thị Kiều Anh; KS. Trần Đình Tri; CN. Hồ Lê Thủy Dương; KS. Phạm Đăng Khoa - Thừa Thiên Huế - Trung tâm thông tin và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, 2019 - 08/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tạo lập được nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm vải Dèng A Lưới nhằm bảo tồn và phát triển làng nghề dệt Dèng truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế và sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Hệ thống quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể vải Dèng A Lưới được vận hành có hiệu quả thiết thực. Xây dựng phương án tổ chức quản lý và vận hành có hiệu quả về nhãn hiệu tập thể NHTT "Dèng A Lưới, hình". Xây dựng trang Website quảng bá NHTT "Dèng A Lưới, hình" và thường xuyên cập nhật thông tin.

Số hồ sơ lưu: 166

5. Khoa học xã hội

75761.01-2022 **Nguyên cứu quản lý sử dụng vỉa hè trên địa bàn thành phố Quy Nhơn – Thực trạng và giải pháp**/ TS. Võ Ngọc Anh, - Bình Định - Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định, 2018 - 04/2018 - 11/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đưa ra cơ sở lý luận về vỉa hè và quản lý sử dụng vỉa hè. Đánh giá thực trạng sử dụng và quản lý sử dụng vỉa hè trên các tuyến đường chính thuộc địa bàn thành phố Quy Nhơn. Đúc kết kinh nghiệm của các thành phố trong và ngoài nước, rút ra 4 bài học kinh nghiệm về quản lý sử dụng vỉa hè áp dụng cho TP. Quy Nhơ. Đề xuất nhóm giải pháp quản lý sử dụng vỉa hè hiệu quả, mỹ quan tại thành phố Quy Nhơn.

Số hồ sơ lưu: BDH-2019-006

75762.01-2022 **Xây dựng mô hình can thiệp dự phòng, sàng lọc và kiểm soát ung thư cổ tử cung của phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15 – 49) dựa vào y tế xã tỉnh Bình Định**/ TS. Nguyễn Thị Như Tú, TS. Trương Quang Đạt - Bình Định - Liên hiệp hội KH&KT Bình Định, 2019 - 09/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng và triển khai mô hình phòng chống ung thư cổ tử cung dựa vào y tế xã cho phụ nữ (15 – 49) tuổi tại xã Canh Hòa, huyện Vân Canh. Mô hình can thiệp phòng UTCTC dựa vào y tế xã có 3 nhóm hoạt động chính: (1) Giám sát hỗ trợ hoạt động cung cấp dịch vụ phòng chống UTCTC; (2) Hoạt động cung cấp dịch vụ phòng chống UTCTC: các hoạt động truyền thông trực tiếp, gián tiếp và thực hiện kỹ thuật VIA tại trạm y tế xã và (3) Hoạt động sử dụng dịch vụ phòng chống UTCTC của phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49); Đánh giá hiệu quả và khả năng áp dụng mô hình phòng chống ung thư cổ tử cung dựa vào y tế xã sau một năm can thiệp.

Số hồ sơ lưu: BDH-2019-007

75767.01-2022 **Nghiên cứu thực trạng và các yếu tố liên quan đến đuối nước ở trẻ em; đề xuất giải pháp can thiệp nhằm giảm nguy cơ mắc và tử vong trẻ em do đuối nước tại tỉnh Bình Định**/ ThS.BS Bùi Lê Vĩ Chinh, ThS. Lê Thị Vinh Hương - Bình Định - Trường cao đẳng y tế Bình Định, 2019 - 02/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định thực trạng và các yếu tố liên quan đến đuối nước trẻ em ở 11 huyện/thị xã /thành phố - tỉnh Bình Định năm 2015, 2016. Đề xuất các giải pháp can thiệp nhằm giảm nguy cơ mắc và tử vong trẻ em do đuối nước tại một số huyện tỉnh Bình Định . Đánh giá kết quả can thiệp nhằm giảm nguy cơ mắc và tử vong trẻ em do đuối nước tại một số huyện tỉnh Bình Định.

Số hồ sơ lưu: BDH-2019-008

78644.01-2022 **Nghiên cứu các giải pháp quản lý công tác thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2025**/ Vĩnh Thông, - ThS. Lê Quốc Thành - ThS. Phạm Thị Hồ Lan - ThS. Trần Hòa Nam - TS. Nguyễn Xuân Long - PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Vinh - TS. Phan Thị Dung - TS. Võ Văn Cần - Nha Trang - Khánh Hòa - Sở Tài Chính, 2020 - 11/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý nhà nước đối với thu – chi ngân sách địa phương. Đánh giá thực trạng công tác quản lý thu NSNN tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011-2017. Đánh giá thực trạng công tác quản lý chi NSNN tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011-2017. Đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác thu ngân sách nhà nước, nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu NSNN trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020, định hướng đến 2025. Đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả chi NSNN, dịch vụ tài chính công trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020, định hướng đến 2025. Xây dựng một số mô hình thí điểm phân bổ ngân sách theo kết quả đầu ra đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Xây dựng thực hiện một số mô hình xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/297

79363.01-2022 **Nghiên cứu áp dụng các phương pháp dạy học**

tích cực nhằm nâng cao hiệu qảu dạy và học kiến thức quản lý hành chính nhà nước tại Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa/ Lê Thị Kim Chung, - ThS. Nguyễn Văn Thắng - ThS. Nguyễn Thị Lệ Hằng - ThS. Trần Thị Khánh Hòa - ThS. Nguyễn Thị Trà My - CN. Đỗ Thị Ánh Nguyệt - Khánh Hòa - Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa, 2020 - 04/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Luận giải sự tương thích giữa phương pháp dạy học tích cực và mục tiêu và yêu cầu của môn quản lý hành chính nhà nước. Đánh giá kết quả khảo sát thực trạng trước khi áp dụng thử nghiệm kết quả nghiên cứu và so sánh với kết quả thực nghiệm sư phạm kết quả nghiên cứu tại lớp học điển hình, rút ra các gợi ý về cách sử dụng từng phương pháp ở từng phần của mỗi bài học, với những lưu ý cụ thể trong quá trình áp dụng các phương pháp. Đề xuất các giải pháp và kiến nghị để đẩy mạnh việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động giảng dạy và học tập kiến thức quản lý hành chính nhà nước trong chương trình trung cấp lý luận chính trị - hành chính tại Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/301

79948.01-2022 **Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên Trường Chính trị Hoàng Đình Giong và các Trung tâm Bồi dưỡng chính trị tỉnh Cao Bằng**/ Bế Dũng, Bế Dũng; Tô Vũ Ninh; Nông Văn Tiềm; Trương Thị Phương; Nông Thị Ngọc Hà; Đoàn Thị Vân Thúy; Bế Minh Đức; Đoàn Trọng Hùng; Đặng Văn Dũng; Tô Quang Hải; Trần Thị Thu Hồng; Vũ Quang Hải - Trường Chính trị Hoàng Đình Giong tỉnh Cao Bằng, 2020 - 07/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng chất lượng giảng dạy của đội ngũ giảng viên của Trường Chính trị Hoàng Đình Giong; Đánh giá thực trạng chất lượng giảng dạy của đội ngũ giảng viên của các Trung tâm Bồi dưỡng chính trị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng giảng dạy của đội ngũ giảng viên của Trường Chính trị Hoàng Đình Giong; Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng giảng dạy của đội ngũ giảng viên của Trung tâm Bồi dưỡng chính trị cấp huyện; Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị, quản lý nhà nước và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Cao Bằng.

Số hồ sơ lưu: 5

80125.01-2022 **Nghiên cứu diễn biến khí hậu, thủy văn tỉnh Điện Biên giai đoạn 1996 - 2016 dưới tác động của biến đổi khí hậu phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh**/ TS. Hoàng Lưu Thu Thủy, KS. Nguyễn Thị Hiền; GS.TSKH. Đặng Huy Huỳnh; TS. Lê Trần Chấn; ThS. Nguyễn Đức Hạnh; TS. Nguyễn Văn Vinh; ThS. Phạm Thị Liên; KS. Nguyễn Bá Nhuận; ThS. Vũ Thị Cúc; CN. Tạ Thùy Dương - Điện Biên - Trung

tâm Địa môi trường và Tổ chức Lãnh thổ, 2020 - 02/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan chung về biến đổi khí hậu về biến đổi khí hậu trên thế giới và tại Việt Nam; Đặc điểm, diễn biến của chế độ khí hậu, thủy văn, tài nguyên nước tỉnh Điện Biên giai đoạn 1996 - 2016; tác động của biến đổi khí hậu, nguyên nhân biến đổi khí hậu, giải pháp giảm thiểu biến đổi khí hậu; Giải pháp giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên

Số hồ sơ lưu: DBN-2020-003

80221.01-2022 **Một số giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn tiếp cận và áp dụng biện pháp có hiệu quả các cơ chế, chính sách ưu đãi của Nhà nước**/ ThS. Lê Văn Thắng, ThS. Lê Văn Thắng; Phùng Thị Thanh Nga; ThS. Đồng Thanh Thư; ThS. Linh Thị Hiền; ThS. Phùng Thị Lệ Nhung; CN. Nguyễn Thị Uyên; ThS. Nguyễn Hồng Hạnh; CN Lâm Mạnh Hà - Lạng Sơn - Sở Kế hoạch và Đầu tư, 2018 - 05/2017 - 11/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề tài "Một số giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn tiếp cận và áp dụng có hiệu quả các cơ chế, chính sách ưu đãi của Nhà nước" đã phân tích những tác động, ảnh hưởng và đánh giá thực trạng phát triển trong thời gian qua. Với những khó khăn đã phân tích, với những định hướng, mục tiêu, giải pháp, chính sách hỗ trợ được đề nghị thực hiện sẽ tác động tích cực đến phát triển DN trên địa bàn, nâng cao khả năng cạnh tranh, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế chung của Tỉnh.

Số hồ sơ lưu: LSN-2019-001

80233.01-2022 **Xây dựng phần mềm tin học và cơ sở dữ liệu quản lý đối tượng nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**/ CN. Lâm Tiến Hùng, CN. Lâm Tiến Hùng; KS. Phạm Tuấn Anh; CN. Lê Thị Hương; CN. Nguyễn Thị Thùy Linh; CN. Hoàng Anh Lan; CN. Nguyễn Trung Kiên; CN. Hoàng Văn Huấn; CN. Tô Hoàng Tú - Lạng Sơn - Công an tỉnh Lạng Sơn, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát thực tế để xây dựng phần mềm; Phân tích hệ thống; Lập trình hệ thống, thiết kế cơ sở dữ liệu;*Thực hiện xây dựng phần mềm:* Nhập cơ sở dữ liệu ban đầu để kiểm tra hoạt động của hệ thống, đưa dữ liệu vào hệ thống; *Kiểm thử phần mềm:* Kiểm tra từng module chức năng của phần mềm; Thử nghiệm, kiểm tra được toàn bộ các chức năng của phần mềm, khắc phục được các lỗi. T*riển khai cài đặt phần mềm; Cập nhật dữ liệu.* Tổ chức đào tạo, tập huấn và đào tạo sử dụng, bàn giao dữ liệu cho các phòng nghiệp vụ của Công an tỉnh, Công an các huyện, thành phố.

Số hồ sơ lưu: LSN-2019-005

80265.01-2022 **Điều tra thực trạng kiến thức, kỹ năng bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của các gia đình trên địa bàn xã Vĩnh Bình, xã Vĩnh Thịnh huyện Hòa Bình**/ Lê Minh Đầy, Nguyễn Thanh

Tuyền; Dương Hồng Thi; Huỳnh Thị Hồng Nhiên; Huỳnh Thanh Ngợi; Đặng Tuấn Vinh. - Bạc Liêu - Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu, 2014 - 03/2014 - 12/2014. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá thực trạng kiến thức, kỹ năng bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của các gia đình trên địa bàn xã Vĩnh Bình, xã Vĩnh Thịnh huyện Hòa Bình Giai đoạn 2010 - 2014. Qua đó đề xuất các giải pháp có tính khả thi góp phần cho công tác đẩy mạnh việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của các gia đình trên địa bàn toàn huyện Hòa Bình năm 2015 và những năm tiếp theo. Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của các gia đình trên địa bàn xã Vĩnh Bình, xã Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Đánh giá tình hình thực hiện một số chính sách, chương trình, mục tiêu về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của các gia đình trên địa bàn xã Vĩnh Bình, xã Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình, qua đó đánh giá thực trạng, kiến thức, kỹ năng trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của các gia đình.

Số hồ sơ lưu: BLU-2019-001

80319.01-2022 **Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả việc chuyển đổi vị trí công tác cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**/ ThS. Hồ Văn Hải, Huỳnh Công Quảng; ThS. Trần Viết Quốc; Lê Quý Phố; Đặng Thị Mỹ Ngọc; Mai Duy Bình; Phan Viết Giảng - Thừa Thiên Huế - Ban Nội chính, 2020 - 10/2017 - 08/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá thực trạng việc chuyển đổi vị trí công tác cán bộ, công chức và viên chức (CBCCVC) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2011-2015. Xác định được rào cản vướng mắc trong việc chuyển đổi vị trí công tác CBCCVC giai đoạn 2011-2015. Ba là, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của việc chuyển đổi vị trí công tác CBCCVC. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và đánh giá thực trạng về chuyển đổi vị trí công tác trong các đơn vị, địa phương tại tỉnh Thừa Thiên Huế, đề tài góp phần làm rõ hơn thực tiễn về chuyển đổi vị trí công tác trên địa bàn trong thời gian qua; qua đó đề xuất các phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy đảng, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương về chuyển đổi vị trí công tác trong thời gian đến.

Số hồ sơ lưu: 168

80332.01-2022 **Nghiên cứu xây dựng các mô hình liên kết trong phát triển du lịch cộng đồng nhằm nâng cao thu nhập cho các hộ dân tại các huyện phía Tây thuộc tỉnh Hà Giang**/ PGS.TS. Đỗ Anh Tài, TS. Nguyễn Quang Hợp; ThS. Nguyễn Hữu Thu; TS. Bùi Nữ Hoàng Anh; PGS.TS. Trần Văn Quyết; TS. Nguyễn Thị Lan Anh; TS. Nguyễn Phương Hảo; TS. Ngô Thị Mỹ; Lù Văn Chung; Phượng Chàn Nu; TS. Nguyễn Thị Thu Thương - Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, 2020 - 07/2018

- 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát thực trạng và đánh giá các tiềm năng DLCĐ các huyện phía Tây tỉnh Hà Giang;Xây dựng mô hình liên kết trong phát triển DLCĐ phù hợp với đặc điểm tự nhiên, dân tộc, văn hóa, lợi thế nhằm nâng cao thu nhập cho người dân các huyện phía Tây tỉnh Hà Giang;- Triển khai mô hình thí điểm tại xã Hồ Thầu, huyện Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang; Đề xuất các giải pháp phát triển DLCĐ bền vững tại các huyện phía tây tỉnh Hà Giang;Xây dựng chiến lược phát triển DLCĐ tại xã Hồ Thầu huyện Hoàng Su Phì và các huyện phía tây của tỉnh Hà Giang

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKHCN-2020

80334.01-2022 **Nâng cao hiệu quả công tác hòa giải đối với các tranh chấp dân sự trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**/ ThS. Nguyễn Thế Lệ, ThS. Đồng Thị Ninh; ThS. Nguyễn Thị Hoa; ThS. Nguyễn Thị Minh Thùy; ThS. Hoàng Thị Thu Hường; ThS. Hoàng Kim Thêu; ThS. Nguyễn Thị Thu Trà; ThS. Nguyễn Mạnh Cường; ThS. Trương Thị Hương Giang; ThS. Vũ Mạnh Đức - Lạng Sơn - Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, 2020 - 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu hòa giải ngoài tòa để ứng dụng cho các cấp, các ngành, các đơn vị cá nhân có nhiệm vụ hòa giải. Xây dựng các chuyên đề về kiến thức, kỹ năng, biện pháp trong công tác hòa giải ngoài tòa án nhằm nâng cao kỹ năng hòa giải cho người tiến hành hòa giải; Nghiên cứu hòa giải tại Tòa để nâng cao chất lượng hòa giải của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký tòa, góp phần giải quyết vụ án nhanh chóng, đúng quy định pháp luật. Nghiên cứu đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả công tác hòa giải các tranh chấp dân sự áp dụng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, tiến tới đạt mục tiêu hòa giải là phương thức lựa chọn chủ yếu trong giải quyết các tranh chấp dân dự trên địa bàn tỉnh.

Số hồ sơ lưu: LSN-2021-006

80336.01-2022 **Nghiên cứu Biên soạn và tích hợp nội dung giáo dục địa phương cho học sinh các trường tiểu học và trung học cơ sở tỉnh Hà Giang**/ TS. Nguyễn Minh Nguyệt, Th.S. Bùi Phương Thuý; Th.S. Hoàng Phương Thảo; Th.S. Hoàng Thị Giang; Th.S. Nguyễn Thị Liệu; Th.S. Lê Thị Liễu; Th.S. Nguyễn Thị Hường; Th.S. Lê Thị Kim Dung; Th.S. Dương Thị Thu Loan; Th.S. Đàm Quốc Kiên; Th.S. Bùi Thị Toàn; Th.S. Hoàng Văn Thuỷ; Th.S. Ngạc Giang Hội; Th.S. Nguyễn Văn Duy; CN. Vũ Phong Lan; Th.S. Nguyễn Thị Ngọc Lan; Th.S. Mai Thị Biến; Th.S. Chu Thị Thanh Tâm; Th.S. Đỗ Khắc Hùng; Th.S. Hoàng Thị Hường; Th.S.Vũ Đức Việt; Th.S.Trịnh Tiến Dũng; Th.S. Nguyễn Thành Liêm; Th.S. Nông Thị Hoài Thương; Th.S. Lại Thị Thu Huyền; CN. Cấn Thị Sinh; Th.S. Đinh Thế Hiệp; Th.S. Lương Hoàng Nghĩa; Th.S. Nguyễn Thị Thu Hằng; CN. Vũ Thị Phương; Th.S. Nguyễn Thị Nguyệt Minh; Th.S. Lê Quang Hùng; Th.S.

Nguyễn Thị Ngọc Lan. - Hà Giang - Trường cao đẳng sư phạm Hà Giang, 2020 - 07/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu biên soạn và tích hợp nội dung giáo dục địa phương cho HS các trường Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Hà Giang, góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục của Hà Giang trong giai đoạn hiện nay. Đánh giá thực trạng và xác định cơ sở khoa học, thực tiễn của vấn đề biên soạn và tích hợp nội dung giáo dục địa phương cho học sinh các trường Tiểu học và THCS tỉnh Hà Giang. Biên soạn và đề xuất biện pháp tích hợp nội dung giáo dục địa phương cho học sinh các trường Tiểu học và THCS tỉnh Hà Giang.

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKHCN-2020

80338.01-2022 **Xây dựng nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm Trám đen của huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn**/ CN. Nguyễn Minh Hà, ThS. Nguyễn Khánh Toàn; ThS. Nguyễn Mạnh Tường; KS. Nông hà Thơ; ThS. Lâm Mai Tùng; ThS. Nguyễn Thái Hà; CN. Lại Gia Bảo; KS. Nông Văn Tùng; ThS. Nguyễn Văn Sáng; KS. Chu Văn Vượng - Lạng Sơn - Trung tâm Ứng dụng, Phát triển Khoa học - Công nghệ và đo lường chất lượng sản phẩm, 2020 - 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thành việc điều tra, khảo sát thực trạng trồng, sản xuất và kinh doanh sản phẩm Trám đen tại huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Xây dựng bản đồ vùng trồng và phân tích chất lượng sản phẩm Trám đen Văn Quan. Thiết kế được mẫu nhãn hiệu tập thể, mẫu nhãn hàng hóa cho sản phẩm Trám đen Văn Quan. Xây dựng và ban hành bộ Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu tập thể; Quy chế quản lý và sử dụng tem, nhãn hàng hóa, bao bì sản phẩm cho sản phẩm Trám đenVăn Quan. Xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch và chế biến Trám đen. Xây dựng và nộp bộ Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu tập thể Trám đen Văn Quan và được cục SHTT cấp văn bằng bảo hộ. Xây dựng hệ thống phương tiện quảng bá NHTT cho sản phẩm Trám đenVăn Quan. Hỗ trợ Hội làm vườn huyện Văn Quan tổ chức Lễ công bố NHTT cho sản phẩm Trám đenVăn Quan.Triển khai các chương trình hoạt động nhằm quảng bá NHTT Trám đenVăn Quan.

Số hồ sơ lưu: LSN-2021-009

80340.01-2022 **Xây dựng nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm Thanh long của huyện Bình Gia**/ ThS. Đào Thế Đông, KS. Nông Quý Tú; KS. Hoàng Đăng Tự; KS. Lương Ngọc Toản; KS. Ngô Thị Trang; KS. Đinh Thu Hậu; CN. Phùng Ngọc Ánh; KS. Lâm Thị Linh; KS. Hoàng Thị Anh; KS. Chu Thị Hải - Lạng Sơn - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Bình Gia, 2020 - 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổ chức điều tra, đánh giá thực trạng sản xuất kinh doanh Thanh long tại huyện Bình Gia. Thông tin về các biện pháp kỹ thuật trồng

Thanh long; Thông tin về thị trường tiêu thụ sản phẩm. Lập bản đồ xác định vùng bảo hộ. Hoàn thành bộ Hồ sơ để xin bảo hộ và được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cấp văn bằng bảo hộ. Song song với quá trình lập hồ sơ, dự án đã tiến hành các nội dung nghiên cứu phân tích chất lượng Thanh long, xây dựng được Quy chế quản lý và sử dụng NHTT Thanh long Bình Gia; quy chế sử dụng tem, nhãn và các hình thức sử dụng NHTT Thanh long. Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây Thanh long để phục vụ quản lý và phát triển NHTT, thiết kế mẫu logo, tem nhãn, bao bì...

Số hồ sơ lưu: LSN-2021-007

80379.01-2022 **Nghiên cứu xây dựng chính sách bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống độc đáo (tiêu biểu) của các dân tộc thiểu số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang**/ PGS.TS. Nguyễn Văn Minh, TS. Bùi Thị Bích Lan; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh; TS. Lý Hành Sơn; PGS.TS. Phạm Văn Dương; PGS.TS. Phạm Minh Phúc; TS. Trần Thị Mai Lan; TS. Vũ Thị Phương Nga; TS. Nguyễn Thị Tám; CN. Bùi Đức Tân; CN. Nguyễn Thị Lượng; - CN. Bùi Duy Thành. - Hà Nội - Viện Dân tộc học, 2021 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu nhằm góp phần làm rõ thực trạng giá trị văn hóa truyền thống độc đáo của các DTTS tỉnh Hà Giang hiện tồn tại hoặc đã mai một cần phục dựng; đánh giá chính sách bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của tỉnh Hà Giang những năm qua, nhất là từ năm 2010 đến nay. Trên cơ sở đó cung cấp luận cứ khoa học cho việc định hướng xây dựng chính sách bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống độc đáo/tiêu biểu nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong điều kiện hiện nay. Đồng thời, đề xuất một mô hình bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa độc đáo của một DTTS tại một điểm cụ thể phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKHCN-2021

80382.01-2022 **Giải pháp xây dựng tổng thể sản phẩm và điểm đến du lịch gắn với khai thác tối ưu các giá trị của Hà Giang trong phát triển du lịch bền vững**/ GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn, PGS. TS. Nguyễn Chiến Thắng; TS. Đào Thị Hoàng Mai; PGS. TS. Phạm Trung Lương; PGS. TS. Nguyễn Phương Châm; TS. Nguyễn Đức Đồng; TS. Nguyễn Thanh Bình; TS. Vũ Tuấn Hưng; CN. Nguyễn Thị Huyên; CN. Vừ Thị Mai Hương; TS. Lê Thúy Hằng; ThS. Đỗ Thị Hải; ThS. Ma Ngọc Ngà; ThS.Trần Văn Hoàng; ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết; ThS. Vũ Ngọc Quyên; CN. Trần Đình Nuôi; CN. Phạm Thị Thanh. Hà Nội - Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2021 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng phát triển sản phẩm và điểm đến du lịch của tỉnh Hà giang hiện nay. Phân tích các yếu tố đang hạn chế sự phát triển các sản phẩm du

lịch, hạn chế khả năng khai thác các giá trị tiềm năng du lịch của tỉnh hướng tới sự phát triển du lịch bền vững. Phân tích các mô hình du lịch bền vững của một số nước và một số tỉnh của Việt Nam để rút ra bài học kinh nghiệm và gợi ý chính sách cho Hà Giang. Đề xuất hệ thống giải pháp tổng thể giúp Hà Giang xây dựng cơ chế chính sách hợp lý phát triển chuỗi sản phẩm, điểm đến du lịch hướng đến một ngành du lịch bền vững. Đề xuất khung mô hình du lịch bền vững cụ thể áp dụng cho du lịch cộng đồng và du lịch sinh thái tại Hà Giang.

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKHCN-2021

80507.01-2022 **Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên Đảng bộ huyện Hòa Bình.**/ Nguyễn Văn Chung, Mai Cẩm Giang; Mai Thị Ngọc Hân; Huỳnh Văn Tính; Vũ Thị Hồng Lê. - Bạc Liêu - Ban Tuyên giáo Huyện ủy Hòa Bình, 2014 - 04/2014 - 12/2014. (Đề tài cấp Cơ sở)

Trong giáo dục đạo đức, lối sống cho cán bộ đảng viên, đảng bộ luôn quán triệt về ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, đặc biệt là tinh thần, trách nhiệm phục vụ nhân dân; triển khai thực hiện kịp thời Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị , Chỉ thị 07 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bạc Liêu , đặc biệt là vận dụng thực hiện nghiêm túc các chủ đề thực hiện việc "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" hằng năm . Kể từ khi triển khai thực hiện cuộc vận động cũng như Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị , Chỉ thị 07 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bạc Liêu , đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện đều gương mẫu và tự giác làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, có nhiều tập thể và cá nhân được biểu dương, điển hình tiến tiến cấp huyện, tỉnh. Riêng Ban Chấp hành đảng bộ huyện vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương lao động hạng 3 đã có nhiều thành tích trong thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

Số hồ sơ lưu: BLU-2019-001

50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh

77512.01-2022 **Nghiên cứu phát triển các sản phẩm hàng hóa giá trị cao phục vụ du lịch Quảng Bình**/ TS. Nguyễn Thị Minh Phượng, Nguyễn Thị Minh Phượng; Hồ Thị Diệu Ánh; Nguyễn Thị Kim Cúc; Nguyễn Thế Lân; Hà Minh Tuân; Lê Thái An; Trần Xuân Quang - Sở Du lịch Quảng Bình - Sở Du Lịch tỉnh Quảng Bình, 2020 - 06/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích, đánh giá các đặc trưng về văn hóa tự nhiên, sinh cảnh, kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình trong việc phát triển sản phẩm hàng hóa đặc trưng phục vụ du lịch. Xác định thực trạng phát triển sản phẩm hàng hóa đặc trưng phục vụ du lịch của tỉnh Quảng Bình. Đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển hàng hóa đặc trưng phục vụ du lịch tại

tỉnh Quảng Bình; Nội dung nghiên cứu của đề tài . Phát triển sản phẩm hàng hóa đặc trưng phục vụ du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Số hồ sơ lưu: 10/2020 - QLKHCN

79131.01-2022 **Phát triển kinh tế tư nhân ở Trung Quốc: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Chiết Giang và một số gợi mở cho Việt Nam**/ TS. Hà Thị Hồng Vân, PGS. TS. Nguyễn Xuân Trung; TS. Lý Hoàng Mai; GS. TS. Đỗ Tiến Sâm; TS. Nguyễn Mai Phương; TS. Bùi thị Thu Hiền - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Trung Quốc, 2020 - 07/2017 - 02/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa các lý thuyết về kinh tế tư nhân; các lý luận về kinh tế tư nhân của Trung Quốc; Phân tích các giai đoạn phát triển của kinh tế tư nhân Trung Quốc; Đánh giá sự phát triển của kinh tế tư nhân Chiết Giang; đặc điểm, vai trò của kinh tế tư nhân tại tỉnh Chiết Giang. Phân tích những cơ hội và thách thức đối với sự phát triển kinh tế tư nhân ở tỉnh Chiết Giang, những đối sách mới của tỉnh Chiết Giang trong phát triển kinh tế tư nhân; Nêu ra một số gợi mở cho Việt Nam đối phát triển kinh tế tư nhân.

Số hồ sơ lưu: 18328

79819.01-2022 **Nghiên cứu đề xuất mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho Việt Nam giai đoạn đến 2030 và tầm nhìn đến 2035**/ ThS. Đinh Tuấn Minh, TS. Nguyễn Hà Thị Quỳnh Trang; ThS. Hoàng Xuân Diễm; TS. Đinh Thị Thanh Bình; ThS. Phan Xuân Linh; CN. Phạm Khánh Linh; CN. Phạm Thị Thắm; ThS. Nguyễn Thùy Liên; ThS. Nguyễn Hồng Anh; ThS. Nguyễn Thị Phương Mai - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2020 - 06/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ về mặt lý luận mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tổng kết kinh nghiệm thực tiễn về mô hình tăng trưởng dựa trên STI của một số nước chọn lọc. Từ đó, đánh giá thực trạng mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam hiện nay và đề xuất mô hình tăng trưởng dựa trên STI của Việt Nam giai đoạn đến 2030 và tầm nhìn đến 2035, đồng thời đề xuất giải pháp áp dụng mô hình tăng trưởng dựa trên STI cho Việt Nam giai đoạn đến 2030 và tầm nhìn đến 2035.

Số hồ sơ lưu: 18824

79826.01-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học, thực tiễn đề xuất mô hình sử dụng đất tập trung, quy mô lớn, hiệu quả, bền vững đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tại các vùng kinh tế trọng điểm Việt Nam**/ TS.Thái Thị Quỳnh Như, TS. Nguyễn Đắc Nhẫn; PGS.TS. Trần Văn Tuấn; TS. Trần Văn Thuân; TS. Nguyễn Quang Dũng; TS. Nguyễn Anh Phong; ThS. Đinh Thị Mai; ThS. Bùi Xuân Hậu; ThS. Tạ Thị Hà; ThS. Đoàn Hương Giang - Hà Nội - Viện nghiên cứu quản lý đất đai, 2020 - 06/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở khoa học, thực tiễn đề xuất mô hình sử dụng đất tập trung, quy mô lớn, hiệu quả, bền vững đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tại các vùng kinh tế trọng điểm Việt Nam. Đánh giá thực trạng sử dụng đất tập trung quy mô lớn, hiệu quả, bền vững tại các vùng kinh tế trong cả nước và khả năng ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Từ đó, đề xuất mô hình sử dụng đất tập trung, quy mô lớn và đánh giá hiệu quả của các mô hình tại các vùng kinh tế trọng điểm Việt Nam. Đồng thời, đề xuất hoàn thiện quy định của pháp luật về sử dụng đất tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 18838

79872.01-2022 **Kinh tế Việt Nam 2001-2020**/ TS. Phạm Sỹ An, PGS.TS. Bùi Quang Tuấn; PGS.TS. Nguyễn Chiến Thắng; TS. Vũ Tuấn Anh; TS. Vũ Quốc Huy; TS. Trần Khánh Hưng; TS. Lý Hoàng Mai; ThS. Đỗ Thị Hải; ThS. Cao Tuấn Phong; Cử nhân. Chử Thị Hạnh - Hà Nội - Viện kinh tế Việt Nam, 2021 - 03/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ những chuyển biến chủ yếu của nền kinh tế Việt Nam trên các lát cắt: Quy mô và cơ cấu của nền kinh tế, thể chế kinh tế, sự phát triển của hệ thống hạ tầng hạ tầng, chất lượng của tăng trưởng. Làm rõ tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam từ 2001 – 2020 trên các khía cạnh: các mốc hội nhập quan trọng, những thay đổi trong tư duy, chính sách hội nhập. Phân tích những ảnh hưởng của hội nhập đến môi trường kinh doanh, hoạt động xuất – nhập khẩu, thu hút FDI, ODA và hoạt động đầu tư trực tiếp của Việt Nam ra nước ngoài. Làm rõ diễn biến tăng trưởng và ổn định của nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2001 – 2020 và những chính sách kinh tế quan trọng trong giai đoạn này. Khái quát lại kinh tế Việt Nam qua 20 năm (2001 – 2020) để rút ra bài học kinh nghiệm và gợi ý một số định hướng tương lai cho kinh tế Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18815

50202. Kinh doanh và quản lý

79123.01-2022 **Nghiên cứu phương pháp xây dựng, tổng hợp, báo cáo, theo dõi tình hình thực hiện chiến lược tổng thể đầu tư phát triển doanh nghiệp**/ TS. Hồ Đức Thắng, Lê Thị Hồng; Đỗ Xuân Trường; Đặng Thị Hương Thảo; Lê Thị Hoàng Anh; Lê Thị Thanh Bình; Dương Thị Thu; Đặng Hoàng Nam; Nguyễn Thanh Nam - Hà Nội - Vụ Tổng hợp, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, tổng hợp các phương pháp, nguyên tắc, thực hành tốt nhất để xây dựng chiến lược tổng thể phát triển doanh nghiệp nhà nước dưới góc nhìn của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Đề xuất được các phương pháp để tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện chiến lược tổng thể đầu tư phát triển doanh nghiệp nhà nước, trong đó bảo đảm các mục tiêu cụ thể sau: Gắn với chiến lược phát triển của doanh nghiệp và

chủ sở hữu: đánh giá được tình hình thực hiện chiến lược phát triển đã đề ra để có điều chỉnh khi cần thiết; Đo lường được và thể hiện được mối quan hệ nhân quả giữa hành động, mục tiêu cụ thể, ngắn hạn là cần thiết để dẫn tới các mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 18316

79126.01-2022 **Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý giám sát hoạt động giao dịch qua các Sở Giao dịch hàng hóa tại Việt Nam**/ ThS. Trần Diệu Hương, ThS. Nguyễn Phương Dung; ThS. Lê Thu Hiền; ThS. Nguyễn Thị Phong Lam; ThS. Hà Thị Phương Linh; CN. Ngô Thị Thanh Thủy; CN. Đỗ Minh Quân; CN. Hoàng Thị Thùy; ThS. Phan Hữu Việt Đức; ThS. Nguyễn Thanh Hương - Hà Nội - Vụ Thị trường trong nước, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý giám sát hoạt động giao dịch qua Sở Giao dịch hàng hóa, xác định tiêu chí quản lý giám sát, phát hiện hành vi lạm dụng thị trường, thao túng thị trường trong giao dịch của Sở Giao dịch hàng hóa, các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý giám sát hoạt động giao dịch qua Sở Giao dịch hàng hóa. Nghiên cứu kinh nghiệm quản lý giám sát hoạt động giao dịch qua Sở Giao dịch hàng hóa của một số nước có tính chất điển hình và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Đánh giá thực trạng quản lý giám sát hoạt động giao dịch qua các Sở Giao dịch hàng hóa đã được cấp phép tại Việt Nam giai đoạn 2011-2020; xác định những khó khăn, thách thức trong hoạt động giao dịch qua Sở Giao dịch hàng hóa trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 18320

79127.01-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp góp phần phát triển thị trường đường sản xuất trong nước trong bối cảnh thực thi các cam kết hội nhập**/ ThS. Hoàng Anh Tuấn, CN. Lê Thị Hồng; CN. Trần Huyền Trang; CN. Nguyễn Thu Hiền; ThS. Nguyễn Thị Hồng Anh; CN. Nguyễn Thị Hồng Nhung; CN. Nguyễn Thị Quế; CN. Trần Thu Hà; CN. Trịnh Thị Thu Hà; CN. Nguyễn Văn Long - Hà Nội - Vụ Thị trường trong nước, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đề xuất giải pháp góp phần phát triển thị trường đường sản xuất trong nước trong bối cảnh thực thi các cam kết hội nhập sẽ góp một phần nhỏ trong việc giải quyết những hạn chế, tồn tại của thị trường đường sản xuất trong nước, bảo đảm sự ổn định và phát triển thị trường một cách có trật tự, bảo đảm sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước, thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần phát triển ổn định kinh tế trong nước trong bối cảnh thực thi các cam kết hội nhập.

Số hồ sơ lưu: 18324

79154.01-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ đến năm 2025**/ ThS. Nguyễn Toàn Thắng, ThS. Phan Thị Giang; ThS. Bùi Minh Hiên; ThS. Đặng Quang Thiện; KS. Nguyễn Văn Tài; CN. Nguyễn Quốc Dũng; KS. Nguyễn

Văn Bền; CN. Tống Thị Kim Lan; CN. Phạm Thị Hông Nhung; CN. Tạ Quang Lâm - Hà Nội - Cục Công thương địa phương, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng về các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ ở khu vực phía Bắc hiện nay. Đánh giá thực trạng xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ ở Việt Nam. Đề xuất các giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ đến năm 2025

Số hồ sơ lưu: 18339

79157.01-2022 **Đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp theo hướng hiện đại và phát triển bền vững**/ ThS.Trần Quang Hà, ThS. Nguyễn Quế Dương; ThS. Nguyễn Quang Vinh; ThS. Đào Ngọc Đại; ThS. Hồ Khánh Duy; ThS. Phùng Hải Long; Đặng Thị Huyền; Nguyễn Văn Thắng - Hà Nội - Vụ Nông nghiệp - Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thực hiện sắp xếp các doanh nghiệp Nông Lâm nghiệp do Ủy ban quản lý có cơ cấu hợp lý hơn, tập trung vào ngành, lĩnh vực then chốt tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Kiện toàn lại các doanh nghiệp Nông Lâm nghiệp do Ủy ban quản lý tập trung vào tiêu chí nâng cao hiệu quả hoạt động, sản xuất kinh doanh, tăng sức cạnh tranh, tăng tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Kiện toàn nâng cao năng lực quản lý và năng lực quản trị theo chuẩn mực quốc tế; hoạt động của doanh nghiệp Nông Lâm nghiệp được quản lý, giám sát chặt chẽ, công khai, minh bạch. Đề xuất các giải pháp phát triển bền vững cho các doanh nghiệp Nông Lâm nghiệp do Ủy ban quản lý.

Số hồ sơ lưu: 18331

79396.01-2022 **Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam trong bối cảnh thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới**/ TS. Ngô Văn Vũ, ThS. Nguyễn Tuân Việt; ThS. Phương Thanh Thủy; PGS.TS. Tạ Kim Ngọc; TS. Đặng Thái Bình; ThS. Đồng Thị Thùy Linh; ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy; CN. Ngô Mạnh Sơn; CN. Chu Thanh Hải - Hà Nội - Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa và làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong trong bối cảnh thực hiện các FTA thế hệ mới; Nêu rõ những yêu cầu của các FTA thế hệ mới đối với doanh nghiệp. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam từ năm 2015 đến 2020; nhận diện được những lợi thế , khó khăn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trong bối cảnh thực hiện các FTA thế hệ mới . Đề xuất có luận cứ khoa học về định hướng và giải pháp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030 để tận dụng các cơ hội mà các FTA thế hệ mới mang lại.

Số hồ sơ lưu: 18537

79812.01-2022 **Giải pháp phát triển bảo hiểm xã hội cho nông dân ở các tỉnh đồng bằng sông Hồng**/ TS. Dương Xuân Triệu, ThS. Nguyễn Hải Hồng; ThS. Đặng Anh Khoa; ThS. Nguyễn Thị Thuý Liễu; ThS. Phạm Quốc Thái; CN. Lê Thuỷ Tiên; ThS. Nguyễn Văn Tình; ThS. Bùi Thị Lưu; ThS. Phạm Đức Cường; CN. Phạm Văn Vẽ - Hà Nội - Viện Khoa học kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, 2020 - 12/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống những vấn đề cơ bản về bảo hiểm xã hội cho nông dân. Phân tích, đánh giá thực trạng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho nông dân ở các tỉnh Đồng bằng sông Hồng. Từ đó đưa ra các giải pháp phát triển bảo hiểm xã hội cho nông dân ở các tỉnh Đồng bằng sông Hồng.

Số hồ sơ lưu: 18826

50299. Kinh tế học và kinh doanh khác

79778.01-2022 **Nghiên cứu đánh giá tác động và đề xuất định hướng phát triển ngành hóa chất Việt Nam phù hợp với xu thế phát triển của cách mạng công nghiệp lần thứ 4**/ TS. Nguyễn Chí Thanh , ThS. Nguyễn Thị Thêu ; TS. Trần Kim Liên; ThS. Lê Việt Thắng; ThS. Nguyễn Văn Kiên ; ThS. Lê Phương Thùy; ThS. Phạm Thị Thương Giang; ThS. Nguyễn Thị Thúy Hường; KS. Nguyễn Văn Sáng; KS. Nguyễn Việt Hưng; KS. Nguyễn Thị Thu Hiền; KS. Nghiêm Thị Anh Thư - Hà Nội - Cục Hóa chất, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Để giảm thiểu tác động tiêu cực của cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) 4 0 đến ngành công nghiệp hóa chất (CNHC), đồng thời tận dụng các thành tựu khoa học công nghệ của cuộc CMCN 4.0, cần chủ động xây dựng cơ chế, chính sách, đưa ra các giải pháp phù hợp để đưa ngành CNHC phát triển vượt bậc, qua đó thúc đẩy các ngành khác phát triển, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Do đó, nghiên cứu lựa chọn thực hiện đề tài Nghiên cứu đánh giá tác động và đề xuất định hướng phát triển ngành hóa chất Việt Nam phù hợp với xu thế phát triển của cách mạng công nghiệp lần thứ 4 , trong đó tập trung nghiên 3 cứu các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hóa chất cơ bản. Mục tiêu nhằm cung cấp những luận cứ khoa học, thực tiễn rõ ràng cho việc đề xuất định hướng, chủ trương, chính sách và các giải pháp trọng tâm thúc đẩy phát triển ngành Công nghiệp hóa chất.

Số hồ sơ lưu: 18790

79789.01-2022 **Luận cứ và giải pháp tài chính nhằm giảm thiểu khu vực kinh tế chưa được quan sát ở Việt Nam**/ ThS. Trương Bá Tuấn, ThS. Trần Thu Thủy; ThS. Đặng Huyền Linh; ThS. Nguyễn Bích Ngọc; ThS. Đoàn Danh Tuấn Anh; ThS. Phạm Thúy Làn; ThS. Đào Thị Hạnh Tuyết; ThS. Nguyễn Văn Sỹ; ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh; CN. Lê Quốc Công - Hà Nội - Viện chiến lược và chính sách tài chính,

2020 - 09/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp các phân tích tổng quan về khu vực kinh tế chưa được quan sát (khái niệm, cấu phần hình thành, các nhân tố tác động); ảnh hưởng của khu vực kinh tế chưa được quan sát; luận giải được vai trò của chính sách tài chính trong việc giảm thiểu quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát. Phân tích quy mô của khu vực kinh tế chưa được quan sát ở một số quốc gia, khu vực trên thế giới; tổng hợp một số chính sách, trong đó có chính sách tài chính đã được các nước sử dụng để giảm thiểu quy mô khu vực kinh tế này và rút ra các hàm ý chính sách và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Nhận diện quy mô, sự tồn tại của khu vực kinh tế chưa được quan sát ở Việt Nam và những nhân tố chi phối đến hoạt động của các khu vực này; đánh giá kết quả ban hành và triển khai các giải pháp tài chính nhằm giảm thiểu quy mô của khu vực kinh tế chưa được quan sát ở Việt Nam giai đoạn vừa qua và chỉ ra được các nguyên nhân của các vấn đề còn tồn tại, hạn chế. Đề xuất các giải pháp về tài chính nhằm giảm thiểu quy mô khu vực chưa được quan sát ở Việt Nam thời gian tới đây, bao gồm cả việc dự báo bối cảnh, phân tích làm rõ mục tiêu, yêu cầu của việc thực hiện các giải pháp đề xuất.

Số hồ sơ lưu: 18802

80161.01-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất các nội dung bồi dưỡng kiến thức về cơ chế một cửa quốc gia trong ASEAN cho cán bộ, công chức, viên chức ngành Công Thương**/ ThS. Trần Thị Phương Thảo, ThS. Nguyễn Thanh Tuấn; ThS. Nguyễn Hồng Linh; Cử nhân. Bùi Hồng Diệp; Cử nhân. Lương Minh Thư; ThS. Nguyễn Quốc Thắng; Cử nhân. Trần Lê Thanh; ThS. Nguyễn Thị Minh Hòa; TS. Bùi Thị Thùy Nhi - Hà Nội - Trường Đào tạo, Bồi dưỡng Cán bộ Công thương Trung ương, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu về yêu cầu nội dung đào tạo kiến thức về cơ chế một cửa quốc gia trong ASEAN cho cán bộ, công chức, viên chức ngành Công thương, các điều kiện để xây dựng chương trình bồi dưỡng, nhu cầu bồi dưỡng, các yêu cầu và giải pháp để xây dựng chương trình và bồi dưỡng kiến thức về cơ chế một cửa quốc gia trong ASEAN cho cán bộ công chức, viên chức.

Số hồ sơ lưu: 18965

50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..

80331.01-2022 **Một số giải pháp phát triển bền vững giáo dục trung học cơ sở các xã biên giới tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**/ ThS. Trần Quốc Tuấn, ThS. Trần Minh Châu; ThS. Phạm Thị Thu Nga; ThS. Dương Hồng Minh; ThS. Đặng Hồng Cường; ThS. Hoàng Văn Thao; ThS. Phạm Ngọc Hiếu; ThS. Lương Thị Bích Ngà; CN. Hoàng Ngọc Quỳnh - Lạng Sơn - Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn, 2020

- 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tập trung nghiên cứu phát triển bền vững giáo dục THCS ở các xã, thị trấn biên giới của tỉnh Lạng Sơn nhằm từng bước thúc đẩy phát triển và tìm ra những yếu tố bền vững cho phát triển giáo dục THCS đến năm 2025 và định hướng 2030. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu về phát triển bền vững trong nước và trên thế thời. Đánh giá thực trạng giáo dục tại các trường THCS ở các xã, thị trấn biên giới tỉnh Lạng Sơn. Đề xuất một số giải pháp phát triển bền vững giáo dục THCS, trong đó nêu rõ các nguyên tắc xây dựng giải pháp, dự báo sự phát triển quy mô giáo dục THCS khu vực biên giới và các yếu tố đảm bảo cho sự phát triển ổn định, bền vững đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: LSN-2020-015

80344.01-2022 **Số hóa, lưu trữ và phổ biến kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2010-2015**/ CN. Nguyễn Đức Phú, CN. Phan Trọng; CN. Hồ Xuân Hảo; CN. Nguyễn Vũ Hồ Hải; ThS. Lê Vĩnh Chiến; CN. Nguyễn Thị Thu Thủy - Thừa Thiên Huế - Trung tâm thông tin và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, 2020 - 01/2018 - 09/2018. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đề tài giải quyết việc lưu trữ, truy xuất, chia sẻ, tìm kiếm thông tin được dễ dàng; Kéo dài tuổi thọ của các kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) lưu trữ bản gốc. Tạo ra một bộ cơ sở dữ liệu đáng tin cậy cho các đối tượng cần tìm thông tin, tạo thuận lợi cho người sử dụng . Thông qua việc số hóa các kết quả nhiệm vụ KH &CN lưu trữ , độc giả không mất nhiều thời gian để tìm kiếm nguồn thông tin các kết quả nhiệm vụ KH &CN. Kết quả nghiên cứu cũng sẽ là tài liệu tham khảo cho các cơ quan , địa phương trong tỉnh cũng như trong nước về lĩnh vực thông tin KH&CN...Từ kết quả đề tài chúng ta có thể sử dụng để số hóa các kết quả của các công trình đạt các giải thưởng về KH&CN của tỉnh Thừa Thiên Huế; các tài liệu của các hội thảo, diễn đàn lớn về KH&CN... để tạo nên một nguồn thông tin cho bạn đọc tham khảo trên môi trường internet.

Số hồ sơ lưu: 170

79827.01-2022 **Nghiên cứu dự báo nhu cầu nguồn nhân lực làm cơ sở xây dựng chương trình đào tạo đến năm 2025**/ PGS.TS. Trần Thị Thái Hà, ThS. Ngô Thị Thanh Tùng; PGS.TS. Nguyễn Thị Lan Hương; ThS. Phạm Ngọc Toàn; PGS.TS. Đỗ Trung Tuấn; PGS.TS. Đặng Bá Lãm; TS. Trần Văn Hùng; ThS. Đinh Thị Bích Loan; GS.TS. Trần Công Phong; TS. Hà Thúc Viên - Hà Nội - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2021 - 01/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở lý luận và tổng kết các bài học từ kinh nghiệm quốc tế có thể vận dụng vào xây dựng định hướng phát triển nguồn nhân lực và chương trình đào tạo phù hợp với định hướng phát triển kinh tế -

xã hội. Xác định nhu cầu nhân lực tổng thể có trình độ đại học, đặc biệt là nhân lực ngành công nghệ thông tin đến năm 2025. Đồng thời, xác định mức độ phù hợp giữa cung và cầu nhân lực trình độ đại học ngành công nghệ thông tin trên thị trường lao động. Từ đó, đưa ra các căn cứ khoa học cho cơ quan quản lý các cấp trong việc xây dựng chính sách liên quan đến định hướng phát triển nhân lực trình độ đại học ngành công nghệ thông tin, đồng thời, đưa ra hệ thống các giải pháp về chính sách đảm bảo điều kiện phát triển chương trình đào tạo

Số hồ sơ lưu: 18837

79916.01-2022 **Chính sách an sinh cho đối tượng là người học trong hệ thống giáo dục tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp**/ ThS. Nguyễn Quang Thành, ThS. Nguyễn Thị Xuân; ThS. Trần Thị Phương Linh; ThS. Phạm Duy Kiên; ThS. Trần Trung Hiếu; CN. Đàm Thọ; ThS. Nguyễn Việt Anh; ThS. Lê Minh Trang; TS. Lương Thị Huyền; CN. Trịnh Quang Thắng - Hà Nội – Vụ tài chính hành chính sự nghiệp, 2020 - 09/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát lý luận cơ bản về chính sách an sinh trong lĩnh vực giáo dục. Tiến hành phân tích và đánh giá thực trạng chính sách an sinh đối với người học trong lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam hiện nay. Từ thực trạng trên đưa ra một số giải pháp hoàn thiện chính sách an sinh đối với người học trong lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18830

80405.01-2022 **Giải pháp nâng cao chất lượng công tác phân luồng học sinh sau Trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2018 - 2025**/ ThS. Nguyễn Minh Châu, ThS. Nguyễn Thị Phương Loan; ThS. Dương Thúy Hồng; ThS. Đặng Thế Anh; ThS. Hà Thị Hải Hà; ThS. Hà Thị Thúy Hằng; TS. Lưu Bá Mạc; ThS. Lê Đình Quyến; ThS. Hoàng Văn Thao; ThS. Lương Ánh Tuyết; ThS. Bế Đoàn Trọng; CN. Nguyễn Thành Trung - Lạng Sơn - Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn, 2020 - 07/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và thực trạng công tác phân luồng học sinh (PLHS) sau THCS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, đề tài đã đề xuất và xây dựng một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác PLHS trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018 - 2025. Xây dựng cơ sở dữ liệu PLHS sau THCS; xây dựng khung năng lực hướng nghiệp của HS; khung năng lực của CBQL, GV làm công tác GDHN, phân luồng. Tổ chức tập huấn cho đội ngũ CBQL, GV trường THCS và tổ chức thực nghiệm sư phạm tại các trường THCS về các giải pháp đã đem lại kết quả khả quan. Qua nghiên cứu cho thấy, công tác PLHS sau THCS được thực hiện tương đối phong phú, đa dạng. Số lượng HS tham gia lao động xã hội không qua đào tạo nghề cũng như nâng cao trình độ học vấn đảm bảo tối thiểu tới trình độ THPT còn cao. Công tác PLHS đã được thực hiện theo các văn bản chỉ đạo.

Số hồ sơ lưu: LSN-2021-008

50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác

79790.01-2022 **Nghiên cứu luận cứ khoa học sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục**/ PGS.TS. Bùi Xuân Hải, PGS.TS. Trần Hoàng Hải; PGS.TS. Nguyễn Văn Vân; PGS.TS. Nguyễn Thị Quế Anh; TS. Trần Quang Huy; TS. Lê Thị Thúy Hương; PGS.TS. Đỗ Minh Khôi; PGS.TS. Trần Việt Dũng; TS. Ngô Hữu Phước; TS. Thái Thị Tuyết Dung - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2021 - 03/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá khách quan, khoa học và toàn diện thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện Luật Giáo dục 2005. Đánh giá thực trạng thể chế hóa quan điểm về giáo dục, đào tạo của Đảng tại Nghị quyết số 29-NQ/TW. Khảo sát hệ thống pháp luật giáo dục của một số quốc gia có hệ thống giáo dục phát triển hoặc các quốc gia có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng với Việt Nam để từ đó chọn lọc và đề xuất các bài học kinh nghiệm khả thi và hữu ích để phục vụ công tác hoạch định chính sách giáo dục, xây dựng pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật giáo ở Việt Nam kèm các khuyến nghị cụ thể.Cung cấp kết quả nghiên cứu sơ bộ theo yêu cầu lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Văn phòng Chương trình Khoa học công nghệ Giáo dục, Tổ thư ký Ban soạn thảo Dự án Luật Giáo dục phục vụ công tác xây dựng, chỉnh lý, hoàn thiện các dự thảo Luật Giáo dục (sửa đổi) và hoàn thành hồ sơ dự án luật trình Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội. Đề xuất các phương án dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục trên cơ sở các chính sách đã được Quốc hội thông qua. Đề xuất một số nội dung dự kiến sửa đổi đối với nhà giáo và báo cáo đánh giá chính sách tác động đối với nhà giáo. Đề xuất một số chính sách mới cần bổ sung và báo cáo đánh giá tác động của chính sách đó.

Số hồ sơ lưu: 18804

50401. Xã hội học nói chung

79151.01-2022 **Tổ chức Phi lợi nhuận trong phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam**/ PGS. TS. Nguyễn Đức Chiện, PGS.TS. Đặng Nguyên Anh; PGS.TS. Vũ Mạnh Lợi; TS. Nguyễn Đức Vinh; PGS.TS. Trần Thị Minh Ngọc; TS. Ngô Thị Thanh Quý; PGS.TS. Lê Thanh Sang; TS. Lại Đức Vượng; ThS. Đinh Ngọc Quý; TS. Nghiêm Thị Thủy - Hà Nội - Viện Xã hội học, 2021 - 09/2017 - 02/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu làm rõ cơ sở khoa học và vấn đề lý luận về các Tổ chức Phi lợi nhuận và vai trò của các tổ chức này trong phát triển xã hội và tham gia quản lý phát triển xã hội. Tổng hợp các kết quả từ các nghiên cứu hiện có, đánh giá thực trạng, vai trò tích cực, hạn chế, và thuận lợi, khó khăn của các Tổ chức Phi lợi nhuận trong phát triển xã hội và quản lý sự phát triển xã hội ở Việt Nam. Dự báo xu hướng phát triển của các Tổ chức Phi lợi nhuận ở Việt Nam, đề xuất các khuyến nghị giải

pháp nhằm hoàn thiện các chính sách pháp luật, tạo điều kiện phát huy vai trò tích cực, giảm thiểu hạn chế của các Tổ chức Phi lợi nhuận, góp phần phát triển xã hội và quản lý sự phát triển xã hội ở nước ta.

Số hồ sơ lưu: 18335

79158.01-2022 **Nghiên cứu đề xuất quan điểm, định hướng xây dựng các mô hình tự quản của cộng đồng dân cư làng - xã trong xây dựng nông thôn mới bền vững**/ TS. Hà Hữu Nga, TS. Nguyễn Thanh Thủy; TS. Nguyễn Thị Khánh Hoa; TS. BếQuỳnh Nga; PGS.TS. Nguyễn Đức Chiện; TS. Lâm Văn Đoan; TS. Phạm Thị Thu Phương; TS. Nguyễn Thị Kim Nhung; ThS. Phan Đức Nam; TS. Nguyễn Thị Phương Lan - Hà Nội - Viện Nghiên cứu và Hỗ trợ phát triển, 2020 - 01/2021 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ được cơ sở lý luận và thực tiễn về tính tự quản, truyền thống tự quản của cộng đồng dân cư làng-xã Việt Nam trong quá trình phát triển (định nghĩa, làm rõ các khái niệm cơ bản; xây dựng được khung lý thuyết; xác lập cơ sở lý luận và thực tiễn; xác lập khung tiêu chí đánh giá mô hình tự quản của các cộng đồng địa phương). Trong đó, đặc biệt chú ý tới các cơ chếvà mô hình tự quản vềan ninh trật tự và bảo vệ môi trường nhằm đưa ra những định hướng phát huy các mô hình tự quản này trong cộng đồng thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 18341

79386.01-2022 **Sinh kế của người Cơ-tu vùng tái định cư thủy điện A Vương và người Ca Dong (Xơ-Đăng) vùng tái định cư thủy điện sông Tranh 2, tỉnh Quảng Nam**/ TS. Bùi Thị Bích Lan, TS. Nguyễn Thị Tám PGS. TS. Nguyễn Văn Minh; ThS. Phạm Thị Thu Hà; ThS. Phạm Thị Hà Xuyên; ThS. Vũ Tuyết Lan - Hà Nội - Viện Dân tộc học, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích và làm rõ thực trạng, xu hướng biến đổi sinh kế của người Cơ-tu ở vùng tái định cư thủy điện A Vương và người Ca Dong (Xơ-đăng) ở vùng tái định cư thủy điện Sông Tranh 2, tỉnh Quảng Nam. Phân tích, đánh giá ảnh hưởng của một số yếu tố văn hóa, xã hội tộc người tới sinh kế; trong đó, làm rõ những ảnh hưởng tích cực và không tích cực của các yếu tố này đến hoạt động sinh kế. Xác định những vấn đề đặt ra, từ đó, đề xuất một số giải pháp, khuyến nghị hướng tới phát triển sinh kế.

Số hồ sơ lưu: 18535

79402.01-2022 **Cơ sở khoa học, định hướng và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội bền vững các huyện đảo Lý Sơn và Phú Quý**/ PGS. TS. Phan Thị Thanh Hằng, ThS. Trần Thị Ngọc Ánh; ThS. Nguyễn Thị Bích; PGS.TS. Lại Vĩnh cẩm; PGS.TS. Hông Đình Khanh; PGS.TS. Lưu Thê Anh; PGS.TS. Đào Đình Châm; TS. Lê Văn Hương; TS. Nguyễn Mạnh Hà; TS. Dương Thị Hồng Yến; TS. Nguyễn Thu Nhung; TS. Đỗ Hữu Thư; TS.

Trân Ngọc Ngoạn; GS.TS. Nguyễn Viết Thịnh; TS. Trần Thị Hồng Nhung; GS.TS. Nguyễn Khanh Vân; PGS.TS. Đào Nguyên Khôi; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Khánh; TS. Nguyễn Lập Dân; TS. Trần Văn Trường; ThS. Nguyễn Văn Muôn - Hà Nội - Viện Địa lý, 2021 - 06/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác lập được cơ sở lý luận phát triển kinh tế - xã hội bền vững các huyện đảo ven bờ Việt Nam; Đánh giá được thực trạng phát triển kinh tế - xã hội theo các tiêu chí phát triển bền vững và dự báo xu thế phát triển các huyện đảo Lý Sơn và Phú Quý; Xác lập được mô hình định hướng và giải pháp phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng huyện đảo Lý Sơn và Phú Quý.

Số hồ sơ lưu: 18547

50404. Dân tộc học

79134.01-2022 **Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ khu vực tây duyên hải miền Trung**/ PGS. TS. Bùi Văn Đạo, TS. Nguyễn Thẩm Thu Hà; TS. Bùi Thị Bích Lan; TS. Nguyễn Thị Thanh Bình; TS. Lý Hành Sơn; TS. Phí Hùng Cường; PGS. TS. Hà Đình Thành; PGS. TS. Chu Văn Tuấn; TS. Lương Thị Thu Hằng; PGS. TS. Trần Trung - Hà Nội - Viện Dân tộc học, 2020 - 04/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý l uận và thực tiễn của nghiên cứu. Giớ i thiệu và đánh giá thực trạng phát tri ển KT-XH của các dân tộc thiểu số tại
chỗ khu vực nghiên cứu từ năm 198 6 đến nay. Nhận diện, phân tích một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong p hát triển KT-XH các dân tộc thiểu số tại
chỗ khu vực Tây duyên hải miền Tru ng. Dự báo xu hướng vận động của n hững vấn đề cơ bản và cấp bách. Đề xuất giải pháp, kiến nghị xây dựng c hính sách phát triển KT-
XH cho các dân tộc thiểu số tại chỗ khu vực tây duyên hải miền Tru ng đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 18327

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội

79155.01-2022 **Phát huy nguồn lực người cao tuổi trong phát triển kinh tế xã hội thích ứng bối cảnh già hóa dân số của Việt Nam**/ TS. Trịnh Thái Quang, PGS.TS. Trần Thị Minh Thi; TS. Lê Ngọc Lân; ThS. Nguyễn Hà Đông; ThS. Lỗ Việt Phương; ThS. Phan Huyền Dân; ThS. Nguyễn Trung Sơn; PGS.TS. Nguyễn Thị Hoài Lê - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2020 - 11/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, đánh giá khả năng tham gia thị trường lao động ở các nhóm người cao tuổi (đô thị, nông thôn; nhóm lao động được đào tạo đã nghỉ hưu và nhóm tự lao động cho hộ gia đình) qua đó, đánh giá những yếu tố tác động đến việc sử dụng và phát huy các nguồn lực để người cao tuổi tham gia thị

trường lao động, thích ứng với xã hội đang già hóa dân số của Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 18343

79405.01-2022 **Đánh giá tác động việc sử dụng tiền bồi thường đối với sinh kế của người dân bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường bốn tỉnh miền Trung**/ TS. Khúc Thị Thanh Vân, ThS. Nguyễn Thị Thục; TS. Nguyễn Thị Thanh Hương; ThS. Trần Minh; TS. Bùi Quang Bình; ThS. Lê Mạnh Hùng; CN. Trần Thị Thanh Tuyến; CN. Nguyễn Thị Ánh Vân; ThS. Phí Hải Nam; CN. Nguyễn Thị Hương Giang; CN. Đỗ Nguyệt Thu; ThS. Nguyễn Minh Hải - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, 2020 - 11/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu thực trạng kinh tế xã hội của các hộ bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển tại 4 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Thực trạng việc sử dụng tiền bồi thường trong việc phục hồi sinh kế của các hộ gia đình. Đánh giá sự thay đổi về sinh kế của các hộ gia đình bị ảnh hưởng trong thời gian vừa qua. Đề xuất giải pháp chính sách nhằm hỗ trợ sự phục hồi sinh kế cho cộng đồng bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường ở 4 tỉnh miền Trung. Góp phần phục vụ cho thực hiện chỉ thị số 25/CT-CP ngày 31/8/2016 về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường.

Số hồ sơ lưu: 18549

79407.01-2022 **Nông thôn đồng bằng sông Cửu Long từ năm 1996 đến năm 2006**/ PGS. TS. Đinh Quang Hải, TS. Lương Thị Hồng; TS. Phạm Thị Hồng Hà; ThS. Phạm Thị Vượng; ThS. Ngô Hoàng Nam - Hà Nội - Viện Sử học, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát đặc điểm điều kiện tự nhiên, lịch sử, kinh tế, văn hóa - xã hội tác động đến quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn ĐBSCL từ năm 1996 đến năm 2006. Trình bày chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn và sự vận dụng vào thực tiến địa phương của các tỉnh ĐBSCL. Trình bày tình hình an ninh chính trị, tổ chức chính quyền, Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn ĐBSCL từ năm 1996 đến năm 2006. Làm rõ thực trạng kinh tế và thực trạng văn hóa - xã hội nông thôn ĐBSCL từ năm 1996 đến năm 2006. Những thay đổi về diện mạo của nông thôn ĐBSCL thời kỳ này. Nhận xét về những thành công, hạn chế của quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn ĐBSCL từ năm 1996 đến năm 2006 và một sốvấn đề đặt ra.

Số hồ sơ lưu: 18551

79408.01-2022 **Nông thôn đồng bằng duyên hải miền Trung từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX**/ PGS. TS. Nguyễn Đức Nhuệ, ThS. Nguyễn Văn Bảo; TS. Lê Thùy Linh; ThS. Trịnh Thị Hà; ThS. Nguyễn Thị Hải; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương - Hà Nội - Viện Sử học,

2020 - 02/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nêu rõ nội hàm khái niệm nông thôn: là địa bàn cư trú của cộng đồng cư dân sản xuất nông nghiệp là chính. Các khái niệm nông thôn, khái niệm về đơn vị hành chính các cấp xã, thôn, làng ở miền Trung (làng của người Việt). Khái quát quá trình Nam tiến, quá trình thiên di, mở đất, thiết lập mô hình làng xã trên không gian địa lý từ nam Hoành Sơn đến hết Nam Trung bộ ngày nay. Phác họa những nét cơ bản về mô hình bộ máy quản lý và quá trình thay đổi của thiết chế chính trị - hành chính này ở nông thôn đồng bằng duyên hải miền Trung, có so sánh với thiết chế chính trị - hành chính ở đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ. Trình bày cụ thể và hệ thống về hoạt động kinh tế ở nông thôn miền Trung, trong đó kinh tế nông nghiệp, kinh tế biển là chủ yếu. Bên cạnh đó là hoạt động thủ công nghiệp (các làng thủ công truyền thống), hoạt động buôn bán (các phường buôn, làng buôn, mạng lưới chợ làng, liên làng...).

Số hồ sơ lưu: 18550

79811.01-2022 **Giải pháp cơ bản nhằm giảm nghèo bền vững ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2030**/ PGS.TS. Trần Đình Thao, TS. Hồ Ngọc Ninh; TS. Ngô Văn Hải; TS. Nguyễn Hữu Nhuần; TS. Trịnh Quang Thoại; TS. Đỗ Thị Nga; PGS.TS. Bùi Văn Trịnh; PGS.TS. Nguyễn Văn Minh; TS. Nguyễn Hồng Vĩ; TS. Trần Văn Cường - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2020 - 04/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở lý luận và khung lý thuyết về nghiên cứu giảm nghèo bền vững ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi từ kinh nghiệm mô hình, chính sách của một số quốc gia trong giảm nghèo đối với dân tộc thiểu số và miền núi. Đánh giá thực trạng, kết quả, hiệu quả, tác động của các chính sách giảm nghèo của Đảng và Nhà nước đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam từ năm 1986 đến nay, phân tích yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện các giải pháp, chính sách giảm nghèo bền vững. Dự báo xu hướng, diễn biến, ảnh hưởng của vấn đề nghèo ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong thời gian tới và đề xuất các giải pháp, chính sách cơ bản nhằm giảm nghèo bền vững ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 18820

80121.01-2022 **Xây dựng mô hình hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho các trường Trung học phổ thông ở Điện Biên**/ ThS. Trần Chinh Dương, ThS. Lê Thị Hà; ThS. Bùi Thị Anh; ThS. Nguyễn Bích Ngọc; ThS. Thái Đình Huyên; ThS. Lê Quang Vinh; ThS. Nguyễn Văn Kiên; ThS. Nguyễn Thị Hằng Nga; ThS. Phạm Thị Thương Huyền; ThS. Phạm Thị Thu Trang - Điện Biên - Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Quý Đôn, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng qua về hoạt động trải nghiệm sáng tạo (TNST); Tình hình

tổ chức hoạt động TNST tại các trường THPT ở Điện Biên; Xây dựng các mô hình hoạt độngTNST; Thử nghiệm các mô hình hoạt động TNST

Số hồ sơ lưu: DBN-2020-008

50501. Luật học

79395.01-2022 **Đánh giá hiệu quả thi hành Luật Di sản văn hóa**/ ThS. Phạm Định Phong, ThS. Vũ Thị Hà Ngân; ThS. Nguyễn Hữu Toàn; ThS. Lê Thanh Liêm; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Hải Ninh; ThS. Trần Thị Thúy Hà; CN. Lại Thị Kim Liên; CN. Trần Cảnh Toàn; CN. Đỗ Thị Thanh Hằng - Hà Nội - Cục Di sản văn hóa, 2020 - 01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiệu quả thực hiện Luật Di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành trong thực tiễn hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Đánh giá hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về di sản văn hóa dưới sự điều chỉnh của Luật Di sản văn hóa trong thời gian qua. Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện Luật Di sản văn hóa và nâng cao hiệu quả thực hiện Luật Di sản văn hóa để phù hợp yêu cầu thực tiễn.

Số hồ sơ lưu: 18539

79958.01-2022 **Nghiên cứu, rà soát các quy định, quy phạm pháp luật về tài nguyên nước ở Việt Nam, đề xuất hướng điều chỉnh bổ sung để phù hợp Công ước về Luật sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho mục đích phi giao thông thủy**/ ThS. Nguyễn Thị Phương, ThS. Đỗ Thị Bích Ngọc; ThS. Đặng Thị Thu Trang; ThS. Vũ Kiều Thu; ThS. Thái Văn Tiến; ThS. Nguyễn Thị Hường; ThS. Đinh Thị Tuyết; ThS. Nguyễn Văn Tuyến; PGS.TS. Lê Bắc Huỳnh; TS. Vương Hùng Cường - Hà Nội - Cục Quản lý Tài nguyên nước, 2020 - 07/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu, tình hình hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tài nguyên nước và một số kinh nghiệm trong việc thực hiện Công ước của các nước trên thế giới và bài học đối với Việt Nam. Đánh giá pháp luật về tài nguyên nước Việt Nam với Công ước và xác định những nội dung của Công ước chưa được thể chế hóa trong pháp luật. Qua đó, đề xuất hướng điều chỉnh, bổ sung nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước ở Việt Nam cho phù hợp với nội dung của Công ước về Luật sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho mục đích phi giao thông thủy.

Số hồ sơ lưu: 18846

50601. Khoa học chính trị

77750.01-2022 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình**/ CN. Nguyễn Ngọc Quý, Nguyễn Ngọc Quý; Đỗ Thị Hoài Thu; Nguyễn Thị Hương Giang; Nguyễn Thế Huy; Nguyễn Thị Thu Hương; Nguyễn Thị Ánh Tuyết; Dương Trung kiên - Sở Ngoại vụ tỉnh Quảng Bình - Sở Ngoại vụ tỉnh Quảng Bình, 2020 - 06/2018 -

02/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trên cơ sở khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về HĐĐN, đề tài tập trung khảo sát và đánh giá thực trạng HĐĐN và mối quan hệ giữa những HĐĐN với sự phát triển KT-XH tỉnh Quảng Bình; xác định đoợc những HĐ ĐN trọng tâm, trọng điểm, mang lại hiệu quả thiết thực mà tỉnh đã tập trung thực hiện trong thời gian qua, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của HĐĐN của tỉnh Quảng Bình trong thời gian tới phù hợp với nhu cầu thực tiễn, phục vụ tốt nhất cho quá trình phát triển KT-XH của tỉnh nhà. Nội dung nghiên cứu Nghiên cứu cơ sở lý luận về HĐĐN phục vụ phát triển KT-XH. Nghiên cứu thực trạng HĐĐN phục vụ phát triển KT-XH của tỉnh Quảng Bình từ năm 2001 đến nay.

Số hồ sơ lưu: 11/2020-QLKHCN

80267.01-2022 **Lịch sử Trường Quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế**/ CN. Trần Lưu, Thượng tá. Lê Văn Nhung; Trung tá. Nguyễn Hồng Hiệp; Thượng tá. Nguyễn Trọng Hạnh; Dương Tuấn Anh; Đại tá. Phan Sĩ Khứ; Đại tá. Phạm Văn Tăng; Đại tá. Bùi Như Ý; Đại tá. Phạm Ngọc Sơn; Thiếu tá. Nguyễn Minh Tâm; Trung tá. Nguyễn Xuân Thành; Đại úy. Đinh Đức Thịnh; Đại úy. Trần Phương Thành - Thừa Thiên Huế - Trường Quân sự, 2020 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nhằm tái hiện lại chặng đường phát triển và trưởng thành của Nhà trường, khẳng định những kết quả nổi bật trong 40 năm qua, làm rõ những hạn chế và nguyên nhân, rút ra những bài học kinh nghiệm thiết thực trong lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ huấn luyện, đào tạo cán bộ của lực lượng vũ trang địa phương; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng, giáo dục quốc phòng cho sinh viên trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời kỳ hội nhập, phát triển đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đây là tài liệu quan trọng góp phần giáo dục truyền thống, truyền thụ kinh nghiệm hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý dạy - học cho các thế hệ cán bộ, giáo viên, nhất là cán bộ chủ trì, chủ chốt lãnh đạo của Nhà trường, các Ban, Khoa tham khảo, đúc rút kinh nghiệm để hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong giai đoạn cách mạng mới.

Số hồ sơ lưu: 160

80337.01-2022 **Công tác phát triển đảng viên ở các xã bãi ngang ven biển trên địa bàn huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế**/ ThS. Trần Nhật, ThS. Đặng Thị Thanh Hà; ThS. Trần Thị Hương - Thừa Thiên Huế - Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh, 2017 - 03/2017 - 11/2017. (Đề tài cấp Cơ sở)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác phát triển đảng viên ở các xã bãi ngang ven biển trên địa bàn huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn hiện nay. Qua nghiên cứu thực trạng, rút ra một số kinh nghiệm bước đầu và đề xuất các giải

pháp góp phần đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên ở các xã bãi ngang ven biển trên địa bàn huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế từ nay đến năm 2020 và những năm tiếp theo. So với công tác phát triển đảng viên (PTĐV) nói chung ở huyện Phú Lộc, công tác PTĐV ở các xã bãi ngang ven biển còn gặp nhiều khó khăn, phức tạp hơn. Nhưng trong những năm qua từ các chủ trương, nghị quyết của Đảng, của tỉnh Thừa Thiên Huế, huyện ủy Phú Lộc luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và làm tốt công tác PTĐV ở các xã bãi ngang ven biển.

Số hồ sơ lưu: 169

79385.01-2022 **Hệ thống chính trị nước Cộng hòa Ấn Độ**/ TS. Lê Thị Hằng Nga, ThS. Triệu Hồng Quang; ThS. Nguyễn Đắc Tùng; ThS. Phạm Thủy Nguyên; ThS. Đồng Thị Thùy Linh; ThS. Nguyễn Lê Thy Thương; ThS. Nguyễn Thị Hiên; ThS. Ngô Minh Trung; ThS. Nguyễn Thị Oanh; ThS. Lê Thị Thu Thủy - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Giới thiệu Hiến pháp Ấn Độ - cơ sở chính của hệ thống chính trị Ấn Độ. Nghiên cứu cơ cấu, chức năng của hệ thống chính trị Ấn Độ, bao gồm cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp và cơ quan tư pháp, được thể hiện ở các thể chế như: Tổng thống, Quốc hội, Thủ tướng, Tòa án tối cao, Chế độ Liên bang, Chính quyền địa phương (Panchayati Raj) và Ủy ban Bầu cử. Nghiên cứu hệ thống đảng chính trị và những lực lượng chính trị xã hội lớn ở Ấn Độ và tương tác giữa hai hệ thống này. Đưa ra một số nhận xét về hệ thống chính trị Ấn Độ: những đặc điểm chính, những điểm mạnh, điểm yếu, những thành công và thách thức của hệ thống chính trị Ấn Độ, trên cơ sở đó đưa ra một số gợi ý cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18534

79399.01-2022 **Sức mạnh tổng hợp quốc gia của Ấn Độ: hiện trạng và triển vọng**/ TS. Trần Hoàng Long, ThS. Nguyễn Thị Oanh; ThS. Trần Ngọc Diễm; ThS. Nguyễn Lê Thy Thương; TS. Dương Văn Huy; ThS. Tran Thị Hải Yến; TS. Đặng Thái Bình; ThS. Ngô Minh Trung; ThS. Nguyễn Trung Đức; Lê Thị Thu Thủy - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, 2020 - 02/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát những định nghĩa về sức mạnh tổng hợp quốc gia, công thức tính sức mạnh tổng hợp quốc gia. Phân tích hiện trạng sức mạnh tổng hợp quốc gia thông qua các thành tố tạo nên sức mạnh tổng hợp quốc gia của Ấn Độ. So sánh tương quan sức mạnh tổng hợp quốc gia của Ấn Độ với hai cường quốc châu Á là Trung Quốc và Nhật Bản. Đánh giá triển vọng sức mạnh tổng hợp quốc gia của Ấn Độ đến năm 2030. Đưa ra những hàm ý chính sách đối với việc phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia của Việt Nam và cơ hội phát triển quan hệ hợp tác Việt-Ấn thông qua tận dụng sự phát triển

sức mạnh tổng hợp quốc gia của Ấn Độ.

Số hồ sơ lưu: 18541

79401.01-2022 **Ấn Độ trong sự định hình cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương**/ PGS. TS. Nguyễn Xuân Trung, ThS. Nguyễn Lê Thy Thương; ThS. Nguyễn Thị Oanh; ThS. Phạm Thủy Nguyên; TS. Đặng Thu Thủy; ThS. Nguyễn Thị Hiên; ThS. Đông Thị Thùy Linh; ThS. Nguyễn Đắc Tùng; ThS. Nguyễn Thu Trang; Lê Thị Thu Thủy - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ nội dung và khung khổ phân tích cấu trúc khu vực; sự định hình cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương -Thái Bình dương, trong đó chỉ rõ yêu cầu hình thành cấu trúc khu vực này, các yếu tố tác động đến sự hình thành cấu trúc khu vực này; các yếu tố tác động đến sự hình thành cấu trúc khu vực, các cấp độ gắn kết trong cấu trúc và mức độ thể chế hóa. Vị thế của Ấn Độ Trong sự định hình cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương -Thái Bình Dương; làm rõ cách tiếp cận của Ấn Độ; những mong muốn của Ấn Độ Đối với cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương -Thái Bình dương. Ảnh hưởng của Ấn Độ Trong sự định hình cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình dương và triển vọng của cấu trúc khu vực này; Đưa ra các hàm ý cho Việt Nam trong việc phản ứng chính sách trước bối cảnh định hình cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương -Thái Bình Dương với sự thể hiện vai trò của Ấn Độ.

Số hồ sơ lưu: 18542

50602. Hành chính công và quản lý hành chính

77468.01-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình trong tình hình mới**/ ThS. Trần Hải Châu, Trần Hải Châu; Nguyễn Thanh Lương; Hồ Quốc Long; Võ Bá Phong; Lê Văn Mạnh; Hà Anh Tâm; Võ Việt Hùng - Ban Nội chính Tỉnh ủy Quảng Bình - Ban Nội chính Tỉnh Ủy Quảng Bình, 2020 - 02/2020 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mục tiêu của đề tài nhằm góp phần thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội X mà trực tiếp là Nghị quyết Trung ương ba khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc phòng, chống tham nhũng, lãng phí và Nghị quyết Trung ương năm khóa X về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, làm cho công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đối với phòng, chống tham nhũng ngày càng hiệu quả hơn, tiến tới ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, làm trong sạch nội bộ Đảng và Nhà nước, lành mạnh hóa các quan hệ xã hội.

Số hồ sơ lưu: 08/2020

79782.01-2022 **Nâng cao năng lực quản lý, sử dụng và khai thác Cơ sở bồi dưỡng, nghỉ dưỡng của Ngành Bảo hiểm xã hội tại Bình Thuận**/ PGS.TS. Hoàng Trần Hậu, TS. Đinh Hoài Nam; ThS. Nguyễn Sỹ Hoài; ThS. Nguyễn Hữu Bình;

ThS. Đỗ Thị Thanh Dùng - Hà Nội - Viện Phát triển Công nghệ Tài chính, 2020 - 12/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích khung pháp lý về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công (TSC). Phân tích thực trạng về năng lực quản lý, sử dụng và khai thác Cơ sở bồi dưỡng, nghỉ dưỡng của Ngành BHXH tại Bình Thuận. Đề xuất phương án, giải pháp nâng cao năng lực quản lý, sử dụng và khai thác Cơ sở bồi dưỡng, nghỉ dưỡng của Ngành BHXH tại Bình Thuận.

Số hồ sơ lưu: 18797

50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị

79450.01-2022 **Những cơ sở lý luận, thực tiễn phục vụ cho việc xây dựng các văn kiện Đại hội XIII của Đảng**/ PGS. TS. Trần Quốc Toản, GS.TS. Phùng Hữu Phú; GS.TS. Tạ Ngọc Tấn; TS. Nguyễn Tiến Dũng; PGS.TS. Ngô Văn Thạo; PGS.TS. Phan Thanh Khôi; TS. Lê Minh Nghĩa; ThS. Lê Đức Thắng; ThS. Trần Thị Minh Thu; CN. Nguyễn Thị Thanh Hòa - Hà Nội - Hội đồng lý luận Trung ương, 2020 - 12/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu - tổng kết một số vấn đề quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng,đối ngoại qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII và 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 -2020. Tham khảo, chắt lọc kết quả nghiên cứu liên quan phù hợpcủa chương trình KX.04/16-20 và các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học khác, để làm rõ những cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu phục vụ cho việc xây dựng các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng.

Số hồ sơ lưu: 18546

79994.01-2022 **Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc tỉnh Lai Châu, thực tiễn sau 15 năm chia tách, thành lập (2004 – 2019)**/ CN Chu Lê Chinh, CN. Chu Lê Chinh; KS. Nông Tiến Dũng; CN. Đặng Thanh Sơn; CN. Đào Bích Vân; CN. Sùng A Phủ; CN. Nguyễn Đình Toán; CN. Lê Bá Thành; CN. Phạm Thị Hồng Vân; CN. Vũ Thị Kim Luân; ThS. Nguyễn Quang Lộc; CN. Bàn Thị Thu Hằng - Lai Châu - Ban dân vận Tỉnh ủy Lai Châu, 2019 - 02/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Lai Châu là địa bàn chiến lược ở vùng Tây Bắc của Tổ quốc có 20 dân tộc anh em cùng chung sống, Đảng bộ tỉnh đã vận dụng đúng đắn các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị của tỉnh trong 15 năm qua (2004-2019). Trong giai đoạn hiện nay, trước những thời cơ và thách thức mới, quá trình phát triển và đổi mới của tỉnh đã thu được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, củng cố thêm niềm tin của nhân dân các dân

tộc vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của chính quyền, phát huy vai trò công tác tuyên truyền, vận động của Mặt trận , đoàn thể các cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp tục xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc.

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-006

80024.01-2022 **Giải pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, các cấp tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn hiện nay**/ Thạc sĩ: Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Anh Tuấn; Lê Công Cường; Nguyễn Công Sự; Nguyễn Thị Bích Thủy; Nguyễn Thị Khánh Dịu; Đặng Ngọc Thịnh; Võ Thị Hồng Hạnh Nguyễn Anh Tuấn; Nguyễn Công Sự; Nguyễn Thị Bích Thủy; Lê Công Cường; Nguyễn Thị Khánh Dịu; Đặng Ngọc Thịnh; Võ Thị Hồng Hạnh - Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy Quảng Bình - Ban kiểm tra Tỉnh ủy Quảng Bình, 2021 - 10/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề tài làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong công tác kiểm tra,giám sát cử cấp ủy các cấp, đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy các cấp tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn hiện nay

Số hồ sơ lưu: 06/2021-QLKHCN

80163.01-2022 **Cải cách thể chế chính trị ở Trung Quốc từ Đại hội XIX và hàm ý chính sách cho Việt Nam**/ TS. Vũ Thùy Dương, ThS. NCVC. Chu Thùy Liên; ThS. Nguyễn Diệu Hương; ThS. Trịnh Quốc Hùng; ThS. Trần Thu Minh; ThS. Trần Ánh Tuyết; PGS. Nguyễn Huy Quý; TS. Bùi Thị Thu Hiền; TS. Lê Tuấn Thanh; Cử nhân. Trần Thị Thúy Lan - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Trung Quốc, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận diện, phân tích những thay đổi trong thể chế chính trị Trung Quốc sau Đại hội XIX, qua đó, đưa ra những đánh giá về tiến trình cải cách thể chế chính trị Trung Quốc và đề xuất một vài kiến nghị mà Việt Nam có thể tham khảo. Mục tiêu cụ thể: Nhận định, phân tích chủ trương, đường lối mới của Trung Quốc trong cải cách thể chế chính trị từ sau Đại hội XIX; Phân tích các nội dung cải cách thể chế chính trị ở Trung Quốc sau Đại hội XIX; Đánh giá những thành công và hạn chế của cải cách thể chế chính trị của Trung Quốc sau Đại hội XIX; Đánh giá tác động của cải cách thể chế chính trị đến sự phát triển chung của Trung Quốc; cũng dự dự báo về tiến trình này. Đưa ra một số bài học kinh nghiệm và hàm ý chính sách, Việt Nam có thể tham khảo.

Số hồ sơ lưu: 18968

80345.01-2022 **Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tiếp dân; xữ lý thư và giám sát việc giải quyết đơn thư của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn hiện nay**/ ThS. Nguyễn Ngọc Phương, Nguyễn Ngọc Phương; Lê Phong Hồng; Trần Công Thuật; Nguyễn Thị Mai; Lê Ất Mão; Phan Thị Hồng Nhung; Lê Diệu Linh - Đoàn Đại Biểu Quốc hội tỉnh

Quảng Bình, 2021 - 10/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, thu thập thông tin tư liệu có liên quan đến đề tài; Điều tra, khảo sát để đánh giá, phản hồi của các cơ quan chức năng liên quan; đặc biệt là của cử tri và nhân dân địa phương về công tác tiếp công dân, xử lý đơn và giám sát việc giải quyết đơn của Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình, giai đoạn từ 2016 đến 2019; Nghiên cứu về sơ sở lý luận, thực trạng tiếp công dân, xử lý đơn và giám sát việc giải quyết đơn của Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình từ đó đề ra hệ thống giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động tiếp dân, xử lý đơn và giám sát việc giải quyết đơn của các cơ quan chức năng của Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình

Số hồ sơ lưu: 07/2021-QLKHCN

50699. Khoa học chính trị khác

74905.01-2022 **Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai Nghị quyết của Đảng trên địa bàn tỉnh Điện Biên**/ CN. Nguyễn Đức Vượng, ThS. Lò Thị Minh Phượng; CN. Đặng Hải Triều; ThS. Lê Khánh Hòa; CN. Trần Thị Lan Hương; CN. Nông Minh Quân; CN. Trần Quốc Vương; CN. Nghô Thanh Dung; CN. Nông Thị Thủy; ThS. Nguyễn Minh Hiền. - Điện Biên - Ban Tuyên Giáo tỉnh ủy Điện Biên, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận và thực tiễn của công tác nghiên cứu, học tập và quán triệt nghị quyết của Đảng; Một số văn bản chỉ đạo của Đảng về công tác nghiêm cứu, học tập và quán triệt nghị quyết của Đảng; Hội thảo khoa học. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Số hồ sơ lưu: DBN-2020-007

50702. Địa lý kinh tế và văn hoá

79977.01-2022 **Nghiên cứu biên soạn địa chí tỉnh Lai Châu**/ GS,TS Nguyễn Xuân Thắng, GS, TS Nguyễn Xuân Thắng; PGS, TS Nguyễn Ngọc Hà; PGS, TS Hoàng Phúc Lâm; PGS, TS Lê Văn Lợi; PGS, TS Ngô Tuấn Nghĩa; PGS, TS Nguyễn Toàn Thắng; PGS, TS Vũ Văn Quân; PGS, TS Nguyễn Vũ Hoàng; TS Nguyễn Thị Thanh Huyền; TS Trần Tuấn Sơn; ThS Đào Thị Hoàn; ThS Đỗ Văn Phương; ThS Lê Tuấn Vinh - Lai Châu - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2020 - 08/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tỉnh Lai Châu nằm ở cực Tây Bắc của Tổ quốc, có vị trí trọng yếu về quốc phòng - an ninh; nhiều tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội. Cách ngày nay hàng nghìn năm, nơi đây đã có con người cư trú, khai phá, chinh phục thiên nhiên và giữ gìn lãnh thổ. Từ thời phong kiến, vùng đất Lai Châu luôn được đánh giá là đặc biệt quan trọng, nơi "địa đầu" Tổ quốc, là "phên dậu" quốc gia. Đồng hành với lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, vùng đất Lai Châu nhiều lần thay đổi tên gọi và

cương vực, đồng bào các dân tộc Lai Châu luôn hướng về Tổ quốc, đoàn kết, kiên định giữ vững vị trí chiến lược nơi biên địa Tây Bắc của Tổ quốc. Qua hàng nghìn năm phát triển, đồng bào các dân tộc Lai Châu đã sáng tạo ra những nét văn hóa vật chất, tinh thần vô cùng đa dạng, phong phú, biến nơi đây thành vùng đất của không gian văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc.

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-005

77511.01-2022 **Nghiên cứu hiệu quả và tiềm năng phát triển các mô hình du lịch cộng đồng tại vùng đệm Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng**/ ThS. Đặng Trung Kiên, Đặng Trung Kiên; Nguyễn Quang Phục; Lê Duy Đồng; Nguyễn Đức Kiên; Lê Quang Trực; Trần Xuân Quang - Sở Du lịch Quảng Bình, 2020 - 08/2018 - 01/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá hiệu quả (kinh tế - xã hội) và phân tích tiềm năng phát triển của các mô hình du lịch cộng đồng, đề tài đề xuất giải pháp nhằm phát triển bền vững các mô hình du lịch cộng đồng tại vùng đệm Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Hệ thống hoá những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến phát triển du lịch cộng đồng; Đánh giá hiệu quả về kinh tế và xã hội của các mô hình du lịch cộng đồng tại vùng đệm Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng; Đánh giá tiềm năng phát triển các mô hình du lịch cộng đồng thuộc vùng đệm Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng trong thời gian tới; Đề xuất giải pháp nhằm phát triển bền vững các mô hình du lịch cộng đồng tại vùng đệm Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

Số hồ sơ lưu: 09/2020-QLKHCN

79153.01-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển làng nghề công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2025**/ ThS. Dương Quốc Trịnh, CN. Nguyễn Thị Hương; CN. Phan Hoài Nam; CN. Tạ Quang Lâm; CN. Nguyễn Quang Huy; CN. Trần Ngọc Tú; CN. Lâm Thị Hiền; CN. Phạm Thị Kim Duyên; CN. Nguyễn Thị Trang Nhung; CN. Mai Hoàng Linh - Hà Nội - Cục Công thương địa phương, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, đánh giá toàn diện thực trạng về làng nghề công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp ở nước ta hiện nay. Đề xuất được các giải pháp phát triển làng nghề công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp ở nước ta đến năm 2025. Phân tích thực trạng phát triển làng nghề nói chung và làng nghề công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp nói riêng.

Số hồ sơ lưu: 18337

50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị

79833.01-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để hoàn thiện cơ chế chính sách sử dụng đất thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh không thông qua hình thức Nhà nước thu hồi đất**/ ThS. Nguyễn Thị Ý Nhi, ThS. Nguyễn

Thị Hương; ThS. Nguyễn Xuân Trọng; ThS. Lê Thanh Thúy; TS. Đỗ Thị Đức Hạnh; ThS. Nguyễn Đình Phương; ThS. Phạm Thị Thanh Vân; TS. Nguyễn Thị Hương; KS. Nguyễn Quang Hải; KS. Nguyễn Văn Hậu - Hà Nội - Cục Quy hoạch đất đai, 2020 - 05/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận chung về sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh không thông qua hình thức Nhà nước thu hồi đất. Tìm hiểu thực trạng sử dụng đất sản xuất, kinh doanh không thông qua hình thức Nhà nước thu hồi đất. Từ đó, đề xuất hoàn thiện cơ chế chính sách sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh không thông qua hình thức Nhà nước thu hồi đất. Đồng thời cũng đưa ra các giải pháp thực hiện cơ chế chính sách để khuyến khích sử dụng đất thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh không thông qua hình thức Nhà nước thu hồi đất.

Số hồ sơ lưu: 18845

50803. Khoa học thư viện

79122.01-2022 **Biên soạn Bách khoa toàn thư về các tác gia Bách khoa thư Việt Nam**/ PGS. TS. Lại Văn Hùng, TS. Đặng Thị Phượng; ThS. Nguyễn Thủy Hồng; ThS. Lại Thị Tố Quyên; ThS. Trần Văn Trọng; TS. Trần Thị Hường; ThS. Trần Thị Phượng; ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga; ThS. Lê Thanh Hà; ThS. Bùi Thanh Dũng; ThS. Hoàng Thắng; ThS. Hoàng Thị Hoa Mai; TS. Nguyễn Huy Bình; ThS. An Quang Thắng; ThS. Hoàng Thị Thêm; ThS. Đinh Thị Oanh; TS. Bạch Hồng Việt; ThS. Phạm Thị Huyền; ThS. Nguyễn Trà My; ThS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh; ThS. Ngô Huy Biên - Hà Nội - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tiến hành khảo sát tư liệu và biên soạn các mục từ về các tác gia Bách khoa thư Việt Nam trong suốt tiến trình lịch sử dân tộc. Giới thiệu tổng quan về các công trình mang tính bách khoa thư Việt Nam nhằm tìm hiểu tri thức khoa học chứa đựng trong đó. Phân loại các tri thức khoa học trong các công trình mang tính bách khoa thư theo những vấn đề mà bách khoa thư hiện đại đang đặt ra. Tìm hiểu về cách thức biên soạn, quy mô biên soạn cũng như tình hình biên soạn loại sách này theo từng tác gia cụ thể. Nhìn nhận và đánh giá những mặt tích cực và hạn chế trong việc biên soạn bách khoa thư Việt Nam, từ đó chỉ ra được những cống hiến của các bậc tiền nhân và bước đầu phác họa khung mẫu biên soạn bách khoa toàn thư về tác gia.

Số hồ sơ lưu: 18315

50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội

78954.01-2022 **Khảo sát, sưu tầm và nghiên cứu biên soạn sách" Quảng Bình sử lược"**/ TS: Phan Viết Dũng, TS.Phan Viết Dũng Phan Viết Dũng; Nguyễn Chí Thắng; Nguyễn Đăng Tuấn - Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Bình - Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Bình, 2020 - 07/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát, thu thập các nguồn tư liệu để nghiên cứu biên tập, bổ sung một số nội dung để xây dựng cuốn sách "Quảng Bình sử lược". Kết quả của nhiệm vụ là cơ sở để biên tập xuất bản, phát hành rộng rãi cuốn sách "Quảng Bình sử lược" nhằm tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng cho các thế hệ hôm nay và mai sau

Số hồ sơ lưu: 15/2020

6. Khoa học nhân văn

79963.01-2022 **Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân khi thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra các vụ án hình sự xảy ra trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**/ Lê Minh Long, Lê Minh Long; Đàm Nghĩa Quân; : Nguyễn Văn Thuần; Lương Hải Yến; Mai Đắc Biên; Trần Đình Hải; Nguyễn Thúy Loan; Thiều Văn Thịnh - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, 2020 - 03/2019 - 08/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích làm rõ khái niệm, dấu hiệu pháp lý và đặc điểm hình sự của tội phạm Nghiên cứu làm sáng tỏ mặt lý luận về hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra của Viện KSND đối với các vụ án hình sự. Điều tra, khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động của Viện KSND trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Cao Bằng từ năm 2015 đến năm 2018. Đánh giá những mặt tích cực, hạn chế, nguyên nhân của hạn chế, tồn tại và những vướng mắc trong hoạt động của Viện KSND tỉnh Cao Bằng khi thực hiện các hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự. Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thực hành quyền công tố kiểm sát điều tra các vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Số hồ sơ lưu: 6

80423.01-2022 **Lịch sử ngành Hậu cần – Kỹ thuật lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh (1945-2015)**/ Nguyễn Thanh Hùng, CN. Nguyễn Thanh Hùng; CN. Nguyễn Trường Ngọc; PGS. TS. Hồ Sơn Đài; CN. Nguyễn Văn Đẹp; CN. Ngô Thành Đồng; CN. Nguyễn Văn Tâm; CN. Nguyễn Thái Hùng; CN. Phạm Văn Thà; CN. Ngô Doãn Lâm - Phòng Hậu cần, 2020 - 05/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động xây dựng và bảo đảm hậu cần - kỹ thuật của lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh. Hậu cần - Kỹ thuật trong giai đoạn xây dựng lại lực lượng vũ trang và chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ (1954 – 1965). Hậu cần - Kỹ thuật trong giai đoạn chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ (1965 – 1975). Kiện toàn lực lượng, phục vụ chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và làm nhiệm vụ Quốc tế (1975 – 1989). Phát huy sức mạnh tổng hợp trong công tác hậu cần - kỹ thuật, phục vụ nhiệm vụ quân sự quốc phòng thời kỳ hội nhập và phát triển.

Số hồ sơ lưu: K22

80424.01-2022 **Nâng cao đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức hành chính tỉnh Tây Ninh giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2019**/ Mai Tuấn Kiệt, Ths. Huỳnh Thị Nhẹ; Ths. Trần Ngọc Hưởng; Ths. Ung Thị Thùy Linh; Ths. Ngô Tư Lê; Ths. Nguyễn Ngọc Ấn; Ths. Võ Thị Thu Thảo - Khoa Nhà nước và Pháp luật, 2020 - 07/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổ chức 02 cuộc hội thảo khoa học trao đổi thực trạng thực thi đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức hành chính tỉnh Tây Ninh giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2019. Thu thập thông tin, dữ liệu và xử lý thông tin qua thực nghiệm hoạt động phỏng vấn lãnh đạo cơ quan nội vụ tỉnh, huyện; điều tra xã hội học đối với cán bộ, công chức hành chính của tỉnh; điều tra xã hội học đối với người dân khi giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương về những thông tin liên quan đến 11 đạo đức công vụ. Xây dựng báo cáo đánh giá thực trạng thực thi đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức hành chính tỉnh Tây Ninh giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2019. Xây dựng báo cáo đề xuất giải pháp nâng cao đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức hành chính tỉnh Tây Ninh.

Số hồ sơ lưu: K23

60101. Lịch sử Việt Nam

80310.01-2022 **Đảng bộ các cấp trên địa bàn thị xã Hương Thủy lãnh đạo bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cầu Ngói Thanh Toàn trong giai đoạn hiện nay**/ ThS. Đặng Thị Thanh Hà, ThS. Trần Thị Hương; ThS. Trần Nhật; CN. Phan Thị Yến Thu - Thừa Thiên Huế - Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh, 2018 - 03/2018 - 11/2018. (Đề tài cấp Cơ sở)

Mục đích chính của đề tài là làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng bộ các cấp trên địa bàn thị xã Hương Thủy lãnh đạo hệ thống chính trị trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích kiến trúc nghệ thuật Cầu Ngói Thanh Toàn. Đã xác định được các giải pháp cần phải thực hiện để khắc phục trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích Cầu Ngói Thanh Toàn trong đó tập trung vai trò lãnh đạo của Đảng bộ các cấp trên địa bàn thị xã Hương Thủy.Trên cơ sở tiềm năng giá trị của di tích Cầu Ngói Thanh Toàn những định hướng phát triển ngành du lịch tỉnh, địa phương cũng như những thành tựu, thách thức trong khai thác di tích, việc định hướng tổng quát phục vụ phát triển theo hướng ổn định, lâu dài và bền vững giá trị di tích Cầu Ngói Thanh Toàn.

Số hồ sơ lưu: 165

60201. Nghiên cứu chung về ngôn ngữ

79124.01-2022 **Biên soạn Từ điển bách khoa hành chính Việt Nam (Giai đoạn 1)**/ TS. Đặng Thị Phượng, ThS. Hoàng Thắng; ThS. Lại Thị Tố Quyên; ThS. Nguyễn Trà My; TS. Phan Thị Thanh Tâm; ThS. Phạm Thị Huyền; ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga; ThS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh; ThS. Vũ Thị Phương Thảo; ThS. Đinh Thị Oanh; ThS. Hoàng Thị Hoa Mai; ThS. Lê Thanh Hà;

ThS. Nguyễn Phúc Thiện; ThS. Bùi Thanh Phương; TS. Phạm Thị Hồng Nhung; CN. Đặng Thị Giang; TS. Đoàn Thị Tố Uyên - Hà Nội - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về Từ điển bách khoa hành chính Việt Nam làm cơ sở cho việc biên soạn. Xây dựng nguyên tắc thể lệ, tiêu chí lập bảng mục từ. Nghiên cứu vấn đề hành chính dưới góc độ từ điển với mục đích cung cấp công cụ tra cứu về các chủ đề: tổng thể các chế định về tổ chức và hoạt động của các cơ quan chấp hành, hành chính của Nhà nước; tổng thể các hoạt động quản lý xã hội của Nhà nước; bộ máy hành chính; cơ quan hành hành; chính quyền địa phương; dịch vụ công; tài chính công; vi phạm hành chính; phân cấp hành chính.

Số hồ sơ lưu: 18322

60202. Nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam

79815.01-2022 **Ẩn dụ ý niệm (trên tư liệu thành ngữ và báo mạng tiếng Việt)**/ TS. Nguyễn Thị Bích Hạnh, GS.TS. Nguyễn Văn Khang; TS. Trịnh Thị Hà; TS. Đoàn Thị Thu Hà; TS. Ngô Tuyết Phượng; TS. Đặng Nguyên Giang; ThS. Lê Viên Lan Hương; ThS. Phan Thị Hạnh Thu - Hà Nội - Học viện Khoa học xã hội, 2020 - 03/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước về ẩn dụ ý niệm và ẩn dụ ý niệm trong thành ngữ, ẩn dụ ý niệm trên báo mạng. Xây dựng khung lí luận cần thiết về ngôn ngữ học tri nhận, đặc biệt là ẩn dụ ý niệm; lí luận về thành ngữ và báo mạng để triển khai các nội dung nghiên cứu của đề tài. Bước đầu làm rõ kiểu tư duy ý niệm của ngọời Việt và nét đặc trưng trong văn hóa, tư duy của ngọời Việt qua các mô hình ẩn dụ niệm trong thành ngữ. Bước đầu làm rõ kiểu tư duy ý niệm của người Việt và nét đặc trưng trong văn hóa, tư duy của người Việt qua các mô hình ẩn dụ ý niệm trên cứ liệu báo điện tử.

Số hồ sơ lưu: 18817

60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam

80309.01-2022 **Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa lễ hội dân tộc Tà Ôi trong thực hiện chính sách dân tộc tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế trong giai đoạn hiện nay**/ ThS. Hoàng Huyền Thanh, ThS. Nguyễn Thị Mỹ Dung; ThS. Trần Trọng Hướng; ThS. Hoàng Văn Hợp; ThS. Phan Văn Ân; CN. Trần Thị Ngọc Thể; CN. Đoàn Thị Mỹ Huệ; CN. Phan Thị Yến Thu - Thừa Thiên Huế - Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh, 2018 - 03/2018 - 10/2018. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đề tài hướng tới làm rõ vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa lễ hội của dân tộc Tà Ôi trong thực hiện chính sách dân tộc tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa lễ hội của người Tà Ôi, chúng ta cần chú trọng đến những giải pháp nhằm

phát triển kinh tế, chính trị, xã hội; đẩy mạnh công tác giáo dục chủ nghĩa yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, làm tốt công tác đổi mới chính sách đối với cán bộ quản lý văn hóa tại cơ sở. Các giải pháp này không chỉ mang ý nghĩa phương pháp luận mà còn mang ý nghĩa thực tiễn trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa lễ hội dân tộc độc đáo của người Tà Ôi ở A Lưới hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 164

60305. Nghiên cứu tôn giáo

79135.01-2022 **Thiền Trúc Lâm đương đại trong đời sống xã hội vùng Nam Bộ hiện nay**/ PGS. TS. Đỗ Hương Giang, CN. Trần Thanh Phương; PGS. TS. Nguyễn Thị Thanh Thuỷ; TS. Phạm Ngọc Đỉnh; ThS. Nguyễn Thị Trúc Bạch; ThS. Nguyễn Thị Cúc Trâm; ThS. Lê Minh Tuấn; ThS. Hán Thị Thanh Lan; ThS. Nguyễn Thị Kim Nương; Trần Thị Hiền; Trần Mỹ Linh - Hồ Chí Minh - Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu Thiền phái Trúc Lâm thời Trần, đi sâu nghiên cứu tư tưởng Thiền của Hòa thượng Thích Thanh Từ (Thiền Trúc Lâm đương đại) qua một số tác phẩm như: Hoa vô ưu (trọn bộ10 tập), nền tảng của đạo Phật trọn một đời tôi, Trên con đường Thiền tông,... Qua đó, đánh giá sự tiếp thu và sáng tạo Thiền phái Trúc Lâm thời Trần của Hòa thượng Thích Thanh Từ về tư tưởng cũng như đường lối tu tập. Tìm hiểu ảnh hưởng của Thiền Trúc Lâm đương đại đối với đời sống xã hội vùng Nam bộ hiện nay. Nhận định xu hướng phát triển của Thiền Trúc Lâm đương đại ở Nam Bộ và những vấn đề đặt ra với ảnh hưởng của nó trong đời sống xã hội vùng Nam Bộ.

Số hồ sơ lưu: 18326

699. Khoa học nhân văn khác

80149.01-2022 **Nghiên cứu xây dựng thương hiệu quýt vằng Bắc Sơn**/ CN. Lý Hồng Hải, ThS. Vi Đình Thện KS. Hướng Thành Huân; CN. Trịnh Thị Diệu Hương - Lạng Sơn - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2018 - 11/2008 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, phân tích thành phần hóa lý chính của quả Quýt vàng Bắc Sơn, xây dựng hồ sơ đăng ký nhãn hiệu tập thể (NHTT) "Quýt vàng Bắc Sơn", đăng ký bảo hộ NHTT. Được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ Nhãn hiệu tập thể "Quýt vàng Bắc Sơn". Hình thành bộ tài liệu quản lý hệ thống nhận diện thương hiệu Quýt vàng Bắc Sơn. Kết quả của Đề tài là Mô hình hóa giải pháp phát triển sản phẩm nông nghiệp và marketing trước khi đưa vào thị trường; Tạo mối quan hệ vững chắc giữa Nhà sản xuất và người tiêu dùng.

Số hồ sơ lưu: LSN-2019-004

80175.01-2022 **Xây dựng nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm Rau của các xã Tân Liên, Gia Cát huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn**/ KS. Lành Thị Minh Huyền, KS. Lành Thị Minh Huyền; KS. Hoàng Văn Khánh; ThS. Chu Thúy Chinh;

KS. Lưu Thị Thang; KS. Mao Văn Lịch; ThS. Lê Mỹ Hà; KS. Phan Văn Luân; Lê Hải Sơn - Cao Lộc - Lạng Sơn - Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Cao Lộc, 2019 - 09/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổ chức điều tra 200 hộ, đánh giá được thực trạng sản xuất kinh doanh rau tại huyện Cao Lộc. Trong đó điều tra được các thông tin chính về cây rau như: Giống, phương pháp nhân giống, thời vụ trồng, năng suất, chất lượng, thời gian thu hoạch, phương pháp thu hoạch, bảo quản sản phẩm, các thông tin về thời tiết, đất đai... Thông tin về các biện pháp kỹ thuật trồng rau. Lập bản đồ xác định vùng bảo hộ. Xây dựng bản đồ ranh giới vùng trồng rau được bảo hộ NHTT Cao Lộc. Hoàn thành bộ Hồ sơ để xin bảo hộ và được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cấp văn bằng bảo hộ. Xây dựng được Quy chế quản lý và sử dụng NHTT rau Cao Lộc; quy chế sử dụng tem, nhãn và các hình thức sử dụng NHTT rau. Xây dựng các phương án khai thác NHTT Cao Lộc cho sản phẩm rau. Triển khai thực hiện thí điểm hoạt động quản lý và khai thác NHTT.

Số hồ sơ lưu: LSN-2020-005

80176.01-2022 **Xây dựng nhãn hiệu tập thể "Chanh rừng Mẫu Sơn, Lạng Sơn" cho sản phẩm Chanh rừng vùng núi Mẫu Sơn, tỉnh Lạng Sơn**/ KS. Hoàng Văn Sỹ, KS. Hoàng Văn Sỹ; KS. Trần Đình Đông; KS. Hà Thế Quang; KS. Vy Thị Thu Thúy; KS. Hoàng Văn Khánh; KS. Mao Văn Lịch; KS. Dương Thị Thu Hằng; KS. Vy Thị Phương Hạnh; Phan Văn luân - Cao Lộc-Lạng Sơn - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cao Lộc, 2019 - 11/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Công tác điều tra, khảo sát thực trạng sản xuất, kinh doanh sản phẩm chanh rừng Mẫu Sơn đã đánh giá được đầy đủ các chỉ tiêu theo yêu cầu của phiếu điều tra, tiến độ thực hiện đúng theo kế hoạch. Thực hiện phân tích được các chỉ tiêu lý hóa chủ yếu của quả chanh rừng tươi của 03 xã. Trên cơ sở kết quả phân tích đã khẳng định thêm những tác dụng của quả chanh Mẫu Sơn, Lạng Sơn đối với chữa bệnh, bổ sung vi chất cho cơ thể giúp tăng cường sức khỏe. Xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản chanh rừng Mẫu Sơn, Lạng Sơn. Công tác triển khai thí điểm hoạt động quản lý và khai thác nhãn hiệu tập thể chanh rừng Mẫu Sơn, Lạng Sơn.

Số hồ sơ lưu: LSN-2020-006

80178.01-2022 **Xây dựng nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm Khoai lang của huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn**/ CN. Hoàng Vĩnh Hưng, CN. Hoàng Vĩnh Hưng; CN. Mùi Thị Hằng; ThS. Lý Quang Ngọc; KS. Dương Thị Thu Hằng; KS. Trần Thị Hải; KS. Nguyễn Văn Vĩnh; KS. Vi Văn Thắng; KS. Nguyễn Hữu Thuân; KS. Tô Bách - Lạng Sơn - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Lộc Bình, 2019 - 11/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổ chức điều tra, đánh giá thực trạng sản xuất kinh doanh cây Khoai lang tại các xã trên địa bàn huyện. Lập được bản đồ xác định vùng bảo hộ, với ranh giới vùng được xác định chủ yếu là diện tích hiện có và các vùng liền kề có triển vọng mở rộng trong thời kỳ giấy chứng nhận có hiệu lực. Tạo lập được bộ Hồ sơ để xin bảo hộ và được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cấp văn bằng bảo hộ. Triển khai thí điểm một số hoạt động quản lý và phát triển Nhãn hiệu tập thể được bảo hộ, thông qua các hoạt động bán hàng có sử dụng nhãn mác, bao bì được bảo hộ, Qua đó bước đầu đã giúp người tiêu dùng biết đến sản phẩm Khoai lang của huyện nhiều hơn, các cán bộ Hội và nhân dân nắm được mục đích, ý nghĩa của văn bằng bảo hộ trong việc xây dựng thương hiệu đặc sản do nhân dân làm ra.

Số hồ sơ lưu: LSN-2020-003

80182.01-2022 **Xây dựng nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm Ba kích của huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn**/ KS. Vi Thị Thanh Mai, KS. Vi Thị Thanh Mai; CN. Triệu Tiến Quang; KS. Mông Thị Loan; KS. Nguyễn Văn Bình; KS. Đặng Đình Đức; CN. Phương Thị Dương; Ds CKI. Đinh Thị Hòa; CN. Nông Thị Hạnh; Nông Văn Cương - Lạng Sơn - Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Đình Lập, 2019 - 11/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổ chức điều tra, đánh giá thực trạng sản xuất kinh doanh ba kích tại huyện Đình Lập. Lập được bản đồ xác định vùng bảo hộ tỷ lệ 1/200.000 in trên khổ giấy A4. Hoàn thành bộ Hồ sơ để xin bảo hộ và được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cấp văn bằng bảo hộ. Phân tích chất lượng ba kích, xây dựng được Quy chế quản lý và sử dụng NHTT ba kích Đình Lập; quy chế quản lý và sử dụng tem, nhãn bao bì sản phẩm NHTT ba kích. Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ba kích để phục vụ quản lý và phát triển NHTT, thiết kế mẫu logo, tem nhãn, bao bì. Xây dựng các phương án khai thác NHTT cho sản phẩm ba kích. Triển khai thực hiện thí điểm hoạt động quản lý và khai thác NHTT.

Số hồ sơ lưu: LSN-2020-004

80185.01-2022 **Xây dựng nhãn hiệu tập thể "Tràng Định" cho sản phẩm quả Quýt của huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn**/ KS. Lương Văn Hữu, TS. Hoàng Hương Giang KS. Lương Văn Hữu; TS. Hoàng Hương Giang; KS. Nông Thị Kim Oanh; ThS. Lê Thị Mỹ Hà; KS. Nông Quý Hợi; Nguyễn Thị Thủy; KS. Chu Lệ Hằng; KS. Từ Trọng Hiếu; CN. Nông Thị Huệ; CN. Lý Văn Tuấn - Tràng Định-Lạng Sơn - Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Tràng Định, 2019 - 11/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổ chức điều tra, đánh giá thực trạng sản xuất kinh doanh quýt tại huyện Tràng Định. Lập được bản đồ xác định vùng bảo hộ. Hoàn thành bộ Hồ sơ để xin bảo hộ và được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cấp văn bằng bảo hộ. Song song với quá trình lập hồ sơ, dự án đã tiến hành các nội dung nghiên cứu phân tích

chất lượng quýt, xây dựng được Quy chế quản lý và sử dụng NHTT quýt Tràng Định; quy chế sử dụng tem, nhãn và các hình thức sử dụng NHTT quýt. Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây quýt để phục vụ quản lý và phát triển NHTT, thiết kế mẫu logo, tem nhãn, bao bì... Xây dựng các phương án khai thác NHTT "Tràng Định" cho sản phẩm quả quýt. Triển khai thực hiện thí điểm hoạt động quản lý và khai thác NHTT.

Số hồ sơ lưu: LSN-2020-002

80187.01-2022 **Xây dựng nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm Cao khô của xã Vạn Linh, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn**/ KS. Nông Hà Thơ, KS. Nông Hà Thơ; ThS. Hoàng Văn Nâng; CN. Nguyễn Minh Hà; ThS. Nguyễn Mạnh Tường; ThS. Nguyễn Thái Hà; ThS. Lâm Mai Tùng; KS. Bế Văn Đức; ThS. Cao Thị Thanh Hương; KS. Vy Thị Huệ; KS. Vi Thiện Việt - Lạng Sơn - Trung tâm Ứng dụng, phát triển khoa học - công nghệ và đo lường chất lượng sản phẩm tỉnh Lạng Sơn, 2019 - 06/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Văn bằng NHTT Cao khô Vạn Linh đã được Cục SHTT cấp văn bằng bảo hộ. Hoàn thành việc nghiên cứu, đề xuất chỉnh sửa, bổ sung các quy chế, quy trình quản lý NHTT Cao khô Vạn Linh. Xây dựng và vận hành hệ thống quản lý và phát triển NHTT Cao khô Vạn Linh. Tổ chức được 01 hội nghị tập huấn về NHTT cách thức thực hiện quản lý các kỹ năng vận hành hệ thống quản lý NHTT có 54 đại biểu tham gia. Tham gia tổ chức được 03 lần trưng bày giới thiệu sản phẩm tại huyện Chi Lăng và thành phố Lạng Sơn. Xây dựng được 01 phóng sự có thời lượng 10 phút phát trên sóng của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh giới thiệu về sản phẩm và vùng sản xuất sản phẩm Cao khô Vạn Linh.

Số hồ sơ lưu: LSN-2020-008

80188.01-2022 **Xây dựng nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm rau Bò khai của huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn**/ ThS. Lâm Mai Tùng, ThS. Lâm Mai Tùng; KS. Hoàng Văn Nâng; CN. Nguyễn Minh Hà; ThS. Nguyễn Mạnh Tường; KS. Nông Hà Thơ; ThS. Nguyễn Thái Hà; KS. Bế Văn Đức; KS. Phương Minh Thiết; KS. Lương Thành Chung; KS. Vi Thiện Việt - Lạng Sơn - Trung tâm Ứng dụng, phát triển khoa học - công nghệ và đo lường chất lượng sản phẩm tỉnh Lạng Sơn, 2019 - 06/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thành việc điều tra, khảo sát thực trạng trồng, sản xuất và kinh doanh sản phẩm rau Bò khai tại huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Xây dựng bản đồ vùng trồng và phân tích chất lượng sản phẩm rau Bò khai Chi Lăng. Thiết kế được mẫu nhãn hiệu tập thể, mẫu nhãn hàng hóa cho sản phẩm rau Bò khai Chi Lăng. Xây dựng và ban hành bộ Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu tập thể; Quy chế quản lý và sử dụng tem, nhãn hàng hóa, bao bì sản phẩm cho sản phẩm rau Bò khai Chi Lăng. Xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch và chế biến rau Bò khai. Xây dựng và nộp

bộ Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu tập thể rau Bò khai Chi Lăng và được cục SHTT cấp văn bằng bảo hộ. Xây dựng hệ thống phương tiện quảng bá NHTT cho sản phẩm rau Bò khai Chi Lăng.

Số hồ sơ lưu: LSN-2020-009

80209.01-2022 **Xây dựng nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm Ngựa bạch của huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn**/ CN. Bế Văn Đức, CN. Bế Văn Đức; KS. Hoàng Văn Trọng; CN. Nguyễn Minh Hà; ThS. Nguyễn Mạnh Tường; ThS. Nguyễn Thái Hà; KS. Phương Minh Thiết; KS. Lương Thành Chung; KS. Vi Thiện Việt; KS. Vi Văn Tú; Nông Quang Đảm - Lạng Sơn - Trung tâm Ứng dụng, phát triển khoa học - công nghệ và đo lường chất lượng sản phẩm tỉnh Lạng Sơn, 2019 - 06/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổ chức điều tra, đánh giá thực trạng sản xuất kinh doanh Ngựa bạch. Lập được bản đồ xác định vùng bảo hộ. Tạo lập được bộ Hồ sơ để xin bảo hộ và được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cấp văn bằng bảo hộ. Song song với quá trình lập hồ sơ, dự án đã tiến hành các nội dung nghiên cứu phân tích chất lượng thịt và cao Ngựa bạch, xây dựng được Quy chế quản lý và sử dụng NHTT cho các sản phẩm Ngựa bạch của huyện Chi Lăng; quy chế sử dụng tem, nhãn và các hình thức sử dụng NHTT. Xây dựng quy trình kỹ thuật chăn nuôi và chế biến các sản phẩm từ Ngựa bạch để phục vụ quản lý và phát triển NHTT, thiết kế mẫu logo, tem nhãn, bao bì,... Xây dựng các phương tiện, điều kiện và phương án khai thác NHTT "Hữu Kiên, Chi Lăng, Lạng Sơn" cho sản phẩm Ngựa bạch. Triển khai thực hiện thí điểm hoạt động quản lý và khai thác NHTT.

Số hồ sơ lưu: LSN-2020-010

80223.01-2022 **Xây dựng nhãn hiệu tập thể "Tràng Định" cho sản phẩm Quế của huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn**/ KS. Nông Thị Kim Oanh, KS. Nông Thị Kim Oanh; KS. Nguyễn Thị Thủy; KS. Nông Quý Hợi; KS. Hoàng Ngọc Khôi; Ths. Bùi Văn Dũng; KS. Từ Trọng Hiếu; CN. Lương Hồng Vinh; KS. Lương Văn Hữu; CN. Nông Thị Huệ; KS. Nguyễn Công Hà - Tràng Định-Lạng Sơn - Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Tràng Định, 2019 - 08/2017 - 08/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thiết lập cơ chế bảo hộ, quản lý và khai thác Nhãn hiệu tập thể "Tràng Định" cho sản phẩm Quế nhằm tạo dựng thương hiệu, xác lập quyền sở hữu, xây dựng mô hình quản lý, duy trì ổn định chất lượng, giữ gìn, phát huy giá trị sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh, nâng cao giá trị, danh tiếng của sản phẩm bản địa mang Nhãn hiệu tập thể trên thị trường. Lập được bản đồ xác định vùng bảo hộ. Tạo lập được bộ Hồ sơ để xin bảo hộ và được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cấp văn bằng bảo hộ. Xây dựng các phương tiện, điều kiện và phương án khai thác NHTT "Tràng Định" cho sản phẩm Quế: tổ chức một số hoạt động quảng bá như tổ chức Lễ công bố NHTT, xây dựng biển quảng cáo tấm lớn, bộ sản phẩm

trưng bày gian hàng tiêu chuẩn ứng dụng triển lãm, in ấn tờ rơi, nhãn, bao bì sản phẩm... Triển khai thực hiện thí điểm hoạt động quản lý và khai thác NHTT: tổ chức tập huấn cho các hộ trồng Quế, cán bộ hội ở cơ sở.

Số hồ sơ lưu: LSN-2019-008

80240.01-2022 **Nghiên cứu giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng về xây dựng văn hóa doanh nghiệp tại tỉnh Thừa Thiên Huế**/ TS. Phùng Văn Vinh, CN. Lê Hữu Hùng; CN. Hoàng Ngọc Tuấn; CN. Lê Xuân Hiền; ThS. Ngô Duy Thanh; ThS. Phan Thanh Bình; CN. Trần Xuân Nguyện; CN. Nguyễn Thành Nhân; CN. Huỳnh Ngọc Thanh; ThS. Châu Thị Thu Hà - Thừa Thiên Huế - Ban Tuyên giáo tỉnh uỷ, 2019 - 08/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Trên cơ sơ nghiên cứu lý luận và khảo sát, mục đích của đề tài là đánh giá thực trạng công tác lãnh đạo của các cấp ủy đảng về xây dựng văn hóa doanh nghiệp tại tỉnh Thừa Thiên Huế; đề xuất các nhóm giải pháp để góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng về xây dựng trong giai đoạn hiện nay nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Kết quả đạt được của đề tài góp phần đẩy mạnh thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về thực hiện văn hóa doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, giúp cấp ủy đảng, chủ doanh nghiệp, người sử dụng lao động và người lao động nhận thức sâu sắc hơn về xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp, tạo dấu ấn, nét văn hóa, thương hiệu riêng có của doanh nghiệp mình trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, phát huy tối đa những thuận lợi cơ bản về điều kiện văn hóa, chính trị, môi trường... của tỉnh.

Số hồ sơ lưu: 156

80248.01-2022 **Xây dựng nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm Cao khô Chợ Bãi của huyện Văn Quan tỉnh Lạng Sơn**/ KS. Hà Văn Thiện, KS. Chu Văn Vượng KS. Hà Văn Thiện; KS. Chu Văn Vượng; ThS. Lý Văn Đàm; ThS. Nguyễn Văn Sáng; KS. Hứa Phong Lan; KS. Nông Văn Tùng; KS. Mông Thị Duyên; KS. Hà Thị Hạnh; KS. Hoàng Thị Thùy - Văn Quan-Lạng Sơn - Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, 2020 - 06/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổ chức điều tra, đánh giá thực trạng sản xuất kinh doanh cao khô Chợ Bãi. Lập được bản đồ xác định vùng bảo hộ. Tạo lập được bộ Hồ sơ để xin bảo hộ và được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cấp văn bằng bảo hộ. Song song với quá trình lập hồ sơ, dự án đã tiến hành các nội dung nghiên cứu phân tích chất lượng sản phẩm cao khô, xây dựng được Quy chế quản lý và sử dụng NHTT cho sản phẩm cao khô của huyện Văn Quan; quy chế sử dụng tem, nhãn và các hình thức sử dụng NHTT. Xây dựng Tài liệu, kỹ thuật sản xuất cao khô để phục vụ quản lý và phát triển NHTT, thiết kế mẫu logo, tem nhãn, bao bì,...Triển khai thực hiện thí điểm hoạt động quản lý và khai thác

NHTT: tổ chức tập huấn cho các hộ sản xuất cao khô, cán bộ ở cơ sở,...

Số hồ sơ lưu: LSN-2020-022

80329.01-2022 **Tuyển chọn cây Trám đen ưu tú, xây dựng mô hình nhân giống, trồng mới và thâm canh Trám đen tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn**/ ThS. Lương Văn Bính, ThS. Lương Văn Bính; KS. Nông Thị Kim Liên; KS. Linh Thu Hường; KS. Nông Khắc Tạo; ThS. Đào Thị Liên; TS. Lê Thị Mỹ Hà; ThS. Nguyễn Thị Diệu Thúy; ThS. Nguyễn Thị Thu Hường; ThS. Hoàng Thị Hoài; KS. Nguyễn Quốc Tuấn; Ngô Việt - Hữu Lũng-Lạng Sơn - Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Hữu Lũng, 2020 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra thực trạng sản xuất Trám đen tại 7 xã của huyện Hữu Lũng có 1.301 cây Trám đen, trong đó có 932 cây trồng mới chưa có quả tập trung chủ yếu ở xã Đồng Tiến, Thanh Sơn, còn lại 369 cây đang cho thu hoạch, được trồng nhiều ở xã Quyết Thắng (127 cây). Trám đen Hữu Lũng có độ tuổi dưới 7 tuổi chiếm 71,63%, lứa tuổi từ 7-15 tuổi chiếm 13,99%, lứa tuổi từ 16-25 tuổi chiếm khoảng 10%, còn trên 25 tuổi rất ít chiếm 4,38%. Tuyển chọn được 18 cây trám đen ưu tú, khai thác cành ghép và nhân giống bằng phương pháp ghép nêm đoạn cành, kết quả đã sản xuất được 2.500 cây giống Trám đen ghép có chất lượng tốt phục vụ trồng mới cây Trám ghép tại huyện Hữu Lũng. Xây dựng quy trình nhân giống, trồng, chăm sóc và thu hái trám đen tại Hữu Lũng. Xây dựng được 1 ha (300 cây) mô hình thâm canh ứng dụng các biện pháp kỹ thuật trên cây Trám đen.

Số hồ sơ lưu: LSN-2021-003

80347.01-2022 **Xây dựng mô hình sản xuất, chế biến, tiêu thụ nấm Hương tại vùng núi cao xã Mẫu Sơn, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn**/ KS. Hoàng Văn Trọng, CN. Bế Văn Đức; CN. Nguyễn Minh Hà; ThS. Nguyễn Mạnh Tường; ThS. Lâm Mai Tùng; ThS. Hoàng Văn Nâng; ThS. Hoàng Thị tươi - Lạng Sơn - Trung tâm Ứng dụng, Phát triển Khoa học - Công nghệ và đo lường chất lượng sản phẩm, 2020 - 08/2019 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sản xuất thành công các cấp giống nấm Hương tại Trung tâm Ứng dụng, phát triển khoa học công nghệ và đo lường, chất lượng sản phẩm. Tổ chức sản xuất và xây dựng 01 mô hình nuôi trồng nấm Hương tại thôn Khuổi Tẳng, xã Mẫu Sơn, huyện Lộc Bình. Sơ chế (sấy) nấm Hương tươi thương phẩm tại khu vực núi Mẫu Sơn, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn: Sơ chế (sấy) 5.600kg nấm Hương tươi thu được 805kg nấm Hương khô, tỷ lệ nấm hương tươi/khô trung bình đạt 6,69kg tươi thu 1kg khô, độ ẩm nước <12%. Xây dựng mô hình liên kết từ sản xuất, sơ chế và tiêu thụ các sản phẩm nấm Hương của Dự án tại công ty TNHH Greeen Food Hà Nam.

Số hồ sơ lưu: LSN-2020-017

80394.01-2022 **Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận cho sản**

phẩm Rau của thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn/ ThS. Nguyễn Thị Ngọc Minh, KS. Hoàng Văn Tồn CN. Phạm Công Cường; KS. Tô Thị Na; KS. Lê Công Chất; TC. Nguyễn Thị Bắc; CN. Hoàng Thị Chiến - Lạng Sơn - Phòng Kinh tế thành phố Lạng Sơn, 2020 - 06/2018 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát thực trạng sản xuất, kinh doanh, xác định và xây dựng bản đồ vùng trồng rau. Nghiên cứu, xác định bộ tiêu chí cần chứng nhận, tổ chức có chức năng chứng nhận sản phẩm cho sản phẩm rau mang NHCN Rau Lạng Sơn. Xây dựng báo cáo đánh giá cảm quan chất lượng rau, Phân tích mẫu đánh giá các chỉ tiêu chất lượng, Xây dựng bộ tiêu chí các tiêu chí cần chứng nhận cho sản phẩm Rau Lạng Sơn, Báo cáo đề xuất phạm vi, diện tích trồng rau có khả năng đảm bảo các chỉ tiêu chất lượng để đăng ký NHCN, Báo cáo xác định tổ chức có chức năng chứng nhận sản phẩm làm chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận. Thiết kế mẫu nhãn hiệu chứng nhận Rau Lạng Sơn, mẫu nhãn hàng hóa của sản phẩm. Xây dựng hoàn thiện quy chế quản lý việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận. Quy chế quản lý và sử dụng NHCN, Quy trình cấp thu hồi quyền sử dụng NHCN, Quy chế sử dụng tem, nhãn, bao bì sản phẩm, Tổ chức hội thảo góp ý kiến và lựa chọn mẫu NHCN để đăng ký các quy chế, quy trình. Lập hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận và theo dõi tiến trình đơn: đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng chứng nhận nhãn hiệu Rau Lạng Sơn.

Số hồ sơ lưu: LSN-2020-016

80396.01-2022 **Quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể "Văn Lãng" cho sản phẩm Hồng vành khuyên của huyện Văn Lãng**/ KS. Đinh Mạnh Khiêm, KS. Mạc Chí Thiện; ThS. Đinh Long Xuyên; CN. Vũ Khánh Ly; CN. Chu Quý Tưởng; CN. Hoàng Ngọc Tú; CN. Nguyễn Đình Tiền; CN. Lăng Thị Duyên - Văn Lãng - Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Văn Lãng, 2020 - 06/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thực trạng quản lý phát triển NHTT và tình hình tiêu thụ sản phẩm Hồng vành khuyên mang NHTT " Văn Lãng". Triển khai các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại. Tổ chức quản lý việc sử dụng NHTT "Văn Lãng" cho quả Hồng vành khuyên cụ thể: Đã lựa chọn chủ thể để triển khai thực hiện đánh giá điều kiện, đánh giá chất lượng sản phẩm và cấp quyền sử dụng NHTT cho các tổ chức/cá nhân sử dụng NHTT. Tiến hành kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ quy định sử dụng NHTT "Văn Lãng" đối với sản phẩm Hồng vành khuyên lưu thông trên thị trường tại 03 điểm trong tỉnh.

Số hồ sơ lưu: LSN-2020-018

80397.01-2022 **Quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể "Quýt vàng Bắc Sơn" cho sản phẩm quả Quýt vàng của huyện Bắc Sơn**/ KS. Vũ Văn Hoạch, KS. Vũ Văn Hoạch; ThS. Vi Đình Thiện; CN. Nguyễn Minh Hà; ThS. Nguyễn

Mạnh Tường; ThS. Lâm Mai Tùng; CN. Nguyễn Thái Hà; KS. Dương Quang Đông; KS. Hoàng Thị Hoan; KS. Dương Đức Quang - Bắc Sơn; Lạng Sơn - Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Bắc Sơn, 2020 - 06/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng hệ thống sổ sách theo dõi hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành viên trong quá trình sử dụng NHTT phù hợp để theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh trong quá trình sử dụng NHTT. Quy trình cấp và thu hồi quyền sử dụng NHTT được xây dựng làm cơ sở cho công tác quản lý, phát triển NHTT đầy đủ rõ ràng, được hội viên nhất trí và được ban hành phê chuẩn. Quy chế quản lý NHTT, quy chế sử dụng tem nhãn được chỉnh sửa phù hợp với thực tiễn, được các hội viên thống nhất ban hành để áp dụng. Hệ thống nhận diện thương hiệu (tem nhãn, bao bì, logo..) được xây dựng có tính thẩm mỹ phù hợp, ý nghĩa và hiệu quả quảng bá thị trường. Tiến hành quảng bá giới thiệu sản phẩm và thiết lập được các kênh tiêu thụ (Kênh bán buôn và kênh bán lẻ) trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn để thiêu thụ sản phẩm. Triển khai thực hiện thí điểm các nội dung quản lý và khai thác NHTT Quýt vàng Bắc Sơn.

Số hồ sơ lưu: LSN-2020-014

Phụ lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢTHỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm khoa học và công nghệ c ấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở s ử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhi ệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

2. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ . Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn

bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cách thức thực hiện:

- Đăng ký trực tuyến tại một trong các trang dịch vụ công của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: https://dichvucong.vista.gov.vn, hoặc trang dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ https://dichvucong.most.gov.vn, hoặc trang dịch vụ công quốc gia của Chính phủ https://dichvucong.gov.vn.

- Nộp trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Khi nhận được hồ sơ, Bộ phận Một cửa sẽ liên hệ để hướng dẫn tổ chức/cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ/01 nhiệm vụ

- 01 phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- 01 quyển báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đóng bìa mạ chữ vàng, gáy in tên chủ nhiệm nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trang bìa lót bên trong có chữ ký của chủ nhiệm và dấu xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.

- 01 bản điện tử báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.

- 01 biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản sao);

- 01 văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).

- 01 văn bản minh chứng việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.

- 01 phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*:* Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:*

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- Phiếu mô tả công nghệ.

- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.

- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

- Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Một cửa - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39349116; Fax: 024.39349127.

Email: quanly@vista.gov.vn

** Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 04.39349119*